HỢP LƯU

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 53, tháng 6 & 7 năm 2000

TRANH LUẬN VĂN HỌC





TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com

http://hopluu.omely.org

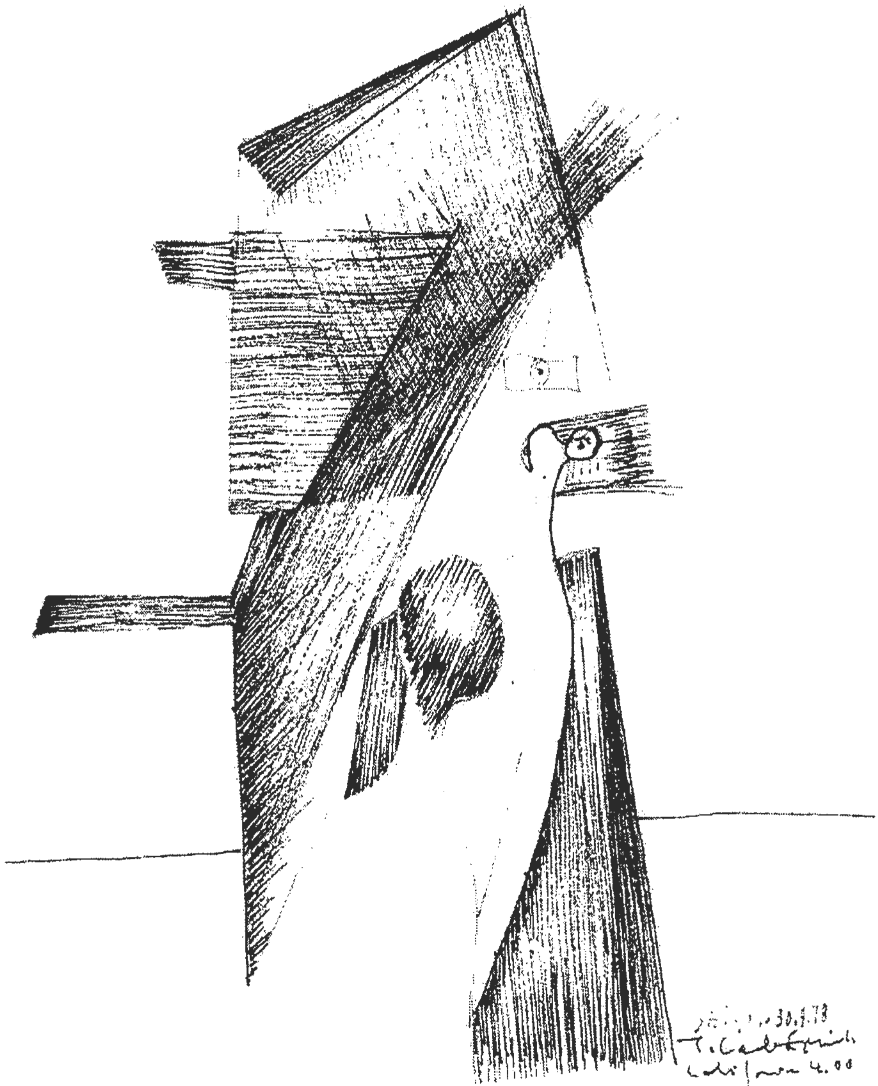
Phát hành mỗi 2 tháng • Số 53 tháng 6 &7 năm 2000

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Gửi bài qua email xin sử dụng địa chỉ hopluu@hotmail.com

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



HỢP LƯU

Số 53, tháng 6 & 7 năm 2000

TRANH LUẬN VĂN HỌC



MỤC LỤC

Tranh bìa và minh họa các trang trong:
Cao Bá Minh





Thư tòa soạn



Như tiên đoán của chúng tôi, cuộc tranh luận chung quanh đề tài "chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam" sẽ vẫn còn tiếp tục. Tuy nhiên, nội dung số báo độc giả đang cầm trên tay, không chỉ dừng lại trong phạm vi đi tìm câu trả lời "đúng hay sai" giữa cá nhân với cá nhân. Các tác giả đã đẩy vấn đề đi xa hơn, và vì thế, có thể sẽ gây nhiều va chạm gay gắt. Tất cả những vị đã và đang cộng tác với Hợp Lưu, không ít thì nhiều, đều có với chúng tôi những quan hệ rất tốt đẹp, không chỉ trên chữ nghĩa, báo chí, sách vở, mà cả trong đời thường. Lúc nào, bao giờ chúng tôi cũng một mực yêu quí, kính trọng, ngưỡng mộ. Chúng tôi cần phải trình bày và nhấn mạnh điều này, với hy vọng, những vị "được' hay "bị" nhắc đến trong các bài viết ở những trang sau sẽ có đủ bình tĩnh, khách quan để có thể tách bạch được vấn đề "tranh luận văn học" trên Hợp Lưu, với quan hệ anh em, bằng hữu. Nói cách khác, Hợp Lưu và ban chủ trương chỉ làm công việc duy nhất là tạo điều kiện để quí vị có cơ hội đối thoại với nhau, TUYỆT ĐỐI CHÚNG TÔI KHÔNG CHỌN ĐỨNG VỀ PHÍA NÀO. Tranh luận văn học là một truyện dài trường thiên, thật quá đỗi khó khăn, và gần không bao giờ đi đến chung cuộc. Nói như thế, độc giả sẽ thắc mắc: vậy thì tranh luận để làm gì ? Xin thưa, trong số báo trước, chúng tôi có nói, xuyên qua cuộc tranh luận này, độc giả cũng như tác giả sẽ "rút ra được mẫu số chung cho các vấn đề. Nhờ những mẫu số chung này, các tác giả, khi sáng tác, sẽ ý thức được tầm quan trọng của công việc họ đang làm hơn, và độc giả cũng có cơ sở để thẩm định chính xác hơn mặt yếu, mặt mạnh của các tác phẩm văn học."

Trên lĩnh vực "Tranh luận văn học" của Việt Nam, nhiều thập niên qua, vấp phải một tình trạng khá tiêu cực: thiếu sự nghiêm chỉnh cần thiết. Các tác giả, khi tranh luận, đã để cho cảm tính dẫn dắt nhiều quá, vô hình trung, biến bài viết của mình thành bãi chiến trường với ngổn ngang những lời bêu rếu,bỉ thử, hạ nhục nhau, làm xấu nhau. mà quên mất điều lẽ ra không được quyền quên: tìm ra cái đúng cái sai THUẦN TÚY VĂN HỌC! Hợp Lưu không có tham vọng điều chỉnh được tình trạng trên, nhưng trong giới hạn khả thể, Hợp Lưu cố tạo điều kiện để các tác giả mạnh dạn nói lên điều muốn nói, một cách thẳng thắn, nghiêm chỉnh, có luận cứ thuyết phục. Làm được việc này, chúng tôi không dám nghĩ mình đã cam đảm, chỉ mong, bằng thiện tâm, không hậu ý, Hợp Lưu sẽ giữ được vai trò khách quan của một trọng tài. Đúng hay sai, phải hay trái, đó là công việc của các tác giả, và sự lượng định, đánh giá của độc giả.

Ngoài phần nhận định, lý luận của các tác giả Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Hoàng Văn, Nguyễn Minh Quân... các bài viết khác của Thụy Khuê, George Steiner (bản dịch Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Tiến Văn), tuy không liên quan trực tiếp nhưng cũng ít nhiều liên qua đến vấn đề "tranh luận trong văn học".

Phần sáng tác thơ văn, số này có sự góp mặt của các tác giả: Hoàng Cầm, Thường Quán, Phạm Việt Cường, Thận Nhiên, Cao Bá Minh, Ngô Thế Vinh, Thu Từ, Vi Thùy Linh, Trần Thùy Mai, Lê thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hoàng Xuân Sơn, Lưu Hy Lạc, Mai Ninh, Hồ Anh Thái, Cao Xuân Tứ, Đỗ Kh., Lê Thánh Thư, Đỗ Quỳnh Giao, Hoàng Phủ Cương, Tường Vũ Anh Thy, Trịnh Đình Khôi, Võ Thị Xuân Hà, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Miêng, Huỳnh Liễu Ngạn, Đặng Hiền, Đinh Trường Chinh, Nguyễn Thị Minh Thủy.

Phần các mục thường xuyên - Hội họa: Võ Đình, Nguyên Hưng. - Phỏng vấn: Thế Dũng nói chuyện với Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Tiến Duật, Y ban.

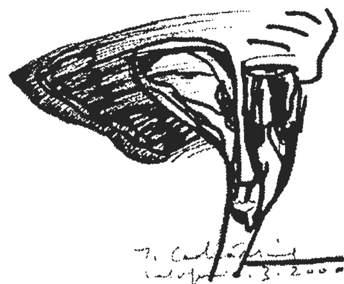
HỢP LƯU

Website mới của HỢP LƯU kể từ đầu tháng 6/2000:
http://hopluu.omely.org



NGUYỄN HƯNG QUỐC

Cần có văn hóa tranh luận



Phần lớn các bài viết của tôi trong mấy năm vừa qua đều gây nên tranh luận, dưới hình thức này hoặc hình thức khác, có khi khá ồn ào. Tôi biết trước và chấp nhận điều đó: với tôi, việc cầm bút tuyệt đối không phải là việc "lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau"; với tôi, những bài viết được mọi người cùng thời đồng ý và đồng thuận một cách dễ dàng, ngay tức khắc, thường có rất ít lý do để tồn tại. Có phần chắc chúng chỉ là sự lặp lại. Mà văn chương, như một sự sáng tạo, kỵ nhất là sự lặp lại. Nhưng tránh lặp lại, người ta phải thay đổi. Tuy nhiên, sự thay đổi ấy, ở người sáng tác, thường được nhìn, một cách thiện cảm, như một sự cách tân hay, một cách ác cảm, như một sự lập dị; ở người làm phê bình, dễ bị nhìn, một cách lệch lạc, như một sự phản bội, trước hết là sự phản bội đối với một lập trường, sau, đối với truyền thống, và cuối cùng, đối với những con người cụ thể. Dù biết là lệch lạc, cách nhìn ấy cũng để lại những dư âm buồn. Thật buồn.

Buồn, trước hết, vì thấy những quan điểm tâm huyết của mình không được tiếp nhận như ý muốn. Buồn, vì thấy, cho đến tận bây giờ, phê bình vẫn chưa được đánh giá đúng mức: hầu như mọi người vẫn muốn phê bình cứ tiếp tục đóng vai những thằng hề chạy lon ton đằng sau các nhân vật chính là giới sáng tác. Để vỗ tay. Để chọc cười. Để, như một sự đối chiếu, làm nổi bật sự sắc sảo và tài hoa của giới sáng

tác. Và buồn, hơn nữa, vì những đụng chạm do các bài viết ấy gây ra đã mang lại không ít đổ vỡ trong các quan hệ xã hội. Mà những đổ vỡ như thế rất dễ tạo nên cảm giác ngậm ngùi dai dẳng, nhất là khi người ta đã lớn tuổi.

Không đến nỗi nản chí, nhưng để giảm thiểu những đổ vỡ ấy, từ mấy năm nay, tôi đã chọn thái độ là im lặng, không trả lời những sự phê phán của người khác. Trước những sự hiểu lầm, tôi im lặng. Trước những sự xuyên tạc, tôi cũng im lặng. Tôi tự an ủi là mình đã trình bày, một lần, đầy đủ và rõ ràng, tất cả các quan điểm của mình rồi. Là xong. Phần còn lại là của người đọc. Nhưng sự chọn lựa như thế không phải không có khuyết điểm. Thứ nhất, nó dễ gây ấn tượng là vô trách nhiệm: mình đã đủ thẳng thắn để trình bày quan điểm của mình nhưng lại không đủ can đảm hoặc kiên nhẫn để bảo vệ nó; mình thiết tha muốn thuyết phục người đọc chấp nhận quan điểm của mình mà lại từ chối cung cấp cho họ các lý lẽ cần thiết khi những các quan điểm ấy bị tấn công hay bị xuyên tạc; mình trăn trở muốn góp phần thay đổi hiện trạng văn học vốn bị xem là bế tắc nhưng lại không dám theo đuổi đến cùng. Thứ hai, sự im lặng ấy dễ bị ngộ nhận là một thái độ kiêu ngạo, khinh thường người đối thoại. Còn nhớ, ngày trước, có lần Phan Khôi đã phê phán Phạm Quỳnh gay gắt chỉ vì Phạm Quỳnh không trả lời những sự phê phán của Ngô Đức Kế trong bài báo "Luận về chánh học và tà thuyết". Với Phan Khôi, việc "làm thinh" như vậy là một thái độ "học phiệt" và "đáng ghét" (1). Có lẽ vì muốn tránh cho tôi cái tiếng không được tốt đẹp như thế, chủ biên các tạp chí văn học thường đề nghị tôi trả lời những bài phê phán mình, nhất là khi tác giả của chúng là những kẻ ít nhiều đã có tên tuổi trong thế giới chữ nghĩa. Chiều ý bạn bè, một số lần, tôi đã phá lệ, lên tiếng. Một cách miễn cưỡng.

Tính chất miễn cưỡng ấy càng trở thành nặng nề khi, mỗi lần cầm bút định trả lời ai đó, tôi luôn luôn có cảm giác mình đang bị lôi kéo vào một cuộc chơi hoàn toàn vô định, cái trò chơi mà tôi không biết là nó sẽ dẫn mình đến đâu. Bởi, tranh luận, ở Việt Nam, cho đến nay, buồn thay, vẫn như một trò chơi chưa có luật. Trong phần lớn các cuộc gọi là tranh luận, ngay cả tranh luận về văn học, trên các tờ báo Việt ngữ, người ta thường sử dụng hầu như đủ mọi thứ "võ", kể cả các loại "võ" thuộc loại "tà đạo" như xuyên tạc, vu khống, chửi đổng, bôi nhọ, khích bác, chụp mũ hay giả vờ nhảy ra can gián để lén thụi người này một quả, đạp người kia một đạp, v.v... Đứng giữa một "trận địa" như thế, nhiều lúc tôi cảm thấy nghẹn ngào...

Như trong cuộc tranh luận chung quanh bài viết "Chủ nghĩa

phản-trí thức trong văn học Việt Nam" của tôi trên *Hợp Lưu* số 52 vừa qua, chẳng hạn. Mặc dù tôi đã được đọc trước và được yêu cầu viết bài trả lời hầu hết các bài tấn công mình đăng trên số báo ấy, tôi vẫn không thể nào cầm bút nổi.

Làm sao tôi có thể trả lời Thường Quán được khi cả bài viết ngắn ngủi của ông chỉ là sự tập hợp của những câu văn ngớ ngẩn, dường như không câu nào không sai, sai từ cách dùng từ đến cách đặt câu; sai từ cách lập luận đến những kiến thức sơ đẳng nhất? (2) Làm sao tôi có thể trả lời Nguyễn Thanh Sơn được khi ngay từ đầu ông đã buộc tôi cái tội "chém tướng"? khi, từ Việt Nam, ông cho là ở các nước Âu Mỹ hiện nay không còn cái gọi là tầng lớp "quần chúng bình dân" và cũng không còn hiện tượng phản-trí thức? khi ông nhất định cho là chân lý thì bao giờ cũng "hết sức giản dị" dù chắc ông thừa hiểu là để hiểu được bất cứ "chân lý" nào, từ những "chân lý" trong khoa học đến những "chân lý" trong cuộc sống, người ta đều phải học đến bạc cả tóc; mà chưa chắc chúng đã là chân lý thật? Hay nghĩ đến "chân lý", ông chỉ nghĩ đến những câu khẩu hiệu thường nghe ở Việt Nam, kiểu "Không có gì quý hơn độc lập tự do" hay "Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt Nam, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi"?

Bài viết "Coi trọng trình độ văn hoá phải chăng là 'phản-trí thức'?" của Hoàng Ngọc Hiến cũng không khá hơn chút nào.

Tôi biết làm thế nào để Hoàng Ngọc Hiến tin được là bụng tôi nó "tốt" hay nó "xấu"? (3) Làm thế nào để ông hiểu được là cách nói "bao nhiêu kiến thức và lý thuyết sách vở... nuốt vào bụng" rồi "chỉ 'nhả' ra những ý kiến riêng" và cách nói "chỉ cần rút trong bụng ra" không có gì mâu thuẫn với nhau? Làm thế nào để chứng minh với ông là mặc dù hết sức coi trọng trình độ văn hoá, người ta vẫn cứ có thể là những kẻ phản-trí thức như thường khi dường như ông chưa được chuẩn bị để hiểu là giữa hai khái niệm "trí thức" và "trình độ văn hoá" khác nhau và không nhất thiết phải đi liền với nhau (4), bởi vậy, mới có cái gọi là chính sách giáo dục ngu dân, và cũng bởi vậy, hiện tượng phản-trí thức có thể xuất hiện và phổ biến ở ngay cả những quốc gia có trình độ dân trí nói chung khá cao hay rất cao như Úc và Mỹ? (5)

Hơn nữa, làm sao tôi có thể thuyết phục được Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Thanh Sơn và Thường Quán để cả ba người tin là tôi viết bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" không phải là để "đánh" Hoàng Ngọc Hiến? Chẳng lẽ tôi lại phải hạ mình để phân trần là trong bài viết của mình, tôi chỉ nêu trường hợp Hoàng Ngọc Hiến

như một ví dụ và sở dĩ tôi chọn ông làm ví dụ là vì tôi vừa đọc ông đúng vào cái lúc tôi đang trăn trở về đề tài phản-trí thức, và vì tin ông là một ví dụ đắc nhất, cho thấy là ngay cả những kẻ vốn có bản chất trí thức và có khả năng tư duy trừu tượng khá tốt vẫn có thể rớt vào cái bẫy phản-trí thức như thường? (6) Chẳng lẽ cứ mỗi lần phê bình ai, nhà phê bình phải bỏ công ra thanh minh về sự trong sáng của mình? Vả lại, nói cho cùng, ví dụ, xin nhắc lại: ví dụ, tôi có chủ tâm lôi Hoàng Ngọc Hiến ra "đánh" thì đã sao? Trên nguyên tắc, một người cầm bút, khi đã công khai phát biểu tư tưởng của mình trên sách báo thì phải chịu trách nhiệm về sự phát biểu đó và phải sẵn sàng tinh thần để chịu đựng những sự phê phán của người khác, có gì mà phải tru tréo lên?

Làm sao tôi có thể đủ nhẫn nại để trả lời tất cả những vấn đề đáng lẽ không bao giờ cần và cũng không bao giờ nên đặt ra trong một cuộc tranh luận thuộc trình độ khá cao như cuộc tranh luận về đề tài trí thức và phản-trí thức trong văn học như thế? Chịu thôi. Mà đâu phải chỉ có mình tôi ở trong tình cảnh ấy. Ngày xưa, ngay từ giữa thập niên 30, khi cuộc tranh luận về vấn đề nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh bắt đầu nhuốm màu chính trị, khi những người tự nhận là thuộc phe nghệ thuật vị nhân sinh tuyên bố thành lập "chiến tuyến hợp nhất", vu khống những người bị xem là thuộc phái vị nghệ thuật là nịnh bợ giai cấp tư sản và chính quyền, Hoài Thanh đã viết bài thanh minh "Chung quanh cuộc biện luận về nghệ thuật: một lời vu cáo đê hèn" rồi rút lui ra khỏi cuộc tranh luận, từ chối trả lời tất cả các bài công kích ông (7). Cách đây mấy năm, ở trong nước, khi bị Trần Mạnh Hảo phê phán bằng cách cắt câu này ráp vào câu kia hoặc tách các câu văn ra khỏi cả ngữ cảnh của nó với hậu ý xuyên tạc một cách thô bỉ, giáo sư Lê Trí Viễn đã phải ngậm ngùi than là ông không thể trả lời nổi (8). Ngay chính Hoàng Ngọc Hiến cũng từng là nạn nhân của những âm mưu chụp mũ thô bạo như thế, nhất là sau khi ông cho đăng bài "Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua" trên báo *Văn Nghệ* tại Hà Nội vào năm 1979 (9). Ở hải ngoại cũng có nhiều trường hợp tương tự, chẳng hạn các vụ tấn công vào bộ *Mùa Biển Động* của Nguyễn Mộng Giác (10), vào tạp chí *Hợp Lưu* cũng như tạp chí *Trăm Con* (11), v.v... ở đó, người ta biến chính sự dốt nát và sự vô liêm sỉ của mình thành một thứ vũ khí để khủng bố người khác.

Bởi vậy, tôi nghĩ, vấn đề cấp thiết nhất hiện nay, ở bậc thềm của thế kỷ 21, cả ở trong lẫn ở ngoài nước, là phải xây dựng cho được một thứ văn hoá tranh luận, tức những nguyên tắc trí thức và đạo đức căn bản để dựa vào đó người ta tiến hành tranh luận cũng như đánh giá các

cuộc tranh luận. Như, trước mỗi cuộc chơi, người ta phải thoả thuận với nhau về một số luật lệ nhất định. Như, ở các nước dân chủ, người ta có văn hoá chính trị: tuyệt đối chấp nhận kết quả của các cuộc bầu cử; không phải vì mình thua phiếu mà quay lại chửi... dân chúng ngu, hoặc vì lấy cớ dân chúng ngu nên không công nhận kết quả đầu phiếu. Trong tranh luận cũng thế, cần một thứ văn hoá riêng, để mỗi người có thể biết được những tiêu chuẩn phân định đúng và sai, thắng và bại, cũng như biết được những gì mình được phép làm và những gì mình không được phép làm. Chưa có văn hoá tranh luận, tất cả những nỗ lực tranh luận đều chỉ có tác dụng duy nhất là tạo ra những tiếng ồn, chứ không mang lại một lợi ích cụ thể gì cả: sau các cuộc tranh luận, không có gì được sáng tỏ thêm. Những cái sai và những cái nhảm vẫn tiếp tục tồn tại một cách hiên ngang, hơn nữa, còn lặp đi lặp lại ở những nơi khác, những cuộc tranh luận khác cũng một cách rất ư hiên ngang.

Những nguyên tắc căn bản của văn hoá tranh luận, về phương diện lý thuyết, không có gì quá phức tạp, hầu như người có học thức nào cũng biết, tuy nhiên, có lẽ do chưa bao giờ được bàn luận một cách công khai, thẳng thắn và rõ ràng, những cái biết ấy phần lớn chỉ dừng lại ở mức tự phát và do đó, về phương diện thực hành, hiếm khi nhất quán, lúc nhớ, lúc quên. Cho nên, dù không mới, theo tôi, chúng ta cũng nên nhắc lại, một lần, những nguyên tắc căn bản ấy:

Thứ nhất, ai cũng biết, tranh luận là "tranh" thắng bằng lý luận. Lý luận là bản chất của tranh luận: chính thứ vũ khí lý luận này phân biệt một cuộc tranh luận và một cuộc chửi lộn. Trong các cuộc chửi lộn, người ta không cần lý luận, người ta chỉ cần ném ra ào ạt các lời buộc tội, bất chấp có bằng chứng hay không, nhằm triệt hạ tư cách nhà văn hay nhà phê bình hay nhà lý luận hay bất cứ một thứ "nhà" nào đó của đối thủ. Tranh luận thì khác. Trong các cuộc tranh luận, người ta chỉ được quyền sử dụng một thứ vũ khí duy nhất: lý luận. Như trong bóng đá, người ta chỉ được quyền dùng chân để bắt bóng và phát bóng. Đụng tay vào là phạm luật. Như trong quyền Anh, người ta chỉ được quyền dùng tay để đánh. Co chân đạp đối thủ là phạm luật. Cũng vậy, trong tranh luận, người ta có thể công kích người khác một cách vô cùng mạnh bạo, thậm chí, tàn bạo; không sao cả, nhưng với một điều kiện: bằng lý luận. Ngược lại, bất cứ khi nào người ta không còn lý luận nữa, bất cứ khi nào người ta phải sử dụng đến các thứ phương tiện khác, từ việc nhân danh lòng nhân đạo hay tình cảm yêu nước đến việc cầu cứu uy tín của người này của kẻ nọ, người ta trở thành một kẻ ăn gian. Nên lưu ý là hình thức "ăn gian" bằng cách sử dụng đến quyền lực tinh thần của người khác là một cách "ăn gian" rất phổ

biến ở Việt Nam. Thay vì lý luận bằng cái đầu của chính mình thì người ta có thói quen chứng minh tính "chân lý" của một nhận định nào đó bằng cách trích dẫn ra một câu nói của một lãnh tụ, một danh nhân, hoặc đơn giản hơn, một câu tục ngữ nào đó. Ở những nơi khác, trong loại văn học thuật, người ta cũng khuyến khích trích dẫn, nhưng với mục đích hoàn toàn khác: để thêm một bằng chứng hay để phân tích lịch sử vấn đề cũng như tính chất đa dạng trong cách lý giải vấn đề; để người đọc hình dung được bối cảnh nghiên cứu vấn đề, từ đó, biết được sự những sự tiếp thu cũng như những sự sáng tạo, nếu có, của tác giả bài viết. Ở Việt Nam, ngược lại, việc trích dẫn thường được xem như cách thức sử dụng một quyền lực: Khổng Tử đã nói như thế... Lenine đã nói như thế... Hồ Chí Minh đã nói như thế... Từ điển bách khoa toàn thư Encarta đã nói như thế... vậy thì "chân lý" là như thế, không còn hoài nghi gì nữa. Nếu bí quá, không tìm ra được một câu nói nào tương hợp thì người ta... bịa ra câu nói ấy và gán đại cho một nhân vật lịch sử nào đó. Như một thứ bùa.

Thứ hai, đối tượng của tranh luận là các luận điểm. Nói đến luận điểm là nói đến cả hệ thống quan điểm, trong đó các ý tưởng đan kết với nhau trên một nền tảng lý thuyết và phương pháp luận nhất định. Một sự phê bình toàn diện và triệt để nhất là sự phê bình nhắm vào chính nền tảng lý thuyết và phương pháp luận ấy; nếu không, nó phải phê bình các nhận định của tác giả trên chính cái nền tảng lý thuyết và phương pháp luận mà người ấy đã lựa chọn, nói cách khác, phải xét xem, từ một góc nhìn như thế, với một phương hướng tiếp cận như thế, tác giả có nhất quán và có đi đến tận cùng mạch lý luận của họ hay không, và kết luận mà tác giả ấy rút ra được có gì mới lạ so với những gì người khác đã biết hay không. Việc tuân thủ nguyên tắc này giúp ngăn chận cảnh ông nói gà bà nói vịt trong tranh luận; hơn nữa, nó cũng ngăn chận được tình trạng, thay vì tập trung vào các luận điểm chính, chỉ cãi cọ lằng nhằng ở cấp độ tiểu tiết, với những câu, chữ không có ý nghĩa gì đáng kể trong cấu trúc chung của bài viết. Cuối cùng, nguyên tắc này cũng góp phần ngăn chận một thói quen đáng tiếc là cố tình đơn giản hoá các luận điểm của người khác, biến chúng thành ngô nghê để vừa tầm cho mình phản bác. Thói quen ấy hẳn xuất phát từ loại văn chương tuyên truyền kéo dài dai dẳng cả hơn nửa thế kỷ vừa qua: theo đó, ở bên này hay bên kia "chiến tuyến", người ta không được phép đọc nhau nhưng lại được lệnh là phải đả kích nhau, và với một mục đích đầy "chính nghĩa" như thế, người ta có thể an tâm đả kích địch thủ theo cái hình ảnh mà mình xuyên tạc hoặc tưởng tượng. Như thế, người ta tha hồ rút tư tưởng của Michel Foucault hay

của Roland Barthes, chẳng hạn, vào một vài câu rồi ngúng nguẩy chê là... thô thiển; và người ta cũng có thể hùng hồn cho chủ nghĩa hậu cấu trúc hoặc giải cấu luận là... dở hơi dù chưa hề đọc bất cứ một tác phẩm nào của Jacques Derrida hay của Paul de Man; có thể lớn tiếng cho văn chương hậu hiện đại là nhảm nhí dù chưa hề đọc bất cứ một luận văn nào của Jean-Francois Lyotard, của Fredric Jameson hay bất cứ sáng tác nào của John Barth, của Thomas Pynchon hay của Kurt Vonnegut, v.v...

Thứ ba, bởi vì nhắm vào đối tượng là các luận điểm, tranh luận là một cuộc chiến đấu khá trừu tượng. Đó là cuộc chiến đấu với những ý tưởng. Chính vì thế, đó cũng là một cuộc chiến đấu đầy tính chất duy lý, ở đó chỉ có lý chứ không có tình. Người Việt Nam vốn trọng tình: trong các lãnh vực khác tôi không biết thế nào nhưng trong tranh luận, đó là một khuyết điểm. Một mặt, nó khiến chúng ta ít khi đi đến cùng mạch lý luận của mình, dễ dàng thoả hiệp trước những sự dị biệt trong tư tưởng, trở thành những kẻ ba phải, mặt khác, phổ biến hơn, nó lại làm chúng ta dễ trở thành lu loa, sướt mướt hoặc phẫn nộ không đúng chỗ. Vì gắn liền với cả một truyền thống văn hoá lâu dài nên khuyết điểm này tương đối khó tránh. Bản thân tôi, thành thực mà nói, cũng không tránh được hẳn. Một nhà bút chiến kiệt xuất của Việt Nam ngày trước, Phan Khôi, cũng không tránh được, dù riêng trong trường hợp của ông, khó có thể xác quyết được giữa khuyết điểm và ưu điểm, phần nào là nhiều hơn, bởi vì điều đặc sắc và hẳn sẽ còn lại lâu dài ở ông không phải chỉ là lý lẽ mà chủ yếu là ở phong cách: giọng văn tranh luận của ông khi thì hùng hồn, khi thì chì chiết, khi thì sang sảng, khi thì ngoa ngoắt, lúc nào cũng đầy cảm xúc, cũng toát ra cái vẻ cứng cỏi và ngang tàng. Trong sinh hoạt văn học Việt Nam hiện nay, tránh được khuyết điểm này một cách triệt để nhất có lẽ chỉ có một người: Hoàng Ngọc-Tuấn. Trong các bài tranh luận của Hoàng Ngọc-Tuấn, người ta thường thấy ông tỉnh táo đến độ lạnh lùng. Ông viết tranh luận không như một nhà bút chiến hay một nhà hùng biện theo cách hiểu thông thường của chúng ta lâu nay mà như một nhà khoa học. Ngòi bút của ông như một con dao mổ, lần lượt lật tung lên hết sai lầm này đến sai lầm khác của đối phương mà giọng văn của ông thì vẫn cứ tỉnh như không. Tôi cho mức độ tự chế như vậy là hiếm có.

Cuối cùng, thứ tư, nếu tranh luận là chiến đấu với các luận điểm thì điều kiện đầu tiên và không chừng quan trọng nhất của người tranh luận là phải đọc kỹ và hiểu đúng các luận điểm mình định phê phán. Không đọc kỹ và không hiểu đúng mà đã phê phán, người ta dễ trở thành những kẻ xuyên tạc và vu khống dù động cơ chính là sự bất

cẩn hay kém cỏi chứ không phải vì ác ý. Hơn nữa, tham gia tranh luận, người ta không những cần phải đọc kỹ và hiểu đúng bài viết mình định phê phán mà còn cần phải có một số hiểu biết nào đó liên quan đến vấn đề mà bài viết ấy đề cập. Hai khía cạnh này có quan hệ mật thiết với nhau: không ai có thể hiểu trọn vẹn một bài viết nếu đó là bài viết duy nhất mà người ta được đọc về một đề tài nào đó. Văn bản, thật ra, bao giờ cũng là một liên văn bản: một chữ ở bài viết này có khi chỉ được sáng lên nhờ một chữ ở bài viết kia. Bởi vậy, tôi cho là một hành động thiếu nghiêm túc nếu người ta lao vào một cuộc tranh luận khi chưa kịp chuẩn bị cho mình những kiến thức tối thiểu và cần thiết về vấn đề mình sẽ tranh luận.

Liên quan đến vấn đề đọc kỹ và hiểu đúng, có một hiện tượng rất phổ biến ở Việt Nam là cứ hễ thấy điều gì hơi hơi mới lạ, hơi hơi phức tạp, hơi hơi khó hiểu là người ta vội vã dán ngay vào đó những nhãn hiệu đại khái như tắc tị, cầu kỳ hay làm dáng trong khi đáng lẽ, chỉ cần một chút cẩn thận hay tự trọng, người ta thấy ngay là, tốt hơn hết, mình nên im lặng hoặc nên đọc đi đọc lại nhiều lần hơn nữa. Tôi ngờ thủ phạm gây nên thói quen này ở Việt Nam chính là... Trường Chinh. Trong cuốn *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam* in năm 1948, với tư cách là Tổng bí thư đảng Cộng sản Đông Dương, người lãnh đạo tối cao của các hoạt động văn hoá và tư tưởng trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, Trường Chinh đã xem tất cả những trào lưu văn học hiện đại chủ nghĩa, từ chủ nghĩa lập thể đến chủ nghĩa ấn tượng, chủ nghĩa đa đa đến chủ nghĩa siêu thực đều là những hình thức văn nghệ "tối tăm, lập dị", "phản khoa học" và "phản tiến hoá" (12). Lời của lãnh tụ, ai nấy cũng đều răm rắp nghe, hơn nữa, còn nhắc đi nhắc lại ra rả trên sách báo, lâu dần, biến thành quy luật: cái gì mình không hiểu thì bị xem là tối tăm; cái gì tối tăm cũng đều là... lập dị; cái gì lập dị cũng đều là... bịp bợm. "Quy luật" ấy bị đơn giản hoá thành công thức: chủ nghĩa hiện đại đồng nghĩa với sự gian trá; và sự cách tân đồng nghĩa với sự làm dáng. Và thế là, nhân danh tinh thần dân tộc, truyền thống cũng như lương tri, người ta có thể đả kích thậm tệ những cái mới và những gì mình không hiểu, hay, nhẹ nhàng hơn, cứ gạt phắt ra ngoài, coi như không có, một cách vô cùng thanh thản.

Những nguyên tắc vừa trình bày, được đúc kết với dụng ý để được mọi người - hoặc ít nhất là giới cầm bút - đồng tình, chắc chắn không phải là những gì mới lạ. Nhưng đó là những điều chúng ta thường hay quên. Có khi cả một đất nước quên. Và có khi cả hai hay ba thế hệ cùng quên.

Thực vậy, nếu đọc lại các bài tranh luận giữa Phan Khôi và Phạm

Quỳnh, giữa Phan Khôi và Trần Trọng Kim về các vấn đề liên quan đến quốc học và Nho giáo vào đầu thập niên 30 (13), chúng ta có thể thấy, mặc dù thỉnh thoảng họ vấp phải những khuyết điểm hết sức sơ đẳng về kiến thức cũng như về lập luận, nhưng tinh thần tranh luận chung thì bao giờ cũng nghiêm túc và chững chạc, rất người lớn. Rõ ràng là thời ấy, thuở bình minh của nền tân học, người ta đã có một thứ văn hoá tranh luận khá hoàn chỉnh. Thế nhưng điều lạ là cái văn hoá ấy cứ dần dần bị mai một đi. Phần lớn các cuộc tranh luận văn học từ giữa thập niên 30, đặc biệt từ sau năm 1945 đến nay, ở miền Nam cũng như ở miền Bắc, ở trong nước cũng như ở ngoài nước, đều có cái vẻ gì như bần tiện, nhếch nhác và thảm hại hơn hẳn. Tại sao?

Tôi nghĩ lý do chính là vì... chính trị.

Trong nửa đầu thập niên 30, hầu hết các cuộc tranh luận đều mang tính chất cá nhân, chỗ dựa duy nhất của mỗi người là kiến thức và khả năng lý luận. Từ giữa thập niên 30 về sau, bắt đầu từ cuộc tranh luận giữa hai phái gọi là nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh, các đảng phái chính trị nhảy vào các sinh hoạt văn học nghệ thuật. Tranh luận văn học, với họ, trở thành một cuộc tranh đấu chính trị, qua đó, họ nhắm đến việc tuyên truyền cho chủ thuyết của họ và tập hợp lực lượng hơn là chỉ dừng lại ở phạm vi văn học (14). Tình trạng ấy càng phát triển mạnh mẽ sau năm 1945, khi, trong các cuộc chiến tranh kéo dài và vô cùng kịch liệt, giới cầm quyền Việt Nam, thuộc những chế độ và với những ý thức hệ khác nhau, đã phải huy động tất cả mọi lực lượng và mọi phương tiện để dành chiến thắng. Hậu quả là hầu như toàn bộ đời sống xã hội đều bị chính trị hoá. Chính trị xen vào các hoạt động tín ngưỡng, lấn vào giáo dục, chi phối cả các hoạt động nghiên cứu khoa học. Hoạt động văn học, dĩ nhiên, càng chịu ảnh hưởng của chính trị một cách sâu sắc. Ở phương diện này, chính trị không những chỉ làm thay đổi cách viết mà còn làm thay đổi cả cách nhìn và cách nghĩ của chúng ta. Biểu hiện quan trọng hơn cả không chừng là thói quen phân tuyến theo lối "địch" và "ta" và tư tưởng "ai thắng ai". Ngày xưa, tranh luận với nhau, Trần Trọng Kim và Phan Khôi chỉ nhìn thấy nhau, hoặc có khi, cụ thể hơn, chỉ nhìn thấy bài viết của nhau. Sau này, tranh luận với nhau, người ta không chỉ thấy nhau mà còn thấy, phần lớn chỉ thuần là tưởng tượng, cả lực lượng chính trị trùng trùng điệp điệp sau lưng đối thủ của mình. Tranh luận, do đó, không còn nhằm làm sáng tỏ một vấn đề gì mà chủ yếu là nhằm tiêu diệt cả cái lực lượng chính trị thù nghịch mà người đối thoại với mình chỉ là một đại diện. Không khí tranh luận, do đó, bao giờ cũng hừng hực, cũng sôi sục nhiệt tình, cái nhiệt tình của thời chiến.

Nhưng chính cái nhiệt tình kiểu ấy đã giết chết tranh luận, biến tranh luận thành một hoạt động thuần tuý tuyên truyền: thay vì cố gắng làm sáng tỏ một điều chưa biết, chúng ta thường chỉ hài lòng với việc khẳng định đi khẳng định lại những "chân lý" đã cũ mèm; thay vì chỉ sử dụng lý trí, chúng ta huy động cả các yếu tố tình cảm để dễ dàng kích động tinh thần của người đọc với hy vọng thành lập được một trận tuyến càng đông càng tốt. Hơn nữa, xuất phát từ quan niệm "ai thắng ai", người ta dễ biến cuộc tranh luận thành một trò ẩu đả, theo đó, đối tượng chính mà họ nhắm tới không phải là một quan điểm mà là một con người; mục tiêu chính không phải là tìm kiếm một chân lý mà là bôi bẩn một cá nhân; tinh thần chính không phải là xây dựng mà là triệt hạ.

Theo tôi, ngoài những nguyên nhân khác có thể có, chính cách nhìn phân tuyến "địch/ta" và tâm lý đấu tranh "ai thắng ai" như là kết quả của xu hướng chính trị hoá toàn bộ đời sống tinh thần của Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ vừa qua đã dần dần phá nát văn hoá tranh luận.

Chưa khôi phục lại được văn hoá tranh luận ấy, dù xuất phát từ thiện chí, các cuộc tranh luận trên báo chí rất dễ có nguy cơ biến thành những cuộc cãi cọ ồn, nhảm và vô bổ, thậm chí, nếu không cẩn thận, nó biến thành như một thứ trò chơi của trẻ con: không nói lý được thì cãi cù cưa; không cãi cù cưa được thì chửi đổng; không chửi đổng được thì từ xa xa lấy đá ném rồi... bỏ chạy. Chỉ làm thảm hại thêm cho tư cách của người trí thức mà thôi.

NGUYỄN HƯNG QUỐC
22.4.2000

Chú thích:

1. Phan Khôi (1930), "Cảnh cáo các nhà học phiệt", *Phụ Nữ Tân Văn* số 62, ra ngày 24.7.1930; dẫn theo Mộng Bình Sơn Đào Đức Chương, *Nhà văn phê bình: Khảo cứu văn học Việt Nam 1932-1945*, nxb Văn Học, Hà Nội, 1996, tr. 29-30.
2. Hiện tượng viết liều, tức viết những điều vượt quá tầm biết và hiểu của mình từ lâu vẫn thường xảy ra trên báo chí Việt Nam. Đọc, độc giả thường dễ dàng nhận ra ngay những khuyết điểm trầm trọng trong các bài viết ấy. Ở các nước khác, trước những khuyết điểm như thế, thường, người ta có phản ứng ngay, thậm chí, có nơi còn đặt ra những loại "giải thưởng" riêng dành cho những bài viết dở và sai. Ở Việt Nam, ngược lại, hiếm có ai lên tiếng. Hậu quả là những kiểu viết như vậy cứ tiếp tục tồn tại mãi, hơn nữa, còn lan sang cả những tạp chí văn học thuộc loại cao cấp hay khá cao cấp, ở những cây bút ít nhiều có tên tuổi. May mắn là bài viết của Thường

Trong định nghĩa ngắn ngủi ấy có ba điểm sai:
Thứ nhất, trí thức không phải là một giai cấp. Những ai có chút kiến thức về triết học cũng đều biết Karl Marx phân định giai cấp theo quan hệ sản xuất chứ không phải theo trình độ hay địa vị trong xã hội. *Từ điển Triết học giản yếu* do Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp và Lê Hữu Tầng biên soạn (nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987), ghi rõ: "Trí thức không phải là một giai cấp xã hội vì trong mọi hình thái kinh tế – xã hội, trí thức xuất thân từ những giai cấp khác nhau và không có một vai trò độc lập trong sản xuất". (tr. 471-472)
Thứ hai, "kiến trúc thượng tầng", trong quan điểm của Marx, là "toàn bộ quan điểm chính trị, pháp luật, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật, v.v... với những thể chế tương ứng (Nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể v.v...) được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định." (*Từ điển Triết học giản yếu*, sđd, tr. 106). Như vậy kiến trúc thượng tầng không phải là một công việc để có một giai cấp đứng ra "lo".
Thứ ba, với cách hiểu rộng rãi vừa nêu, thuộc về kiến trúc thượng tầng có cả nhà nước, đảng phái, tôn giáo, tín ngưỡng... chẳng lẽ tất cả những người làm việc trong đó đều là trí thức? Mọi cán bộ, mọi công chức và mọi quân nhân đều là trí thức? Mọi cảnh sát đều là trí thức? Mọi thầy tu, thầy cúng, thầy bói... đều là trí thức?
C. Nhưng chưa hết. Sau định nghĩa vừa nêu, Thường Quán phân tích thêm: "*Định nghĩa có phân định giai cấp này là của giới khuynh Mác. Chỉ có những anh độc tài Phát xít và Maoít, với xít-ta-lin-nít mới có lập trường bài giai cấp này đến nơi đến chốn. Nhưng cũng chỉ là giai đoạn.*
Việt Nam ta suốt quá trình đánh chống ngoại xâm không thấy chống kẻ sĩ, chống trí thức. Ngay cả hàng ngũ lãnh đạo kháng chiến là trí thức: Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Tường Tam, Võ Nguyên Giáp. Tới lúc xong việc vì ham Xít ta Lin và Mao thì mới đánh trí thức dân tộc (Nhân Văn)".
Trọn các câu trên cũng có ít nhất là tám điểm sai:
Thứ nhất, về chữ nghĩa, rất bất nhất: ở đoạn trên, tên các nhà văn đều viết theo cách viết gốc (dù là viết sai!), hơn nữa, thay vì "vân vân" thì viết là "etc" ra vẻ rất Tây; ở đoạn này, các chữ gốc Tây thì lại được phiên âm theo kiểu Việt Nam, như "Xít ta Lin" thay cho Stalin. Vậy nguyên tắc chính tả ở đây là gì?
Thứ hai, "*định nghĩa có phân định giai cấp này...*" nghĩa là sao? Về phương diện ngữ pháp, nó hoàn toàn vô nghĩa.
Thứ ba, như đã phân tích ở trên, việc xem trí thức như một giai cấp là sự sai lầm của chính Thường Quán chứ không phải là chủ trương của giới "khuynh Mác".
Thứ tư, Tần Thuỷ Hoàng phần thư khanh nho không phải là chống trí thức sao? Suốt thời trung cổ, từ các giáo hội ở Tây phương đến các vua chúa ở Đông phương đều bắt dân chúng răm rắp tuân theo những giáo điều có sẵn không phải là chống trí thức sao? Đâu phải chỉ có mấy "anh" độc tài phát-xít và Mao-ít mới chống trí thức?
Thứ năm, sau câu "*Chỉ có những anh độc tài Phát xít và Maoít, với xít-ta-lin-nít mới có lập trường bài giai cấp này đến nơi đến chốn.*" Thường Quán lại thêm: "*Nhưng cũng chỉ là giai đoạn*". Vậy thì giai đoạn nào trong lịch sử, chủ nghĩa phát-xít và Mao-ít không chống trí thức?
Thứ sáu, trong hàng ngũ lãnh đạo kháng chiến làm gì có Nguyễn Tường Tam. Ông đã chạy sang Tàu trước khi cuộc kháng chiến chính thức bùng nổ rồi mà. Ngay cả Huỳnh Thúc Kháng cũng khó có thể được xem thuộc hàng ngũ lãnh đạo kháng chiến. Một phần ông chỉ được sử dụng làm vì chứ không có thực lực; hai là ông mất rất sớm khi cuộc kháng chiến vừa bùng nổ (21.4.1947).
Thứ bảy, không phải "tới lúc xong việc", cộng sản đánh trí thức. Họ đánh trí thức ngay từ những năm 1949, 1950 trong các cuộc chỉnh huấn, chỉnh quân chứ đâu phải đợi đến lúc chiếm xong miền Bắc. Câu "trí thức là cục phân" của Mao Trạch Đông

Quán rất ngắn, chỉ khoảng trên dưới 200 từ, cho nên tôi xin phân tích từng câu để làm "mẫu" đồng thời cũng để cung cấp thêm một bằng chứng khác, cụ thể hơn, cho những luận điểm về nhu cầu cần phải có "văn hoá tranh luận" trình bày trong cả bài viết này.

Trong bài "Thư văn hữu", để phản đối quan điểm của tôi trong bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam", Thường Quán đưa ra ba định nghĩa khác nhau về trí thức. Định nghĩa đầu, cho "trí thức là người làm việc đầu óc" không có vấn đề gì. Đó là định nghĩa thường thấy trong các loại từ điển phổ thông. Nhưng hai định nghĩa tiếp theo của ông thì có vấn đề trầm trọng.

A.. Thường Quán viết: "*Trí thức là kẻ có công trình tư duy sâu sắc*". Sau đó, ông khai triển định nghĩa này như sau: "*Kẻ trí thức loại này thì cũng không mấy ai. Pháp là Sartre, De Beauvoire (sic), Raymond Aaron (sic), Camus, Barthes, ở Anh là Issacc (sic) Berlin, Bertrand Russell, Mỹ là Durrell, Susan Sontag etc. Việt có Trần Đức Thảo... Không mấy ai dám chống mấy anh này. Cãi với họ thì được, nhưng mà cũng khó, phải có công trình đáp lại*".

Trừ ba điểm sai trong cách viết tên của các nhà văn tôi đã ghi chú bằng chữ "sic", trong đoạn văn ngắn trên, còn có sáu điểm sai khác:

Thứ nhất, câu "*Kẻ trí thức loại này cũng không mấy ai*" rõ ràng là một câu què: hoặc nó thiếu một chữ "có" sau chữ "không" hoặc nó thiếu cái gì sau chữ "mấy ai", kiểu "Trí thức loại này cũng không mấy ai... đạt được / hay: xứng danh...", v.v...

Thứ hai, ngay cả khi sửa về ngữ pháp như vậy, nhận định ấy cũng sai: tư duy độc đáo, phát hiện ra những tư tưởng mới lạ thì hiếm. Chứ chỉ dừng lại ở mức "sâu sắc" thì đâu hiếm đến nỗi phải than thở là "không có mấy ai"? Về phương diện khoa học xã hội, chẳng lẽ các công trình nghiên cứu của Hoàng Xuân Hãn, Đào Duy Anh, Cao Xuân Huy, Nguyễn Hiến Lê, Hà Văn Tấn, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh... không đáng được xem là "sâu sắc"?

Thứ ba, đứng về phương diện ngữ pháp, câu "*Pháp là Sartre, De Beauvoir...*" cũng sai. Đáng lẽ phải là "Ở Pháp là..." hay "Ở Pháp thì có....", chứ "Pháp là Sartre, De Beauvoir..." thì chẳng có nghĩa lý gì cả.

Thứ tư, về cách xưng hô, "mấy anh này" là mấy anh nào vậy? Anh Sartre? Anh Camus? Còn "chị" De Beauvoir và "chị" Susan Sontag thì để đâu? Hay Thường Quán tưởng De Beauvoir và Sontag cũng là hai "anh" chăng?

Thứ năm, tất cả những tên tuổi Thường Quán vừa nêu đều bị chống đối dữ dội chứ sao lại "không mấy ai dám chống". Họ không những bị chống đối mà chính họ chống đối lẫn nhau kịch liệt nữa kìa. Ai lại chẳng biết các vụ tranh luận gay gắt giữa Roland Barthes và Raymond Picard (xem các cuốn tiểu sử của Roland Barthes, hay cuốn *Nouvelle critique ou nouvelle imposture?* của R. Picard và cuốn *Critique et vérité* của R. Barthes); giữa Sartre và Camus; giữa Sartre và Aron (Xem các cuốn tiểu sử của J.P. Sartre, chẳng hạn, cuốn *Sartre, a Biography* của Ronald Hayman; nxb Carroll & Graf Publishers, Inc., New York, 1987), cũng như giữa Sartre và Trần Đức Thảo. Riêng Trần Đức Thảo thì không những bị chống đối mà còn bị nhà cầm quyền Việt Nam dập vùi đến độ không còn ra nhân dáng con người nữa là khác (Xem các bài viết về Trần Đức Thảo trên báo *Trăm Con* số 12, 13 và 14, năm 1993).

Thứ sáu, câu "*cãi với nhau thì được, nhưng mà cũng khó, phải có công trình đáp lại*" cũng thiếu chính xác. Cãi về một luận điểm nào đó thì chỉ cần vạch ra những chỗ sai trái chứ không cần phải có "công trình đáp lại". Một sinh viên, khi viết luận văn, cũng có thể "cãi" lại một bậc thầy của cả nhân loại được mà. Không có ông/bà thầy/ cô giáo nào lại ngớ ngẩn hỏi: "công trình đáp lại" của anh/chị đâu?

B. Kế tiếp, Thường Quán viết: "*Trí thức là giai cấp lo những chức năng thượng tầng (superstructure), tức là triết lý, tư tưởng, etc*"

được truyền bá và giảng dạy ở Việt Nam là ngay trong thời chống Pháp chứ không phải đợi đến lúc cuộc kháng chiến kết thúc.
Thứ tám, từ đầu đến cuối, Thường Quán lặp đi lặp lại những cụm từ như "chống trí thức" hay "đánh trí thức" để chống lại quan niệm về một thứ chủ nghĩa phản-trí thức của tôi. Hình như ông không hiểu là hai khái niệm "chống trí thức" và "phản-trí thức" không đồng nghĩa với nhau? Trong tiếng Việt, chỉ cần chút tinh ý, ai cũng biết "chống trí thức" là một hành động cụ thể (chống) nhắm vào những con người cụ thể (những người được xem là có trí thức), còn "phản-trí thức" chủ yếu là một khuynh hướng rẻ rúng trí thức, tức ghét bỏ và nghi kỵ những gì liên quan đến lý thuyết, đến tính chất hàn lâm, tính chất sách vở, như tôi đã định nghĩa khá rõ trong đoạn đầu tiên của bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam".
Từ những câu văn vừa trích ở trên, Thường Quán đi đến hai kết luận. Kết luận thứ nhất:
"*Kết luận dân tộc ta có truyền thống phản chống trí thức thiếu luận cứ lẫn bằng chứng.*"
Lại một câu văn què nữa. "Kết luận dân tộc ta có..." là kết luận của ai? Nếu đó là kết luận của tôi trong bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" thì nên viết, chẳng hạn: Kết luận cho dân tộc ta...
Hơn nữa, "truyền thống phản chống trí thức" là sao? là "phản" lại cái "chống trí thức"? là anti-anti-intellectualism?
Chưa hết. Trong suốt cả bài viết, có bao giờ Thường Quán đụng đến các luận cứ tôi nêu ra trong bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" đâu mà có thể kết luận được là quan điểm của tôi "thiếu luận cứ lẫn bằng chứng"? (Thật ra, trong lý luận, "luận cứ" tức là một kiểu bằng chứng", cho nên cách tách hai khái niệm này ra làm hai cũng là một việc thừa thãi!)
Kết luận thứ hai của Thường Quán:
"*Mà tại sao Nguyễn Hưng Quốc phải nói cho dông dài, dùng những đề từ rất lớn rất nổ rất bạo, chỉ để mà đập một cá nhân là anh Hoàng Ngọc Hiến. Điều đó quả là lạ.*"
Trước hết, lại về chữ. Chữ "đề từ" ở câu trên là sai. *Từ điển Tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên in tại Việt Nam năm 1997 giải thích "đề từ" là: "Câu ngắn gọn, cô đọng dẫn ra ở đầu tác phẩm hoặc chương sách để nói lên tư tưởng chủ đạo của tác phẩm hoặc chương sách đó." (Như vậy, trong tiếng Anh, "đề từ" tương đương với chữ epigraph.) Hiểu theo nghĩa như thế thì trong bài viết "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" của tôi làm gì có cái "đề từ" nào? Thường Quán muốn nói đến từ ngữ tôi dùng chăng? Nhưng nếu nói từ ngữ tôi dùng trong bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" là "rất lớn rất nổ rất bạo" thì ý của ông là khen hay là chê tôi? Có vẻ như chê. Nhưng chê người nào đó dùng từ "rất lớn rất nổ" thì cũng tạm được. Còn dùng từ "rất bạo"? Trong tiếng Việt, nó luôn luôn hàm nghĩa tốt, là một lời khen.
Cuối cùng, dựa vào đâu mà Thường Quán khẳng định là tôi viết cả bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam" để chỉ mà "đập" "anh" Hoàng Ngọc Hiến của ông?
Vân vân...
3. Cuối một đoạn cãi nhau với tôi, Hoàng Ngọc Hiến viết: "Không biết có bao nhiêu độc giả nhận ra được cái bụng của Nguyễn Hưng Quốc, nó tốt xấu như thế nào." (Hợp Lưu số 52, tr. 6.)
4. Về khái niệm "trí thức", xin xem bài viết "Trí thức và phản trí thức: vấn đề trước mắt của chúng ta" của Hoàng Ngọc-Tuấn trên *Hợp Lưu* số 52 (tháng 4&5.2000), tr. 16-48.
5. Về chủ nghĩa phản-trí thức tại Mỹ, xin xem cuốn *Anti-intellectualism in American*

Life của Richard Hofstadter do Vintage Books xuất bản tại New York năm 1966; tại Úc xin xem cuốn *Revolution from Within, a Contemporary Theory of Social Change* của J.D. Blake do Outlook xuất bản tại Sydney năm 1971, đặc biệt chương 6, "Anti-intellectualism in Australia", tr. 101-125.

6. Thật ra, nếu đọc kỹ, người ta cũng dễ dàng nhận ra điều đó. Trong bài "Chủ nghĩa phản-trí thức trong văn học Việt Nam", tôi viết: "Tiếc thay, một quan niệm phản-trí thức như thế cũng xuất hiện cả trong những cây bút phê bình và lý luận hàng đầu ở Việt Nam. Như trường hợp của Hoàng Ngọc Hiến, chẳng hạn." (Hợp Lưu 52, tr. 56). Câu ấy có nghĩa là: một, tôi xem Hoàng Ngọc Hiến là một trong những cây bút phê bình và lý luận văn học hàng đầu ở Việt Nam; hai, tôi xem các biểu hiện phản-trí thức ở ông chỉ như những sự rủi ro, một điều đáng tiếc mà thôi. Ngoài ra, cũng nên lưu ý là, tôi đã cố tình đặt một số khuyết điểm của Hoàng Ngọc Hiến ở phần chú thích, như một cách để giảm nhẹ mức độ phê phán đối với ông.

7. Bài báo đăng trên *Tràng An* số 80 ra ngày 3.12.1935; in lại trong cuốn *Bình luận văn chương* do Nguyễn Ngọc Thiện và Từ Sơn sưu tập, nxb Giáo Dục, Hà Nội, 1998, tr. 49-52.

8. Nguyễn Hữu Sơn (biên soạn) (1998), *Về một "hiện tượng" phê bình*, nxb Hải Phòng, tr. 516.

9. Bài báo của Hoàng Ngọc Hiến được đăng trên báo *Văn Nghệ* số 23 ra ngày 9.6.1979. Tôi có giới thiệu một số ý chính trong bài viết ấy cũng như một số sự kiện liên hệ trong cuốn *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản, 1945-1990*, Văn Nghệ xuất bản lần thứ hai, 1996, tr. 210-212.

10. Xem bài "Lời cuối cho một bộ trường thiên" in ở cuối cuốn *Tha Hương*, tức tập 5 của *Mùa Biển Động* của Nguyễn Mộng Giác, Văn Nghệ, California, 1989, tr. 1849-1860.

11. Hầu hết các bài công kích *Hợp Lưu* cũng như *Trăm Con* đều được đăng tải rải rác trên các tờ báo chợ, chủ yếu tại California và Toronto vào đầu thập niên 90. Xem thêm bài viết "Làm báo ở hải ngoại" của Khánh Trường trên tạp chí *Việt* số 2 (giữa năm 1998), tr. 17-22.

12. Trường Chinh (1974), *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam* (bản in lần thứ hai), nxb Sự Thật, Hà Nội, tr. 19-20.

13. Các cuộc tranh luận này được tóm tắt khá chi tiết trong cuốn *Phê bình văn học thế hệ 1932*, gồm 2 tập của Thanh Lãng, Phong Trào Văn Hoá xuất bản tại Sài Gòn, 1972 (tập 1) và 1973 (tập 2).

14. Về cuộc tranh luận giữa hai "phái" nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh, có thể xem cuốn "Nhìn lại cuộc tranh luận nghệ thuật 1935-1939" do Nguyễn Ngọc Thiện, Nguyễn Phúc và Nguyễn Đăng Điệp biên soạn, Hà Minh Đức giới thiệu, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.



HOÀNG NGỌC-TUẤN

Sáng chế tài liệu giả: một hiện tượng phản trí thức trong văn học Việt Nam đương đại



Vào đầu năm nay, nhân đọc một bài viết của một tác giả lão thành ở Việt Nam đăng trên tạp chí *Việt* số 5 (chủ đề: "Họ đã viết văn / làm thơ như thế nào?"), tôi đã giật mình khi bất ngờ phát hiện một hiện tượng hết sức lạ lùng trong sinh hoạt trí thức: hiện tượng sáng chế tài liệu giả. Nói rõ hơn, tôi phát hiện rằng tác giả lão thành ấy đã sáng chế nguyên một đoạn văn, và biến đoạn văn ấy thành một lời phát biểu của một danh nhân văn học quốc tế, nhằm tạo nên sự vững vàng cho một luận điểm của mình trong bài viết. Làm thế, tác giả lão thành ấy vừa khỏi mất công lý luận dài dòng, mà lại vừa có hy vọng chinh phục người đọc dễ dàng hơn. Phát hiện điều này, tôi cảm thấy hết sức thất vọng, và lập tức muốn lên tiếng. Tuy nhiên, tôi lại cố gắng bỏ qua, và tự an ủi rằng hành động ấy có thể tạm tha thứ được vì nó xuất phát từ một người đã lớn tuổi, không chuyên về nghiên cứu, thiếu thốn tài liệu, lười lý luận, mà lại mắc bệnh ham trình diễn kiến thức. Tôi đã cố gắng bỏ qua như thế với hy vọng rằng đó chỉ là hiện tượng cá biệt của một người ở một giai đoạn bệnh hoạn hiếm hoi trong đời. Tôi cố gắng bỏ qua, nhưng tôi vẫn băn khoăn tự hỏi phải chăng tôi đang xử sự như

một kẻ yếu đuối và cố tình dung dưỡng những mầm mống tai hại trong văn học.

Gần đây, đọc tạp chí *Hợp Lưu* số 52, tháng 4&5/2000 (chủ đề: "Thảo luận về chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam"), tôi lại một lần nữa giật mình vì lại bất ngờ phát hiện hiện tượng lạ lùng ấy — hiện tượng sáng chế tài liệu giả — xảy ra ngay trong bài viết của một giáo sư đại học, một nhà nghiên cứu và giảng dạy văn học có tiếng của Việt Nam đương đại.

Chỉ trong vòng ba tháng mà lại tình cờ phát hiện đến hai trường hợp như thế, và tác giả của cả hai trường hợp đều là những người thành danh trong văn học Việt Nam, tôi cảm thấy hết sức khổ tâm.

Trước hết, tôi cảm thấy khổ tâm vì biết rằng, từ nay về sau, chắc chắn tôi sẽ không còn hoàn toàn an tâm khi đọc những bài viết ngay cả của những tên tuổi khả kính trong văn học Việt Nam đương đại. Suy nghĩ sâu xa hơn, tôi lại càng cảm thấy khổ tâm hơn vì tôi sợ rằng nếu hiện tượng này đã có thể xảy ra ngay trong tác phẩm của những tên tuổi khả kính, thì biết đâu nó đã từng xảy ra nhan nhản trong vô số tác phẩm của những cây bút bình thường khác; và nếu thế, tôi tự hỏi, liệu đây có phải là triệu chứng của một căn bệnh hiểm nghèo của văn học Việt Nam đương đại, một căn bệnh như là hậu quả của trình trạng đói kiến thức dài lâu trong một đất nước nghèo nàn và bưng bít. Tôi tự hỏi như thế vì nghĩ rằng chỉ ở một đất nước thiếu nguồn thông tin và kiến thức trầm trọng thì người ta mới có thể an tâm đánh lừa nhau bằng những thông tin giả và những kiến thức mạo hoá.

Bài viết này, do đó, xuất phát từ một nỗi khổ tâm sâu sắc và một vị thế chẳng đặng đừng. Tôi viết bài này hoàn toàn không với mục đích tấn công cá nhân những người mà tôi sắp phải nêu tên ra đây. Tôi viết để thực hiện một trách nhiệm không thể lảng tránh của bất cứ một người cầm bút nào còn biết tôn trọng sự trung thực, sự lương thiện trí thức, và có tinh thần xây dựng. Bài viết này cũng không phải là lời kết tội vĩnh viễn đối với những tác giả ấy, vì tôi vẫn hy vọng rằng đây chỉ là hiện tượng mà không là bản chất, rằng đây chỉ là một lầm lỡ hiếm hoi trong cuộc đời văn học có ít nhiều giá trị của họ. Tuy nhiên, tôi muốn bài viết này được xem như một lời cảnh báo nghiêm trọng cho bất cứ ai muốn theo đuổi một sự nghiệp văn chương lành mạnh và có ý nghĩa.

Dưới đây, tôi xin thẳng thắn trình bày những điều tôi đã phát hiện sau khi đã bỏ rất nhiều công sức để kiểm chứng và tin rằng sự phát hiện đã đạt mức độ chính xác gần như tuyệt đối. Trước hết, tôi xin đề cập đến trường hợp của nhà nghiên cứu và giảng dạy văn học, vì đối với một

người ở vị thế ấy, trường hợp này nghiêm trọng hơn. Sau đó, tôi sẽ đề cập đến trường hợp của cây bút lão thành.

1. Trường hợp ông Hoàng Ngọc Hiến

Ngay trong đoạn văn đầu tiên của bài viết "Coi trọng trình độ văn hoá phải chăng là 'phản trí thức'?" (*Hợp Lưu* số 52, tháng 4&5/2000, tr.5-10), ông Hoàng Ngọc Hiến viết:

> "Ở cuối bài báo Chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam (Hợp Lưu, số 50/ 2000), Nguyễn Hưng Quốc nói một cách dứt khoát: "Chỉ cần mở các công trình phê bình về các nhà phê bình trên thế giới ở thế kỷ 20, chúng ta sẽ thấy ngay là không có bất cứ một nhà phê bình lớn nào lại không phải là một nhà lý thuyết" (tr.58). Nghe lời N.H.Q., sẵn có trong tay C.D. 99 bộ Encyclopedia Encarta tôi mở bài mục Literary Criticism (Phê bình văn học) đọc đến tiểu mục XX Century: the Individuals and the Theories (Thế kỷ XX: những Cá nhân và những Lý thuyết) thì tôi thấy rằng N.H.Q... nói sai. Ở tiểu mục này, có đoạn viết: "Phê bình văn học sáng giá thế kỷ 20 có thể chia thành hai nhóm. Một là: có một số cá nhân mà cách tiếp cận riêng theo cảm nghĩ cá nhân đối với văn học được chứng tỏ là có ảnh hưởng lâu dài. Hai là: có một số lý thuyết phê bình đã dược triển khai, chúng cung cấp cho độc giả một bộ khái niệm để tiếp cận nghiên cứu văn học". Tác giả bài mục phân biệt hai cách tiếp cận văn học trong phê bình văn học t.k.20: cách tiếp cận cá nhân (theo cảm nghĩ riêng) (personal approach) và cách tiếp cận lý thuyết (theoretical approach)."[1]

Vừa đọc, tôi đã lấy làm lạ rằng tại sao một giáo sư đại học như ông Hoàng Ngọc Hiến mà không hiểu được nhóm chữ "các công trình phê bình về các nhà phê bình" trong câu văn của ông Nguyễn Hưng Quốc. Vì tưởng rằng những bài giản lược về lịch sử phê bình văn học — những bài viết hết sức tổng quát, đơn giản, và mang tính mô tả — trong các bộ từ điển bách khoa phổ thông là "các công trình phê bình về các nhà phê bình", ông Hoàng Ngọc Hiến mở ngay *"C.D. 99 bộ Encyclopedia Encarta"* (xin chỉnh là *Microsoft Encarta Encylopedia 99*) để truy cứu, nhằm phản công ông Nguyễn Hưng Quốc.

Tôi lại càng ngạc nhiên khi thấy ông Hoàng Ngọc Hiến phải nhờ có bộ *Microsoft Encarta Encylopedia 99* — một bộ CD dành cho học sinh tiểu và trung học dùng kèm với computer để tiện tham cứu tổng quát [2] — thì mới *"thấy rằng N.H.Q... nói sai."*

Liền đó, khi thấy ông Hoàng Ngọc Hiến nêu lên nhan đề tiểu mục *"XX Century: the Individuals and the Theories"*, thì tôi giật mình,

vì tôi nghĩ rằng không có học giả Hoa Kỳ nào lại đặt nhan đề một tiểu mục vụng về như vậy. Vả lại, cách dùng chữ theo kiểu *"XX Century"* không phải là cách dùng chữ thường thấy trong giới nghiên cứu văn học Hoa Kỳ hiện nay.

Ngay sau đó, khi đọc đoạn văn do Hoàng Ngọc Hiến trích dẫn (và đặt vào giữa hai dấu ngoặc kép hẳn hoi) từ tiểu mục này, rằng: *"Phê bình văn học sáng giá thế kỷ 20 có thể chia thành hai nhóm. Một là: có một số cá nhân mà cách tiếp cận riêng theo cảm nghĩ cá nhân đối với văn học được chứng tỏ là có ảnh hưởng lâu dài.Hai là: có một số lý thuyết phê bình đã dược triển khai, chúng cung cấp cho độc giả một bộ khái niệm để tiếp cận nghiên cứu văn học"*, tôi kinh ngạc cùng tột. Tôi không thể tưởng tượng một học giả Hoa Kỳ nào được giao trách nhiệm viết encyclopedia (dù là encyclopedia cho học sinh phổ thông) mà lại tệ đến thế.

Thử nghĩ xem, có ai lại chia "phê bình văn học"? Người ta có thể chia các nhà phê bình văn học, hay chia các lý thuyết phê bình văn học, chứ làm sao chia "phê bình văn học"? Chia "phê bình văn học" đã là một ý nghĩ khôi hài, mà chia "phê bình văn học" thành hai nhóm, một nhóm là "một số cá nhân", một nhóm lại là "một số lý thuyết phê bình" lại là một ý nghĩ khôi hài hơn nữa: không lẽ người ta lại chia cá nhân ông Derrida qua một nhóm này, rồi lại chia lý thuyết phê bình của Derrida qua nhóm kia hay sao? Vả lại, tôi không thể hình dung câu văn *"Phê bình văn học sáng giá thế kỷ 20 có thể chia thành hai nhóm"* trong Anh ngữ sẽ là thế nào. Có lẽ nào lại là "Highly evaluated 20th-century literary criticism can be divided into two groups"? Thực là một câu văn buồn cười.

Trước hết, ai am tường về cung cách sinh hoạt trí thức của giới hàn lâm Tây phương đương đại hẳn phải biết rằng họ không bao giờ đem lời lẽ tán dương thừa thãi vào trong một bài giới thiệu mang tính tổng quan. Chữ *"sáng giá"* ở đây rất thừa. Không bao giờ một học giả Hoa Kỳ được chọn viết encyclopedia lại có thể ngớ ngẩn như vậy. Tôi ngờ rằng kiểu đem những chữ mang tính xiển dương thừa thãi như vậy là kiểu thường thấy trên sách vở Việt ngữ hiện nay ở Việt Nam.

Kế đến, tôi lại thấy câu văn *"có một số lý thuyết phê bình đã dược triển khai, chúng cung cấp cho độc giả một bộ khái niệm để tiếp cận nghiên cứu văn học"*, cũng rất đáng ngờ. Thử nghĩ xem, nguyên tác Anh ngữ sẽ ra sao? Thực là buồn cười. Hơn thế nữa, nếu *"một số lý thuyết phê bình"* mà chỉ có khả năng *"cung cấp cho độc giả một bộ khái niệm"*, thì *"một bộ khái niệm"* ấy được độc giả dùng để tiếp cận văn học, chứ tại sao lại để *"tiếp cận nghiên cứu văn học"*? Độc giả

chứ đâu phải là nhà nghiên cứu mà đụng đến *"nghiên cứu văn học"*? Và lý thuyết phê bình sao lại chỉ để cho việc nghiên cứu văn học? Phê bình văn học và nghiên cứu văn học tuy có liên hệ với nhau, nhưng là hai công tác khác nhau chứ?

Rủi thay cho ông Hoàng Ngọc Hiến, tôi lại có sẵn CD *Microsoft Encarta Encylopedia 99*. Khi mở mục "Literary Criticism" tôi thấy mục này chia thành 6 tiểu mục như sau: I. Introduction; II. Classical Antiquity; III. Middle Ages and Renaissance; IV. The 17th and 18th Century; V. The 19th Century; VI. 20th-century Approaches. Tiểu mục VI này chia thành hai phần nhỏ: A. Formalism, Structuralism, and New Criticism; B. Other Critical Methods.

Như thế, tôi lập tức nhận ra rằng bộ *Microsoft Encarta Encylopedia 99* không phải tệ hại như vậy, mà thực sự ông Hoàng Ngọc Hiến đã chế tạo ra tiểu mục gọi là *"XX Century: the Individuals and the Theories"*. Kiên nhẫn hơn nữa, tôi đọc trọn cả mục "Literary Criticism" mà không tìm đâu ra nguyên tác câu văn buồn cười mà ông Hoàng Ngọc Hiến đã "trích dẫn".

Tôi cũng không thể tìm đâu ra điều mà ông Hoàng Ngọc Hiến sung sướng phát hiện, rằng: *"Tác giả bài mục phân biệt hai cách tiếp cận văn học trong phê bình văn học t.k.20: cách tiếp cận cá nhân (theo cảm nghĩ riêng) (personal approach) và cách tiếp cận lý thuyết (theoretical approach)"*. Tôi theo cách hướng dẫn rất dễ dàng ở phần "Help" của *Microsoft Encarta Encylopedia 99* để "searching for a word or phrase" trong toàn bộ của CD vẫn không thể tìm ra nhóm chữ "personal approach" trong mục "Literary Criticism". Tôi chỉ tìm thấy nhóm chữ này ở mục "Jazz Saxophonist Sonny Rollins" và mục "Truffaut, Francoise", cũng như nhóm chữ "personal and existential approach" ở mục "Justification". Tại các mục khác như: "Acquired Immune Deficiency Syndrome", "Allah", "Animation", "Carl Rogers", "Crafts", "Criminology", " Criticism, Literary", "Dutch Literature", "Ethnology", "Freud, Sigmund", "God", "Greco, El", "Jazz Trumpeter Miles Davis", "John B. Watson", "Jung, Carl Gustav", "Learning", "Medicine", "Mental Illness", "Obesity", "Psychotherapy", "Sales Promotion", "The Pad", và "Wealth", tôi chỉ tìm thấy hoặc là chữ "personal", hoặc là chữ "approach", đi rời nhau.

Cẩn thận hơn, tôi vào tìm thẳng tại website của nhà xuất bản của *Microsoft Encarta Encylopedia* ở <http://encarta.msn.com/>. Tại đó, tôi cũng không thể nào tìm ra nhóm chữ "personal approach" ở mục "Literary Criticism". Cẩn thận hơn nữa, tôi gửi email cho nhà xuất bản qua địa chỉ EncartaFeedback@css.one.microsoft.com, để nhờ tìm giúp,

thì được ông Ted Dworkin, Managing Editor của Encarta Online, trả lời rằng hoàn toàn không có nhóm chữ ấy trong bất cứ mục nào liên hệ đến văn học và phê bình văn học trong Encarta.

Nhóm chữ "theoretical approach" cũng chịu số phận tương tự như thế. Trong *Microsoft Encarta Encylopedia 99*, nhóm chữ này chỉ được tìm thấy trong các mục: "Anthropology" và "Physics". Trong các mục "Learning", "Semantics" và "Sociology", tôi tìm ra nhóm chữ "theoretical approaches". Còn ở các mục "Archaeology", "Central Processing Unit", "Computer Science", "Feynman, Richard Phillips", "Psychotherapy", "Saussure, Ferdinand de" và "Semantics", tôi chỉ tìm thấy chữ "theoretical" và chữ "approach" đi rời nhau, mỗi nơi một chữ.

Tôi phải khổ công và mất nhiều thì giờ như vậy vì tôi cứ cố gắng tin rằng một nhà "trí thức" nổi danh quốc nội, như ông Hoàng Ngọc Hiến, lẽ nào lại chỉ muốn giành phần thắng trong cuộc tranh luận với một câu viết của ông Nguyễn Hưng Quốc mà đã liều lĩnh thực hiện một hành động cực kỳ phản trí thức là chế tạo tài liệu giả một cách lạ lùng như vậy.

Hẳn phải tuyệt vọng lắm ông mới làm thế. Mà tuyệt vọng là phải, vì ngay trong *Microsoft Encarta Encylopedia 99*, ở tiểu mục "20th-Century Approaches", chẳng có một lời nào phù hợp với ý muốn của ông rằng *"có hai cách tiếp cận văn học trong phê bình văn học t.k.20: cách tiếp cận cá nhân (theo cảm nghĩ riêng) (personal approach) và cách tiếp cận lý thuyết (theoretical approach)"*. Ngược lại, tiểu mục này có hai phần: ngay ở phần A, nó đã nhấn mạnh đến các trường phái phê bình có những lý thuyết gây ảnh hưởng quan trọng trong thế kỷ 20 là Formalism, Structuralism, và New Criticism; và ở phần B, nó lại đưa ra những phương pháp phê bình khác xây dựng trên những cơ sở lý thuyết ít có ảnh hưởng hơn.

Nhân đây, tôi xin copy và paste nguyên văn tiểu mục về phê bình văn học thế kỷ 20 từ đĩa *Microsoft Encarta Encylopedia 99* để quý độc giả không có sẵn tư liệu ấy được dịp tận mắt tham cứu. Xin quý độc giả xem chú thích số 3 ở cuối bài.[3]

*

Toàn thể bài viết của ông Hoàng Ngọc Hiến chỉ có hai chỗ trích dẫn tài liệu văn học quốc tế. Ngoài đoạn "trích dẫn" giả mạo từ *Microsoft Encarta Encylopedia 99* như tôi đã trình bày trên đây, ông Hoàng Ngọc Hiến còn đưa ra một câu trích dẫn khác ở đoạn thứ ba của

cùng bài viết ấy. Lần này, xuất xứ của câu trích dẫn là có thực, nhưng cách trích dẫn và dịch Việt ngữ lại vấp phải một số lầm lỗi khác, trong đó có hành động giả nguồn tài liệu bậc hai (secondary source) thành nguồn tài liệu gốc (primary source) và tự ý cắt xén nguyên tác để phục vụ cho luận điểm riêng. Những lầm lỗi này không quá sức nặng nề như việc sáng chế tài liệu giả, nhưng vẫn là những hành vi không thể chấp nhận được trong sinh hoạt trí thức. Vì thế, tôi cũng xin được trình bày một cách chi tiết dưới đây để chúng ta cùng lưu ý.

Ông đặt câu trích dẫn vào giữa hai ngoặc kép của câu văn dưới đây:

> *Mặt khác, cũng phải thấy rằng: "Lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết là một trong những thể loại (genre) đặc biệt của lời lẽ lý thuyết (theoretical discourse) ... một moment biện chứng không tránh khỏi ở bên trong lời lẽ lý thuyết..." (W.J.T.Mitchell)*[4]

Cho câu trích dẫn này, ông ghi trong cước chú số 1 là: "xem *The Limits of Theory*. Stanford University Press 1989, p.2." (Trong bản in trên *Hợp Lưu*, toà soạn đã để sót cước chú này, nhưng tôi đã được ông Khánh Trường, chủ bút *Hợp Lưu*, chuyển qua email nguyên bản gốc có đầy đủ cước chú của ông Hoàng Ngọc Hiến.)

Thực ra, tác giả của cuốn sách có nhan đề *The Limits of Theory* do Stanford University Press xuất bản năm 1989 không phải là W.J.T. Mitchell mà là Thomas M. Kavanagh. Nói cho đúng, Thomas M. Kavanagh là người biên tập và viết phần giới thiệu cuốn sách đó. Cuốn *The Limits of Theory* cả thảy là chín luận văn: hai bài của Thomas M. Kavanagh, và bảy bài kia là của bảy tác giả Michel Serres, Vincent Descombes, Clément Rosset, Francois Roustang, Roy Roussel, Josué Harari và René Girard. Trong đó, hoàn toàn không có bài của W.J.T. Mitchell.

Cách làm của ông Hoàng Ngọc Hiến quả là kỳ lạ. Dưới cái nhìn hàn lâm, sự kỳ lạ này được thể hiện cùng lúc qua ba hành động:

1. Ông trích lại câu trích dẫn của Thomas M. Kavanagh, mà ông làm ra vẻ như chính ông đọc văn bản của W.J.T. Mitchell. Ông ghi tên W.J.T. Mitchell ngay sau câu trích dẫn, và chú thích là "xem *The Limits of Theory*. Stanford University Press 1989, p.2." Như thế, ông đã giấu tên của Thomas M. Kavanagh. Một học giả thành thực phải ghi trong cước chú rằng: "Trích theo Thomas M. Kavanagh (ed.), *The Limits of Theory* (Stanford: Stanford University Press, 1989), 2."

2. Đã trích lại từ tài liệu của Thomas M. Kavanagh, nghĩa là dùng nguồn tài liệu bậc hai (secondary source) mà giả là nguồn tài liệu gốc (primary source), ông còn giấu bớt nửa câu do Thomas M. Kavanagh

trích. Nguyên câu do Thomas M. Kavanagh trích từ W.J.T. Mitchell là: "The antitheoretical polemic is one of the characteristic genres of theoretical discourse . . . an inevitable dialectical moment within theoretical discourse, the moment when theory's constructive, positive tendency generates its own negation." Thomas M. Kavanagh ghi trong cước chú là: "See his introduction to *Against Theory: Literary Studies and the New Pragmatism,* ed. W.J.T. Mitchell (Chicago, 1985), p.2." Như chúng ta thấy, nửa câu ông Hoàng Ngọc Hiến giấu bớt là nửa câu hết sức quan trọng, vì nó giải thích cho ý nghĩa của chữ "moment" trước đó. Vì nửa câu ấy là quan trọng như thế, Thomas M. Kavanagh đã không thể cắt bỏ nó khi trích W.J.T. Mitchell. Phải chăng ông Hoàng Ngọc Hiến giấu bớt nó đi với chủ tâm làm độc giả hiểu lầm ý nghĩa câu văn của W.J.T. Mitchell mà sự hiểu lầm này lại vô tình làm mạnh thêm cho luận điểm của ông?

3. Đã trích lại lời trích dẫn của tác giả khác mà không công bố xuất xứ, rồi giấu bớt nửa câu để làm lệch nghĩa, ông còn có vẻ như cố tình dịch sai theo ý ông nữa. Để có thể bàn sâu về điểm này, tôi xin phép được đặt câu trích dẫn trên đây vào trong chính văn mạch của nó. Nguyên đoạn văn của Thomas M. Kavanagh bằng Anh ngữ là thế này:

> The word "limit" is used here in its mathematical sense. It designates a frontier beyond which a change occurs, a border beyond which one thing becomes another. The title *The Limits of Theory* must not, in other words, be read as taking a position *against* theory, or as summarily dismissing the role and importance of theory. Attractive as that option may be for certain critics, it is a polemicist's illusion. In fact, no consideration of literature or any other cultural artifact can take place outside an at least implicit theory that both sustains and shapes its critical discourse. Murray Krieger has put the impossibility of our being, in any consequential way, againsr theory quite well: "Our choice is not between having a theory or not having one; for have one (or two or three or more incompatible ones) we must. Our choice is rather between having an awareness of those theoretical issues which our criticism inevitably raises or going along without such an awareness." Arguing in a similar fashion, W.J.T. Mitchell points out that to epouse a position against theory is to make an integral move *within* the discourse of theory: "The antitheoretical polemic is one of the characteristic genres of theoretical discourse . . . an inevitable dialectical moment within theoretical discourse, the moment when theory's constructive, positive tendency generates its own negation." [Đối với câu trích dẫn từ Murray Krieger, Thomas M. Kavanagh ghi trong cước chú: Murray Krieger, *Theory of Criticism: A Tradition and Its Systems* (Baltimore, Md., 1976), p.7][5]

Trước khi dịch lại nguyên đoạn này ra Việt ngữ để phục vụ quý

bạn đọc không sành Anh ngữ, tôi muốn chúng ta lưu ý đến chữ "polemic". Chữ này xuất phát từ chữ Hy Lạp "polemikós", nghĩa là "hiếu chiến", "ưa gây chiến". Chữ "polemikós" xuất phát từ chữ "pólemos" là "chiến tranh". Chữ "polemikós" còn đồng nghĩa với chữ Anh "belligerent"; và chữ "belligerent" lại xuất phát từ chữ La Tinh "belligerare", là "gây chiến" (do "bellum" là "chiến tranh" cộng với "gerere" là "gây ra"). Trong Anh ngữ, chữ "polemic" có cả hai dạng danh từ và tính từ (tương đương với tính từ "polemical"). Nó cũng làm sinh ra danh từ "polemicist" (hay "polemist"), động từ "polemicize" (hay "polemize"), danh từ "polemics", danh từ "polemology", và tính từ "polemological". Cuốn *Từ Điển Anh-Việt* (Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia, Viện Ngôn Ngữ Học, nhà xuất bản T.P. Hồ Chí Minh, 1998, trang 1301) giảng nghĩa chính xác rằng chữ "polemical" (cũng như "polemic") là: 1/ thuộc về thuật luận chiến; 2/ tranh cãi cho một trường hợp rất mạnh mẽ thường với ý định muốn gây tranh luận hoặc khiêu khích.

Bây giờ tôi xin tạm dịch toàn thể đoạn văn nêu trên của Thomas M. Kavanagh. Tôi sẽ cố gắng dịch hết sức sát nghĩa:

> "Chữ "giới hạn" được dùng ở đây trong ý nghĩa toán học của nó. Nó vạch một ranh giới mà qua khỏi đó thì một sự thay đổi xảy ra, một đường biên mà qua khỏi đó thì một điều này trở thành một điều khác. Nói cách khác, nhan đề *Những Giới Hạn của Lý Thuyết* nhất thiết không được đọc như là sự chiếm giữ một vị trí *chống* lý thuyết, hoặc như là sự dẹp bỏ tức khắc vai trò của lý thuyết. Đối với một số nhà phê bình nào đó, sự lựa chọn này có vẻ hấp dẫn, nhưng nó là một ảo ảnh của kẻ thích gây luận chiến. Thực ra, không sự phán đoán nào về văn học hay về bất cứ một sự kiện văn hoá nào khác lại có thể ngự trị bên ngoài một lý thuyết tiềm ẩn tối thiểu mà lý thuyết này vừa duy trì vừa định hình cho sự hành ngôn mang tính phê bình của nó. Murray Krieger đã đặt sự bất khả của hiện hữu của chúng ta, một cách thật nghiêm trọng, đối nghịch với lý thuyết rất khéo léo: "Sự chọn lựa của chúng ta không phải là giữa việc có một lý thuyết hay không có một lý thuyết; bởi vì chúng ta phải có một lý thuyết (hay hai hay ba hay nhiều lý thuyết bất thích nghi khác). Sự chọn lựa của chúng ta tốt hơn nên là giữa việc có một nhận thức về những vấn đề mang tính lý thuyết mà sự phê bình của chúng ta không thể tránh khỏi phải nêu lên hay việc gạt bỏ một nhận thức như vậy." Cùng một cách lý luận như vậy, W.J.T. Mitchell chỉ ra rằng ủng hộ một vị trí chống lý thuyết là thực hiện một cử chỉ không thể thiếu được *trong* hành ngôn của lý thuyết: "Luận chiến phản lý thuyết là một trong những thể loại mang tính đặc trưng của hành ngôn lý thuyết... một khoảnh khắc mang tính biện chứng không thể tránh khỏi xảy ra trong phạm vi hành ngôn lý thuyết, một khoảnh khắc khi xu hướng mang tính xây dựng, tích cực của lý thuyết làm phát ra sự phủ nhận của chính nó."

Xin độc giả hãy so sánh ý nghĩa của đoạn văn trên với cách ông Hoàng Ngọc Hiến trích lại và dịch thành: *"Lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết là một trong những thể loại (genre) đặc biệt của lời lẽ lý thuyết (theoretical discourse) ... một moment biện chứng không tránh khỏi ở bên trong lời lẽ lý thuyết..."*

Trước hết, tôi thấy ông Hoàng Ngọc Hiến dịch nhóm chữ "the antitheoretical polemic" thành "lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết" là không sát nghĩa. Chữ "polemic" không phải chỉ là "lời lẽ tranh cãi". Như tôi đã trình bày ở trên, chữ "polemic" diễn tả thái độ của kẻ ưa "gây chiến" ("polemikós"), với ý định muốn gây tranh luận hoặc khiêu khích.

Ngoài ra, cách ông Hoàng Ngọc Hiến dịch nhóm chữ "the antitheoretical polemic" thành "lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết" cũng có thể khiến người đọc đối chiếu với nhóm chữ "lời lẽ lý thuyết" trong cùng câu, và tưởng tượng rằng "lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết" là cái gì có thể tồn tại độc lập bên ngoài phạm vi hành ngôn lý thuyết (theoretical discourse) mà ông Hoàng Ngọc Hiến dịch là "lời lẽ lý thuyết".

Thực ra, trong nhóm chữ "theoretical discourse", chữ "discourse" không chỉ đơn giản là "lời lẽ" theo kiểu chung chung như ông Hoàng Ngọc Hiến dịch. Chữ "discourse" là một thuật ngữ quan trọng trong việc nghiên cứu và phê bình văn học thế kỷ 20. Để giải thích chữ này, Paul A. Bové đã viết một tiểu luận dài hơn 15 trang khổ lớn với chữ in nhỏ (xem Paul A. Bové, "Discourse", trong Frank Lentricchia and Thomas McLaughlin, *Critical Terms for Literary Study,* Chicago University Press, Chicago, 1995, trang 50-65). Một cách hết sức tóm tắt, thô thiển, và tất nhiên rất thiếu sót, chúng ta có thể hiểu rằng "discourse" là một phạm vi hành ngôn đặc thù mang tính lịch sử và tính chức năng của một hoạt động chuyên biệt mà hoạt động này hiện hữu trong môi trường ngôn ngữ (ví dụ: hành ngôn thi ca, hành ngôn tiểu thuyết, hành ngôn lý thuyết, v.v...). Trong mỗi phạm vi hành ngôn, người ta có thể sử dụng nhiều loại "lời lẽ" khác nhau.

Có nắm được ý nghĩa của chữ "discourse", chúng ta mới thấy rằng W.J.T. Mitchell xem lý thuyết là cái có một "discourse", còn phản lý thuyết chỉ là một thái độ "polemic", và chỉ là một trong những thể loại mang tính đặc trưng của "theoretical discourse". Vì thế, tôi thiết nghĩ, khi ông Hoàng Ngọc Hiến dịch "antitheoretical polemic" là "lời lẽ tranh cãi phản lý thuyết", và "theoretical discourse" là "lời lẽ lý thuyết", hoặc là ông không rành các thuật ngữ văn học trong Anh ngữ nên ông hiểu không đúng, hoặc là ông rất rành, nhưng ông cố ý

dịch không đúng, nhằm đánh lừa người đọc. Cả hai điều này, điều nào cũng là một lỗi lầm lớn trong sinh hoạt tranh luận mang tính học thuật.

Cũng vì một trong hai điều ấy, ông Hoàng Ngọc Hiến đã phải cắt bỏ sự xác nhận của W.J.T. Mitchell về xu hướng mang tính xây dựng và tính tích cực của lý thuyết, và sự xác nhận rằng chính xu hướng này, trong một khoảnh khắc mang tính biện chứng, đã làm phát ra thái độ luận chiến chống lý thuyết — một thái độ tự nó mang tính lý thuyết. Ở đây, chúng ta lại thấy thêm một chữ rất dễ dịch — chữ "moment" — mà ông Hoàng Ngọc Hiến đã cố ý để nguyên bằng Anh ngữ, tránh dịch ra Việt ngữ thành chữ "khoảnh khắc". Tôi tự hỏi phải chăng ông Hoàng Ngọc Hiến sợ người đọc thấy rõ quan điểm của W.J.T. Mitchell rằng "theoretical discourse" là dài lâu, còn "antitheoretical polemic" chỉ là khoảnh khắc biện chứng nẩy sinh từ chính tính cách xây dựng và tích cực của "theoretical discourse"?

Tôi cũng muốn nói thêm về ý nghĩa của nhóm chữ "một khoảnh khắc mang tính biện chứng không thể tránh khỏi" ("an inevitable dialectical moment"). Dùng nhóm chữ này, W.J.T. Mitchell muốn khẳng định rằng, trong phạm vi "theoretical discourse", một lý thuyết là chính đề (thesis), và ở khoảnh khắc mà lý thuyết ấy đã đi đến "giới hạn" của nó, thì cái "antitheoretical polemic" nẩy sinh ra từ chính nó như một phản đề (antithesis), đối lập với chính đề, nhằm dẫn đến một hợp đề (synthesis), và hợp đề này vẫn nằm trong phạm vi "theoretical discourse" dưới dạng một lý thuyết mới. Chính vì thế, Thomas M. Kavanagh nhận định rằng con người không thể thoát khỏi lý thuyết, và rằng sự chiếm giữ một vị trí *chống* lý thuyết, hay ý muốn dẹp bỏ tức khắc vai trò của lý thuyết, chỉ là một ảo ảnh của kẻ thích gây luận chiến.[6]

Những điều tôi phân tích và trình bày một cách chi tiết trên đây là để cho chúng ta thấy rằng ông Hoàng Ngọc Hiến, chỉ vì muốn bảo vệ luận điểm của mình và tấn công đối phương, đã thực hiện một số những hành động vi phạm trầm trọng đến những nguyên tắc sinh hoạt trí thức và học thuật. Những hành động như vậy, nếu tiếp tục xảy ra ở mức độ phổ biến trên một đất nước, sinh hoạt trí thức và học thuật của đất nước ấy tất nhiên không còn giá trị gì nữa. Hơn thế, những hành động này, đặc biệt là hành động sáng chế tài liệu giả, còn xúc phạm trầm trọng đến những giá trị đạo đức căn bản của người cầm bút.[7]

2. Trường hợp ông Lê Đạt

Vào tháng giêng năm nay, tôi cũng đã giật mình kinh ngạc khi đọc

đoạn văn số 4 trong bài viết "Hậu... từ" của nhà thơ Lê Đạt (*Việt*, số 5/ 2000, tr.138-143). Tôi xin trích lại nguyên văn dưới đây:

> **4.** Nói rằng nhà thơ không thích danh vọng là nói dối. Nhưng một nghệ sĩ tự trọng phải cẩn thận lắm với danh vọng. Nó dễ tác động đến ta như một thứ ma tuý nguy hiểm.
>
> Theo A.E. Hotchner, tác giả cuốn *Bố Hemingway*, nhà văn Hoa Kỳ nổi tiếng này không ưa Sartre về tội dài dòng, nhưng lại phục nhà triết học hiện sinh vì đã khước từ giải thưởng Nobel.
>
> Với thói quen phũ mồm, Hemingway tâm sự: "Tôi đồ chừng Sartre đã biết giải thưởng này là một con điếm nó có khả năng quyến rũ và đổ bệnh sida [aids] cho anh. Đã có một thời chính tôi cũng biết điều này, nhưng giờ đây con điếm mà người ta gọi là 'danh vọng' ấy đã tóm cổ được tôi và anh có hiểu nó là ai không? — Nó là em gái của thần chết!"
>
> Nhà văn Mỹ Jerome Charyn mà nhiều người coi như học trò của Hemingway đã viết về 'thầy' như sau: "Sự nổi tiếng ập đến như sét đánh. Rõ ràng là ông đã lạm dụng nó khá nhiều... Bất cứ lúc nào ông cũng đứng cho thiên hạ chụp ảnh trên boong tàu hay hiên ngôi biệt thự tại Cuba..."
>
> Trong lịch sử văn học, không ít nhà văn nhà thơ có tài năng hẳn hoi đã phung phí đời mình vì bận 'diễn' vai mà vinh quang đã khoác lên người họ, hay nói theo ngôn ngữ thời thượng vì mải chạy 'sô' (show). Ai bảo cái gánh mũ mãng râu ria và cờ đèn kèn trống kia không nặng nợ?[8]

Trước hết, tôi giật mình vì sự sai lệch quá trớn về kiến thức:

1/ Hemingway đoạt giải Nobel năm 1954, và qua đời năm 1961. Cho đến năm 1964, Sartre mới đoạt giải Nobel và từ chối nhận lãnh. Hemingway đoạt giải Nobel trước Sartre đến 10 năm, và qua đời 3 năm trước khi Sartre đoạt giải Nobel, thì làm sao Hemingway còn sống mà khâm phục việc Sartre từ chối giải Nobel?

2/ Bệnh SIDA (AIDS) mới được phát hiện lần đầu vào năm 1979 tại Hoa Kỳ, thì lúc Hemingway còn sống làm sao có thuật ngữ "AIDS" mà ông dùng?

Là một kẻ từng có nhiều năm say mê Hemingway và đã đọc rất nhiều tài liệu về Hemingway, tôi không thể nào tưởng tượng được Hemingway lại có thể phát biểu theo cách này: *"Tôi đồ chừng Sartre đã biết giải thưởng này là một con điếm nó có khả năng quyến rũ và đổ bệnh sida [aids] cho anh. Đã có một thời chính tôi cũng biết điều này, nhưng giờ đây con điếm mà người ta gọi là 'danh vọng' ấy đã tóm cổ được tôi và anh có hiểu nó là ai không? — Nó là em gái của thần chết!"*

Ngay cả nếu tôi cố tình gạt đi cái chi tiết bệnh "sida" ngớ ngẩn, câu văn này cũng không có vẻ gì là của Hemingway cả, mà lại toát ra một vẻ rất kịch tính Hà Nội. Lê Đạt để câu văn này giữa hai ngoặc kép hẳn hoi, như thể nó được trích dịch chính xác từ cuốn *Bố Hemingway* của A.E. Hotchner. Rủi thay, tôi lại sẵn có nguyên tác cuốn ấy trong tủ sách. Đó là cuốn *Papa Hemingway* của A.E. Hotchner, do nhà Weidenfeld and Nicolson xuất bản tại London năm 1966. Sách gồm 14 trang mở đầu, đánh số La Mã, và 299 trang chính, đánh số Ả Rập. Tôi đã từng đọc cuốn này, và quả thực tôi không thể nhớ nổi Hemingway có lần nào phát biểu tương tự như thế.

Vì đoạn trích dẫn lạ lùng của ông Lê Đạt, tôi đã phải cẩn thận xem lại toàn thể 313 trang của cuốn sách để tìm thử Hemingway có phát biểu điều gì tương tự như thế về Sartre, mà vì cao hứng, ông Lê Đạt đã tự ý "khai triển" thêm chút ít về bệnh sida và giải Nobel cho hấp dẫn thêm chăng. Tôi phải xem lại từng trang như thế, vì cuốn sách ấn hành từ năm 1966, và cũng không phải là loại sách nghiên cứu, nên không có phần index ở cuối sách.

Sau nhiều giờ đồng hồ kiên nhẫn tìm kiếm, tôi tìm thấy tên ông Jean-Paul Sartre chỉ được đề cập đúng hai lần ở cuối trang 14 và đầu trang 15, đoạn A.E. Hotchner kể chuyện hai vợ chồng ông đến thăm và ở trọ nhà Hemingway. Người đầu tiên nhắc đến tên Jean-Paul Sartre là bà Mary, phu nhân của Hemingway. Người kế tiếp nhắc đến Sartre là Hemingway, nhưng chỉ nhắc thoáng qua mà thôi. Nguyên văn đoạn ấy như sau (tôi xin trích nguyên văn Anh ngữ để quý độc giả thưởng lãm):

> On this first visit to the *finca* my wife and I were to be quartered in the guest house, but Mary Hemingway, a golden vivacious woman, greeted us with apologies that it was not quite ready. 'Jean-Paul Sartre showed up unexpectedly yesterday with a lady friend,' she said, 'and the sheets haven't been changed yet.'
>
> On our way up to the main house Ernest confided: 'You know what Sartre told me at dinner last night? That a newspaperman made up the word "existentialism" and that he, Sartre, had nothing to do with it.'[9]
>
> (Trong chuyến viếng thăm *gia trang* lần đầu tiên, vợ tôi và tôi đáng lẽ được đưa vào nhà khách vãng lai, nhưng Mary Hemingway, một người đàn bà óng ả linh hoạt, đã chào đón chúng tôi với lời cáo lỗi rằng nơi ấy chưa được dọn dẹp tề chỉnh. 'Jean-Paul Sartre bất ngờ đến đây ngày hôm qua với một cô bạn gái,' bà ấy nói, 'và mấy tấm trải giường chưa được thay.'
>
> Trong khi đang rảo bước lên ngôi nhà chính, Ernest nói riêng với tôi: 'Bạn có biết Sartre nói gì với tôi trong bữa ăn tối hôm qua không? Anh ấy nói rằng một tên nhà báo đã chế ra từ "chủ nghĩa hiện sinh" và rằng anh ấy, Sartre, đã chẳng dính dự gì vào chuyện ấy cả.')

Suốt cuốn *Papa Hemingway,* Sartre chỉ được nhắc đến chừng ấy mà thôi, không còn lần nào khác cả. Vậy thì ông Lê Đạt tìm ở đâu ra lời phát biểu đầy kịch tính Hà Nội nêu trên?

Tiếp ngay sau đoạn tài liệu mạo hoá này, đoạn văn kế tiếp của ông Lê Đạt cũng khiến tôi băn khoăn nghi ngờ rất nhiều. Tôi cũng có đọc ít nhiều sách của Jerome Charyn hay những bài viết về Jerome Charyn, mà chưa từng gặp ở đâu có nhận định rằng Jerome Charyn được nhiều người xem như học trò của Hemingway. Đáng lẽ ông Lê Đạt phải nói rõ ra "nhiều người" đó là ai, và họ đã nhận định như thế trong những tài liệu nào. Trong cuốn *Papa Hemingway* và nhiều cuốn khác viết về cuộc đời của Hemingway, tôi chưa từng thấy Jerome Charyn được nhắc đến. Ngay cả chính Jerome Charyn cũng hiếm khi nhắc đến Hemingway trong các tác phẩm của ông. Cho đến nay, ông là tác giả của 35 tác phẩm, trong đó, 33 cuốn là văn chương hư cấu, và 2 cuốn là luận văn. Hiện tôi đang có 2 tập luận văn ấy.

Trong tập luận văn *Metropolis: New York as Myth, Market Place and Magical Land* (1986), một cuốn sách bàn về sinh hoạt văn chương thế kỷ 20 ở New York, Jerome Charyn chỉ nhắc đến Hemingway trong đúng một câu rất ngắn ở trang 266, khi mô tả về Robert Cohn. Câu ấy như sau: "In Hemingway's *The Sun Also Rises*, Robert Cohn becomes the middleweight boxing champ at Princeton."[10]

Trong tập luận văn *Movieland: Hollywood and the Great American Dream Culture* (1996), Jerome Charyn chỉ nhắc đến Hemingway có hai lần: một lần ở trang 146, khi nói đến cuộc tranh chấp giữa người Thổ và người Hy Lạp, chỉ trong một câu rất ngắn: "Hemingway described the aftermath of one particular war between Greek and Turkish nationals in his short story 'On the Quai at Smyrna' "[11]; một lần ở trang 171, khi bàn về văn chương của Raymond Chandler, cũng chỉ trong một câu rất ngắn: "He couldn't write a story half as good as Ernest Hemingway."[12]

Bên cạnh 2 tập luận văn này, Jerome cũng đã đăng một số bài viết lẻ tẻ trên các tạp chí. Tôi cũng đã được xem tất cả các bài ấy, và cũng chưa từng thấy ông bàn bạc gì về cuộc đời của Hemingway cả. Vậy, tôi mong mỏi ông Lê Đạt công bố xuất xứ của câu văn sau đây của Jerome Charyn về Hemingway (mà ông Lê Đạt đã cẩn thận đặt vào giữa hai dấu ngoặc kép) để quý độc giả được tận mắt thưởng lãm: *"Sự nổi tiếng ập đến như sét đánh. Rõ ràng là ông đã lạm dụng nó khá nhiều... Bất cứ lúc nào ông cũng đứng cho thiên hạ chụp ảnh trên boong tàu hay hiên ngôi biệt thự tại Cuba..."*

Tôi chưa dám cả quyết rằng ông Lê Đạt lại bịa cả câu nói này của

Jerome Charyn, nhưng sau câu trích dẫn mạo hoá của ông từ cuốn *Bố Hemingway*, tôi không thể nào tiếp tục an tâm đối với những trích dẫn không xuất xứ của ông nữa. Không an tâm, nên tôi đành phải hoài nghi tất cả những gì ông Lê Đạt viết về chuyện này. Sự hoài nghi của tôi không phải không có lý do.

Ví dụ: cho rằng giải Nobel là một *"sự nổi tiếng ập đến như sét đánh"* đối với Hemingway là điều rất đáng xét lại, vì trước khi đoạt giải Nobel vào tháng 10/1954, ông đã là khuôn mặt lừng danh thế giới được trao các giải rất lớn như Pulitzer Prize, vào tháng 5/1953, và American Academy of Arts Award of Merit do Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật Hoa Kỳ trao vào tháng 4/1954. Trong cuốn *Papa Hemingway,* A.E. Hotchner còn ghi nhận rằng từ mùa hè năm 1954, người ta đã sôi nổi dự đoán Hemingway sẽ đoạt giải Nobel năm ấy.[13] Ví dụ: cho rằng nhiều người xem Jerome Charyn như học trò của Hemingway là điều rất đáng ngờ. Hemingway qua đời năm 1961, mà đến năm 1964 Jerome Charyn mới xuất bản cuốn sách đầu tay *Once upon a Droshky*, mà ngay cả văn phong và kỹ thuật của cuốn này cũng chẳng có gì biểu lộ ảnh hưởng của Hemingway. Thế thì sao lại gọi là "học trò"? Ví dụ: nêu lên nhận xét của Jerome Charyn về thái độ khoe mẽ hợm hĩnh của Hemingway sau khi nhà văn vừa đoạt giải Nobel cũng là điều rất đáng ngờ. Hemingway đoạt giải Nobel năm 1954, lúc đó Jerome Charyn mới 17 tuổi, còn ở trường trung học, thì làm sao Jerome Charyn chứng kiến được hành vi của Hemingway mà dám "viết về thầy"? Đợi lớn lên, rồi mới tưởng tượng và viết như thể mình đã chứng kiến tận mắt sao? Mà nếu Jerome Charyn dựa vào sách báo để viết, thì liệu có sách báo nào đã viết như thế về Hemingway?

Hiện trong tay tôi có sẵn một số sách viết về cuộc đời của Hemingway, và không có cuốn nào mô tả ông khoe mẽ hợm hĩnh như vậy sau khi đoạt giải Nobel.

Ngay cả cuốn *Papa Hemingway* (mà ông Lê Đạt "trích dẫn") đã mô tả Hemingway như một người suốt đời không thích đám đông, không thích trò chụp hình và phỏng vấn. Trước khi Hemingway đoạt giải Nobel, trong một lần ghé lại thị trấn Cuneo gần vùng núi Alps vào đầu năm 1954, ông đã bị một đám đông phát hiện và bu quanh. Ông phải vùng vẫy để trốn thoát nhờ sự giúp đỡ của một số quân nhân ở một doanh trại gần đó. Ông run rẩy và giận dữ nói: "A thing like that spooks you".[14] Rồi ông nguyền rủa báo chí: "All that goddamn publicity!".[15] Sau đó, ông lên án những trò xuyên tạc và những phiền phức mà báo chí đã gây ra cho đời ông, và ông nói với A.E. Hotchner:

"Tôi sẽ không bao giờ để một bài báo nào viết về tôi nữa nếu tôi đủ

sức ngăn chận. Trước đây tôi đã có một cuộc sống riêng tư dễ thương với rất nhiều niềm hãnh diện không cần phải công bố và xuất bản, và bây giờ tôi cảm thấy như có người đem rác xả vào đó rồi chùi tay họ trên giấy láng và vứt lại đó. Tôi nên dời đi châu Phi hay ra ngoài biển để ở. Tôi không thể ngay cả vào vùng Floridita bây giờ. Không thể đi Cojimar. Không thể ở nhà. Nó có thể làm bạn phát điên đấy, Hotch à."[16]

Ngay hôm đó, Hemingway phải cạo sạch bộ râu cằm để khỏi phải bị quần chúng phát hiện trong những ngày còn lại của cuộc du lịch.[17]

A.E. Hotchner mô tả phản ứng của Hemingway ngay sau khi nghe tin đoạt giải Nobel vào tháng 10 năm 1945 như thế này:

"Ernest tự cho mình lý do để khỏi tham dự những cuộc lễ ở Stockholm, lấy cớ rằng những vết thương của vụ đụng máy bay vẫn chưa lành, nhưng ngay cả nếu ông ở trong tình trạng sức khoẻ hoàn toàn khoẻ mạnh, tôi cũng hết sức nghi ngờ rằng ông sẽ đi dự. Suốt đời Ernest đã xuất hiện rất ít trước công chúng, nguyên nhân có thể là tính mắc cở quá đáng của ông và sự ghét cay ghét đắng của ông đối với việc diện com-plê. 'Mặc đồ lót là đã nghiêm chỉnh lắm đối với tôi rồi,' có lần ông bảo tôi như vậy — và theo chỗ tôi biết thì ông đã chẳng bao giờ mặc đồ lót."[18]

Tất nhiên, ngay sau giải Nobel, giới báo chí đã mò đến và vây lấy Hemingway để chụp hình và săn tin, nhưng ông hoàn toàn không thấy rằng việc đoạt giải đã đem đến cho ông điều gì đáng thưởng thức. Ông tâm sự với A.E. Hotchner:

"Tôi đã chẳng có cơ hội nào để thưởng thức nó, nếu có điều gì về nó được giả thiết là đáng thưởng thức; chỉ có đám nhiếp ảnh viên, người ta trích dẫn sai lầm ý của bạn và lao nhao lải nhải, — và cuốn sách của tôi, chỉ có nó là tôi quan tâm đến, và tôi đã vùi đầu vào sống trong nó cả ngày lẫn đêm, nó bị tôi đập văng ra khỏi đầu như lấy gậy đập cá vậy.

Ừ thì trong khoảng hai ba ngày có đám nhiếp ảnh và đủ loại khác mò đến, rồi tôi nói trò này sẽ không tiếp diễn nữa và tôi quay trở lại với cuốn sách."[19]

Khi Bob Manning, đại diện của tờ *Time*, một tạp chí lớn của thế giới, muốn phỏng vấn Hemingway để viết một bài về giải Nobel của ông, ông có phản ứng như sau:

"Tôi nói với nó qua điện thoại và bảo rằng tôi sẵn sàng cho bất cứ điều gì nếu tờ *Time* đừng viết một bài chủ điểm nào cả về tôi, nhưng nó nói dẫu sao thì họ cũng phải viết một bài. Thế nên tôi đồng ý cho nó gặp tôi với điều kiện nó không mang theo một tên điều tra viên hay một máy thu băng nào cả, và với điều kiện tất cả những câu hỏi về chiến tranh, tôn giáo, đời tư, thê thiếp và đại loại như thế phải được dẹp đi. Tôi nói tôi đang làm việc cực nhọc, và hành động làm gián đoạn công việc là hành động sát nhân, và làm

gián đoạn công việc viết lách của một người đang viết ngon trớn thì cũng tồi tệ như làm gián đoạn việc làm tình của một người đang ở trong giường."[20]

Ông dẹp bỏ những cuộc phỏng vấn với tờ *Reader's Digest* và tờ *Argosy*. Rồi ông nhờ A.E. Hotchner thông báo với tờ *True* để dẹp bỏ một cuộc phỏng vấn khác. Ông giận dữ nói:

"Ngày nào cũng có thư từ, điện thoại và những chuyện dã man làm gián đoạn việc viết lách. Điều này đã làm Mary tức giận và đã từng làm tôi đổ khùng từ lâu rồi. Tôi không muốn bị lôi ra khỏi nhà trong những tháng đang viết ngon trớn. Đây là nhà của tôi và chỗ làm việc của tôi và tôi yêu nó. Tôi không phải là một người chuyên trình diễn trước công chúng, tôi cũng không phải đang ra tranh cử. Tôi là một nhà văn và tôi có quyền làm việc và cũng có quyền chiến đấu để sống còn."[21]

A.E. Hotchner nhận xét rằng Hemingway không chỉ muốn chống lại lực lượng khốn nạn (bloody force) của giới ký giả, nhiếp ảnh viên, phát thanh viên và chủ bút các tạp chí, mà muốn chống lại cái lực lượng thực sự đằng sau đó — "cái lực lượng thực sự là sự tò mò không nguôi của thế giới về cuộc đời ông" (the real force was the world's insatiable curiosity about him).[22] Năm 1954 là năm thành công lớn của ông, với giải American Academy of Arts Award of Merit và giải Nobel, nhưng Hemingway nói: "Don't need a big year. Just need to be left alone to write."[23] (Tôi không cần một năm rực rỡ. Tôi chỉ cần người ta để cho tôi yên để tôi viết).

Cuốn *Ernest Hemingway and His World* (1978) của Anthony Burgess, một cuốn sách được dùng chính thức trong chương trình học văn chương ở các đại học, viết rằng Hemingway tỏ vẻ rất lưỡng lự khi nghe tin đoạt giải Nobel: "Đó là một giải thưởng ông vừa muốn vừa không muốn."[24] Ông đã không đi lãnh giải. Burgess ghi nhận: "Ông không đủ sức khoẻ để đi Stockholm, nhưng ông nói ông cũng không đi nếu ông đủ sức khoẻ [...]."[25]

Cuốn *Hemingway: a Biography* (1985) của Jeffrey Meyers, một cuốn sách dày gần 700 trang, có thể là tài liệu đầy đủ nhất về tiểu sử của Hemingway, cũng ghi nhận phản ứng khó chịu của ông đối với giải Nobel như sau:

"Vào ngày 28 tháng Mười, 1954, Hemingway được trao Giải Thưởng Nobel Văn Chương trị giá 35.000 đô-la. Khi được Harvey Breit phỏng vấn về Giải Thưởng, ông, một cách khôn ngoan và an toàn, đã ca ngợi một nhà phê bình nghệ thuật và hai nhà văn lão thành hạng hai — thay vì những cây bút đương thời có khả năng hơn — và nói rằng Bernard Berenson, Carl Sandburg và Isak Dinesen mới xứng đáng lãnh giải. Ông muốn đục thủng

tất cả sự hào nhoáng ồn ào (to puncture all pomposity) và viết cho em gái Ursula, với một phép tính số học kỳ quặc, rằng ông đã hoàn tất 4.500 chữ bất hủ trong tuần đó, được bảo đảm bởi 18 người Thụy Điển đã uống quá nhiều rượu mạnh aquavit và đã bất tử hoá ông bằng tỷ lệ phiếu 9 trên 7, với 1 phiếu trống. Ông nêu lý do đang bị thương tích, từ chối lời mời đến Stockholm và gửi một diễn văn ngắn để một ông đại sứ Hoa Kỳ đọc giùm tại lễ phát giải thưởng."[26]

Ngay trong bài diễn văn rất ngắn (chỉ có 334 từ) gửi đến Stockholm, ông viết: "Writing, at its best, is a lonely life."[27] (Cuộc viết, ở điểm cực tốt của nó, là một cuộc sống cô đơn). Quả thực, suốt đời ông, Hemingway đã luôn luôn từ chối đi lãnh các giải thưởng văn học dù nhỏ hay lớn: Gold Medal do Limited Editions Club, tháng 11/1941; Pulitzer Prize, tháng 5/1953; American Academy of Arts Award of Merit, tháng 4/1954; và Nobel Prize, tháng 10/1954.[28] Nhà văn Norman Lewis đến Cuba thăm Hemingway ngay sau khi ông đoạt giải Nobel, thấy ông đang hết sức buồn bã, phải thốt lên: "There's fame. . . . Saddest man I ever met. Sated."[29]

Ernest Buckley, một người bạn chí thân của gia đình Hemingway và đặc biệt của bà Mary Hemingway trong suốt 25 năm, đã viết cuốn *Ernest* (1978) với sự hỗ trợ của chính bà Mary Hemingway, và trong đó, ông mô tả Hemingway như sau:

> "Even though he was on top of the world, Ernest fell back into his fear of being found out and fough angrily with whoever wanted to write about him, denying anyone the right to dig into his private world, saying that it made him feel as if he were being pursued by secret police. To be discovered was a threat he could not face, a danger from which he had to run."[30]
>
> (Mặc dù đã ở trên đỉnh của thế giới, Ernest rơi trở về nỗi sợ bị tìm thấy, và chống trả giận dữ với bất cứ ai muốn viết về ông, từ chối bất cứ ai quyền được đào vào trong thế giới của riêng ông, nói rằng điều đó làm ông cảm thấy như ông đang bị mật vụ theo dõi. Bị lôi ra ánh sáng là một sự đe doạ ông đã không thể chịu nổi, một sự nguy hiểm mà ông đã phải chạy trốn.)

Hemingway không cho phép ngay cả chính em ruột của ông là Leicester Hemingway xuất bản cuốn sách viết về ông khi ông còn sống.[31] Chỉ sau khi Ernest Hemingway qua đời, Leicester Hemingway mới đem ra xuất bản cuốn *My Brother Ernest Hemingway* (1962).

Hemingway thù ghét giới báo chí và nhiếp ảnh đến độ ông có thể gây bạo động để chống lại họ. Cũng theo ghi nhận của A.E. Hotchner trong *Papa Hemingway,* năm 1956, ở Zaragoza, Tây Ban Nha,

tình cờ ông bị hai phóng viên người Đức bắt gặp. Khi nghe tiếng bấm máy, ông ném thẳng ly whisky vào mặt người chụp ảnh và gào lên: "I told you no pictures, you son-of-a-bitch!"[32] (Tao đã bảo là không hình ảnh gì cả, đồ chó đẻ). Sau đó, ông nói: "To me the click of a camera is like the rattle of a snake"[33] (Đối với tôi, tiếng bấm máy ảnh nghe giống như tiếng rung đuôi của một con rắn.)

Tôi nêu lên một loạt những sự kiện trên đây để giải thích tại sao tôi hết sức nghi ngờ "trích dẫn" không xuất xứ của ông Lê Đạt về nhận định của Jerome Charyn đối với Hemingway rằng *"Sự nổi tiếng ập đến như sét đánh. Rõ ràng là ông đã lạm dụng nó khá nhiều... Bất cứ lúc nào ông cũng đứng cho thiên hạ chụp ảnh trên boong tàu hay hiên ngôi biệt thự tại Cuba..."* Tôi tin rằng "trích dẫn" này lại cũng chỉ hoàn toàn là một sự mạo hoá.

Ở đây, tôi muốn nói thêm rằng trong bài của ông Lê Đạt còn ba câu trích dẫn khác cũng không có xuất xứ. Để có thể xác định những câu trích dẫn ấy có thực hay không, người đọc sẽ phải mất rất nhiều thì giờ và công sức. Riêng tôi, tất nhiên tôi phải hoài nghi về sự trung thực của chúng cho đến khi tôi truy tầm được tài liệu gốc.

Điều đáng kinh ngạc nhất là, chỉ để làm mạnh một luận điểm của mình trong một bài viết ngắn — một luận điểm rất cũ mòn rằng danh vọng có thể làm hỏng tài năng của nhà văn — ông Lê Đạt đã không ngần ngại sáng chế lời tâm sự kỳ quặc của Hemingway, và dường như còn sáng chế cả lời nhận định của Jerome Charyn về Hemingway. Làm thế, ông đã vô tình (hay cố ý) xuyên tạc về đời sống và phẩm cách của một nhà văn lớn của thế giới. Làm thế, ông còn xem thường sự hiểu biết của tất cả độc giả, và, hơn thế nữa, xem thường cái tư cách của chính ông vậy.

3. Kết luận

Sáng chế tài liệu giả là một hành động sai lầm trầm trọng nhất trong sinh hoạt trí thức. Không những nó chỉ mang tính cách phản trí thức, mà ngay cả tính cách phản đạo đức.

Nếu được thực hiện bởi những khuôn mặt thành danh và có ảnh hưởng lớn trong văn học của một đất nước, hành động này lại càng nguy hiểm hơn, vì không khéo những công trình họ để lại cho hậu thế và được hậu thế vô tình tin tưởng sẽ tiếp tục dẫn dắt kiến thức của hậu thế đi càng lúc càng xa vào con đường sai lầm và xuyên tạc. Việc phát

hiện hành động này và đem nó ra trước ánh sáng, do đó, là một trách nhiệm của bất cứ ai. Việc che đậy và bưng bít là một trọng tội, vì nó có thể tiếp tục nuôi dưỡng sự phát triển của một căn bệnh hiểm nghèo trong văn hoá của một đất nước. Chính vì thế, tôi quyết định thẳng thắn trình bày phát hiện của tôi trước công luận.

Hai ông Hoàng Ngọc Hiến và Lê Đạt là những nhân vật có tầm cỡ trong văn học Việt Nam đương đại. Ông Lê Đạt đã hiển nhiên là khuôn mặt nổi tiếng từ nửa thế kỷ nay. Ông Hoàng Ngọc Hiến đang được xem là một nhà nghiên cứu và đã từng là một giáo sư văn học có vị thế quan trọng ở Việt Nam. Những bài viết của ông thường được in ở đầu tập của những tạp chí văn học trong và ngoài nước. Thậm chí, một tác giả có bài đăng trong *Hợp Lưu* số 52 (4&5/2000) đã xem ông Hoàng Ngọc Hiến như một vị "tướng" trong văn học Việt Nam, và so sánh việc ông Nguyễn Hưng Quốc phê phán một số quan điểm của ông Hoàng Ngọc Hiến là hành động "chém tướng" để "tế cờ".[34]

Tôi không muốn bài viết này được xem như một hành động chém những ông tướng để tế cho bất cứ ngọn cờ nào. Tuy nhiên, nếu nội dung của bài viết không thể tránh gây nên trong độc giả ý nghĩ đó, tôi mong độc giả nhìn thấy ngọn cờ đó là ngọn cờ của trí thức và đạo đức.

Cuối cùng, tôi xin khẳng định một điều hết sức cần thiết, đó là: mặc dù tôi đã bỏ rất nhiều công sức và đặt hết sự cẩn trọng vào việc truy tầm, tôi vẫn chỉ dám tin rằng sự phát hiện của tôi đã đạt mức độ chính xác gần như tuyệt đối, chứ không phải hoàn toàn tuyệt đối. Thực ra, trong thâm tâm, tôi vẫn âm thầm mong rằng phát hiện của tôi là sai. Nếu bằng cách nào đó, các ông Hoàng Ngọc Hiến và Lê Đạt, hay bất cứ ai trong giới độc giả, chứng minh được rằng những tài liệu trích dẫn nêu trên của họ là có thực, tôi sẽ vô cùng sung sướng tìm lại được sự bình an trong trí óc mỗi khi tiếp cận với sách vở học thuật của giới trí thức nước nhà. Được thế, tôi sẽ không ngần ngại công khai phát biểu lời cáo lỗi chân thành và lời tri ân sâu sắc đến họ và quý độc giả.

HOÀNG NGỌC-TUẤN
University of New South Wales
4/2000

CHÚ THÍCH:

1 Hoàng Ngọc Hiến, "Coi trọng trình độ văn hoá phải chăng là 'phản trí thức'?",

Hợp Lưu số 52, tháng 4&5/2000, 5-6.

2 Bịa tài liệu giả nhất định là hành động phản trí thức, phản hàn lâm, và phản đạo đức. Mà ngay cả nếu không bịa, thì thái độ hoàn toàn tin tưởng một cách ngây thơ và vội vã vào những thông tin của bộ bách khoa phổ thông cũng không phải là cung cách làm việc của một nhà nghiên cứu mang tính trí thức đúng mực. Trong khi tiếp cận tài liệu, nhà trí thức phải luôn luôn tích cực cảnh giác, không thể thụ động như một học sinh còn ở bậc trung học hay tiểu học.

Tôi xin chứng minh rằng đôi khi encyclopaedia cũng có những chỗ sai rất đáng buồn cười. Ví dụ, trong *Encyclopaedia Britannica* (website: http://www.eb.com), ở mục "Phan Khoi", có ghi:

Phan Khoi. b. 1888?, Quang Nam province, Annam [now in Vietnam] d. 1958, Hanoi, North Vietnam, intellectual leader who inspired a North Vietnamese variety of the Chinese Hundred Flowers Campaign, in which scholars were permitted to criticize the Communist regime, but for which he himself was ultimately persecuted by the Communist Party of Vietnam.

Phan Khoi was a dedicated nationalist who in his youth followed the patriot Phan Chau Trinh in working for social and political reforms in Vietnam. When Vietnam was divided in 1954, Phan Khoi chose to remain under the Communist government in the north, becoming North Vietnam's most illustrious intellectual. He was the editor of Nhan Van ("Humanism") and Giai Pham Mua Xuan ("Beautiful Flowers of the Spring"), two radical literary reviews that took advantage of the liberalizing proclamation of Mao Zedong, of China, to offer stringent criticisms of the Hanoi regime. Phan Khoi accused the Communist Party of corruption, attacked alleged anti-intellectualism of the Vietnam People's Army, and voiced other complaints.

"Art is a private sphere," he wrote, "Politics should not encroach upon it." The criticisms, however, were more than the government could endure. The liberalization policy ended, and Phan Khoi was imprisoned on charges of "deviationism."

Nếu đọc cẩn thận, chúng ta sẽ thấy chỉ trong một mục dài 201 chữ đã có đến mấy chỗ sai: năm sinh của Phan Khôi ghi là 1888? (thật ra là 22/8/1887, ở điểm này, tác giả chứng tỏ sự cẩn thận khi đặt thêm dấu ? sau năm 1888); năm mất ghi là 1958 (thật ra là 1959); bị bỏ tù sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm (thật ra là không); dịch *Giai Phẩm Mùa Xuân* là "Beautiful Flower of the Spring" (Hoa Đẹp Mùa Xuân). Có thể căn cứ vào đó mà cho các tài liệu viết về Phan Khôi ở Việt Nam là sai chăng? *Encyclopaedia Britannica* còn vậy, huống gì là *Microsoft Encarta Encyclopedia*, là từ điển dành cho học sinh tiểu và trung học?

3 Dưới đây là nguyên văn Anh ngữ của tiểu mục về phê bình văn học thế kỷ 20 từ đĩa *Microsoft Encarta Encyclopedia 99:*

VI. 20TH-CENTURY APPROACHES The social, cultural, and technological developments of the 20th century have vastly expanded the Western critical tradition. Indeed, many critics question just how "Western" this tradition can or should remain. Modern critics in the established cultural centers of Western Europe must heed not only Central Europe and North America but also areas once considered remote, including Russia, Latin America, and, most recently, the newly independent countries of Asia and Africa. At a growing number of universities, professors

of literature and related fields pay increasing attention to long-neglected areas of study—for example, works by women and by non-Western writers. The following sketch of various 20th-century approaches names few living critics because it is impossible to predict who among the tens of thousands of writers publishing criticism today will ultimately outshine the others.

A. Formalism, Structuralism, and New Criticism. A text-based critical method known as formalism was developed by Victor Shklovsky, Vladimir Propp, and other Russian critics early in the 20th century. It involved detailed inquiry into plot structure, narrative perspective, symbolic imagery, and other literary techniques. But after the mid-1930s, leaders of the Union of Soviet Socialist Republics and its subsequent satellites in Eastern Europe demanded that literature and criticism directly serve their political objectives. Political leaders in those countries suppressed formalist criticism, calling it reactionary. Even such internationally influential opponents of extreme formalism as the Russian Mikhail Bakhtin and the Hungarian Georg Lukács would often find themselves under attack.

The geographical center of formalist orientation started to shift westward in 1926 when scholars of language and literature, most of them Czech, founded the Prague Linguistic Circle, adopting and refining some of the methods of formal analysis developed by their Russian colleagues. Beginning in the late 1940s anthropologist Claude Lévi-Strauss, critic Roland Barthes, and other mid-century thinkers and scholars initiated French structuralism by applying linguistically inspired formal methods to literature and related phenomena. Structuralism attempted to investigate the "structure" of a culture as a whole by "decoding," or interpreting, its interactive systems of signs. These systems included literary texts and genres as well as other cultural formations, such as advertising, fashion, and taboos on certain forms of behavior.

The text-centered methods of the formalist critics were also welcomed in the United States because they meshed well with the concerns of so-called New Critics, who focused on the overall structure and verbal texture of literary works. By the 1940s, when Russian linguist Roman Jakobson and Czech literary theorist René Wellek settled at Harvard and Yale universities, respectively, the study of literature in North America had been greatly influenced by the work of Cleanth Brooks and other New Critics. Like his British contemporary Sir William Empson, Brooks applied the skill of close reading chiefly to the analysis of ambiguities, paradoxes, and ironies in individual texts.

Many New Critics looked at metaphor, imagery, and other qualities of literary language apart from both a work's historical setting and any detailed biographical information that might be available about the author. Other New Critics, however, were more historically or philosophically inclined. New Criticism as a whole was therefore meaningfully supplemented by the work of German-born literary historian Erich Auerbach and of American philosopher Susanne K. Langer, who sought to place individual texts into larger historical and theoretical contexts. Auerbach emphasized historical development in his 1946 book *Mimesis*, which chronicled changing styles of the literary representation of reality from Greek poet Homer to English author Virginia Woolf. Langer in turn argued that the significant emotions depicted or aroused by literature and other arts are universal human feelings symbolized by the work rather than personal sentiments expressed by a particular writer or artist.

B. Other Critical Methods. In and after the 1920s American-born British poet T. S. Eliot explored how well individual European writers measured up

to his aesthetically liberal but politically conservative view of the Western tradition. Canadian critic Northrop Frye, in contrast, opposed any viewpoint narrowed by regionalism or specific ideologies; he attempted to find common elements in the worldwide multiplicity of literary traditions in his book *Anatomy of Criticism* (1957). Frye and like-minded critics around the globe saw literature and other art forms as manifestations of universal myths and *archetypes* (largely unconscious image patterns) that cross cultural boundaries. In advocating this view they took cues from British anthropologist Sir James George Frazer and Swiss psychologist Carl Gustav Jung.

In the 1960s and 1970s German philosopher-critic Hans-Georg Gadamer and French philosopher and historian Michel Foucault offered contrary models for addressing literary and cultural traditions in literary criticism. Gadamer sought to engage past texts in fruitful dialogue with the present by examining different interpretations of literature throughout history; so do German critic Wolfgang Iser and other proponents of Aesthetics of Reception, which examines readers' responses to literature in a cultural and historical context. In contrast, Foucault wanted to challenge certain basic notions about the Western tradition that most Westerners take for granted. He hoped to discredit Western heritage and its powerful institutions by exposing, or "demystifying," the repressed origins and oppressive applications of that power. Among literary critics, American Stephen Greenblatt and other so-called New Historicists have similar objectives.

Today's widespread tendency to interpret texts as hiding rather than revealing what is most significant about themselves has three major sources: the writings of German philosophers Karl Marx and Friedrich Nietzsche and of Austrian psychoanalyst Sigmund Freud. Influential studies along Marxist lines of the social and economic underpinnings of culture were undertaken by German critic Walter Benjamin before World War II and by Welsh critic Raymond Williams between the late 1950s and the early 1980s. Marxist and Freudian methods of literary criticism were productively combined from the 1920s on by several American writer-critics, including Edmund Wilson and Kenneth Burke. Viewing humans as symbol-using and symbol-misusing animals, Burke approached literary works as often deceptive or self-deceptive symbolic actions that should be critically reenacted, rather than passively contemplated, by their readers.

In a comparably skeptical spirit, current feminist critics in many countries draw attention to literary evidence of ingrained prejudice against women or stereotypic views of women. Their methods often emulate Marxist critiques of oppressive ideologies or Freudian excavations of repressed desires. Contemporary feminist writings are also influenced by the gender-conscious essays of English novelist Virginia Woolf and by *The Second Sex* (1949), a book-length plea by French thinker and novelist Simone de Beauvoir against the second-class treatment of women. Feminist criticism explores issues relevant to women as authors, as readers, and as fictional characters, and also raises the controversial question of the possible existence of distinctly female writing—recognizably different in the character of its language from discourse shaped by male patterns of thought.

Like feminist, Marxist, and some Freudian critics, nonwhite Western critics and critics emerging in countries newly freed from colonial rule also have challenged many aspects of European and North American culture as socially and psychologically oppressive. Although these so-called multiculturalist critics are united in their opposition to Western domination, they take many different positions on particular issues of race, class, gender, language, and national or ethnic

identity.

The frontal attack, initiated by Nietzsche, on any use of language as an instrument of mystification and domination has its most unwavering advocates today in scholars who practice the interpretive technique known as deconstruction. Following French philosopher Jacques Derrida and Belgian-born American critic Paul de Man, deconstructive critics assume that attributing even the most complex single meaning to a text violates the boundless signifying potential of language in a world where there are no facts but only indeterminate meanings and unresolvable conflicts of interpretation. Proponents of deconstruction elaborate on textual ambiguities and paradoxes that most earlier interpreters (including the New Critics) attempted to resolve. For deconstructors and other so-called postmodern critics, special difficulties in the interpretation of complex literary works forcefully suggest the general resistance of all texts to definitive meanings.

Recent nontraditional criticism does not represent a complete break with a critical tradition that has always proven hospitable to challenges to its principles. In fact, so-called Western criticism has already begun absorbing the insights of its best contemporary challengers. Undergoing transformation once again, it prepares to encounter what German writer and critic Johann Wolfgang von Goethe hoped would eventually emerge as *Weltliteratur:* the diverse but intertwined literatures of the world.

Contributed By:
Paul Hernadi

4 Hoàng Ngọc Hiến, bài đã dẫn, 7.

5 Thomas M. Kavanagh (ed.), *The Limits of Theory* (Stanford: Stanford University Press, 1989), 2.

6 Tìm đến tận nguồn, chúng ta có thể thấy nguyên gốc câu văn trên của W.J.T. Mitchell nằm ở trang 2, trong phần giới thiệu của tuyển tập luận văn *Against Theory: Literary Studies and the New Pragmatism,* do W.J.T. Mitchell biên tập, University of Chicago Press xuất bản năm 1985. Đây là một tuyển tập luận văn nổi tiếng về hành ngôn lý thuyết và luận chiến phản lý thuyết. Những kẻ mang ý thức chống lý thuyết một cách non nớt có lẽ sẽ vội vã vui mừng khi đọc nhan đề của cuốn sách. Tuy nhiên, ngay trong những câu đầu tiên của bài giới thiệu, W.J.T. Mitchell đã viết ngay rằng:

"Tuyển tập luận văn này có thể được đặt nhan đề *A Defense of Theory* (Một sự bảo vệ cho lý thuyết) hoặc nhan đề *Against Theory* (Chống lại lý thuyết) cũng thế. Hầu hết những người góp bài đều bảo vệ cho một dạng thức nào đó của lý thuyết văn học, hoặc như là một mô thức thực hành phê bình, hoặc như là một khối ý tưởng đứng bên ngoài việc thực hành phê bình và cung ứng cho nó những nguyên tắc căn bản, những phương pháp căn bản, và những vấn đề căn bản mang tính truy tầm. Lý do của nhan đề khả dĩ gây hiểu lầm này là rằng tất cả những luận văn ở đây đều được viết để đáp ứng với luận văn 'Against Theory' của Steven Knapp và Walter Benn Michael, xuất bản lần đầu trên tập san *Critical Inquiry* vào mùa hè 1982." Xem W.J.T. Mitchell (ed.), *Against Theory* (Chicado: The University of Chicado Press, 1985), 1.

7 Ở đây, tôi muốn nói thêm rằng, trước một bài viết ngắn của một nhà nghiên cứu và giảng dạy văn học có tiếng, trong đó chỉ có hai chỗ trích dẫn tài liệu văn học quốc tế mà cả hai chỗ đều làm nẩy sinh những vấn đề nghiêm trọng như đã trình bày, tôi cảm thấy lo âu rất nhiều về cách tiếp cận của văn giới Việt Nam đương đại đối với

văn học quốc tế. Tôi cho rằng sự gián đoạn thông tin quá dài lâu giữa Việt Nam và thế giới chung quanh đã làm sinh ra những hậu quả tai hại. Hậu quả trầm trọng nhất là tệ đoan thông tin giả và tài liệu mạo hoá (như tôi đã trình bày). Hậu quả nhẹ hơn, nhưng cũng trầm trọng, là thái độ diễn dịch lệch lạc về giá trị và tác dụng của những lý thuyết triết học và văn học đương đại. Suốt nhiều thập niên trong thế kỷ 20, học giới Việt Nam đã ung dung và dễ dàng bôi bẩn và kết án hầu hết những lý thuyết triết học và văn học ở các nước Tây phương là sai lầm, bế tắc, và phản động, mặc dù họ đã không cần, hoặc không đủ điều kiện, hoặc không được phép nghiên cứu sâu sắc về chúng. Ngay đến hôm nay, một thập niên từ ngày Việt Nam "mở cửa", chúng ta vẫn còn thấy trong bài viết này của ông Hoàng Ngọc Hiến những phán xét hết sức vội vã và dễ dàng như sau:

"Nguyễn Hưng Quốc nhấn mạnh vào một luận điểm: "phản-trí thức thực chất là phản-lý thuyết" (H.L. số 50,tr.50). Luận điểm này quá đơn giản, không tính đến những nghịch lý của lý thuyết và phản lý thuyết. Có những lý thuyết chứa đựng tiềm tàng những hậu quả phản trí thức. Chẳng hạn, giải kết cấu luận (deconstruction), một lý thuyết có ảnh hưởng lớn đặc biệt là ở các trường đại học Mỹ trong những năm 70,80 với chủ trương "phải làm sói mòn mọi hệ thống triết học ,mọi văn bản triết học ,với sự hỗ trợ của ngôn ngữ học cấu trúc" đã làm cho không biết bao nhiêu đệ tử mụ mẫm của nó dại dột ngoảnh lưng lại với những truyền thống triết học và văn hoá lớn của nhân loại (những chủ soái của trường phái lý thuyết này có thấy được nguy cơ này)."(Hoàng Ngọc Hiến, bài đã dẫn, 6-7)

Phán quyết này của ông Hoàng Ngọc Hiến có thể làm nẩy sinh lập tức trong trí óc người đọc một số vấn đề:

1/ Ông viết: *"Có những lý thuyết chứa đựng tiềm tàng những hậu quả phản trí thức"*. Xét theo văn mạch của ông, người đọc có thể tự hỏi phải chăng ông hiểu nhầm "phản lý thuyết" thành "phản trí thức"? Nếu không, thì có lẽ ông cho rằng deconstruction là một trong "những lý thuyết chứa đựng tiềm tàng những hậu quả phản trí thức". Đây là điều hết sức lạ lùng.

2/ Ông dịch thuật ngữ "deconstruction" là giải kết cấu LUẬN. Đúng ra, "deconstruction" là giải kết cấu, và "deconstructionism" mới là giải kết cấu LUẬN.

3/ Ông cho rằng deconstruction có chủ trương "phải làm sói mòn mọi hệ thống triết học ,mọi văn bản triết học ,với sự hỗ trợ của ngôn ngữ học cấu trúc". Ông đặt cái chủ trương này vào giữa hai dấu ngoặc kép như thể nó được trích dẫn và dịch ra Việt ngữ từ một văn bản gốc nào đó. Nếu đó chỉ là câu viết do ông sáng chế, thì tại sao ông lại đặt vào giữa hai dấu ngoặc kép? Nếu quả có văn bản gốc, ông phải ghi rõ là văn bản nào. Mà văn bản nào lạ thế? Deconstruction thuộc về hậu cấu trúc luận (poststructuralism) sao lại còn dùng ngôn ngữ học cấu trúc?

4/ Ông cho rằng deconstruction "đã làm không biết bao nhiêu đệ tử mụ mẫm của nó dại dột ngoảnh lưng lại với những truyền thống triết học và văn hoá lớn của nhân loại". Người đọc tự hỏi ai là những người này. Phải chăng những đệ tử xuất sắc như Hillis Miller và Paul de Man là những kẻ "mụ mẫm" và "dại dột"? Ai đã vì deconstruction mà "dại dột ngoảnh lưng lại với những truyền thống triết học và văn hoá lớn của nhân loại"? Lẽ nào lại là Derrida, khi ông ấy viết hay đề cập và bàn luận rất nhiều và rất hay về Socrates, Plato, Rousseau, Hegel, Marx, Nietzsche, Heidegger, Vico, Condillac, Warburton, Starobinski, Freud, Saussure, Lévi-Strauss, Peirce, Hjelmslev, Mallarmé, Joyce, Celan, Bataille, Artaud, Blanchot, Leroi-Gourhan, văn hoá cổ Babylon, tư tưởng tiền-Socrates, Thánh Kinh, cổ ngữ Ai Cập, văn hoá Nambikwara, v.v...?

5/ Ông viết: *"những chủ soái của trường phái lý thuyết này có thấy được nguy cơ này"*. Người đọc tự hỏi "những chủ soái" nào thấy điều đó. Trong số

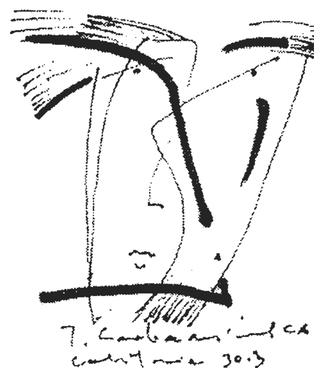
"những chủ soái" đó có Derrida chăng? Tài liệu nào ghi lời xác nhận của Derrida (hay bất cứ "chủ soái" nào khác) nhìn thấy "nguy cơ" này?

8 Lê Đạt, "Hậu... từ", *Việt* số 5/2000, 139.
9 A.E. Hotchner, *Papa Hemingway* (London: Weidenfeld and Nicolson, 1966), 14-15.
10 Jerome Charyn, *Metropolis: New York as Myth, Market Place and Magical Land* (New York: C.P. Putnam's Sons, 1986), 266.
11 Jerome Charyn, *Movieland: Hollywood and the Great American Dream Culture* (New York: New York University Press, 1996), 146.
12 Ibid, 171.
13 A.E. Hotchner, op.cit., 141.
14 Ibid, 104
15 Ibid, 105.
16 Ibid, 106.
17 Ibib, xem ghi chú ở bức hình thứ 8 (Hemingway chụp chung với bác tài xế Adamo); những phụ bản này không đánh số trang, và được xếp ở giữa sách (giữa trang 146 và 147).
18 Ibid, 143.
19 Ibid, 144-145.
20 Ibid, 145.
21 Ibid, 147.
22 Ibid, 148.
23 Ibid, 149.
24 Anthony Burgess, *Ernest Hemingway and His World* (London: Thames and Hudson, 1978), 105.
25 Ibid, 106.
26 Jeffrey Meyers, *Hemingway: a Biography* (New York: Harper & Row, 1985), 509.
27 Trích theo Jeffrey Meyers, op.cit., 509.
28 Ibid, 511.
29 Ibid, 510.
30 Peter Buckley, *Ernest* (New York: The Dial Press, 1978), 152-153.
31 Theo A.E. Hotchner, op.cit., 127.
32 Ibid, 181.
33 Ibid, 181.
34 Xem bài viết của Nguyễn Thanh Sơn, "Bàn thêm với ông Nguyễn Hưng Quốc về bài 'Chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam'", *Hợp Lưu* số 52, tháng 4&5/2000, 11-15.



NGUYỄN HOÀNG VĂN

Tranh cãi và tranh luận, và...



Cãi, và tranh luận, thì, thuở nảo thuở nao, người ta đã cãi, đã tranh luận. Những chuyện vớ vẩn, không đâu vào đâu; những vấn đề tưởng chừng rúng động nước non, thế giới.

Tuy nhiên, từ tranh cãi đi đến tranh luận, cần có một sự trưởng thành: dân chủ và lý tính. Một La Mã hay một Hy Lạp cổ đại, với tinh thần cộng hoà và luận lý, là thời của những nhà hùng biện. Thời Trung Cổ, khi những những mầm mống như thế đã bị bóp nghẹt, không có tranh luận: chỉ có giàn hoả thiêu và giá treo cổ. Văn hóa đương đại Âu Châu, vốn khuyến khích sự trao đổi và đối thoại, chỉ có thể nẩy mầm trên nền tảng lý tính của thời kỳ Ánh Sáng, cái thời kỳ khó mà hình thành nếu, trước đó, những giá trị rực rỡ của văn hoá cổ đại không được phục hưng.

Cha ông ta, từ xưa, dưới mái đình, cũng đã ồn ào cãi vã việc làng. Biện bác để rao bán kế sách, những đại thần, giữa chốn triều đình, lại soi mói nhau từng câu, từng ý. Hết thảy, từ đình làng cho đến sân chầu, ở đâu cũng một không khí bè phái, xôi thịt, sát phạt và ăn thua đủ. Ít ai chịu lắng nghe ai: chỉ có cảnh thi nhau hò hét, hò hét thật lớn để át giọng đối phương. Ít ai hướng đến cái hợp lý của người khác: chỉ có những sơ suất; những sơ suất mà, dù nhỏ, dù vụn vặt, rồi cũng trở thành lớn; dù xa cách đề tài bao nhiêu, rồi cũng trở nên thiết yếu, không thể không xoáy đi xoáy lại. Vấn đề không quan trọng: người

tranh cãi đáng để tâm hơn. Bề dưới dám phản đối bề trên: một sự hỗn hào. Và, nhất loạt, trước những giáo điều Khổng - Mạnh, ai cũng là một nô lệ ngoan ngoãn, cung kính.

Chỉ khi xã hội truyền thống chuyển mình theo con đường hiện đại hoá, những hình thức trao đổi quan điểm nghiêm túc hơn mới có cơ hội khai diễn. Trên nền tảng của một xã hội tiểu nông gắn chặt với truyền thống Nho giáo, những ý niệm dân chủ và lý tính của Tây Phương lại mon men bắt rễ. Cùng với sự phát triển của sinh hoạt báo chí, những con người đang băn khoăn trước những chọn lựa gay gắt của buổi giao thời lại say sưa lao vào những cuộc tranh luận. Phạm Quỳnh, Ngô Đức Kế: Kiều và học thuyết chánh, tà; Trần Trọng Kim, Phan Khôi: Nho Giáo; rồi đông đảo hơn với thơ cũ, thơ mới; vị nghệ thuật, vị nhân sinh; duy tâm, duy vật, vân vân...; những đề tài nghiêm túc hay cho là nghiêm túc.

Tuy nhiên, sau hơn một thế kỷ... hiện đại hóa, cái gọi là văn hoá tranh luận của chúng ta, về thực chất, vẫn thế. Như vẫn dị ứng với sức đề kháng của những của cội rễ văn hoá sâu xa nhất, những ý niệm dân chủ và lý tính, tuy vẫn hiện diện đấy, và hiện diện một cách hào nhoáng qua những danh xưng thật kêu, vẫn là người khách lạ trong tâm thức của tập thể. Cái chi phối họ là kinh nghiệm, là cảm tính và thiên kiến chứ không phải lý tính. Hiếm ai hướng đến một sự thật hồn nhiên mà là một sự thật sự đã khúc xạ qua lăng kính của những kinh nghiệm riêng hay những giáo điều. Con người, đại đa số, vẫn tranh luận như là tranh cãi, vẫn sát phạt hơn là xây dựng, vẫn phá bĩnh và hò hét buộc tội hơn là tìm kiếm sự thật hay trao đổi quan điểm...

Nói đến chuyện tranh luận, lại nhớ đến Trương Tửu, con người từng một thời... tranh luận. Trương Tửu Marxist. Trương Tửu Troskist. Rồi Trương Tửu những ngày Nhân Văn - Giai Phẩm, những ngày bị trù dập, đàn áp... Đầu năm nay, Trương Tửu qua đời. Tưởng tượng cái cảnh ông già họ Trương, giữa Hà Nội một chiều nhá nhem tối, lặng lẽ bốc từng lá số tử vi hay âm thầm xoay xoay mũi kim châm cứu vào từng huyệt mạch. Có mấy ai biết được rằng đây là con người từng khiến những chức sắc mang trọng trách chăm lo tư tưởng cho chế độ phải cuống cuồng vất vả một thời?

Vâng, Trương Tửu, một trong những nhà lý luận hàng đầu của nhóm văn nghệ phản kháng, kẻ đã tranh luận với những đồ đệ Mác-Lê bằng chính kinh điển Mác-Lê. Có một giai thoại - lại giai thoại - về phong thái kẻ cả của nhà hàn lâm: Trương thản nhiên sử dụng hai cái tên thiêng kia để cầu chứng cho những luận cứ của mình: Trương nghĩ thế mà cứ như Mác trầm tư, như Lê mặc tưởng. Kết quả: những

chức sắc tư tưởng của chế độ, hớt hãi trước những cái tên thiêng, phải cuống cuồng chuyển ngữ sang tiếng Nga, rồi gởi sang Nga nhờ minh xác..

Đi với ma mặc áo giấy, nếu giai thoại ấy là điều có thực, có thể cả cuộc dời còn lại, Trương đã không hề áy náy, dù chỉ một thoáng qua, về cái mánh khoé trí thức mà, nhìn ở bề ngoài, không thể nói là lương thiện. Và chúng ta, dĩ nhiên, cũng khó mà đem lòng trách cứ. Tuy nhiên, vượt qua không khí truy bức ngột ngạt của đất Bắc những ngày hậu "trăm hoa đua nở", trong câu câu chuyện mang tính giai thoại, vẻ an nhiên của Trương và trong thái độ cuống cuồng của những chức sắc tư tưởng kia lại là cáu gù rất thực, rất đậm màu truyền thống: sự mê tín giáo điều và sự tê liệt của tinh thần phê phán. Xưa, có Khổng, có Mạnh. Nay, có Mác, có Lê. Mà tệ hại thay, với họ, giáo điều không được sùng bái bởi tự thân giá trị của nó. Chỉ sùng bái như một tập quán, thói quen. Người ta không cần phải thực sự hiểu hết giáo điều đã có thể qùy mọp trước hai cái tên đánh lận. Và, một con người trí thức bề trên, khi tháu cáy được một bản chất nô lệ giáo điều như thế, lại an nhiên lập lờ, cái sự lập lờ mang phong thái hào lý của những kỳ mục chiếu trên.

Nếu bảo rằng đấy, dù là câu chuyện trong giai thoại, chỉ là một trường hợp cá biệt, sự cá biệt ấy, chỉ nên nhìn qua sự mẫn cán của một hệ thống thư lại hùng hậu, nối dài từ Hà Nội đến Moscow: với một nỗ lực quy mô như thế, cái sự "lập lờ đánh lận Mác-Lê" kia mới bị phát hiện, và chỉ bị phát hiện một cách chậm chạp. Những kẻ khác, vốn vươn đến một tầm cỡ tương tự mà không phải đối mặt với bộ máy bới lông tìm vết xuyên quốc gia, cũng có thể xoay xở và ém nhẹm lắm chứ? Lập lờ với những con ngáo ộp trí tuệ, họ, những hào lý trí thức, đã khai thác một thực tế kéo dài đến tận hôm nay, cái hiện trạng hình thành như là hệ quả của chính sách ngu dân, thuộc địa cũng như chuyên chính vô sản. Đấy, chính là mức độ thấp của trình độ học thuật, là sự khan hiếm của sách vở tài liệu; là sự tệ hại của một tập quán văn hóa lạc hậu chưa thể nào gột rữa, cái tập quán, như đã nói, sùng bái những điều mà mình không thể nào hiểu nổi, tuyệt đối hoá những gì mình không thể với tới, không thể phê phán.

Nói đến một truyền thống vẫn thường lấy làm tự hào: sự trọng vọng chữ nghĩa. Có cái gì không bình thường trong đó: chữ nghĩa không được trọng vọng như là biểu hiện cao đẹp của trí tuệ mà là một phương tiện. Chu Văn An được ca tụng là đãng vạn thế sư biểu nước Nam, tuy nhiên, nói theo Phan Khôi, trong đám học trò mà ông ta đào tạo, khó mà tìm thấy một trí thức, một kẻ sĩ đúng nghĩa: chỉ rặt một

hạng quan lại. Đối với đám đông bình dân, tâm lý đó còn đồng nghĩa với sự mê tín: "chữ nghĩa thánh hiền", đãy là những gì thuộc về thánh Khổng thánh Mạnh đang ngự nơi đền miếu. Rất thiêng. Phải tối kỵ cái sự làm rơi làm rớt, cái sự đạp dẫm dưới chân: nhặt được một trang viết tơi tả nhàu nát, phải kính cẩn đốt đi, như thêm một ơn phước, như xoá một căn tội. Và cao hơn thế đồ với những gì gọi là... tri thức, biến thái hơn nữa là giáo điều; con người có hai thái độ ứng xử: xoay xở như một phương tiện hay sùng bái như một cái gì rất thiêng, không thể với đến, không thể nào hiểu nổi.

Bởi lẽ đó, những giáo điều cũ-mới, hay những gì mà sự tôn sùng đã hằn lại thành tập quán, cứ lập đi lập lại. Đấy chỉ là một di chứng văn hóa chứ không thể là một biểu hiện nhiệt thành của những niềm tin. Ai có thể thực sự tin vào những gì mình đang bóp mép và đang lạm dụng? Ai có thể thực sự tin vào những gì mình không thể nào hiểu nổi? Chỉ là láu cá và ngây dại. Kẻ láu cá thì, như những ký sinh trùng, cố bám vào sự ngây dại của đám đông. Và đám đông thì, lại ngây dại nhai tới nhai lui những "niềm tin" không thể nào hiểu được, như một thói quen.

Cứ tưởng tượng một cảnh lên đồng: đám đông thành kính sụp lạy và đồng cốt ngả nghiêng phán bảo. Những gì đồng thốt ra, dù là lời mê, lời sảng, vẫn là lời thánh, lời thiêng. Đám đông thành kính lạy, dạ. Những kẻ, khi đã xoay xở sự mê muội ấy, chính là hiện thân của một thứ đồng cốt học thuật, hiện thân của một hình thái ký sinh đang cố bám víu vào sự thấp kém của trình độ dân trí, vào tâm lý mê tín giáo điều, cái tâm lý - về bản chất - không cách xa thứ tâm lý kính cẩn từng con chữ thiêng bao nhiêu! (1)

Và như thế, trên nền tảng của một xã hội chưa hề gột rửa hết những đặc tính tiểu nông, hầu hết, những cuộc tranh luận, cho dù cố tỏ ra nghiêm túc bao nhiêu, rồi cũng trở nên ô hợp.

Cứ quan sát những cuộc tranh luận đang diễn ra sẽ thấy. Văn học hay chính trị, đậm nhạt, những đặc điểm ấy rồi cũng phát lộ. Trong cái văn hóa cãi vã đương đại của chúng ta, thật là hiếm hoi để tìm thấy một ý hướng khả dĩ gọi là dân chủ, cho dù đây chính là điều mà tay chơi nào cũng đỏ mặt tía tai nhân danh? Cũng thật là hiếm hoi để tìm thấy một chút xíu biểu hiện của lý trí khi mà, giữa một thế giới đang thay đổi vùn vụt, số đông vẫn cứ khư khư ôm chặt những suy nghĩ hoang tưởng của mấy mươi năm về trước? Họ xoay xở những ngáo ộp chữ nghĩa, ngáo ộp văn hóa, ngáo ộp truyền thống thậm chí cả những ngáo ộp quốc gia, dân tộc. Cũng một phong thái kẻ cả, chiếu trên, họ chống lại sự cực đoan này bằng một sự cực đoan khác. Cũng những

khuôn mặt ngây dại lúc nhập đồng, họ trịnh trọng với những phán truyền tưởng có thể dời được núi, lấp được biển. Cũng những khuôn mặt đỏ gay của mấy hào-lý-không-bao-giờ-sai, họ cố hét thật to những bài học vẹt, những lập ngôn mà, giỏi lắm, họ chỉ hiểu một cách lơ mơ. Rồi những khuôn mặt hả hê cái sự bới lông tìm vết, hả hê cái sự sát phạt hơn thua...

Lao vào những cuộc tranh luận, ai cũng cố lôi kéo những ý niệm thực cao đẹp về phía mình: nhân bản, thẩm mỹ, dân chủ, trí tuệ, tình yêu, tương lai v.v... Nhưng, ngay từ đầu, ít ai tỉnh táo tự hỏi mình: họ có tranh luận như những con người thực sự khao khát những điều mà mình đang cao giọng bảo vệ hay nhân danh? Có tranh luận... đẹp như những giá trị thẩm mỹ đang tìm kiếm? Có bảo vệ những giá trị nhân bản và trí tuệ một cách... nhân bản và trí tuệ? Có hướng về tương lai như một con người không để lý trí mình bị chi phối bởi những dày vò của quá khứ?

Vân vân, vô vàn những câu hỏi như thế, những câu hỏi mà, xét cho cùng, cũng chẳng mấy ai bận tâm. Bởi, như đã nói, những kẻ cần mẫn hò hét nhất lại là những kẻ thường suy nghĩ và hành động theo thói quen nhiều nhất.

NGUYỄN HOÀNG VĂN
Melbourne, May 7, 2000

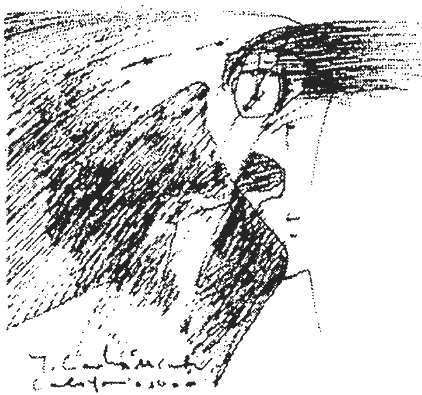
Chú thích & TLTK:

1. Bởi lẽ đó, những thể chế càng dựa vào giáo điều, dựa vào ý thức hệ bao nhiêu thì càng cần đến sự mê tín của đám đông bấy, càng đóng chặt cửa, càng hạn chế thông tin bấy nhiêu.



NGUYỄN MINH QUÂN

Cách tôi đọc một bài khảo cứu văn học



Một bài khảo cứu, như tôi hiểu, gồm hai phần: tham khảo và nghiên cứu. Tham khảo để biết một cách tường tận những công trình liên quan đến lãnh vực mình đang làm/nghiên cứu. Từ những công trình nghiên cứu đã tham khảo đó, người viết khảo cứu (một cách công bình) sẽ chỉ ra cái đúng, cái sai (nếu có), cái hay, cái dở, hoặc sẽ được sử dụng để làm mạnh thêm quan điểm của người viết trình bày trong bài khảo cứu. Hoặc (có lẽ quan trọng nhất), trên cơ sở những công trình nghiên cứu của người khác, người nghiên cứu sẽ tạo nên những công trình mới hơn, hay những khám phá hoàn toàn mới mà những người đi trước chưa hề chỉ ra trên cùng một vấn đề.

Như đã khẳng định ở trên, tôi viết bài này với tư cách một người đọc, một người đọc nghiêm túc trong “ khuynh hướng muốn biết”[1]. Tôi đã học và đang hành nghề chuyên môn trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Vì vậy, cách tôi đọc một bài khảo cứu trong lãnh vực khoa học nhân văn cũng dựa trên phương pháp mà tôi đã học từ lãnh vực chuyên môn của mình.

Về phê bình và lý luận văn học, tôi đã đọc những công trình

khảo cứu của một số tác giả Việt nam (dưới dạng những bài khảo cứu riêng biệt hoặc tập hợp thành những cuốn sách) trong cũng như ngoài nước. Những người viết phê bình ở trong nước, tôi đọc Vương Trí Nhàn, ông viết phê bình dưới dạng báo chí, dễ đọc dễ tiêu nhưng ít giá trị. Nguyễn Đăng Mạnh, viết bay bướm, tinh tế. Lại Nguyên Ân biện luận chặt chẽ, ý tứ sắc sảo 2. Và dĩ nhiên cả Hoài Thanh. Ở hải ngoại, tôi có đọc Võ Phiến, Trần Hữu Thục và đặc biệt nhất tôi đọc khá nhiều Nguyễn Hưng Quốc và Hoàng Ngọc-Tuấn. Hai người sau tôi viết "đặc biệt nhất" (hẳn, theo quan điểm cá nhân), vì tôi đọc nhiều bài viết của họ, có cái tôi đồng ý và cũng có cái không. Tôi không thích Hoàng Ngọc-Tuấn, vì đọc bài vở của ông làm tôi mệt, lắm khi mất hết những ngày cuối tuần. Ông không chỉ dẫn tôi đến sa mạc để cho tôi biết sa mạc mênh mông và khí hậu khắc nghiệt như thế nào. Ông còn kéo tôi lê bước qua hết chiều dài sa mạc. Nóng. Khô . Và khát. Với Nguyễn Hưng Quốc, ông viết không khô, không lạnh như Hoàng Ngọc-Tuấn, nhưng tôi thấy cái ngạo mạn trong cách viết của ông, cái ngạo mạn của kẻ có tài, loại "kiêu ngạo một cách sang trọng"3. Biết thế, nhưng vẫn cảm thấy khó chịu. Tuy vậy, tôi phải công bình để thừa nhận rằng, những bài khảo cứu của hai tác giả này luôn mới và giá trị . Mỗi lần đọc họ, tôi cảm nhận rằng kiến thức của mình đã được làm giàu thêm một phần. Cũng cần làm rõ một điều, không phải thứ gì Nguyễn Hưng Quốc và Hoàng Ngọc-Tuấn viết ra tôi đều đồng ý. Ví dụ, trong tạp chí Việt số 5 (họ đã viết văn/làm thơ như thế nào ?), ra vào tháng giêng năm 2000, Nguyễn Hưng Quốc qua bài VIẾT 4, đã viết "Xin nói ngay là tôi không có ý chê trách việc dùng văn chương để phục vụ xã hội hay để kiếm sống. Viết lách trong những trường hợp này, là những hình thức lao động bình thường, hơn nữa có khi cao thượng. Chỉ có điều, chúng không phải là lao động nghệ thuật. Thế thôi. Nhà văn, khi viết trong tinh thần phục vụ hoặc mưu sinh như thế, viết với tư cách một người tranh đấu hoặc một người thư lại chứ không phải viết với tư cách của một người sáng tạo.", đọc đến đây tôi nhớ ngay đến Fyodor Dovstoyevski và Honoré de Balzac, cả hai suốt một đời cứ bị câu thúc chuyện áo cơm, phải viết nhanh để trả nợ, nhưng các tác phẩm của hai nhà văn này vẫn là những tuyệt tác văn chương của nhân loại. Nước ta có Vũ Trọng Phụng. Đã viết trong "cơn ho lao và dưới ngọn đèn tù mù" để kiếm chén cơm cho một gia đình, "viết để nuôi bà, nuôi mẹ, nuôi vợ và nuôi thân"5. Nhưng văn chương của ông cũng đầy tính sáng tạo.

Trong phạm vi bài này, tôi trình bày quan điểm riêng của mình về một bài viết của ông Nguyễn Hưng Quốc: "Chủ nghĩa phản trí thức

trong văn học Việt Nam". Một bài viết đã tạo ra nhiều tranh luận. Qua đó tôi cũng nêu quan điểm của tôi về những bài liên hệ. Và cách tham khảo chính của tôi là cách phổ biến nhất trong khoa học tự nhiên: cross reference. Nghĩa là tôi sẽ kiểm tra những dữ kiện hoặc tư liệu (trực tiếp hoặc gián tiếp) nêu ra trong bài viết ở mức cẩn thận nhất theo khả năng của mình. Hẳn ai cũng biết, dữ kiện hoặc tư liệu đưa ra (trích ý hoặc trích lời) được chấp nhận khi và chỉ khi sự trích dẫn có căn cứ từ văn bản. Nếu không sự biện luận sẽ trở nên hàm hồ. Bên cạnh đó, để hiểu thấu đáo quan điểm của tác giả bài viết, nếu cần thiết, tôi dùng phương pháp liên văn bản (inter-textuality, cũng rất phổ biến trong khoa học tự nhiên).

Ông Nguyễn Hưng Quốc đã viết gì? ông đã viết: trong nền văn học Việt Nam từ xưa đến nay, luôn luôn tồn tại chủ nghĩa phản trí thức. Tại sao viết? Vì ông cho rằng một trong những nguyên nhân làm trì trệ nền văn học nước nhà xuất phát từ thứ chủ nghĩa đó. Ông đã viết như thế nào? ông đã trình bày quan điểm và chứng minh sự tồn tại của chủ nghĩa phản trí thức bằng những dẫn chứng khả tín 6. Trong phần biện luận ở cuối bài, ông Nguyễn Hưng Quốc đã xử dụng bài viết "Phê bình văn học của Hoài Thanh và phê bình văn học hiện nay" của giáo sư Hoàng Ngọc Hiến 7 như một thí dụ điển hình cho chủ nghĩa phản trí thức ở thời đại ngày nay. Và đó là lý do đã dẫn đến sự tranh luận như đã nói ở trên.

Tôi đã đọc kỹ bài viết của giáo sư Hoàng Ngọc Hiến. Trong đó giáo sư đã ca ngợi sự uyên bác và thoáng gọn của Hoài Thanh trong cách viết phê bình. Hoài Thanh như được nhiều nhà phê bình nhận định là một nhà phê bình văn học lớn của Việt Nam. Nhận định này đúng hay sai có lẽ chúng ta không cần phải đợi lâu để kiểm chứng. Vì đã nổi tiếng nên ai cũng biết và biết rõ. Nên viết về Hoài Thanh khá nguy hiểm cho người viết, như ông Nguyễn Hưng Quốc đã chỉ ra trong bài "Sáng tác và phê bình" đăng ở tạp chí Văn Học số 199: "...chính vì ai cũng biết và ai cũng chấp nhận cho nên chúng không còn là những phát hiện và cũng không còn là một thử thách đối với khả năng phán đoán thẩm mỹ của nhà phê bình. Do đó, điều mà một người cầm bút tự trọng cần phải tránh đầu tiên chính là viết về điều ai cũng cho là đúng. Lý do: thứ nhất, thừa; thứ hai, nhạt; và thứ ba, coi chừng ...sai." [8]. Một cách nghiệt ngã, nhưng là sự thật, bài viết của giáo sư Hoàng Ngọc Hiến với những nhận định về Hoài Thanh qủa là thừa, nhạt và có sai. Thừa, bởi vì cùng những nhận định về Hoài Thanh, Nguyễn Hưng Quốc đã trình bày một cách tường tận, sắc sảo và súc tích trong cuốn sách "Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam", Quê Mẹ (Paris) xuất bản

năm 1988, tr.206-222 9. Nhạt vì nhận định của giáo sư Hoàng Ngọc Hiến nặng về cảm tính, thiếu những chứng minh có tính thuyết phục cao. Sai, vì giáo sư Hoàng Ngọc Hiến đã gán cho Hoài Thanh những điều mà bản thân ông thực sự không có. Giáo sư Hoàng Ngọc Hiến viết: “nhà phê bình đã đọc rất nhiều sách, nghiên cứu sâu rộng không ít lý thuyết đâu”. Có hai điểm sai: thứ nhất, giáo sư Hiến không có một bằng chứng nào chứng minh rằng Hoài Thanh đã đọc rất nhiều sách về lý thuyết. Trong cuốn Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh rất ít chú giải những lý thuyết phê bình thời bấy giờ, một bằng chứng gián tiếp cho thấy ông đã không đọc rất nhiều sách về lý luận phê bình văn học. Luận chứng này rất khó chứng minh, nếu không có văn bản cụ thể của những công trình nghiên cứu. Nhà phê bình đọc rất nhiều sách có vẽ như là một giai thoại. Thứ hai, giáo sư Hiến cho rằng Hoài Thanh nghiên cứu sâu rộng không ít lý thuyết đâu, là một sự bịa đặt để tạo giai thoại. Trong cuốn Bình luận văn chương của Hoài Thanh, nhà xuất bản giáo dục, 1998, ở trang 29, Hoài Thanh rất chân tình và ngay thẳng 10 thú nhận: “...Vì chẳng dấu gì các bạn, tôi nhát gan lắm, cứ thấy bóng lý thuyết là sợ. Có lẽ ông Hải Triều cũng biết cái chỗ yếu của tôi nên nữa tháng sau trên tờ Tin Văn, ông viết một bài dài năm cột báo đưa ra một mớ lý thuyết cùng những danh từ to nhớn để dọa nạt tôi...” [11]. Hoài Thanh đã không hề nghiên cứu sâu rộng lý thuyết. Trong một đoạn khác, giáo sư Hoàng Ngọc Hiến viết: “...khi viết Hoài Thanh chỉ nhả ra những ý kiến riêng, còn bao nhiêu kiến thức và lý thuyết sách vở ông nuốt vào bụng”. Như vậy giáo sư Hiến, vô hình chung đã biến Hoài Thanh thành kẻ biển lận kiến thức. Sự trích dẫn tài liệu một cách rõ ràng trong bài khảo cứu không phải là chuyện nên hay cần mà phải . Đó là sự lương thiện tối thiểu của người cầm bút. Vấn đề này Hoàng Ngọc Tuấn đã trình bày hết sức cặn kẻ trong bài viết “Trí thức và phản trí thức: vấn đề trước mắt của chúng ta” 12, nên tôi không cần phải dài dòng thêm. Xin nói rõ, chính giáo sư Hoàng Ngọc Hiến làm một người đọc như tôi hiểu về Hoài Thanh như thế. Tài hoa của Hoài Thanh như thế nào, ông Nguyễn Hưng Quốc đã trình bày đầy đủ trong sách đã dẫn ở trên. Như đã nêu ở đầu bài, một bài khảo cứu cần phải chỉ ra cho được cái hay cái dở, cái ưu điểm cái hạn chế. Nếu không, bài viết sẽ vô giá trị. Sẽ chỉ là sự nhai lại theo cách nói của ông Quốc 13.Giáo sư Hoàng Ngọc Hiến đã không dám “thách thức lại những điều mọi người đều cho là đúng” 14. Lại Nguyên Ân 15 và Nguyễn Hưng Quốc 16 đã làm những điều giáo sư Hiến không làm được. Hai ông đã chỉ ra những hạn chế của Hoài Thanh: “Cái hạn chế của Hoài Thanh là ông chỉ tinh tế với dòng

thơ lãng mạn, một dòng thơ, nhờ những sự cổ vũ nhiệt liệt của nhóm Tự Lực văn đoàn, chủ yếu trên báo Phong Hoá và Ngày Nay, đã trở thành quen thuộc thời bấy giờ. Nhưng Hoài Thanh lại không tinh tế đủ để tiên đoán sức sống mãnh liệt trong dòng thơ tượng trưng vừa mới manh nha vào cuối thập niên 30, vài ba năm trước khi ông hoàn tất cuốn Thi Nhân Việt Nam. Chính vì thế hầu hết các nhà thơ nỗ lực vượt ra khỏi phạm trù lãng mạn để mon men đi vào thế giới tượng trưng, nghĩa là những nhà thơ giàu sáng tạo và đi xa nhất trong phong trào Thơ Mới đều bị Hoài Thanh hoặc phỉ báng hoặc chiếu cố lấy lệ: Bích Khê, Đinh Hùng, Hàn Mặc Tử và Nguyễn Xuân Sanh. Có thể nói Hoài Thanh chỉ thắng ở ván bài hiện tại mà lại thua, hơn nữa, thua đậm ở ván bài tương lai....Hoài Thanh rất nhanh chóng trở thành một kẻ bảo thủ, thậm chí, phản động trong lãnh vực văn học..." [17.] Cuối cùng, giáo sư Hoàng Ngọc Hiến đã cổ xúy những điều mà thực ra những nhà nghiên cứu phê bình nên tránh: sự thoáng gọn. Phê bình và lý luận cần phải mổ xẽ càng sâu chừng nào càng tốt chừng đó. Một bài phê bình chỉ nêu ở chỗ này vài điểm ở chỗ khác chấm phá vài nét một cách ấn tượng không thể nào là một bài phê bình hoàn chỉnh. Hơn thế nữa, nếu không có một cơ sở lý thuyết vững chắc để biện luận hay so sánh, mà chủ yếu rút trong bụng ra mà nói thì bài phê bình trở thành một sự tán nhãm, một việc chùi lư đồng 18. Chúng ta đang rất cần một nền tảng phê bình có lý thuyết vững vàng và có hệ thống. Có như thế mới gọt dũa đi những nốt sần sùi thô thiển trong văn học, may ra Việt Nam ta có thể sản sinh ra những tác phẩm hoàn chỉnh ngang tầm thời đại

Qua sự phân tích ở trên, sự trích dẫn của ông Nguyễn Hưng Quốc, theo như cách tôi hiểu, là hết sức hợp lý và cực kỳ xác đáng. Đó không phải là chặt chân chặt tay bài viết của giáo sư Hiến cho vừa với cái giường lý luận 19 của ông Nguyễn Hưng Quốc, mà thực tế bài viết của giáo sư Hiến đi ngược lại trào lưu tiến bộ của văn học nước nhà. Chúng ta không nên lùi phương pháp nghiên cứu của mình về những thập niên 30, 40. Chặng đường văn học đó dù đẹp đến bao nhiêu cũng đã trở thành cổ điển, nó sẽ vĩnh viễn nằm lại với qúa khứ.

Nhân đây cũng xin nhắc một chi tiết ngồ ngộ của ông Nguyễn Thanh Sơn, ông Sơn chỉ cho chúng ta học cách ăn cắp kiến thức theo kiểu hảo hán Tàu. Ở Tây phương, người ta rất tự trọng về phương diện kiến thức. Dù chỉ là một ý nhỏ, người viết nếu xử dụng thì bắt buộc phải đưa ra xuất xứ. Học hành một cách chững chạc và minh bạch. Một vấn đề khác, ông Sơn cho rằng các nước Tây phương thời nay đang bội thực tri thức chứ không phải đói tri thức. Đúng, chỉ cần có

một cái computer gắn vào internet, nhà nào cũng chứa một kho kiến thức khổng lồ. Nhưng có tiêu hóa được và bắt kịp được những dung lượng thông tin khổng lồ đó hay không lại là chuyện khác. Cho nên kẻ dốt vẫn hoàn dốt. Computer tự động lấy tin trên mạng xuống nhưng nó không tự động chạy vào não người ta. Thứ ba, ông Sơn cho rằng những chính trị gia bình dân ăn nói giản dị dể nghe nên dân tin vào họ. Ông Sơn đã nói sai. Cái sai tai hại. Pauline Hanson, cô bán cá rán và khoai tây chiên, một ngày đẹp trời nọ nhảy ra tranh ghế dân biểu, ăn nói toàn những điều người Úc bình dân (và ít chữ) khoái bụng. Nhưng ông Sơn ở xa qúa nên không nghe bà ta nói những gì. Bà nói bậy. Bà bảo rằng dân Mã lai á đông đến 300 triệu người!!! Bà đang phải chạy đến bở hơi tai để trả nợ tiển ăn gian của chính phủ. Dân Úc đã đưa bà ta về lại với tiệm Fish & Chips. Bob Hawke và Paul Keating, hai chính trị gia lão luyện của đảng Lao Động Úc, ăn nói giới bình dân rất thích. Nhưng bất tài. Mười ba năm đảng Lao Động Úc nắm quyền, dân Úc tiến rất gần đến những nước Cộng Hòa chuối vùng trung Mỹ!

Đọc những bài tranh luận 19, 20, 21 xung quanh bài viết của ông Nguyễn Hưng Quốc, tôi thấy có cái gì đó hết sức mỉa mai. Nó mỉa mai ở chỗ chính tác giả đã tiên đoán trước những điều xảy ra cho mình. Trong bài viết "Viết văn với cây ... búa", ông Nguyễn Hưng Quốc đã viết như sau: "...thay vì chỉ nhìn vào tác phẩm, chỉ đọc tác phẩm, với quan niệm chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài , chúng ta lại lom lom vào tác giả, đối chiếu cuộc đời và tác phẩm của hắn để hy vọng lần ra dấu vết của những sự dối trá, một cách đọc có khả năng biến chúng ta trở thành công an thay vì là tri âm..." [22]. Những bài viết trả lời của giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, của ông Nguyễn Thanh Sơn và cả nhà thơ Thường Quán, tất thảy chỉ làm có một chuyện: quyết dùng sức mạnh của số đông có tính bầy đàn để hạ gục cho được Nguyễn Hưng Quốc. Chẳng chết ai, nhưng thiếu đi tính trung thực và mất hẳn sự tao nhã của giới cầm bút. Thật là đáng tiếc.

Chúng ta, về tuổi tác - không còn nhỏ nữa, về tri thức - chúng ta đang mang danh trí thức. Hãy ngay thẳng và công bình. Lập luận cho chững chạc và thuyết phục. Nếu không thì cuộc tranh luận văn chương sẽ chóng trở thành sự hằn thù cá nhân. Muốn vào cuộc hãy vào thẳng cửa chính, đừng có len lén chui cửa sau để làm cái điều ném đá dấu tay.

Với tư cách một người đọc, tôi luôn mong mỏi có thật nhiều bài đọc đúng và hay.

NGUYỄN MINH QUÂN

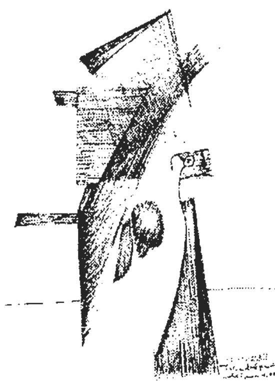
Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Ngọc Tuấn (2000) Trí thức và phản trí thức: vấn đề trước mắt của chúng ta. Hợp lưu, số 52.
2. Xin đọc thêm Nguyễn Hưng Quốc (1996) Văn học Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản. Nhà xuất bản Văn Nghệ, California, USA. tr.294-295.
3. Nguyễn Hưng Quốc (1999) Viết văn với *...cây búa.* Việt số 3 tr. 43-65.
4. Nguyễn Hưng Quốc (2000) Viết. Tạp chí Việt số 5.
5. Nguyễn Đăng Mạnh (1996) Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn. Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội. tr. 106-107.
6. Nguyễn Hưng Quốc (1999) Chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam. Hợp lưu số 50.
7. Hoàng Ngọc Hiến (1999) Phê bình văn học của Hoài Thanh và phê bình văn học hiện nay. Hợp lưu số 49.
8. Nguyễn Hưng Quốc (1999) Sáng tác và phê bình. Văn học số 199.
9. Nguyễn Hưng Quốc (1988) Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam. Nhà xuất bản Quê Mẹ, Paris. tr. 209-222.
10. Chữ của Hoài Thanh dùng trong bài cuối của cuốn sách Thi nhân Việt Nam. Nhà xuất bản Đại Nam, California, USA, 19?
11. Hoài Thanh (1998) Bình luận văn chương. Nhà xuất bản Giáo Dục, Hà Nội. tr.29.
12. Xin xem cùng trích dẫn với số 1.
13. Xin xem cùng trích dẫn với số 3.
14. Xin xem phần trích dẫn của số 8.
15. Lại Nguyên Ân (1998) Đọc lại người trước đọc lại người xưa. Nhà xuất bản hôi nhà văn, Hà Nội. tr.185.
16. Xin xem phần trích dẫn của số 8 và số 9.
17. Xin xem phần trích dẫn của số 8.
18. Chữ của Nguyễn Hưng Quốc dùng trong bài trích dẫn số 4.
19. Nguyễn Thanh Sơn (2000) Bàn thêm với ông Nguyễn Hưng Quốc về bài "Chủ nghĩa phản trí thức trong văn học Việt Nam". Hợp lưu số 52.
20. Hoàng Ngọc Hiến (2000) Coi trọng trình độ văn hóa phải chăng là phản trí thức. Hợp lưu số 52.
21. Thường Quán (2000) Thư văn hữu. Hợp lưu số 52.
22. Xin xem phần trích dẫn của số 3.



GEORGE STEINER

Nhân văn



Khi ngoái lại, nhà phê bình thấy cái bóng viên quan hoạn ở sau lưng. Ai chịu làm phê bình gia, nếu có thể làm nhà văn? Ai chịu gò vào Dostoevsky để có được trực giác tinh tế nhất, nếu có thể hàn một phân bộ tiểu thuyết *Anh em nhà Karamazov*; hay tranh luận về tư thái của D. H. Lawrence, nếu có thể tạo ra luồng gió đời cuồn cuộn trong cuốn *Cầu Vồng*? Tất cả tác phẩm văn học lớn đều bật ra từ "le dur désir de durer"(1) (dục vọng cương cứng được trường tồn), bằng lao khổ tâm trí nhằm chống lại cái chết, bằng hy vọng vượt lên thời gian với sức mạnh sáng tạo. "Brightness falls from the air"(2): năm từ và một ngón thanh âm u tịch (a trick of darkening sound). Vậy mà đã trường tồn cả ba thế kỷ. Ai còn muốn chọn làm phê bình gia, nếu có thể đặt bài ca, soạn nhạc, và từ cái con người sinh tử lão bịnh là chính mình, tạo ra được một giả tưởng bất tử, một nhân vật sống hoài hoài? Hầu hết đều sống sót, như là bụi bặm, trong những cuốn điện thoại niên giám cũ mèm (cám ơn Trời, cũng may còn lưu giữ tại Viện Bảo Tàng Anh quốc). Dữ kiện tồn tại của họ, qua mớ chữ đó, thì cũng chẳng là bao, nếu nói về chân lý và mùa màng gặt hái từ cuộc sống, so với Falstaff hay Madame de Guermantes. Phải chi mà tưởng tượng ra được những nhân vật như thế nhỉ!

Phê bình gia sống kiểu tầm gửi. Anh ta viết *về*. Phải thí cho anh ta một bài thơ, một cuốn tiểu thuyết hay một vở kịch; phê bình gia sống,

nhờ ân huệ thiên tài, của những kẻ khác. Bằng văn phong, phê bình, tự thân, có thể trở thành văn chương. Nhưng chuyện này thường chỉ xẩy ra, khi nhà văn xử sự như nhà phê bình, về tác phẩm của chính mình; hay như một kẻ dọn đường cho thi pháp của kẻ đó: phê bình ở Coleridge là tác phẩm đang tiến diễn; hay tuyên truyền của T. S. Eliot là giây phút sáng tạo. Ngoại trừ Sainte-Beuve, ai dám cho rằng, ta thuộc về văn chương, thuần tuý như một nhà phê bình? Ngôn ngữ sống, không phải nhờ phê bình.

Đó là những sự thực đơn giản (và là những điều nhà phê bình lương thiện nhất tự nói với chính mình, trong cái mầu chì của buổi sớm mai.) Nhưng nguy hiểm là, chúng ta gần như quên lãng những sự thực đơn giản đó, bởi đang đầy ứ, uy thế và nghị lực phê bình mang tính tự chủ. Tạp chí phê bình ùa ra như lũ, nào bình luận, nào lý giải; ở Mỹ, có những trường dậy phê bình. Nhà phê bình hiện hữu, như là một nhân vật (persona), với đầy đủ quyền hạn riêng; những dẫn dụ, những đôi co của anh có một vai trò trước công chúng. Phê bình gia viết về phê bình gia, và một tài năng trẻ, sáng láng, thay vì nhìn phê bình như một thất bại, nỗi tiêu điều ảm đạm lẫn dần với tro than, với cát bụi - cái còn lại ít ỏi của một tài năng hạn chế - lại coi đây là nghề cao giá. Điều này có thể tức cười, nhưng nó có một hậu quả thật thê lương. Chuyện trước đây chưa từng xẩy ra: một sinh viên, hay một người nào quan tâm tới văn chương, người đó đọc những bài điểm sách, hay những bài phê bình, thay vì chính những cuốn sách, thay vì cố tạo cho mình một phán đoán riêng, trước khi đọc chúng. Nhận định của Dr. Leavis về sự chín mùi và tính thông minh của George Eliot là một câu nói đầu lưỡi. Bao nhiêu người, khi lập lại câu nói, đã thực sự đọc *Felix Holt* hay là *Daniel Deronda?* Tiểu luận của Mr. Eliot về Dante là chuyện "biết rồi khổ lắm nói mãi", trong việc học văn; nhưng *Commedia (Kịch Trời)* được biết tới, may ra, chỉ vài trích đoạn ngắn ngủi (*Inferno*, XXVI hay là Ugolino bị chết đói). Nhà phê bình thực sự, là đầy tớ cho nhà thơ; bây giờ, anh ta đóng vai chủ, hay bị coi là chủ. Anh ta quên bài học sau cùng của Zarathustra, bài học sống động nhất: "bây giờ, hãy làm, không (cần) ta."

Cách đây đúng 100 năm, Matthew đã nhìn thấy cái thênh thang, cái nổi bật của nhịp đập hăm hở: phê bình. Ông nhận ra rằng, nhịp đập hăm hở này là thứ yếu, so với của nhà văn, rằng niềm vui và sự quan trọng của sáng tạo, cơ bản mà nói, vẫn cao hơn. Nhưng ông coi tiếng réo gọi giục giã này là khúc dạo đầu cần thiết đưa tới một thời đại thi ca mới. Chúng ta tới "sau", và đây là (vấn đề) cân não của thân phận chúng ta. Sau, là sau cái điêu tàn chưa từng có trước đây - do tính thú vật chính trị của thời đại chúng ta - về những giá trị con người, và những hy vọng.

Điêu tàn là điểm khởi đầu của bất cứ một suy nghĩ nghiêm túc về văn chương và chỗ đứng của văn chương trong xã hội. Văn chương đụng - một cách thiết yếu, một cách liên tục - tới hình ảnh của con người, tới vóc dáng và động cơ hành xử của con người. Bây giờ, chúng ta không thể xử sự - cho dù là nhà phê bình hay giản dị là một con người hữu lý - như thể chẳng có một liên quan riết róng nào đã xẩy ra cho sự cảm nhận của chúng ta, về khả năng của con người; như thể việc làm cỏ - bằng cái đói và sự hung bạo - cỡ chừng 70 triệu đàn ông, đàn bà, và trẻ con tại Âu Châu và Nga Xô trong thời kỳ 1914 và 1945: chuyện như vậy đã không lay động tới gốc rễ phẩm chất nỗi quan hoài, niềm âu lo của chúng ta. Chúng ta không thể giả đò rằng trại tù Belsen chẳng liên quan gì tới cuộc sống có trách nhiệm của trí tưởng tượng. Điều con người làm tổn thương con người, vào ngay đúng lúc này, đã ảnh hưởng tới chất liệu đầu tiên của nhà văn - cái giếng sâu không thể cạn của hành vi, cách xử sự mang tính người - và nó đè lên não, một vết đen mới.

Hơn thế nữa, nó đặt thành câu hỏi, về những ý niệm đầu tiên của một nền văn hóa nhân văn. Ngay ở trái tim Âu Châu, từ đó nở ra, chủ nghĩa man rợ chính trị, với đỉnh cao tối hậu của nó. Hai thế kỷ sau khi Voltaire tuyên bố hết rồi: tra tấn trở thành một tiến trình bình thường của hành động chính trị. Không phải chỉ là vấn đề: rằng việc gieo giắc đại cương những giá trị văn học, văn hóa đã tỏ ra chẳng ngăn bờ rào giậu gì được, trước chủ nghĩa toàn trị; nhưng trong nhiều thời điểm đáng kể, nghệ thuật và học vấn mang tính nhân bản ở những vị thế cao, đã đón mừng và hỗ trợ nỗi kinh hoàng mới mẻ này. Chủ nghĩa man rợ đã lấn lướt, ngay tại mảnh đất từ đó nở hoa chủ nghĩa nhân bản Ky-tô, nền văn hóa Phục hưng và chủ nghĩa thuần lý cổ điển. Chúng ta biết, một số người nghĩ ra và điều hành [lò thiêu] Auschwitz, họ đã được dậy một điều: hãy đọc và tiếp tục đọc Shakespeare và Goethe.

Điều này thật hiển nhiên thật tởm lợm, cho việc nghiên cứu và giảng dậy văn chương. Nó làm chúng ta phải đối đầu với câu hỏi, rằng sự hiểu biết những bản văn, những tư tưởng tối hảo hạng: liệu chúng mở rộng, làm tinh khiết những suối nguồn tinh thần nhân loại, như Matthew Arnold khẳng định? Nó bắt buộc chúng ta tự hỏi, điều mà Dr. Leavis gọi là "tính gốc người" ("the central humanity") thực sự hướng tới hành vi nhân đạo, hay ngược lại: có một khoảng trống rộng lớn hay một tréo cẳng ngỗng, giữa đạo đức trí tuệ phát triển trong nghiên cứu văn chương, và đạo đức trí tuệ do chọn lựa xã hội và chính trị, đòi hỏi. Cái khả năng sau mới thật bực mình. Có chứng cớ rằng một sự dấn thân chuyên nghề và đeo đẳng vào đời sống của chữ in, một khả năng, nhập sâu mà có tính phê phán, vào các nhân vật và các tình tự tưởng tượng, làm suy giảm tính

tức thời, sắc bén của hoàn cảnh thực. Chúng ta có khuynh hướng đáp ứng một cách sắc bén với nỗi buồn văn chương hơn là sự khốn cùng của người hàng xóm. Chính nơi đây, mà cái thời mới xẩy ra, cho chúng ta những bằng chứng cay nghiệt. Những người khóc khi coi truyện tình lãng mạn *Werther* hay nghe nhạc Chopin đâu có biết rằng họ đi qua địa ngục thực sự. (3)

Điều này có nghĩa, bất cứ kẻ nào giảng dậy, hay giải thích văn chương - và cả hai đều là những bài tập nhằm xây dựng, vì lợi ích của nhà văn, một tập hợp hài hòa những phản ứng sống động - người đó phải tự hỏi về chính mình, chức năng của mình là thế nào (dậy dỗ, hướng dẫn, qua *Vua Lear* hay *Oresteia,* là nắm giữ trong tay mình, những nguồn sống của một kẻ khác). Với Johnson, Coleridge, và Arnold, chuyện văn hóa góp phần vào cảm nhận đạo đức của cá nhân, và của xã hội, là hiển nhiên. Bây giờ, người ta nghi ngờ. Chúng ta phải chấp nhận khả năng là, việc nghiên cứu và truyền đạt văn chương chỉ có một ý nghĩa nhỏ nhoi, một xa xỉ giống như thú say mê đồ cổ. Hay là, tệ hơn, nó còn làm chúng ta sao lãng, thay vì dùng thời giờ và nghị lực tinh thần vào những việc làm khẩn thiết và có trách nhiệm hơn. Tôi không tin chuyện này là thực. Nhưng câu hỏi bắt buộc phải được đặt ra, và khai triển mà đừng đạo đức giả. Chẳng có gì làm chúng ta lo lắng hơn, nếu nói về tình trạng hiện thời của việc học hỏi tiếng Anh tại các đại học, là sự kiện này: một cuộc tra hỏi như thế chỉ nên coi như là một chuyện kỳ kỳ, hay có tính lật đổ. Không, nó là một câu hỏi thuộc về yếu tính.

Chính tại đây mà việc đảm bảo cho môn khoa học tự nhiên có được sức mạnh của nó. Nhắm vào tiêu chuẩn thực chứng và thành quả mang tính tập thể và truyền thống (tương phản với phong thái riêng bề ngoài và cái tôi số một trong tranh luận văn chương), những khoa học gia thường có ý khẳng định rằng, những phương pháp và viễn ảnh riêng của họ, bây giờ ở trung tâm của văn minh, rằng tính ưu việt cổ xưa của khẳng định thi ca và hình ảnh siêu hình: hết rồi. Tuy hiển nhiên chưa chắc như vậy, nhưng có vẻ như tổng số những tài năng hiện có, nhiều, rất nhiều thuộc loại tuyệt hảo, đã quay qua khoa học. Trong *Quanttrocento,* người ta thèm phát điên được biết những họa sĩ; ngày nay, chính ở nơi những vật lý gia, những nhà sinh hóa học, những toán học gia mà người ta có được ý nghĩa của niềm vui tạo hứng, của trí tưởng bay bổng, không một vệt mây mù che phủ.

Nhưng chúng ta không được ngã lòng. Những nhà khoa học gia sẽ làm giầu ngôn ngữ và những tài nguyên của tình cảm (như Thomas Mann chỉ ra, trong *Felix Krull*, những huyền thoại và những ẩn dụ tương lai của chúng ta sẽ nở ra ngay tại tâm của ngành thiên văn-vật lý học và

vi sinh học). Những ngành khoa học sẽ tái sắp xếp môi trường quanh chúng ta, nội dung lúc rảnh rỗi, hay chuyện sinh kế, sao cho văn hóa nẩy nở. Mặc dù chúng là niềm kỳ diệu không sao cạn, vẻ đẹp dễ thấy, thường gặp, nhưng khoa học tự nhiên, mang tính toán học thật khó vươn tới niềm quan tâm tối hậu của con người. Tôi muốn nói chúng chẳng thêm gì nhiều, cho sự hiểu biết, hay quản lý khả năng con người; rằng còn nhiều hiểu biết sâu sắc có thể chứng minh được, về con người, ở trong Homer, Shakespeare, hơn là toàn thể ngành não bộ học hay thống kê học. Không một khám phá nào về gien-học có thể làm què cụt hay vượt qua những gì Proust hiểu về định mệnh hay gánh nặng di truyền; mỗi lần Othello nhắc nhở, về vết gỉ của giọt sương trên lưỡi dao sáng ngời, chúng ta lại kinh nghiệm cõi trần tuy khoái lạc nhưng vô thường chúng ta cần rũ bỏ: làm sao công việc hay tham vọng của những nhà vật lý lại có thể vươn tới đó? Mọi thẩm định theo kiểu thăm dò dư luận, về động cơ hay mưu lược chính trị, làm sao qua nổi Stendhal?

Và chính cái gọi là "khách quan tính", sự trung lập đạo đức mà những nhà khoa học thích thú và đạt được sự cố gắng ở nơi cộng đồng tinh anh của họ, chúng đã tách họ ra khỏi điều liên quan sau cùng. Khoa học có thể đã đem khí cụ, và những kỳ vọng điên rồ cho những kẻ bầy ra những vụ giết người tập thể. Nó chẳng nói với chúng ta được một tí gì về những động cơ của nó, trong khi đây là một đề tài thật đáng cho chúng ta nghe, từ Aeschylus hay Dante. Cũng chẳng bõ, nếu (phải) phán đoán về những tuyên bố chính trị ngây thơ được đưa ra bởi những nhà luyện kim hiện thời: liệu nó có giúp cho tương lai đỡ tổn thương, trước phi nhân? Chúng ta có được bao nhiêu ánh sáng, về thân phận của mình, đều là nhờ nhà thơ vun vén cho.

Nhưng không thể chối cãi được một điều, rất nhiều mảnh của tấm gương bây giờ đã vỡ vụn, hoặc lu mờ. Nét nổi bật nhất trên sân khấu văn chương hiện nay, là sự tuyệt hảo của (thể loại) không-giả tưởng (non-fiction) - phóng sự, lịch sử, tranh luận triết học, tiểu sử, tiểu luận phê bình - chúng lấn lướt những thể loại có tính tưởng tượng truyền thống. Hầu hết những tiểu thuyết, thơ, hay kịch trong hai thập kỷ vừa qua, giản dị đều chưa viết tới (not well written), chưa cảm sâu (not strongly felt), so với những cách viết qua đó, trí tưởng tượng vâng theo sức bật của sự kiện. Những hồi ký của Bà Simone de Beauvoir là cái mà những cuốn tiểu thuyết của Bà đúng ra nên là, nếu nói về những tuyệt vời của cái tức thời vật lý và tâm lý. Edmund Wilson viết thứ văn xuôi tuyệt hảo ở Mỹ. Chẳng có một cuốn nào, trong hằng hà sa số những cuốn tiểu thuyết, những bài thơ viết về đề tài ghê rợn là trại cải tạo có thể so với sự thực, sự cảm thông mang chất thơ vừa đủ, ở trong phân tích sự kiện

của Bruno Bettelheim, *The Informed Heart (Trái Tim Biết) (4).* Có vẻ như là tính đa dạng, nhịp điệu, và những chiều hướng chính trị quỉ ma của thế kỷ chúng ta đã hoang mang, quay trở về với trí tưởng tượng tự tin của những bậc thầy văn chương cổ điển hay với tiểu thuyết thế kỷ 19. Một cuốn tiểu thuyết của Butor và *Naked Lunch (Bữa Ăn Trần),* cả hai đều là đào thoát. Né tránh đề tài lớn của con người, hoặc nhạo báng nó, qua mấy trò cuồng tưởng khiêu dâm và sa đích, đều chỉ ra cùng một thất bại sáng tạo. Bằng lô gích Ái Nhĩ Lan không thể chê vào đâu được, Ngài Beckett đang tiến về một thể loại kịch trong đó, chân ngập vào khối vữa, mồm bị nhét giẻ, một nhân vật trõ mắt nhìn khán thính giả, không nói gì hết. Trí tưởng tượng bị bội thực bởi những trò ghê rợn, và chuyện tào lao, qua đó nỗi kinh hoàng hiện đại được diễn tả. Chưa bao giờ như bây giờ: thi ca bị cám dỗ bởi sự câm lặng.

Chính trong cái nội dung thiếu thốn, bất định này mà phê bình nhìn ra chỗ đứng tuy khiêm tốn nhưng thật sống còn của nó. Theo tôi, chức năng của nó được gấp ba.

Thứ nhất, nó có thể chỉ cho chúng ta cái gì [cần phải] đọc lại, và bằng cách nào. Tổng số văn chương rõ ràng là bao la, và sức ép của cái mới thì lại thường hằng. Người ta phải chọn, và chính do sự chọn lựa này, mà phê bình tỏ ra hữu dụng. Điều này không có nghĩa nó đóng vai trò (phó mặc cho) số mệnh và lọc ra một dúm tác giả hay tác phẩm như chỉ có dúm này là truyền thống có giá trị, loại bỏ những người khác (dấu hiệu chỉ ra phê bình tốt: nó mở ra nhiều cuốn sách, hơn là đóng lại). Điều đó có nghĩa, từ cái di sản rộng lớn, chằng chịt của quá khứ, phê bình sẽ mang ra ánh sáng và nhấn mạnh những gì nói với hiện tại, bằng cách nói thẳng đặc biệt hay riết róng.

Đây là khác biệt rõ rệt giữa nhà phê bình và nhà sử văn hay ngữ văn. Với nhà ngữ văn, giá trị một bản văn mang tính nội tại, nó có cái mê hoặc về ngôn ngữ hay theo kiểu biên niên, độc lập theo một liên quan rộng lớn hơn. Nhà phê bình, khi giành phần cho mình thuộc loại uyên bác, về ý nghĩa và sự vẹn toàn của tác phẩm: anh ta phải chọn. Và anh ta sẽ nghiêng về những tác phẩm có thể tạo ra cuộc thoại với những người đang sống, là chúng ta.

Mỗi thế hệ có chọn lựa của nó. Có thi ca trường tồn, vĩnh cửu nhưng thật khó mà có phê bình mãi mãi "vũ như cẩn". Tennyson sẽ có "ngày của ông ta", và Donne, "buổi nhật thực". Hay là, để đưa ra một thí dụ chẳng liên quan gì tới thói ham mốt này mốt nọ: trước chiến tranh, tại những trường Pháp nơi tôi theo học, nói chung là ai cũng coi Virgile như là một kẻ bắt chước Homer một cách ngây ngô, bắng nhắng. Tất cả học sinh đều khẳng định với bạn bằng một thái độ rất ư là tự tin như thế.

Cùng với thảm họa, chuyện thường ngày về "cuộc tháo chạy tán loạn", và lưu vong, cách nhìn trên đã thay đổi một cách triệt để. Bây giờ, Virgile trở nên một chứng nhân thật chín mùi, thật cần thiết. Simone Weil và cách đọc ngang bướng sử thi *Iliad,* hay *Death of Virgile (Cái Chết của Virgile)* của Hermann Broch, cả hai đều góp phần trong việc tái thẩm định. Thời gian, theo dòng lịch sử và với cuộc sống cá nhân của từng con người, đã làm thay đổi cái nhìn của chúng ta đối với một tác phẩm, hay là phần chủ yếu của nghệ thuật. Có thi ca của những người trẻ, có văn xuôi dành cho những ông già. Bởi vì tiếng kèn rộn rã của họ về một tương lai huy hoàng, tương phản trớ trêu làm sao, với kinh nghiệm hàng ngày của chúng ta. Những kẻ lãng mạn đâu còn là trung tâm của vấn đề? Thế kỷ 16 và đầu thế kỷ 17, mặc dù ngôn ngữ thường mơ hồ và rắc rối, lại có vẻ gần gụi với lời nói chúng ta. Phê bình có thể làm cho những thay đổi do yêu cầu này trở thành có ích, loại bỏ những gì không cần thiết. Nó có thể chiêu tập từ quá khứ, những gì thiên tài của hiện tại, nhờ vả (đằng sau cái đẹp nhất của văn xuôi ở Pháp vào lúc này, là sợi gân của Diderot). Và nó có thể nhắc nhở chúng ta rằng, những phán đoán trước sau, này nọ của chúng ta chẳng tuyệt đối chẳng vĩnh cửu. Nhà phê bình sẽ "tiên cảm" (feel ahead); anh ta sẽ ngả người về phía chân trời, và sửa soạn mảnh đất cho những mùa gặt tương lai. Đôi khi, anh ta nghe tiếng vọng, khi tiếng nói đã chìm vào quên lãng; hay là trước khi nó cất lên. Vào những năm 1920, có một số người đã cảm thấy thời của Blake và Kierkegaard đang ở trong tầm tay; hay là 10 năm sau, một số đã nhận ra sự thực phổ cập, trong cơn ác mộng riêng tư của Kafka. Đây không phải vấn đề chọn kẻ thắng, nó có nghĩa: biết, rằng tác phẩm nghệ thuật tự khẳng định qua một tương quan phức tạp, theo nhu cầu, so với thời gian.

Thứ hai, phê bình có thể kết nối. Vào một thời đại mà sự mau lẹ của truyền thông kỹ thuật, nó thực sự che giấu những rào cản chính trị, ý thức hệ thuộc loại bướng bỉnh; nhà phê bình có thể xử sự như một kẻ trung gian, và người bảo quản. Đây là một phần của công việc của anh ta, để thấy rằng một chế độ chính trị không thể giáng yểm một tác phẩm của một nhà văn vào cõi quên lãng và bóp méo nó, rằng những cuốn sách [dù có bị] thiêu huỷ, tro than được vun vén, và được giải mã. (5)

Ngay cả khi tìm cách tạo cuộc thoại, giữa quá khứ và hiện tại, nhà phê bình sẽ cố gắng, giữ cho thênh thang những con đường giao tiếp, giữa những ngôn ngữ. Phê bình mở rộng, làm rắc rối đa đoan, bức bản đồ cảm tính. Nó nhấn mạnh, rằng văn chương không thể sống, trong cách biệt, trơ trọi, mà trong một môi trường nhiều ngôn ngữ, nhiều quốc gia. Phê bình nở rộ, trong tương đồng, theo bước nhẩy xa, của giả dụ. Nó

biết rằng, những kích động của một tài năng lớn hay một thể loại thi ca, trải dài theo những mẫu mã phức tạp của sự phổ biến, truyền đạt. Nó làm việc *à l'insigne de Saint-Jérôme* (dưới huy hiệu của Saint-Jérôme) (6), biết chẳng có tương đương thực sự, giữa những ngôn ngữ, mà chỉ có bội phản; nhưng toan tính chuyển dịch là một yêu cầu hoài hoài, nếu bài thơ [được viết ra là để] sống trọn cuộc đời đầy ứ của nó. Cả hai, nhà phê bình và nhà dịch thuật, cố làm điều: truyền đạt khám phá.

Trong thực hành, điều này có nghĩa, rằng văn chương được giảng dậy, và dẫn giải theo con đường so sánh. Không làm quen trực tiếp với hùng ca Ý Đại Lợi, khi phán đoán Spenser, không nắm bắt được Boileau khi đánh giá Pope, không gần gụi với Balzac, Stendhal, Flaubert khi "xem xét" (consider) sự thành công của tiểu thuyết thời Victoria hay của Henry James: như vậy là đọc một cách hời hợt, giả tạo. Chỉ có chủ nghĩa phong kiến của những đại học mới chia rẽ thẳng thừng giữa nghiên cứu tiếng Anh và Những Ngôn Ngữ Hiện Đại. Thế ra là tiếng Anh không phải là một ngôn ngữ hiện đại, có thể tổn thương, và có khả năng hồi phục, tại bất cứ một thời điểm nào trong lịch sử của nó, trước sức ép của những thổ ngữ Âu Châu, của truyền thống lục địa về phép tu từ và thể loại? Nhưng câu hỏi sắc bén, chém sâu hơn là cái kỷ luật mang tính hàn lâm kể trên. Nhà phê bình nào tuyên bố rằng, con người có thể biết một ngôn ngữ cho tới nơi tới chốn, rằng việc thừa kế gia tài thi ca hay truyền thống quốc gia về tiểu thuyết, vậy là có giá trị, hay cao cả rồi; người đó đang đóng mọi cánh cửa, khi đúng ra chúng phải được mở rộng; người đó đang làm hẹp cái đầu, khi đúng ra, nó phải được mở ra cho một thành tựu rộng lớn, đồng đều hơn. Trong chính trị, chủ nghĩa ái quốc cực đoan (chủ nghĩa Sô-vanh) đã rống lên cuộc tàn phá, trận huỷ diệt; nó không có chỗ, trong văn chương. Nhà phê bình - lại ở đây, anh ta khác với nhà văn - không phải là người đóng trụ trong khoảnh vườn của riêng mình.

Chức năng thứ ba của nhà phê bình mới thật tối quan trọng. Nó liên quan tới sự phán đoán văn chương đương thời. Có một sự khác biệt giữa đương thời và tức thời. Tức thời "ngoạm" những nhà điểm sách (7). Nhưng rõ ràng nhà phê bình còn có những trách nhiệm đặc biệt với nghệ thuật chính thời đại của mình. Anh ta phải tra hỏi, không chỉ chuyện, hoặc là nó trình bầy một tiến bộ kỹ thuật hay một tinh luyện, hoặc là nó thêm vô một cú xoắn về văn phong hay chơi một đòn vụng về lên cân não thời điểm; nhưng còn về những gì nó đóng góp, hay lấy đi, từ những tài nguyên nghèo nàn của đạo đức trí tuệ. Tác phẩm này đề nghị chi, nếu nói về chuyện cân đo đong đếm vóc dáng, hình ảnh con người? Đây không phải là một câu hỏi dễ nói ra, nó còn dễ bị coi là thiếu tế nhị.

Nhưng thời đại chúng ta là một thời đại không bình thường. Nó "lao động" (labors) dưới sức ép (stress) của phi nhân, được kinh nghiệm theo một qui mô khổng lồ, đặc thù, và ghê rợn; và khả năng của một điêu tàn thì lấp ló chẳng đỗi xa. Người ta thích ban cho mình trò xa xỉ, là chùm chăn, đợi thời, nhưng vô phương.

Thí dụ, điều này có thể dẫn người ta tới việc tra hỏi, liệu chăng, tài năng của Tennessee Williams đang được sử dụng là để chuyên chở trò sa đích ỉ ôi; sự điêu luyện cầu kỳ thuộc loại thầy của Salinger, là để tranh luận một cái nhìn còm cõi đến mức phi lý, về cõi nhân sinh. Nó có thể dẫn tới câu hỏi, sự tầm phào trong những kịch của Camus, và tất cả những cuốn tiểu thuyết của ông, trừ cuốn đầu, là để nói lên một tư tưởng có dáng vẻ điêu khắc trong chuyển động lững lờ, và mang tính mơ hồ hoài huỷ. Hỏi, chứ không phải chế nhạo, hay kiểm duyệt. Sự khác biệt rất ư là quan trọng. Việc tra hỏi chỉ có thể có ích một khi mọi ngõ vào tác phẩm là hoàn toàn tự do, một khi nhà phê bình thực tình hy vọng, một ý kiến bác bỏ, hoặc trái ngược. Hơn thế nữa, khi viên công an hay tay kiểm duyệt tra hỏi nhà văn, nhà phê bình chỉ tra hỏi cuốn sách.

Xuyên suốt bài viết, điều mà tôi nhắm tới, đó là ý niệm về "humane literacy" (tạm dịch: một nền văn hóa nhân bản, une culture d'humaniste). Trong cuộc trò chuyện lớn lao với những người chết còn sống mà chúng ta gọi là đọc sách đó, vai trò của chúng ta không phải là một vai trò thụ động. Đọc là một kiểu hành động, chứ không phải là chuyện mơ màng hay trò nhâm nhi dửng dưng, phát sinh từ buồn chán. Chúng ta lay động sự hiện hữu, tiếng nói của cuốn sách. Chúng ta cho phép nó nhập vô - tuy lúc nào cũng cảnh giác - phần sâu thẳm ở trong chúng ta. Một bài thơ, một cuốn tiểu thuyết cổ điển, chúng áp đảo; chúng tấn công, và chiếm lĩnh những trọng điểm của ý thức. Bằng những chiêu thức kỳ lạ của một bậc thầy, chúng quay quật trí tưởng tượng và cõi dục, tham vọng, và những cơn mộng thật bí ẩn, thật thầm kín của chúng ta. Những kẻ đốt sách biết rõ điều mà chúng đang làm. Nghệ sĩ là một sức mạnh không thể nào kiểm tra được: kể từ Van Gogh, không một con mắt Tây-phương nào nhìn cây bách mà không nhận ra ở trong đó, khởi đầu của một ngọn lửa.

Theo mức độ tối thượng, văn chương cũng như vậy. Người nào đọc Hồi thứ 24, sử thi *Iliad* - đêm gặp gỡ giữa Priam và Achilles - hay là chương Alyosha Karamazov quỳ dưới những vì sao, người nào đọc chương XX của Montaigne *(Que philosopher c'est apprendre l'art de mourir: Rằng suy tư triết học là học nghệ thuật chết)* (8), và cách mà Hamlet sử dụng nó, và người nào mà không thấy mình bị biến đổi, nhận thức về chính cuộc đời mình vẫn như cũ, cái nhìn căn phòng [mới] chuyển tới

chẳng gợn chút thắc mắc, những ai kia gõ cửa đâu có gì khác: người đó đọc mà sự thực là mù, tuy vẫn nhìn được, theo nghĩa vật lý. Liệu ai đó có thể đọc *Anna Karenina* hay Proust mà chẳng kinh nghiệm được gì, về sự yếu đuối trong những tình cảm, ý nghĩ liên quan tới dục tính?

Đọc tới nơi tới chốn, là chấp nhận hiểm nguy. Điều gọi là căn cước, sự tự chủ của chúng ta có thể bị thương tổn. Trong những biểu hiện khởi đầu của chứng động kinh, có một giấc mơ thật đặc trưng; Dostoevsky nói về nó. Con người như bị nhấc bổng ra khỏi thân thể của mình; người đó nhìn ngoái lại và cảm thấy một nỗi sợ bất thần, khùng điên; một hiện hữu khác đang đi vô chính cái thân thể của mình đó, và chẳng còn đường nào để mà trở lại. Nỗi sợ khủng khiếp làm cho cái đầu cố bật dậy, tỉnh giấc. Cũng vậy, khi chúng ta cầm trong tay một tác phẩm lớn lao, văn chương hay triết học, tưởng tượng hay đề thuyết. Nó có thể hoàn toàn chiếm hữu chúng ta, khiến chúng ta [phải] bỏ đi lang thang, sợ hãi ngay chính mình, không còn nhận ra mình. Người nào đọc *Metamorphosis (Hóa Thân)* của Kafka, và nhìn vào gương không rùng mình, người đó có thể đọc bản in, theo nghĩa kỹ thuật của từ "đọc", nhưng thực sự là mù chữ, theo đúng nghĩa của việc đọc.

Bởi vì cái cộng đồng của những giá trị truyền thống, đã tản mác, bởi vì những từ, chính chúng cũng bị vặn vẹo, rẻ rúng, bởi vì những thể loại cổ điển châm ngôn, hay ẩn dụ ngày trở thành những kiểu nói làm xàm cho qua đi: nghệ thuật đọc sách, nghệ thuật về một khả năng biết chữ thực sự (true literacy) phải được tái tạo dựng. Đây là nhiệm vụ của phê bình văn học: giúp chúng ta - như là những con người hoàn toàn - đọc. Bằng những thí dụ về sự chính xác, về nỗi sợ hãi, và niềm vui rạng ngời. So với hành động sáng tạo, nhiệm vụ này là thứ yếu. Nhưng chưa bao giờ nó quan trọng như là lúc này. Không có nó, sáng tạo, chính nó, có thể rơi vào câm lặng.

NGUYỄN QUỐC TRỤ/NGUYỄN TIẾN VĂN *chuyển ngữ*

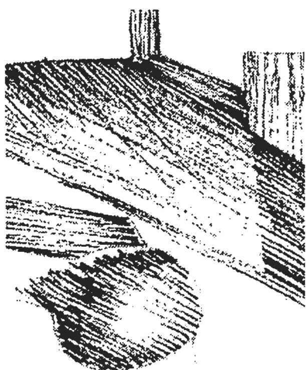
[*Humane Literacy* viết năm 1963, được in trong *Language and Silence*, essays on Language, Literature and the Inhuman (*Ngôn ngữ và Câm lặng*, gồm 31 tiểu luận về Văn chương, Ngôn ngữ, và Phi nhân, nhà xb Yale University, 1967). Người dịch có tham chiếu bản tiếng Pháp, *Ngôn ngữ và Câm lặng, Langage et Silence* (nhà xb du Seuil, 1969; tủ sách 10/18; lần tái bản 1999; gồm những dịch giả Lucienne Lotringer, Guy Durand và Denis Roche, Jean-Pierre Faye, và Jean Fanchette; trích tuyển 13 bài từ nguyên tác tiếng Anh].

Chú thích:
1. Tiếng Pháp trong nguyên bản.
2. "Ánh Sáng sa từ cõi trời". Bản tiếng Pháp: "Ánh Sáng biến mất ở trên trời (La clarté s'évanouit dans l'air)", và ghi chú, câu này từ nhà văn châm biếm người Anh, Thomas Nash(e) (1567-1601), trong tác phẩm "*In Time of Pestilence" (Thời Bệnh Dịch).*
3. "Men who wept at *Werther* or Chopin moved, unrealizing, through literal hell." Bản tiếng Pháp: "Những người mà Goethe và Chopin làm đổ lệ, đã đi qua địa ngục của những kẻ khác mà không nhíu mày." Bạn đọc để ý tới hai cụm từ "literal hell" (địa ngục theo nghĩa đen), và "literary sorrow" (nỗi buồn văn chương), trong nguyên bản.
4. Trong bài viết "*Văn chương và hậu-lịch sử*", in trong cùng cuốn sách, tác giả giải thích thêm: "Cho tới ngày này, chưa một nhà thơ, chưa một tiểu thuyết gia nào diễn tả thực tại trại cải tạo, bằng một sự sáng suốt nghiêm ngặt, làm chủ kinh nghiệm, như Bruno Bettelheim, trong nghiên cứu mang tính xã hội học, *Trái Tim Biết.* Giả tưởng ngậm câm trước sự lớn lao của những sự kiện, trước sức nóng hổi của (thể loại) phóng sự không cần hoa hòe hoa sói." Ông cũng chỉ ra một sự khác biệt: cuộc chiến 1914-1918 chỉ đưa ra được những tác phẩm nặng chất cổ điển, như *No More Parades (Thôi đừng Diễn Hành,* của Ford Madox Ford), *Le Feu (Lửa,* Barbusse), *Enormous Room (Phòng Lớn,* Cummings), *Farewell to Arms (Giã Từ Vũ Khí,* Hemingway), âm hưởng (resonance) của chiến trường và tiếng thì thầm của người dân thường, trong chương chót của Proust. Với thảm họa thứ nhì, là thuộc loại phóng sự, hay chứng nhân tức thời: *Bay Đêm,* của Saint-Exupéry, *Nhật Ký* của Anne Frank, *Hiroshima* của Hersey, *Ghi chú từ Ghetto Warsaw* của Emmanuel Ringleblum.
5. Bản tiếng Pháp: Không một chế độ chính trị nào có thể vặn vẹo hay bóp nghẹt tác phẩm của một nhà văn.
6. Dịch giả Kinh Thánh Thiên Chúa Giáo.
7. Bản tiếng Pháp: Chỉ những cuốn sách nóng hổi mùi mực mới tóm lấy những nhà điểm sách.
8. Tiếng Pháp trong nguyên bản. Bản dịch tiếng Pháp sửa lại là: *Que philosopher, c'est apprendre à mourir. (Rằng triết là học chết.)*



THỤY KHUÊ *thực hiện*

Vấn đề "Đối thoại văn học"



Đầu năm 2000, nhà xuất bản Thanh Niên tại Hà Nội phát hành cuốn Đối Thoại Sử Học. *Đối Thoại Sử Học* cùng với *Chuyện Kể Năm 2000* của Bùi Ngọc Tấn và tiểu thuyết *Hai Nhà c*ủa Lê Lựu là ba tác phẩm đã gây khó khăn cho nhà Thanh Niên. Qua liên lạc điện thoại với giới phê bình trong nước, chúng tôi được biết cuốn sách này đã làm xôn xao dư luận nghiên cứu. Nhận thấy tầm quan trọng của cuộc đối thoại sử học này, cho nên mặc dù chưa có cuốn sách đó trong tay, và mặc dù gặp sự từ chối phát biểu của những nhà sử học trong nước, chúng tôi đã nhờ nhà phê bình Lại Nguyên Ân giới thiệu *Đối Thoại Sử Học* và sử gia Bùi Thiết, tác giả chính *Đối Thoại Sử Học*, trình bày chủ đích và nội dung tác phẩm trên đài phát thanh RFI (Pháp) những ngày 26/2 và 4/3/2000. Ngay sau khi chương trình đầu được phát ra, một thính giả ở Paris đem đến cho chúng tôi mượn *Đối Thoại Sử Học,* do đó mà có chương trình thứ ba, giới thiệu *Đối Thoại Sử Học* trên RFI ngày 11/3/2000.

Nhận thấy ba buổi phát thanh này có thể có những đóng góp hữu ích cho văn học, chúng tôi xin ghi lại trên Hợp Lưu, để độc giả có dịp tiếp thu và nhận định.

Thụy Khuê

Thụy Khuê: *Thưa anh Lại Nguyên Ân, anh là một nhà phê bình văn học*

và cũng là người «ngoại cuộc» trong cuộc tranh luận sử học này, xin anh vài lời giới thiệu cuốn sách Đối Thoại Sử Học.

Lại Nguyên Ân: Đây là một cuốn sách do nhà xuất bản Thanh Niên, xuất bản năm 1999 nhưng chỉ thực sự ra vào đầu năm 2000. Cuốn sách là một tập hợp của độ khoảng bẩy nhà nghiên cứu sử học. Các bài viết này đề cập đến hàng loạt những vấn đề sử Việt Nam và việc nghiên cứu sử. Qua sách này, ta có thể thấy đời sống sử học của khoảng ba, bốn mươi năm gần đây và những vấn đề nêu ra làm cho những người đọc như tôi -dù không phải là người nghiên cứu sử học chỉ là người làm việc trong lãnh vực văn hóa, xã hội, thấy rằng- đấy là những vấn đề rất bức thiết, những điều rất cần thiết.

Theo tôi, những bài viết này nêu ra hai loại vấn đề:

Loại thứ nhất là những sử liệu cụ thể, ví dụ nêu ra một vấn đề xung quanh sự xác định một nhân vật của thời kỳ kháng chiến chống Minh: Thì người đó cộng tác với lực lượng đến xâm lược hay là người kháng chiến? Hay việc xác định thực chất của một ngôi đền là đền Cẩu Nhi ở bên Hồ Trúc Bạch, nó như thế nào? Hay là đến việc xác định tên một viên tướng ở thời Tây Sơn, đọc là Đặng Tiến Đông hay là Đặng Tiến Giản? Hay là việc xác định bản in Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, có ghi ở bìa là Nội Các Quan Bản, nó có phải là bản in khắc vào năm Chính Hòa thứ XVIII hay chỉ là một bản in khắc của đời Nguyễn? Những điều như vậy cần được thảo luận và giám định trở lại. Đây là loại vấn đề thứ nhất.

Những vấn đề thứ hai, theo tôi, quan trọng hơn, tức là xung quanh việc thảo luận về đề tài *có hay không có giai đoạn chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam,* thì những tác giả ở đây [ĐTSH] cho thấy là: Từ những năm 60 cho đến những năm 80, ban đầu, những nhà nghiên cứu sử miền Bắc Việt Nam đi theo cái khẳng định chung của các nguyên lý duy vật lịch sử của Mác-Ăng ghen, thì cho rằng nhân loại đã cần phải trải qua những giai đoạn *như công xã nguyên thủy, rồi chiếm hữu nô lệ, rồi phong kiến, rồi tư bản* v.v... Những năm 60, người ta muốn đi tìm một dấu vết, thậm chí muốn tìm một giai đoạn, *xem giai đoạn nào là giaì đoạn chiếm hữu nô lệ ở lịch sử Việt Nam.* Nhưng rồi có những ý kiến khác bắt đầu xuất hiện và dần dần những ý kiến đó lấn lướt, gần như muốn khẳng định rằng xã hội Việt Nam *không trải qua giai đoạn chiếm hữu nô lệ.*

Nhưng những tác giả ở đây [ĐTSH] đã đặt ra vấn đề như thế này: Một là, những người muốn kết luận không có giai đoạn chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam cũng không trung thành gì với chủ nghĩa duy vật lịch sử của Các-Mác và Ăng-Ghen. Và thứ hai, cái điều quan trọng hơn, là, *họ làm công việc ấy thật ra chỉ để minh chứng cho một tư tưởng tuyên*

truyền thời đó, tức là ở Việt Nam lúc này, vào những năm 60, 70 cũng có thể bỏ qua giai đoạn kinh tế tư bản để đi thẳng đến một giai đoạn là chủ nghĩa xã hội chứ cũng không phải từ một nghiên cứu xã hội nghiêm túc gì. Nhưng từ những chỗ như vậy, thì các tác giả ở đây [ĐTSH] đặt vấn đề này, theo tôi là rất đáng suy nghĩ: là ở Việt Nam, đặc biệt là ở miền Bắc, thì rõ ràng là người ta phải xây dựng một trường phái theo tinh thần chủ nghĩa Mác Lênin cho các ngành khoa học xã hội. Thế nhưng, với những hoạt động tương tự như trên -như trường hợp giai đoạn chiếm hữu nô lệ tôi vừa nói- thì chúng ta thấy rằng trong thực chất người ta không xây dựng một khoa sử học theo chủ nghĩa Mác Lênin, mà sử học dần dần lại phát triển theo cách ngày càng quay trở lại, không chỉ là tôn trọng mà là *tôn thờ những nhận định của các sử gia của các triều đại quân chủ trước đây*, coi đó là khuôn vàng thước ngọc. Đó là một nhận xét rất quan trọng về chiều hướng phát triển sử học hiện nay ở Việt Nam. Đúng hay sai thì giới sử học đương nhiên phải trao đổi. Nhưng theo tôi, những vấn đề như vậy mà cuốn *Đối Thoại Sử Học* đưa lên, là những điều đáng suy nghĩ cho cả giới sử học lẫn những người làm khoa học xã hội.

TK: *Thưa anh, thế thì phản ứng của giới nghiên cứu sử học, hay là giới nghiên cứu khoa học xã hội ở trong nước như thế nào đối với cuốn sách này?*

LNA: Tôi thấy hình như là giới sử học Việt Nam, do những điều kiện nào đó, lảng tránh nó. Tại sao như vậy? Bởi vì giới sử học Việt Nam hơi giống khuôn khổ các nhà trường, tức là có hệ thống thầy và trò. Thế hệ thầy có những người mà kết quả nghiên cứu không còn đúng nữa, không còn đứng được nữa, nhưng những người đó, vì có một thế lực nào đó cho nên, những thế hệ sau, ngại việc thay đổi, tức là ngại đụng chạm đến thầy hơn là bảo vệ những điều đúng đắn hơn trong nghiên cứu. Nói cách khác, ở đây cái *không khí học phiệt nó khá nặng*, vì vậy cho nên có lẽ giới sử học cũng giống như một số giới khoa học xã hội khác, còn nể nang trước những kết quả nghiên cứu không tốt đẹp và thậm chí là cả những bệnh tật nữa trong nghiên cứu của các bậc đàn anh, của các bậc thuộc thế hệ thầy. Tôi cho là cuốn sách này nó đụng đến nhiều vấn đề như vậy và rất đáng được suy nghĩ.

TK: *Xin cảm ơn anh Lại Nguyên Ân.*

Bây giờ là tiếng nói của sử gia Bùi Thiết, người đã viết nhiều trang nhất trong quyển sách này.

Thưa anh Bùi Thiết, tại sao lại có sự xuất hiện của cuốn Đối Thoại Sử Học trong lúc này?

Bùi Thiết: Đối với tôi, sự xuất hiện của cuốn *Đối Thoại Sử Học* là một

hiện tượng bình thường thôi. Bởi vì, xưa nay, trên thế giới và cũng như ở Việt Nam, người ta cũng tranh luận, không những là vấn đề học thuật đâu, mà cả vấn đề chính trị, kinh tế nữa. Tất cả đều được tranh luận, đều được thảo luận. Và chính nhờ thảo luận, tranh luận mà tìm ra chân lý, nhất là trong lãnh vực khoa học thì sự thảo luận và trao đổi rất quan trọng. Không có cái đó thì chân lý không tìm ra được. Vậy cuốn *Đối Thoại Sử Học* ra đời, theo chúng tôi nghĩ, nằm trong quy luật chung của khoa học nhân loại.

TK: *Anh là một trong những tác giả chính, xin anh giới thiệu sơ lược nội dung tác phẩm và các tác giả.*
BT: Cuốn sách này gồm 32 bài viết, dày khoảng hơn 500 trang. Trong đó chúng tôi nêu ra khoảng hơn 20 vấn đề lớn của khoa học lịch sử đất nước. Các tác giả thì có tôi là Bùi Thiết. Nhà nghiên cứu địa lý lịch sử quá cố Đinh Văn Nhật. Nhà sử học Đỗ Văn Ninh. Nhà sử học Lê Trọng Khánh. Anh Lê Trọng Hoàn. Anh Trần Văn Quý. Anh Trần Thanh Lâm. Gồm có bẩy tác giả thì trong đó phần tôi viết khoảng hơn 300 trang. Trong cuốn sách này chúng tôi đặt ra rất nhiều vấn đề của nền sử học đất nước, từ phương pháp luận cho đến giải quyết những vấn đề cụ thể của lịch sử đất nước. Nếu chị có trong tay cuốn sách này, chị sẽ thấy ngổn ngang tất cả những vấn đề. *Tất nhiên đây chưa phải là những vấn đề mà giới sử học Việt Nam quan tâm.* Thế thì có thể nói với chị rằng chúng tôi nói một số điểm chính thế này:

Thứ nhất, có những vấn đề sử học mà hiện nay, qua cuộc đối thoại này, chúng tôi khẳng định rằng cần phải sửa lại. Chẳng hạn như cuốn Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, vốn là một bản «Nội Các Quan Bản». Bản này là một bản in từ 1856 của triều Nguyễn. Năm 1856 có in hai bản. Một bản lưu lạc sang bên Pháp và nằm ở nhà riêng của ông Demiéville. Sau đó ông Demiéville trao lại cho Thư viện Á châu (Société Asiatique). Chính anh Tạ Trọng Hiệp, bây giờ anh đã quá cố rồi, Việt kiều ở Paris, đã giới thiệu với giáo sư Phan Huy Lê, và tôi không hiểu vì sao họ không làm kỹ văn bản học và ngộ nhận rằng cuốn sách này in năm 1697, tức là bản in đầu tiên, cách đây hơn 300 năm. Thì đấy là vấn đề thứ nhất.

Vấn đề thứ hai chúng tôi nói trong này là Đặng Tiến Đông. Hiện nay ở Hà Nội có một phố tên là Đặng Tiến Đông. Vốn ông này là Đặng Tiến Giản. Ông Đặng Tiến Giản này là quan của nhà Lê-Trịnh, bỏ Lê-Trịnh theo Tây Sơn, được Tây Sơn cử làm tướng đánh nhau với quân Trịnh năm 1788. Nhưng người ta không đọc ra là Giản mà lại đọc là Đông, và cái công đánh Trịnh trở thành cái công đánh Thanh. (Bởi vì năm 1788 quân Thanh chưa vào). Do đó chuyện ấy là chuyện sai. Hiện

nay chúng tôi đã chứng minh rằng ông này là Đặng Tiến Giản và chỉ đánh nhau với quân Trịnh chứ không đánh nhau với quân Thanh. Chúng tôi đề nghị với các cơ quan quản lý nhà nước phải sửa lại cái phố Đặng Tiến Đông bằng phố Đô Đốc Long, chính cái công đánh trận Đống Đa mùa xuân năm Kỷ Dậu 1789 là của Đô Đốc Long. Đô Đốc Long là ai thì hiện nay chúng tôi đang có nhiều giả thiết, chỉ biết ông là Đặng Văn Long, một trong những người theo Tây Sơn từ đầu, đấy là người ở Bình Định. Đó là vấn đề thứ hai mà chúng tôi nêu ra.

Vấn đề thứ ba là vụ đền Cẩu Nhi ở Hồ Trúc Bạch. Cách đây hơn mười năm, các giáo sư Phan Huy Lê và Trần Quốc Vượng cùng ngộ nhận và nói rằng có cái miếu đó từ thời nhà Lý gọi là đền Cẩu Nhi, gắn với truyền thuyết: Chó mẹ, chó con dẫn đường để ông Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long. Nhưng thực tế thì trên cái gò đó, không bao giờ có cái miếu ấy cả. Bởi vì đường Thanh Niên ngăn Hồ Trúc Bạch và Hồ Tây hiện nay -nếu như chị có dịp về Hà Nội- con đường đó vốn là một con đê, được dân các làng đắp năm 1620 để làm đập đánh cá. Thì có lẽ sau vụ đó, đất thừa ra, người ta đắp một cái gò gần Hồ Trúc Bạch. Rồi đến cuối thế kỷ trước, đầu thế kỷ này, người ra dựng nên một cái miếu để thờ Tam Phủ Thánh Mẫu gọi là Thủy Trung Yên Từ. Tôi có bản đồ vẽ ở chỗ này năm 1873, trên gò này không có một ký hiệu gì cả, ngoài đất canh tác, không có đền đài miếu mạo gì ở đây. Và cũng lưu ý với chị rằng nếu như ở Hà Nội có một di tích nào đó thuộc thời Lý thì bây giờ phải nằm ở dưới đáy, dưới lòng đất Hà Nội khoảng 3, 4 mét. Vừa rồi giới khảo cổ học Việt Nam đã đào ở trong thành Hà Nội sâu xuống 4m so với mặt đất bằng, tìm thấy các hiện vật của thời nhà Lê, nhà Trần.

Cách đây hơn mười năm, chúng tôi đào ở Hồ Giảng Võ, trước đài truyền hình Việt Nam, dưới đáy hồ nửa mét thì có một cái điện Giảng Võ thời nhà Lê. Tính như thế, hiện nay, tất cả các di tích văn hóa của Việt Nam thời Lý Trần, nếu còn ở Hà Nội, thì nó phải nằm ở dưới lòng đất, không dưới 3, 4 mét. Do đó không thể có một cái gò ở Hồ Trúc Bạch, miếu Cẩu Nhi từ thời Lý ở đấy được. Đấy là vấn đề thứ ba mà chúng tôi nêu lên.

Vấn đề thứ tư mà chúng tôi nêu lên là ông Phan Liêu, ông này đã sống vào đầu thế kỷ XV. Ông Phan Liêu là tri châu Nghệ An (như là tỉnh trưởng Nghệ An hiện nay) cho nhà Minh. Ông này đã đàn áp bao nhiêu cuộc khởi nghĩa và giết Nguyễn Biểu là một anh hùng dân tộc. Sau này được một số nhà sử học sửa lại, sửa thành công chống quân xâm lược. Thì cái đó, chúng tôi phản đối.

Trong cuốn sách này chúng tôi cũng nêu ra rất nhiều vấn đề như thời kỳ Hai Bà Trưng chẳng hạn. Các địa danh về thời kỳ Hai Bà Trưng

được nhà sử học Đinh Văn Nhật chứng minh rất rõ và những cái nhầm lẫn của lịch sử cũng rất đáng tiếc.

TK: *Trên đây anh đã nói về những nhân vật cụ thể, nhưng còn về mặt tổng quát của lịch sử Việt Nam nói chung, thì có những vấn đề gì cần phải đưa ra?*

BT: Xung quanh lý luận sử học và đối thoại sử học thì chúng tôi thấy có rất nhiều vấn đề nữa. Chẳng hạn như giới hạn của thời Hùng Vương, ngoa truyền là 4000 năm, nhưng chúng tôi chứng minh chỉ có khoảng 2700 năm thôi. Hùng Vương thì hiện nay nhiều sách vở ngộ nhận rằng là đã có từ bốn nghìn năm trước. Tức là 18 đời vua Hùng kéo dài khoảng 2600 năm. Thì như thế, một đời người, một đời vua là 130 năm. Chúng tôi chứng minh rằng một đời vua có khoảng chừng 30 năm. Như thế, thời đại Hùng Vương như sử của chúng tôi ghi chép, bắt đầu thế kỷ thứ VII trước Công nguyên. Tức là 18 đời vua Hùng Vương khoảng chừng năm thế kỷ là vừa. Nhiều vấn đề về chế độ chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới, vấn đề phương thức sản xuất châu Á, rồi vấn đề Quang Trung, những chiến công của Quang Trung, những con đường hành quân của Quang Trung từ trong Nam ra Bắc, và rất nhiều sự kiện lịch sử này thì chúng tôi đã chứng minh rằng *nó khác với những trình bày hiện nay*. Đấy là một số vấn đề mà chúng tôi lưu ý, chúng tôi nêu ra để thảo luận.

TK: *Thưa anh, ngoài những mục đích tạm gọi là «kỹ thuật» anh vừa kể trên thì mục đích sâu xa của các anh khi cho xuất bản cuốn Đối Thoại Sử Học là gì?*

BT: Thưa chị, bỏ qua vấn đề chính trị đi thì tựu trung lại các nhà sử học Việt Nam trong mấy chục năm qua làm được nhiều việc tốt. Chẳng hạn như thảo luận, tranh luận xung quanh thời Hùng Vương, xung quanh những vấn đề lịch sử của đất nước, nhưng *có những vấn đề lịch sử không được thảo luận hay là một vài người nào đó có quyền uy rồi thì cứ áp đặt lịch sử*, trên cơ sở là họ nhận những thông tin sai, hoặc là họ nhận những tài liệu sai và không xử lý thông tin, rồi vội vàng họ tung ra, trở thành vấn đề rất lớn của lịch sử: Áp đặt không những cho những cuốn sách lớn mà cho cả bài giảng cho học sinh nữa.

Trong cuốn *Đối Thoại Sử Học*, chúng tôi chứng minh là hiện nay sách dạy cho học sinh phổ thông các cấp, *người ta chỉ chủ yếu chú ý đến lịch sử của chiến tranh*. Chẳng hạn như tôi đã phân tích là: Trong 100 bài giảng cho học sinh, nhiều khi 80 bài giảng về chiến tranh. Tất nhiên chúng tôi cũng ý thức được rằng đất nước trải qua quá nhiều cuộc chiến,

do đó nhiều khi phải giáo dục ý thức cho học sinh về chiến tranh. Nhưng mà đến thời bình rồi thì *phải dạy lại, phải giảng lại lịch sử bởi vì không thể lấy chiến tranh mà phát triển đất nước được*, phải là hòa bình, phải là xây dựng, phải là lịch sử của kinh tế, của xã hội. Chúng tôi chứng minh rằng không thể lấy chiến tranh để đặt lên, làm nặng nề giáo trình được. Hiện nay, trong 32 bài viết, chúng tôi chưa thể nói hết, chúng tôi sẽ tiếp tục làm sáng tỏ nữa.

TK: *Thưa anh, theo anh những khó khăn mấu chốt trong việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam là những khó khăn thuộc lãnh vực nào?*
BT: Tôi nghĩ rằng vấn đề khó khăn nhất của lịch sử Việt Nam là vấn đề tư liệu. Bởi vì nó quá dài vá cái sử thành văn ngày nay mà chúng ta có được thì lại rất ngắn và rất ít. Do đó có nhiều vấn đề còn mù mờ lắm, cần phải cộng tác lại để nghiên cứu, để giải quyết, trong đó phương pháp xử lý thông tin rất quan trọng vì tư liệu chúng ta rất thiếu.

Chẳng hạn như thế kỷ XV trở về trước, tài liệu Việt Nam rất khó khăn. Do đó một số nhận định sai lầm về sử học cũng có nguyên nhân từ sử liệu và nguyên nhân thứ hai nữa là từ phương pháp xử lý sử liệu.

TK: *Với những khó khăn như thế, các anh làm thế nào để có thể chứng minh những lập thuyết mới của các anh về lịch sử, hoặc là chứng minh những sai lầm -nếu có- của thế hệ những sử gia đi trước, tức là thế hệ bậc thầy của các anh?*
BT: Chúng tôi xử lý các tư liệu thành văn, tư liệu truyền thuyết và tư liệu khẩu học. Chẳng hạn như khi chúng tôi chứng minh rằng lịch sử Việt Nam có từ thế kỷ thứ VII trước Công nguyên, chúng tôi có từ hai căn cứ: Căn cứ cuốn *Việt Sử Lược* của một học giả khuyết danh từ thế kỷ XIV, viết rằng: Đến đời Trang Vương (nhà Chu) thì có một người ở Bộ Gia Ninh có sức mạnh áp đặt được các bộ tộc khác lập thành Hùng Vương. Cùng thời gian đó, có cái di chỉ khảo cổ học Gò Mun là di chỉ khảo cổ đầu tiên của thời đại đồng thau ở Việt Nam. Và văn minh nhân loại gắn liền với kim loại, kim khí, đồ sắt và đồ đồng. Đấy là việc xử lý tư liệu.

Cái thứ hai là truyền thuyết. Truyền thuyết Việt Nam rất nhiều. Chăng hạn như truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh. Theo tôi, Sơn Tinh Thủy Tinh không phải là làm thủy lợi, mà đấy là phản ảnh một quá trình di chuyển về đồng bằng của dân Việt.

Hay là sự tích ba ông Đầu rau, rồi sự tích Trầu cau. Hai truyền thuyết này phản ảnh gì? Nó kết thúc một thời đại mà một người đàn bà có thể chung sống với nhiều người đàn ông để chuyển sang một người

đàn ông có thể chung sống với nhiều đàn bà, tức là từ mẫu hệ chuyển sang phụ hệ.

Hay là tôi nói rằng cái thế lực thủy trong Sơn Tinh Thủy Tinh là một thế lực đáng ghét, nhưng đến chuyện An Dương Vương xây thành ốc thì Thần Kim Quy là thần nước, lại có công, chứng tỏ rằng dân Việt tiến từ trung du về đồng bằng. Từ chỗ thỏa mãn với rừng núi về chinh phục đồng bằng rộng lớn, có nhiều tai ương nhưng cũng lắm kết quả. Chúng tôi kết hợp tất cả. Tóm lại, truyền thuyết nhiều nhưng nhiều nhà sử học không xử lý được thông tin qua truyền thuyết mà bê truyền thuyết vào lịch sử. Ví dụ, trong cuốn *Lịch Sử Việt Nam* của giáo trình Đại Học Tổng Hợp, rất nhiều chương viết chúng tôi phê phán là *không thể lấy truyền thuyết làm lịch sử được*. Chẳng hạn như truyền thuyết về Thánh Gióng: Không thể lôi vào lịch sử được. Truyền thuyết chỉ là biểu trưng thôi chị ạ. Như giáo sư Đặng Thai Mai nói rằng: *Nói quá đi để vừa.* Bây giờ nói ông Thánh Gióng nhỏ quá thì không tiện mà phải nói ông rất to. Truyền thuyết chúng ta có thể đọc và hiểu nó. Nhưng khi nghiên cứu lịch sử, việc xử lý lại khác chị ạ: Cái quan trọng là giải mã truyền thuyết.

TK: *Đấy là vấn đề xử lý lại truyền thuyết, bây giờ xin nói đến một số dữ kiện lịch sử cụ thể đã xẩy ra. Xin anh một vài thí dụ về vấn đề cần phải nhìn nhận lại lịch sử.*

BT: Rất nhiều vấn đề. Chẳng hạn như cuộc hành quân của Quang Trung ra Bắc năm 1789. *Ông ấy đi đường nào để mà ra được Hà Nội nhanh như vậy?* Từ Huế ra Hà Nội đi bộ mất khoảng 40 ngày. Theo cách trình bầy hiện nay thì ông ấy chỉ đi 20 ngày. Hai mươi ngày hành quân bộ, thưa chị, như thế thì một ngày đi bao nhiêu? Sáu trăm cây số mà đi bộ như thế tức là một ngày đi 30 cây số. Chúng tôi nghĩ rằng là thời trung đại không thể đi bộ một ngày 30 cây số được. Các đạo quân của Napoléon và những danh tướng lừng lẫy Châu Âu, thời Quang Trung, cũng đi bộ tối đa, ngày khoảng 5, 6 dặm tức là khoảng 15 cây số. *Chúng tôi chứng minh rằng Quang Trung đi 40 ngày, theo con đường thượng đạo từ Huế ra Hà Nội và đúng là một ngày đi 15 cây số.*

Như thế là dựa trên cơ sở sinh học của các sử liệu và địa hình nữa, bởi vì con đường 1A hiện nay, cách đây hai thế kỷ không thể đi được: voi và pháo không đi được bởi vì cứ 10 cây số là có một con sông. Mà sông của Việt Nam thì chị biết, rất là bùn lầy hai bên bờ. Muốn qua sông thì phải đi ở thượng lưu, có nền sỏi. Nhất là mùa mưa thì không thể đi đường này được. Do đó chúng tôi chứng minh rằng con đường thượng đạo Quang Trung đi rất tốt, chứ không phải là con đường 1A hiện nay. Bởi vì trong cái chứng minh hiện nay là đội quân này nghỉ 20 ngày ở Nghệ Tĩnh và ở Thanh Hóa. Nghỉ 20 ngày. Tôi bảo không. Họ không

nghỉ 20 ngày mà họ đi liên tục như vậy.

Có một tài liệu dạy cho học sinh rằng quân Quang Trung hành quân, hai người cáng để một người ngủ. Tôi đã đi cáng người nhà đi khám bệnh. Hai người cáng một người đi vào huyện mà không thể cáng được. Cái thằng nằm trên võng cũng khổ mà hai thằng gánh cũng khổ. Thà chẳng thà nằm ngủ rồi vừa đi vừa chạy còn hơn. Hay là đi qua con đường hạ đạo 1A này, người ta dùng thuyền thúng, vừa để cáng, vừa cho voi qua sông. Khổ quá, con voi nó to làm sao nó bước xuống thuyền được! Những thuyền gỗ ở bên sông chỉ chở 20 người đã chìm rồi mà con voi nó nặng hơn 50 người! Rõ ràng tất cả những cái đó phi lý, chị ạ.

TK: *Thưa anh, xin trở lại vấn đề cuốn Đại Việt Sử Ký Toàn Thư còn gọi là bản Nội Các Quan Bản, hiện nay vẫn được lưu dụng. Cuốn này ngoài bìa có ghi rõ «Bản Chính Hòa thứ 18» tức là bản in năm 1697. Vậy bản Nội Các Quan Bản này có thực sự là văn bản đầu tiên in năm 1697 dưới thời nhà Lê hay không? Xin anh cho biết lập luận của anh về vấn đề này.*
BT: Thưa chị, «Nội Các Quan Bản» là bản của Nội Các. Bản của cơ quan Nội Các. Khi nào có Nội Các thì khi đó mới có sách của Nội Các. Tôi nói ví dụ như là có nhà xuất bản Thanh Niên (1956) thì mới có sách của nhà xuất bản Thanh Niên. Tất cả các nhà xuất bản đều có niên đại thành lập. Sách này là sách của Nội Các Huế in. Thế thì Nội Các có, mới in sách được. Mà Nội Các Huế thành lập năm 1829, thời Minh Mạng thứ 10. Để nói rằng Nội Các này là cơ quan của Trung Quốc, đến thời Minh Hồng Vũ, khoảng 1300, bởi vì tể tướng chuyên quyền, nên nhà Minh bỏ tể tướng, lập Nội Các. Đây là mô hình quan chế của Trung Hoa. Ở nước ta, *nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê không lập Nội Các*, mà đặt tể tướng. Chẳng hạn như thời nhà Lê 1620 là đặt Tham Tụng. Chức tham tụng không phải là thủ tướng đâu mà là tể tướng. Tham tụng phủ chúa là tể tướng. Tể tướng có quyền khuynh đảo. Đến nhà Nguyễn bỏ tể tướng. Nhưng sau này, Minh Mạng theo quan chế nhà Thanh, lập Nội Các. Nội Các nhà Thanh đứng trên sáu bộ (lục bộ). Còn Nội Các nhà Nguyễn đứng dưới sáu bộ, là cơ quan thứ bẩy. Không có một chức Nội Các nào của nhà Lê, mà cái này chị có thể tìm thấy trong sách Lịch Triều Hiến Chương của Phan Huy Chú. Ông ấy chứng minh từ đầu đến cuối có hàng trăm cơ quan nhà nước, không có một cơ quan nào là Nội Các cả. Các tác giả như Đào Duy Anh, Nguyễn Hùng Cường hay rất nhiều nữa, cả Đặng Xuân Bảng, tất cả đều chứng minh Nội Các có từ 1829. Nhà Nội Các Huế cho in cuốn sách này lại để sử quán nhà Nguyễn viết *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, bộ chính sử của nhà Nguyễn. Điều đó rất rõ.

Tóm lại không có Nội Các thì không có sách của Nội Các. Bởi vì chưa có nước Pháp thì không thể có sách của nước Pháp được. Đấy là cái lý niên đại mà các nhà sử học không thể khinh xuất.

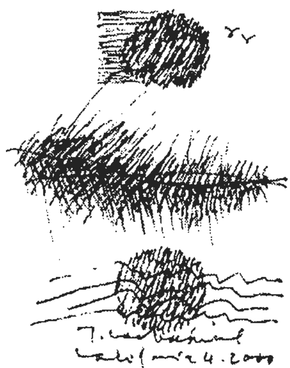
TK: *Trước khi từ giã, xin anh một câu hỏi chót là có dư luận sử học trong nước cho răng cuốn Đối Thoại Lịch Sử chỉ tập hợp những chỉ trích một chiều, thiếu tính cách đối thoại. Anh nghĩ sao về nhận xét này?*
BT: Nói chung thì cuốn sách này, chúng tôi chỉ làm sáng tỏ vấn đề *lịch sử bị ngộ nhận*. Tiếc rằng trong cuốn sách này, chúng tôi không đủ tiền để đưa vào phụ lục, những luận điểm của họ ra, để chúng tôi đối chứng, tức là thêm những bài viết của họ. Chúng tôi đương dự định là trong thời gian sắp tới, sẽ in tiếp, hoặc là tập II, hoặc là bổ sung thêm cuốn sách này, khoảng chừng 50 bài viết và đưa vào khoảng chừng 500 trang phụ bản của những bài viết của các tác giả được đối thoại, để cho bạn đọc có cái đối chứng. Và thưa chị thì khoa học là một sự cọ sát. Càng ngày, các quan điểm khác nhau ra nhiều hơn, nhưng cái thống nhất nó cũng lớn hơn.
TK: *Xin cám ơn anh Bùi Thiết.*

THỤY KHUÊ *thực hiện*



THỤY KHUÊ

Tinh thần viết lại lịch sử trong Đối Thoại Sử Học



Từ khi cuốn *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* của Hoàng Xuân Hãn ra đời năm 1953 đến nay đã gần nửa thế kỷ, trong đó Hoàng Xuân Hãn chứng minh một cách khoa học về văn bản cũng như về lịch sử văn bản rằng bản dịch Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn mà chúng ta vẫn dùng là bản dịch của Phan Huy Ích chứ không phải của Đoàn Thị Điểm.

Nhiều thập niên sau, Đoàn Thị Điểm vẫn được chính thức coi là dịch giả Chinh Phụ Ngâm. Tại sao? Chúng tôi có hỏi học giả Hoàng Xuân Hãn trong buổi nói chuyện trên đài RFI, tháng 10/1995 - xin nói thêm rằng buổi nói chuyện này được in lại trong cuốn *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn* ở Hà Nội, mà trong đó câu hỏi này đã bị cắt bỏ- nguyên văn như sau:

- Thưa bác, có một điều là cuốn Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo bác viết cách đây đã mấy chục năm rồi, bác đã chứng minh rõ ràng như thế, tại sao dư luận quần chúng, số đông, vẫn cứ coi là của Đoàn Thị Điểm? Có gì khó hiểu không, thưa bác?

Và đây là câu trả lời của giáo sư Hoàng Xuân Hãn:

«Cũng không khó hiểu lắm đâu. Dân mình thực ra duy tâm hết sức. Tuy là về cái marxiste, nó có thể ăn sâu vào chính trị, ăn sâu vào

chiến tranh. Những người marxiste của mình cứ nói duy vật chứ không mấy người duy vật đâu. Tôi nói thực như thế. Duy tâm nhiều lắm! Trong chiến tranh, người marxiste chỉ duy vật không thì thế nào cũng thua. Staline nó đánh Đức, đến lúc phải đánh Đức cũng quay lại duy tâm, lúc ấy nó phải đề xướng ra chủ nghĩa quốc gia của Russe. Nói đến chủ nghĩa quốc gia tức là duy tâm rồi. Bên nhà cũng thế. Cụ Hồ mà nói đến sự người mình yêu nước, thương nước, vì nước vì nòi, những chữ ấy là duy tâm cả. Cho nên cái sự duy tâm ở dân mình rất lớn, từ trước tới giờ.

Cái thứ hai nữa, tôi nói cái này có nhẽ cũng mất lòng một số người, nhưng mà sự thực tôi nghĩ như thế, là sau này, họ đặt ra một cái gọi là Hội Văn Học gì đó, tức là cái nhóm người cầm đầu với lại có quyền thế trong những hội ấy, nếu họ không thay đổi, những người khác có nghĩ khác, cũng không dám nói [...]

Về đường duy vật thì có đủ chứng cớ rằng Phan Huy Ích dịch cái bản bây giờ. Tìm được thì có anh [Nguyễn Văn] Xuân tìm được một bản có Phan Huy Ích đề tựa rõ ràng đấy. Tôi lại được họ Phan Huy cung cấp cho những tài liệu từ lúc viết đấy, cho biết rằng Phan Huy Ích làm cái này [...] Người ta biết rằng có nhẽ đúng đấy, nhưng mà chưa có đủ những cái về đường chính thức quyết định rằng tác phẩm này là người này viết ra [...] Phải có một hội đồng họp lại, rồi bàn, rồi quyết định. Lúc ấy nó mới thành chính thức.» (Hợp Lưu số 29, tháng 6-7/1996, trang 62-63)

Đó là những lới phát biểu của giáo sư Hoàng Xuân Hãn năm 1995.

Năm 1997, trong dịp về Hà Nội tiếp xúc với giáo sư Đỗ Đức Hiểu, chúng tôi có nghe giáo sư Đỗ Đức Hiểu tha thiết nhấn mạnh việc phải *viết lại lịch sử.*

Những ý kiến của hai nhà nghiên cứu lão thành này nói lên hiện tình của vấn đề nghiên cứu tại Việt Nam mà cuốn *Đối Thoại Sử Học* ngày nay đặt vấn đề. Như lời nhà phê bình Lại Nguyên Ân, dư luận của giới sử học Hà Nội đối với cuốn này là không muốn lên tiếng. Chúng tôi có điện thoại về Hà Nội mời các nhà nghiên cứu sử phát biểu về cuốn sách này, thì được trả lời đại loại như sau:

- Đây là cuốn sách có mục đích đánh thầy.
- Học trò mà đánh thầy là không được. Những điểm nêu ra ở trong sách không mới mẻ gì đối với giới sử học. Ai cũng biết cả rồi. Ở đằng sau cuốn sách là sự đấu đá quyền lợi, chức vị trong giới sử học v.v...

Tóm lại, rất nhiều lý do, hầu hết là duy tâm và ngoài văn bản. Nhưng có lẽ còn cái điểm sâu nhất mà học giả Hoàng Xuân Hãn nhắc đến, đó là *«những người cầm đầu, có quyền thế trong những hội ấy, nếu*

họ không thay đổi thì những người khác, có nghĩ khác, cũng không dám nói ra.»

*

Mặc nhiên, sử học là vấn đề chung của người nghiên cứu và độc giả trong và ngoài nước, không riêng gì của giới sử học. Cho nên, nếu giới sử học im lặng, người đọc vẫn có thể xét cuốn *Đối Thoại Sử Học* với những ưu điểm và nhược điểm của nó, ngoài mọi kiện tụng, tranh chấp quyền lợi -nếu có- ở trong chính giới sử học.

Đối Thoại Sử Học tập hợp 33 bài của bẩy tác giả: Bùi Thiết, Đinh Văn Nhật, Đỗ Văn Ninh, Lê Trọng Khánh, Lê Trọng Hoàn, Trần Thanh Lâm và Trần Văn Quý. Những bài này được viết trong khoảng 15 năm, từ 1986 đến ngày nay. Bùi Thiết là tác giả viết nhiều nhất, với 17 bài.

Nội dung cuốn sách có thể chia làm 2 phần:

- *Phần những vấn đề cơ bản hay là phương pháp luận* sử học do Bùi Thiết đảm nhiệm.
- *Phần chứng minh những vấn đề sử học*, với 7 tác giả, chia làm nhiều loại vấn đề:

  * Vấn đề Đại Việt Sử Ký Toàn Thư và Nội Các Quan Bản, do Bùi Thiết, Lê Trọng Khánh và Đỗ Văn Ninh viết.
  * Vấn đề Đặng Tiến Đông, do Đỗ Văn Ninh, Trần Văn Quý và Lê Trọng Khánh viết.
  * Vấn đề nhận định lại các chiến thắng của Quang Trung, do Lê Trọng Khánh và Bùi Thiết viết.
  * Vấn đề đính chính lại một số địa danh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, do Lê Trọng Hoàn viết.
  * Vấn đề nhân vật Phan Liêu, đền Cẩu Nhi và phát hiện một số bản đồ Thăng Long thời Lê, do Bùi Thiết viết.
  * và đặc biệt là những bài nghiên cứu của sử gia Đinh Văn Nhật về các địa danh thời Hai Bà Trưng: *Xác định lại vị trí* của Mê Linh, Lãng Bạc, và Cấm Khê tức Cẩm Khê.

Phần *chứng minh những vấn đề sử học* gồm những đối tượng phê phán cụ thể. Mỗi tác giả đưa ra luận chứng của mình để chứng minh những sai lầm của người đi trước. Người đọc có thể tìm thấy ở mỗi bài viết, tính thuyết phục hoặc không thuyết phục của từng bài.

Đối với chúng tôi, phần quan trọng hơn, đó là *tinh thần viết lại lịch sử* mà các tác giả đã đề ra và Bùi Thiết khái quát trong những chủ đề về phương pháp luận.

Người ta có thể trách Bùi Thiết đã dùng lối viết polémique,

nhiều khi gay gắt, có tính cách vấn tội, đối với những người đi trước, những thầy học của tác giả. Nhưng không thể vì thế mà bỏ qua những luận điểm khá chính xác của Bùi Thiết. Cũng như không vì những lời có tính cách vấn tội của Bùi Thiết mà coi thường quá trình nghiên cứu của những nhà sử học như Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng hay nhà nghiên cứu Phan Ngọc v.v... Vậy vấn đề Bùi Thiết và nhóm *Đối Thoại Sử Học* đặt ra là gì?

Trên cơ sở lý luận, Bùi Thiết nêu lên ba ý chính:

Thứ nhất, *phải phân biệt hai khái niệm lịch sử và văn hóa.* Từ trước đến nay, người ta hay lẫn lộn hai khái niệm này. Chủ yếu là quan điểm của Phan Ngọc được Bùi Thiết trích dẫn:

«Chúng ta thấy văn hóa Việt Nam đã chọn con đường đấu tranh dù gian khổ đến đâu cũng không quản để đổi mới truyền thống nhằm bảo vệ độc lập tổ quốc, hạnh phúc gia đình, thân phận người lao động và diện mạo người chiến sĩ của nhân loại bị áp bức.»

(Truyền Thống Văn Hóa Việt Nam
Và Ảnh Hưởng Của Nó Tới Lịch Sử,
Văn Nghệ số 7, ngày 14/2/1988)

Phản đối quan niệm dùng văn hóa để phục vụ cho những mục đích đấu tranh chính trị, lịch sử, Bùi Thiết đưa ra một quan niệm tách bạch lịch sử và văn hóa. Ông viết:

«Lịch sử thuộc cấp độ khái niệm cao hơn văn hóa [...] (xin mở ngoặc, ở đây, nếu tác giả dùng chữ rộng thay cho chữ cao, có lẽ thích hợp hơn)

Lịch sử là nhằm để chỉ hết thảy mọi hành vi của con người [...] trong tiến trình lịch sử của mình mà cái gọi là hành vi lại bao gồm rất nhiều thứ, nhưng chung qui lại gồm hành vi có lợi và hành vi có hại [...]

Văn hóa là toàn bộ những sáng tạo nhằm mang lại lợi ích cho con người về các lãnh vực vật chất, tinh thần, ứng xử.

Như vậy văn hóa không bao quát hết lịch sử, mà để chỉ hành vi thiện của nhân loại mà thôi; và hành vi ác, có hại của con người trong lịch sử không được xếp vào khái niệm văn hóa. Hay nói cách khác: Lịch sử thì có thiện có ác, có bất lương, có đểu cáng, còn văn hóa chỉ có những gì thuộc về lợi ích và tốt đẹp [...]

Lịch sử tựa như một dòng sông, dài vô tận, trong đó có cả luồng đục và luồng trong, nhưng văn hóa chỉ có luồng trong mà thôi [...]

Lịch sử có thể làm được tất cả, kể cả hủy diệt môi sinh và cộng đồng. Còn văn hóa chỉ có thể làm đẹp thêm cho nhân loại bằng những giá trị được sản sinh ra bởi con người; lịch sử phá tan cả văn hóa, còn

văn hóa muốn tồn tại, hãy tạo cho mình những giá trị vĩnh hằng.»
(Lịch Sử Và Văn Hóa, trang 9)

Với những dòng trên đây, Bùi Thiết gián tiếp đặt vấn đề trách nhiệm của lịch sử: Trách nhiệm tàn phá văn hóa trong tiêu thổ kháng chiến, *«buộc dân tộc ta phá đi những công trình văn hóa để giành cho được nền độc lập của dân tộc, mà những mất mát đó là mất mát vĩnh viễn.»* Và còn trách nhiệm ở cả những chỗ mà Bùi Thiết không nói ra, như việc *tiêu hủy sách báo của văn học miền Nam.* Nhưng cái thông điệp quan trọng của Bùi Thiết ở đây là: *Văn hóa hãy tự tạo cho mình một giá trị vĩnh hằng.* Và với cái giá trị vĩnh hằng ấy, thì không một sức mạnh nào, *kể cả sức mạnh phát-xít của Hitler,* có thể tiêu diệt nổi.

*

Điểm thứ hai mà Bùi Thiết đề cập đến là *«Bi kịch của những nhà cải cách trong lịch sử trung và cận đại Việt Nam».*

Qua bi kịch của những Chu Văn An, Hồ Quý Ly, Bùi Sỹ Tiêm, Quang Trung và Nguyễn Trường Tộ, Bùi Thiết phân tích sự thất bại của họ. Theo ông, họ thất bại chỉ vì họ *«tìm cách tân trang lại một xã hội phong kiến vốn đã rách tả tơi.»* (trang 77)

Mà *«nhiệm vụ lịch sử ở các thời điểm đó, không phải là cứu vãn chế độ phong kiến, mà thúc đẩy xã hội vượt khỏi cơn khủng hoảng do chế độ cũ tạo ra, và bước hai là xây dựng một chế độ xã hội tiến bộ hơn chế độ phong kiến lỗi bước.»* (trang 77)

Và Bùi Thiết viết tiếp:

«Từ vấn đề trên, chúng ta thấy, khi một hệ tư tưởng nào đó, trong bước lỗi thời của lịch sử mà vẫn còn thống trị xã hội và tai hại hơn nữa là trùm lên bộ máy nhà nước, thì vấn đề không phải là cải cách bộ máy và thể chế hiện hành, mà phải tiến hành cách mạng, rũ bỏ hệ tư tưởng cũ đó, xây dựng một mô hình nhà nước phi tư tưởng cũ, (vì) chính hệ tư tưởng đó với thiết chế của nó, đã kìm hãm xã hội, đẩy xã hội hiện thực vào khủng hoảng triền miên. Không thể tân trang lại xã hội trong lồng kính của tư tưởng mục nát.» (trang 78-79)

Những nhận định trên đây của Bùi Thiết có một giá trị nhất định trong bất cứ thời điểm nào, và càng đúng đối với lịch sử chính trị hiện hành.

*

Điểm thứ ba và cũng là điểm quan trọng nhất, đó là việc *viết* và

dạy lịch sử theo nhu cầu chính trị.

Bài *Trở Lại Vấn Đề Chế Độ Chiếm Hữu Nô Lệ Trong Lịch Sử Việt Nam* là một bài mấu chốt, chứng minh khuynh hướng dùng lịch sử để phục vụ chính trị của những người đi trước. Bài này có nhược điểm là tác giả vận dụng khá nhiều kinh điển Mác-Ăngghen nhưng dù sao cũng là bài cơ bản, phản bác tinh thần sử dụng lịch sử cho mục đích chính trị. Lại Nguyên Ân đã trình bày cặn kẽ những luận điểm này trong bài phỏng vấn, chúng tôi chỉ sơ lược nhắc lại.

Chiếm hữu nô lệ là một thuật ngữ trong khoa học lịch sử mác-xít, nhằm để chỉ giai đoạn đầu trong lịch sử nhân loại. Thuật ngữ này tương đương với thuật ngữ *xã hội cổ đại*, hay *thời kỳ cổ đại* trong khoa học nhân văn nói chung.

Về việc các sử gia thời kỳ 60-70 (như Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh) chứng minh Việt Nam bỏ qua giai đoạn chiếm hữu nô lệ (tức thời kỳ cổ đại) để tiến thẳng đến giai đoạn phong kiến, theo Bùi Thiết, có những chủ đích: *«Khách quan mà nói thì việc khẳng định không tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ ở nước ta, xem ra rất phù hợp với lý luận về sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua thời kỳ phát triển tư bản, khích lệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chi viện cho cuộc đấu trang giải phóng miền Nam.»* (trang 41)

Và, vẫn theo Bùi Thiết, đã có các cuộc thảo luận về vấn đề có hay không có chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam, nhưng sau khi luận điểm *«khẳng định không có chế độ chiếm hữu nô lệ»* thắng thế, thì các sách báo về khoa học lịch sử từ bậc phổ thông cho đến đại học, các cấp, v.v... được biên soạn theo quan điểm này. Những khuynh hướng sửa đổi lịch sử cho phù hợp với đòi hỏi chính trị xuất hiện trong các sách giáo khoa. Chủ yếu trong giáo trình lịch sử tập I cho bậc đại học (Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh), trong đó các tác giả :

- Đã thu hẹp triều đại An Dương Vương và bỏ qua nhà Triệu, là những người cai trị có nguồn gốc Tàu.
-Đã chiến tranh hóa lịch sử Việt Nam, cho sinh viên, học sinh học một thứ lịch sử toàn các cuộc kháng chiến.
- Đã quan trọng hóa văn minh sông Hồng, đã độc nhất hóa Việt tộc và loại bỏ các dân tộc khác sống trên đất Việt.
- Đã lãng quên phần đất Nam Bộ.
- v.v...

Về các sách giáo khoa lịch sử, như Truyện Kể Lịch Sử (dành cho cấp I) và Giáo Khoa Lịch Sử (cấp II và III), Bùi Thiết cho biết: Thay vì trình bày quy luật phát triển chủ đạo của lịch sử, Truyện Kể Lịch Sử và Giáo Khoa Lịch Sử lại làm nổi bật quy luật chiến tranh *«lấy sự trình*

bày về chiến tranh làm động lực phát triển của lịch sử, và được trang bị rất khéo trong khuôn sáo của cái được gọi là lịch sử dựng nước và giữ nước, nhưng thực chất của dựng nước là chinh chiến, sau chiến tranh mới có nước và nhà nước «đẻ ra từ họng súng», còn giữ nước thì rõ ràng được thực thi bởi chiến tranh bảo vệ đất nước, và chưa bao giờ người ta trình bày việc dựng nước và giữ nước như là việc kinh dinh phát triển đất nước về mặt kinh tế, xã hội, lấy kinh tế làm chủ đạo, theo kiểu «có thực mới vực được đạo». Xin đơn cử: Trong Truyện Kể Lịch Sử lớp 4, có 27 bài, gồm 53 bài đọc thì đến một nửa dành cho chủ đề chiến tranh[...]. Trong Truyện Kể Lịch Sử, lớp 5, với 28 bài học, gồm 69 bài đọc, thì hơn 45 bài đọc dành cho chủ đề chiến tranh. Những học sinh ở lứa tuổi non trẻ và ngây thơ được trang bị toàn những kiến thức theo kiểu «chưởng» lịch sử như vậy, ngoài chuyện đánh đấm, mưu mẹo, hơn thua mưu bá đồ vương, tranh hùng xưng thế... che lấp hết mọi chuyện làm ăn ở đời, dường như mọi của cải đã có sẵn đâu đó từ trong chiến tranh mà ra.

Tiếp theo Truyện Kể Lịch Sử là các sách giáo khoa lịch sử của 7 lớp còn lại, định hướng chinh chiến, chiến tranh, vũ lực vẫn chi phối toàn bộ giáo trình. [...]

Đừng để chiến tranh làm lu mờ lịch sử, hay lịch sử của đất nước chỉ là lịch sử của chiến tranh triền miên» (trang 125)

*

Ngoài phần nghiên cứu lịch sử thuần túy thì đó là những tư tưởng chủ đạo của cuốn *Đối Thoại Sử Học*. Đây là bước đầu cho việc *đặt lại vấn đề nghiên cứu sử, viết sử và dạy sử ở Việt Nam*. Nhiều nhà văn trong nước đã thực hiện việc đổi mới tư duy từ 1986, tại sao những nhà viết sử chưa bắt đầu? Đó là câu hỏi cần được đặt ra và thế hệ trẻ *có quyền được học lịch sử, không phải lịch sử tuyên truyền mà là lịch sử trung thực, lịch sử tôn trọng sự thật.*

Chú Thích:
Nhà xuất bản Thanh Niên vừa cho xuất bản *Việt Nam Thời Cổ Xưa* của Bùi Thiết, viết theo quan niệm mới mà ông đề xuất trong *Đối Thoại Lịch Sử.*

THỤY KHUÊ
Tháng 3/2000



CAO BÁ MINH

Con đường

Tặng Linh

Dù bất cứ kẻ nào nói ra nói vào khen chê mặc lòng
Anh để ngoài tai mọi điều dị nghị
Anh tiến bước trên đường dẫm vào những lời chê bai xúc xiểm
những phỉnh nịnh miệng lưỡi
Bằng nụ cười anh đi ngang qua như một niềm vui
Đời không nuôi anh
Anh phải tự nuôi sống mình bằng niềm tin
nghị lực thác lũ tuôn trào lênh láng
Khinh bỉ thói đời một mình anh
Con én không làm nổi mùa xuân
Nhưng anh làm nổi mùa xuân bằng máu xương anh
và kẻ khác dự phần nếu có thể
Anh không kèn cựa bon chen đấu đá đâm lén
Anh sống ngang nhiên bằng im lặng đáng giá nhường bao
Nội lực trong anh không ở ngoài anh
Thần khí trong anh không ở ngoài anh
Anh mang mọi giáo luật dựng lên thành muôn vẻ
Nghệ thuật của anh là tôn giáo của anh
Nó mang lại sự cứu rỗi chính anh
trong dòng đời lều bều ngôn từ hàng chợ
Nó là ánh sáng chói lọi chiếu vào không ngày
không đêm không bóng tối
Nó chứa đựng nhưng không cất dấu
Nó khỏa thân trưng bày lồng lộng màu xanh lá
trải rộng khắp cùng
Dù bất cứ kẻ nào coi thường anh
Anh mỉm cười đi ngang qua
Vì chính hắn không hiểu nổi anh nhưng hành động
chính hắn anh biết chiếc đầu của hắn
Anh có thể đong đếm trọng lượng hẳn hòi
Anh bước qua lời nguyền rủa bằng lưỡi gươm ánh sáng
Anh bước qua miệng lưỡi anh bước qua hàm răng
anh bước qua đống rác rưởi lều bều
Tất cà bừng bừng lửa dậy khí phách lồng lộng ngực phanh
không thách thức giao đấu nhưng có thể bước cùng tôi
Và anh ném vào giữa đám màu sắc mang sự cứu rỗi chính anh.

CAO BÁ MINH (*Garden Grove 4. 1998)*



NGÔ THẾ VINH

Đức Phật thầy và những tấm bia Càn Long Vân Nam

Gửi Nhóm Bạn Cửu Long



L'eau est devenue chère, et elle le sera encore plus à l'avenir, ce qui en fera l' "or bleu" du XXIe siècle.
Ricardo Petrella, 3/2000

Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu tiểu thuyết

Từ Giang Thành Tới Châu Đốc Tân Cương.

Đồng Bằng Sông Cửu Long có sức cuốn hút lạ thường, với Cao *đó vẫn là vùng đất mới* còn biết bao nhiêu điều về lịch sử, địa dư và con người ... từ bấy đến nay Cao tự thấy vẫn chưa thể nào thấu hiểu hết được.

Như chỉ riêng một vùng Thất Sơn kì bí với núi rừng trùng điệp nằm dọc theo con Sông Hậu thuộc *"Châu Đốc Tân Cương"* _ được coi như địa giới cuối cùng của cuộc Nam Tiến mà thấy như đã đầy ắp quá khứ với bao nhiêu tên tuổi nhân vật đã trở thành huyền thoại: như Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh với đám lưu dân Hai Huyện tiên phong đi về Phương Nam _ *đi vạch một chân trời*, như Thoại Ngọc Hầu khai quốc công thần từ hai thế kỷ trước khai phá miệt Hậu Giang đào con kinh Vĩnh Tế chiến lược từ Châu Đốc xuống tận Hà Tiên giữ yên bờ cõi mới.

Rồi Phật Thầy Tây An là nhân vật với bao điều bí ẩn và cả những truyền thuyết. Chỉ với một chiếc xuồng bần con một miếng tre nhỏ làm chèo một túi thuốc, tự Thầy chèo chống qua các ngả sông rạch tìm đến những người đau yếu chữa bệnh cho họ và rồi cứu cho dân cả một vùng Tòng Sơn Sa Đéc quê Thầy thoát khỏi trận dịch tả hoành hành khủng khiếp. Do uy danh của Phật Thầy ngày một lan rộng gây kinh động cho nhà cầm quyền nên Thầy bị bắt gán cho tội danh là *"gian đạo"* . Nhưng rồi Thầy cũng được thả ra nhưng bắt phải *thế phát_* xuống tóc giống như hàng tăng sãi khác. Sau đó Thầy về Châu Đốc, tới Núi Sam_ *thay vì xây Chùa thì Thầy lập ra các Trại Ruộng,* để chính Thầy tự tay cuốc tay cầy, làm gương khuyên dạy tín đồ tinh thần tự lập tự cường tay làm hàm nhai chứ không nên ỷ lại nhờ vào bá tánh.

"Trại Ruộng" như một kiểu điền trang dân dã: trại đầu tiên ở Thới Sơn Bảy Núi và sau đó thêm một trại Bửu Hương Các ở Láng Linh giao cho đệ tử ruột của Thầy là Đức Cố Quản Trần Văn Thành trông coi.

Khi nổ ra cuộc kháng chiến chống Pháp_ trong đó có cuộc *Khởi Nghĩa Bảy Thưa* vùng ranh Long Xuyên_ Châu Đốc thì các *"Trại Ruộng"* mặc nhiên trở thành những căn cứ hậu cần của kháng chiến.

Có thể nói các *"Kibboutzim"* của Do Thái buổi sơ khai lập quốc vào những năm 40-50 được thế giới ca ngợi và cả chính Cao thời sinh viên rất ngưỡng mộ và rồi cả *"Phương Bối Am"* của Thích Nhất Hạnh manh nha hình thành giữa cuộc Chiến Tranh Việt Nam thực ra chỉ là một mô phỏng rất muộn màng mãi về sau này *"công thức Trại Ruộng"* của Đức Thầy đã có cách đó cả hơn một thế kỷ.

Thầy tu luyện không phải ở chùa lớn mà chỉ trong một *"cốc"* nhỏ nơi mà sau này là chỗ xây cất nên Tây An Cổ Tự uy nghi và tráng lệ như bây giờ.

Tên tục là Đoàn Minh Huyên danh hiệu Phật Thầy danh đạo là Bửu Sơn Kỳ Hương, hình thức thờ phượng đơn giản không xây chùa không tượng cốt chỉ có một tấm lụa đỏ tượng trưng cho đấng tạo hóa huyền vi. Giáo lý của Thầy thì lại rất gần gũi với *đời thường* nghĩa là một thứ Đạo Phật dấn thân *"không theo đời mà bỏ đạo, cũng không theo đạo mà bỏ đời"*.

Thầy chủ trương *"Tứ Đại Trọng Ân"* mà tín đồ quen gọi là *"Tứ Ân Hiếu Nghĩa"* bao gồm*: ân tổ tiên cha mẹ, ân với đất nước, ân tam bảo Phật Pháp Tăng và cuối cùng là ân đồng bào và nhân loại_* mới xem ra tưởng quá giản đơn nhưng lại chính là giềng mối sâu xa của đạo. Gạn lọc những chuyện huyền hoặc có tính mê tín dị đoan mà đám

đệ tử cố gán cho Thầy thì giữa lúc đạo suy vi Thầy là người có công hoằng dương đạo pháp, đem đạo vào đời_ *không phân biệt chủng tộc tôn giáo chỉ lấy từ bi bác ái mà rao giảng với nhân loại chúng sinh.* Đó cũng là mô thức rất sớm của một nền *văn hóa hòa bình* chuẩn bị cho xu hướng *Toàn Cầu Hóa_ Globalization* khi nhân loại bước vào *Thiên Niên Kỷ Thứ Ba.*

NGƯỜI HOA NƠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Người Hoa đã đến và sống trên dải đất Việt Nam cả mấy ngàn năm rồi, từ thời còn là Giao Chỉ Bộ dưới quyền thống trị của Trung Hoa. Và trong suốt dòng lịch sử dựng nước và giữ nước, người Việt phải liên tục chống cự lại sự *xâm lấn và đồng hóa* của tộc Hán_ *Sinicization* ở phía Bắc. Cũng rất sớm từ Bắc chí Nam, cộng đồng người Hoa sống ở Việt nam tuy không trực tiếp nắm những chức vụ chánh quyền nhưng hầu như họ đã chiếm lĩnh toàn bộ sinh hoạt kinh tế của người Việt và nghiễm nhiên trở thành một thế lực chánh trị thách đố với mọi chế độ cầm quyền.

Đã thế, mỗi thời kỳ nóng lạnh, mỗi biến động của một nước Trung Hoa cường thịnh hay suy vi đều không thể không ảnh hưởng mạnh mẽ tới cả khu vực Đông Nam Á Thái Bình Dương _ mà gần cận nhất là Việt Nam.

Kinh nghiệm Miến Điện, năm 1949 khi Tưởng Giới Thạch thua chạy ra đảo Đài Loan thì đám tàn quân gồm nguyên một sư đoàn với chủ tướng là Lý Mỹ đã tràn xuống chiếm đóng khu Bắc Miến, sau đó trở thành một đội quân thổ phỉ cướp bóc lương thực cả sản xuất lưu hành ma túy trong khu Tam Giác Vàng gây cảnh đau thương chết chóc cho dân chúng Miến trong suốt nhiều năm và tình hình cũng chưa hẳn yên sau bao nhiêu cuộc hành quân bình định vất vả của chánh quyền Rangoon và có cả sự giúp đỡ can thiệp của Liên Hiệp Quốc.

Kinh nghiệm Việt Nam, năm 1611, khi người Mãn Thanh từ Trung Nguyên tràn xuống đánh bại triều đình nhà Minh, đám di thần trung thành với nhà Minh không chịu khuất phục lập phong trào *Bài Mãn Phục Minh.* Một số chạy xuống Hoa Nam kéo theo đám dân chúng tràn vào các tỉnh phía bắc Việt Nam, tạo nên một vùng biên giới mất an ninh suốt hai thế kỷ, đã khiến dân Việt vô cùng thống khổ vì sự hoành hành của đám giặc *"Tàu Ô"* này.

Một số cựu di thần nhà Minh khác theo thủ lãnh của họ dùng đường biển đi xa hơn về Phương Nam. *Đợt người Hoa di dân này là dấu mốc quan trọng trong lịch sử khẩn hoang của Đồng bằng Sông Cửu Long.*

Sử liệu ghi năm 1679 Dương Ngạn Địch, nguyên Tổng Binh các quận Quảng Tây và Trần Thắng Tài, Tổng Binh các quận Quảng Đông đem đội binh Trường Phát (tóc dài đuôi sam_ để phân biệt với người Mãn Thanh) và gia quyến hơn ba ngàn người trên 50 chiến thuyền tới cửa biển Thuận An bệ kiến Chúa Nguyễn xin tỵ nạn nước Nam và được Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần chấp thuận cho đi về Phương Nam khẩn hoang lập ấp. Có điều mà Chúa Hiền không hề biết là không phải toàn binh đoàn Trường Phát đều có ý thần phục triều đình Phú Xuân_ trong đó phải kể viên phó tướng Huỳnh Tấn.

Họ chia làm hai toán. Dương Ngạn Địch cùng với Huỳnh Tấn đem binh thuyền từ Biển Đông vào cửa Soài Rạp, cửa Đại, cửa Tiểu tới đồn trú tại vùng Mỹ Tho, Định Tường. Trần Thắng Tài cùng với Trần An Bình đem binh tới đóng ở Biên Hòa, Gia Định. Họ cùng với đám lưu dân Việt phá rừng vỡ đất đào kinh cất phố mở mang đường xá, họ lập gia đình với người Việt và Khmer sinh con đẻ cái và đa số chọn định cư lâu dài nơi đây.

Họ là những người *Minh Hương_* tên gọi những người Hoa còn trung thành với nhà Minh bên Trung Quốc, lánh nạn nhà Thanh tới Việt Nam. Họ là những người *tỵ nạn chánh trị*, xin nhận Việt Nam là quê hương thứ hai và họ đã đóng góp nhiều công sức cùng với những người lưu dân Việt khai phá Miền Nam từ thời Nguyễn Sơ. Họ cũng đã lôi cuốn thêm những người Hoa khác từ Mã Lai Singapore tới buôn bán và ở lại lập nghiệp.

Riêng viên phó tướng Huỳnh Tấn kéo theo được nhiều binh lính, trên bước đường khẩn hoang đã tìm ra những vùng đất mới phì nhiêu còn hoang vu ở hai bên bờ con sông Mekong, *Tấn có ý ly khai khỏi triều đình nhà Nguyễn để lập một vương quốc riêng*. Chủ tướng Dương Ngạn Địch trung thành với chúa Nguyễn tỏ không đồng ý đã bị Huỳnh Tấn và đám lính ly khai giết. Chúa Nguyễn đã phải cùng với Trần Thắng Tài đem quân đánh dẹp, giao tranh rất khốc liệt cuối cùng phải dùng mưu mới bắt và giết được Huỳnh Tấn, Miền Đông mới lại tạm yên. Nhưng vẫn có số tàn quân thoát được sang Chân Lạp sống quanh vùng Biển Hồ tiếp tục chống lại Việt Nam lại được hỗ trợ bởi quân Khmer và nhất là quân Xiêm La khiến cho cuộc bình định phải kéo dài nhiều năm cho tới khi quân chúa Nguyễn chiếm được Nam Vang.

Cũng phải kể một cuộc nổi loạn khác của người Hoa nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long do Lý văn Quang người Phước Kiến thấy phòng thủ đất Đồng Nai suy yếu nên đã cầm đầu một nhóm người Hoa chiếm Cù Lao Phố (1747) , chúa Nguyễn lại phải sai đô đốc Phiên Trấn Dinh

Trần Đại Định là con Trần Thắng Tài đưa quân đi đánh dẹp. Lý văn Quang bị bắt và chỉ bị trục xuất về Trung Hoa.

Và xuống xa hơn nữa, năm 1671 một nhóm thứ ba do Mạc Kính Cửu lãnh đạo cũng sau cuộc nổi dậy thất bại chống nhà Thanh, đã đem theo cả gia đình và đám binh sĩ hơn 400 người dùng chiến thuyền vượt biển xuống tới vịnh Xiêm La đổ bộ lên Mang Khảm một vùng đất gần như còn hoang vu của Chân Lạp.

Mạc Cửu tới Mang Khảm tuy ở cái tuổi chưa đầy 30 nhưng là tay hảo hán, có tài lãnh đạo, óc tổ chức cùng lúc cho phá rừng vỡ đất canh tác, còn mở mang buôn bán, thu phục được những tay phiêu lưu giang hồ kể cả đám hải tặc về dưới trướng lập sòng bài lấy xâu mở các tiệm hút để kinh tài. Vẫn không đủ nhân lực, Mặc Cửu phải tiếp tục chiêu mộ thêm người Hoa, lưu dân người Việt và Khmer từ khắp nơi tới, và chỉ trong một thời gian không lâu họ Mạc đã biến cả một vùng hoang vu sình lầy thành một khu trù phú_ lập ra 7 xã trong đó có cả *hòn Koh Tral* tức là đảo Phú Quốc sau này, chọn Mang Khảm làm kinh đô, tự đặt tên là *Cảng Khẩu Quốc* rất sớm nổi tiếng là một hải cảng thuận lợi cho tàu bè qua lại: từ phương bắc xuống_ *từ Hải Nam, Phúc Kiến* ... từ nam lên_ *Java, Nam Dương* ... từ phía tây qua_ *An Độ, Mã Lai.*

Hà Tiên như một tiểu vương quốc tự trị không lệ thuộc vào hành chánh Chân Lạp hay Đại Việt.

Cũng vì tính cách tự trị đó mà sứ thần Trung Hoa và cả các nhà viết sử Tây phương đã có lúc xem đất Hà Tiên như một *"tiểu vương quốc của người Hoa trong vùng biển Trung Nam Hải."* Nhưng chính Mạc Thiên Tích_ con Mạc Cửu trong bài tựa tập *Hà Tiên Thập Vịnh* được Phan Huy Chú chép trong *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí_* được coi như bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của Việt Nam triều Nguyễn đã lại ghi rõ: *"Trấn Hà Tiên nước An Nam, xưa là đất hoang, từ tiên quân khai phá đến nay đã 30 năm, mà dân mới được ở yên, biết việc trồng trọt"*

Từ thế kỷ 17, trong bối cảnh cuộc Nam Tiến, đám lưu dân Việt tuy không ồ ạt nhưng từng nhóm ngoài ngả đường bộ đi về Phương Nam, họ còn dùng thuyền theo ven biển tiếp tục xuống xa hơn tới vịnh Xiêm La, có lẽ họ cũng đã đặt chân lên vùng Mang Khảm nhưng gặp cảnh sinh hoạt bất kham nên một số lại tiếp tục ra đi. Phải đợi tới khi Mặc Cửu đem tài lực vật lực tới khai khẩn canh tác và mở mang thương mại thì Mang Khảm mới thực sự phát triển và trở thành một *"đặc khu kinh tế"* sầm uất, một trong những thị trấn đô hội ra đời sớm nhất nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long trước cả Cần Thơ, Bạc Liêu, Mỹ Tho...

Sách Mạc Thị Gia Phả có chép: *"Từ khi ra ở đất Mang Khảm thì Mặc Cửu hết sức lo mở mang cõi đất mới cho một nơi hoang vu vắng vẻ mà nên được một nơi chợ búa đông đảo. Một mặt thì Cửu lo khai khẩn đồn điền cho dân cầy cấy và mở mang hải cảng để đón các tàu buôn ở các biển; một mặt thì lo xây đắp đồn lũy, tập luyện quân lính để bảo hộ cuộc trị an và mưu đồ cuộc độc lập. Cửu thường lấy lòng nhân nghĩa mà xử đãi nên người các nơi theo về rất nhiều. Mang Khảm chẳng bao lâu mà thành một nơi hải cảng sầm uất."*

Mang Khảm như một Singapore của thế kỷ 18, không phải chỉ nổi danh trong vùng Đông Nam Á, địa danh Hà Tiên còn vang tới tận Âu Châu, được nhắc tới trong bài tham luận của *Pierre Poivre* trước Hàn Lâm Viện Pháp 1768 : *"Hà Tiên đã mở cửa đón nhận tàu buôn của mọi nước đến buôn bán. Hàng hóa buôn bán phải chịu một món thuế rất nhỏ mà thôi". (Un Chinois des Mers du Sud, le Fondateur de Hà Tiên_ Garpardone Emile, Journal Asiatique, 1952).*

Nhưng rồi cái ngày không tránh được là Mang Khảm bị quân Xiêm xâm lấn tàn phá, cả gia quyến Mạc Cửu bị bắt đem về Xiêm La cho tới khi trốn được về Trũng Kè rồi họ Mạc trở lại Mang Khảm để lo toan khôi phục.

Cũng vẫn Mạc Thị Gia Phả chép: *"Về mang Khảm rồi, có kẻ mưu sĩ người Minh Hương tên là Tô Quân bàn rằng_ Người Cao Miên tâm tính hèn nhát nhu nhược, lại đất Mang Khảm là đất hải tần, tất có ngày đối lũy với Xiêm, ngộ có khuynh nguy, họ không thể bảo trợ được; trong khi những người Hoa ở phía bắc được Chúa Nguyễn cho định cư đang phát triển mau chóng, thêm vào đó quân Chúa Nguyễn cũng đang làm chủ Miền Tây Chân Lạp và đối đầu với quân Xiêm La ... Vậy chi bằng thần phục về với Nam Triều để cho có chỗ nương tựa vững vàng là hay hơn."*

Thấy lời bàn có lý, Mạc Cửu đích thân đến Phú Xuân dâng biểu xin đem đất bảy xã của mình khai phá quy phục Nam Triều. Chúa Nguyễn ưng cho và đổi tên đất Mang Khảm lại là trấn Hà Tiên, phong cho Mạc Cửu chức Tổng Binh về giữ trấn Hà Tiên, lại ban ấn triện mãng mão và cho người đưa về trọng hậu."

Lãnh thổ Đại Nam không những thêm mở rộng mà trấn Hà Tiên nghiễm nhiên trở thành tiền đồn chiến lược ngăn bước xâm lấn của quân Xiêm La.

Mạc Cửu mất năm 80 tuổi (1655-1735), con là Mạc Thiên Tứ _ sau đổi tên là Mạc Thiên Tích kế nghiệp cha. Ngoài kiến thức uyên bác, Mặc Thiên Tích còn là vị tướng tài, ngoại giao giỏi. Ông tiếp tục

mở rộng đất Mang Khảm, lập thêm 4 huyện: Long Xuyên (miệt Ca Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (miệt Cần Thơ) và Trấn Di (miệt bắc Bạc Liêu), và ông cũng đã từng cầm quân sang tấn công Xiêm La, bảo hộ cả vùng phía nam Chân Lạp

... Năm Giáp Tý 1774, Chúa Nguyễn Phúc Khoát chia nước làm 12 dinh, duy có Hà Tiên vẫn để là trấn, Mạc Thiên Tích vẫn giữ chức Đô Đốc cai trị như trước. Theo một nghĩa nào đó thì *Hà Tiên như là một khu tự trị của họ Mạc, có thành lũy quân đội có cả đồng tiền riêng_ chỉ phải mỗi ba năm triều cống Chúa Nguyễn theo phiên lễ chư hầu.*

Cha con nhà họ Mạc tuy đã xin làm dân Việt làm quan cho nước Nam nhưng vẫn một mình trấn đất Hà Tiên vẫn có cái tư cách bá vương nên họ Mạc lúc nào cũng nuôi mộng lớn chờ cơ vùng vẫy. Mạc Thiên Tích trong bài *"Lư Khê Nhàn Điếu"* đã tỏ rõ cái chí khí của mình qua hai câu thơ:

Hải thượng tà đầu thời độc tiếu
Di dân thiên ngoại nhất ngư ông
(Trên biển riêng cười cơn xế bóng
Đem dân ngoài cõi một ngư ông)

Những Tấm Bia Càn Long và Phật Thầy Tây An.

Với chí lớn ấy thì họ Mạc đâu có dễ dàng mà chịu bó thân lâu dài với triều đình Huế và đâu có muốn cho Việt Nam có minh quân thánh chúa ra đời nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long mà vùng Thất Sơn với *"với sườn gò khởi phục, cây tốt, suối trong"* với con mắt địa lý nhà họ Mạc đích thị là *"Hoa địa của Việt Nam"* với âm dương tương hội sẽ là nơi *"địa linh sinh nhân kiệt."*

Theo nhà biên khảo Nguyễn Văn Hầu thì khi đệ tử của Phật Thầy phát hiện những tấm bia Càn Long ở Bài Bài quận Tịnh Biên Châu Đốc chôn vào năm Càn Long nhà Thanh niên hiệu thứ 57_ 1792 là thời gian gia đình họ Mạc còn trọng nhậm tại Hà Tiên thì chưa ai hiểu được tại sao.

Chỉ riêng Phật Thầy là bậc cao minh *"thượng thông thiên văn, hạ đạt địa lý, trung quán nhân sự"* lại có viễn kiến Thầy tiên tri cho rằng Thất Sơn_ hiểu rộng hơn vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long là *"Hoa Địa của Việt Nam"* nơi tích tụ nhiều địa huyệt hiển linh chỉ chờ ngày khai mở để tới thời *"Thượng Ngươn_ với phẳng lặng bốn bề thái vũ, mở hội vĩnh thanh"*.

Do đó các thày địa lý họ Mạc đã dựng lên những tấm bia Càn Long trấn ếm nhiều nơi khiến cho anh linh vượng khí của Đồng Bằng

Sông Cửu Long không còn nữa, tinh hoa sẽ suy kiệt, *"đất sẽ khô cằn"* không thể nào sinh ra thánh nhân anh hùng được nữa và rồi sẽ trở lại bị lệ thuộc vào Trung Hoa.

Bởi vậy nơi nào mà có bia Càn Long trấn ếm là có thẻ hóa giải của Phật Thầy. Đức Cố Quản Trần Văn Thành là người được giao cho trọng trách đi cắm bốn cây thẻ quanh vùng Thất Sơn. Cho mãi tới bây giờ, nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long trên gò đất cuối ngọn rạch Thạnh Mỹ, Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang vẫn còn *"Dinh Ông Thẻ"* được dân chúng thờ phượng. Và cũng do đó mới còn một nền *"Văn Minh Miệt Vườn"* hưng vượng cho tới ngày nay.

Tương truyền rằng từ thời rất xa xưa đã có thày địa lý Tàu tên là Cao Biền biết được nơi lưu vực Sông Hồng có *rồng thiêng* hỗ trợ cho tộc Việt hưng vượng trên bước đường đi về Phương Nam nên Biền đã tìm cách hãm hại nhưng rồng thiêng đã thoát ra ngoài Biển Đông ẩn mình nơi *Vịnh Hạ Long* để rồi sau đó lại tiếp tục theo bước đường Nam Tiến của dân Việt.

Riêng ở Phương Nam với lịch sử khai phá chưa đầy 400 năm mà như đã có cả một kho tàng cổ tích với bao nhiêu chuyện kỳ bí bao nhiêu truyền thuyết và huyền thoại_ *tin hay không tin nhưng vẫn có thể rút ra từ đó những ý nghĩa ẩn dụ*.

Như truyền thuyết nói về *Rắn Thần Naga* theo Cao chính là biểu tượng những *Khu Rừng Mưa_ Rainforest* như những tấm bọt biển khổng lồ, bấy lâu vẫn ngậm cả khối nước sông Mekong trong mùa mưa lũ và phun ra trong mùa khô khiến nông dân không bị lụt và quanh năm bốn mùa luôn có đủ nước gieo trồng.

Thế còn *Những tấm bia Càn Long* nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long thì sao? Phải chăng đó là *biểu trưng sự khống chế của người Hoa* trên một địa bàn được coi là trọng địa của cả nước, trong khi *những cây thẻ của Phật Thầy* chính là khơi động ý thức hưng chấn giành lại quyền tự chủ bấy lâu đã và đang bị đánh mất.

Phật Thầy đã khuất cách đây hơn một thế kỷ với sự nghiệp ảnh hưởng lớn lao như vậy nhưng mộ thầy thì chỉ đơn giản là một vuông cỏ xanh trên một triền đá khuất nẻo.

Không còn Phật Thầy nhưng nay vẫn còn các Thầy địa lý ở Thiên An Môn biết Cửu Long là con sông thiêng, Đồng Bằng Sông Cửu Long là *trọng địa* là mạch sống của Việt nam_ nơi mà *"Nước đã trở thành đắt giá và càng đắt giá hơn trong tương lai và sẽ trở thành Vàng Xanh của Thế Kỷ 21"*.

Trong khi Việt Nam không có khả năng tự vệ, thì với với 8 con đập bậc thềm nơi thượng nguồn sông Mekong, Trung Quốc đã và đang

lạnh lùng tranh đoạt nguồn nước để rồi con sông thiêng sẽ bị tát cạn_ cạn kiệt luôn mạch sống của vùng châu thổ.

Tuy nay không có những tấm thẻ cắm của Phật Thầy trên Vân Nam nhưng vẫn có *Những Đứa Con Cửu Long_ Nhóm Bạn Cửu Long,* theo gương Phật Thầy không ngừng thao thức và tìm mọi cách ngăn chặn cái ngày không còn lũ đổ về , không còn phù sa, Cửu Long Sẽ Cạn Dòng, đất sẽ khô cằn không còn vựa lúa nuôi cả nước, người cũng sẽ kiệt và cả đất nước Việt Nam sẽ rơi vào Trật Tự Nước Trung Hoa_ Pax Sinica.

Đến Hà Tiên, Tìm Về Thời Gian Đã Mất

Hà Tiên không chỉ đẹp mà còn rất giàu tính lịch sử. Đến thăm Hà Tiên không thể không nghe nói tới Hà Tiên Thập Vịnh *của Mạc Thiên Tích với 10 bài thơ về Hà Tiên viết bằng đủ kiểu chữ* "chân, thảo, triện, lệ" *với cả tranh minh họa. Chỉ tên mỗi bài thơ không thôi đã chan chứa cả tứ thơ: Bình Sơn màu biếc_* Bình Sơn Điệp Thúy, *Chuông sớm chùa núi_* Tiêu Tự Hiểu Chung, *Hang núi nuốt mây_* Thạch Động Thôn Vân, *Cánh cò Châu Nham_* Châu Nham Lạc Lộ, *Hòn Kim Chắn sóng_* Kim Dữ Lan Đào, *Đông Hồ trăng in_* Đông Hồ Ấn Nguyệt, *Phố Nam sóng lặng_* Nam Phố Trừng ba, *Nhàn câu sông Lư_* Lư Khê Nhàn Điếu, *Trống canh Giang Thành_* Giang Thành Dạ Cổ, *Thôn xóm Lộc Trĩ_* Lộc Trĩ Thôn Cư.

Tập thơ được khách Thăng Long rất yêu chuộng và đất Hà Tiên từ đó được nhắc đến như một địa danh văn học. Đông Hồ và Mộng Tuyết được coi như thế hệ hậu duệ của truyền thống văn học Hà Tiên sau này.

Cách Rạch Giá 90km về phía tây, Hà Tiên như là mũi đất của tỉnh Kiên Giang, ráp ranh với Cam Bốt, với cấu tạo địa chất là những dãy núi đá vôi chạy dài ra tới biển tạo nên nhiều cảnh trí ngoạn mục với những hang động, những hòn *(Hòn Phụ Tử, Hòn Chông......)* những đảo *(Thổ Châu, Phú Quốc...)*

Nhà máy xi măng Hà Tiên hiện đại sau này được xây dựng trên vùng đất đá vôi này.

Như một đường chỉ thẳng, con Kinh Vĩnh Tế chảy dài từ Châu Đốc đổ vào sông Giang Thành đem ngọn nước ngọt từ Sông Hậu tưới mát cho Hà Tiên .

Từ bên trong thị trấn trên con đường Phương Thành nổi tiếng với hai ngôi chùa cổ. Chùa Tam Bảo *có lịch sử cùng thời với đất Hà Tiên có tượng Phật Di Đà đúc từ thời Mạc Cửu khi ông đón mẹ từ Trung Quốc qua và về cư ngụ ở chùa này. Riêng* Chùa Phù Dung *được*

biết tới nhiều hơn với tên Phù Cừ Am Tự *thì do Mạc Thiên Tích xây cho nàng Ái Cơ Phù Cừ_ với một thiên tình sử lãng mạn vẫn còn được truyền tụng tới bây giờ. Phù Dung hay Phù Cừ là tên của một loài hoa sen trắng quý và tỏa ngát hương thơm.*

Năm 1730, có một người khách phương xa tên Nguyễn Nghị lánh cảnh giặc dã bên Lào đã dẫn hai con một trai một gái tới đất Hà Tiên. Là người văn học quảng bác, khách được Mạc Cửu phong cho làm gia sư dạy dỗ đứa con trai là Mạc Thiên Tứ. Để con gái ông tên là Phù Cừ *cũng được theo học, ông cho con ăn bận như con trai. Khi Mạc Cửu mất, Mạc Thiên Tích nối nghiệp cha trấn đất Hà Tiên. Mạc Thiên Tích ngoài tài an bang tế thế còn là khách tao mặc văn chương có tài thơ phú lập* Tao Đàn Chiêu Anh Các *làm nơi quy tụ các văn nhân tới ngâm vịnh, trong số đó có cả Nguyễn Cư Trinh (người dâng kế* tàm thực *lên chúa Nguyễn trong công cuộc Nam Tiến) từ Gia Định xuống là một trong những bạn thơ của Mạc Thiên Tích.*

Riêng Phù Cừ_ lúc đó vẫn giả trai, không những giỏi văn thơ mà lại có nét đẹp thanh tú nên Mạc Thiên Tích rất ư là tương đắc. Khi khám phá ra Phù Cừ là gái thì cả một mối tình thơ mộng diễn ra trong nhiều năm giữa đôi trai tài gái sắc. Mạc Thiên Tích sau đó cưới nàng làm ái thiếp. Bị vợ chánh ghen mưu nhốt Phù Cừ vào lu nước mưa úp lại cho chết nhưng may gặp lúc trời mưa Mạc Thiên Tích kịp mở nắp ra và cứu sống nàng. Chán cảnh đời phù du, Phù Cừ xin chồng cho được đi tu trong ngôi chùa này. Tháp chùa được xây cao để sau này vẫn có thể vọng thấy từ mộ chí Mạc Thiên Tích kế bên mộ cha trên Núi Lăng.

"Nàng Ái Cơ trong chậu úp" *(1961) truyện ngắn nổi tiếng của nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội lấy cảm hứng từ thiên tình sử đầy chất lãng mạn này.*

Đi về hướng bắc 3km tới *Thạch Động*, đó là một khối đá cao tới 90m có hang rộng có chùa cổ, có đường xuống đất có cửa lên trời có ánh mặt trời chiếu sáng và tiếng gió thổi cuộn vào trong động như tiếng sáo nhạc vi vu nơi mà Mạc Thiên Tích đã làm bài thơ *Thạch Động Nuốt Mây.*

Giữa cảnh thơ mộng ấy khách tham quan bỗng phải khựng lại khi đứng trước tấm *Bia Căm Thù* _ mà Cao nghĩ rằng lẽ ra nên gọi là *Mộ Bia Thương Tiếc,* ghi lại cuộc thảm sát 130 thường dân Việt của quân Khmer Đỏ vào tháng 3 năm 1978. Đây không phải trường hợp riêng lẻ. Không xa nơi đầu mút con Kinh Vĩnh Tế về phía bắc Châu Đốc, giữa *Mùa Thù Hận* ấy khoảng giữa hai chùa Phi Lai và Tam Bảo là một *Cánh Đồng Chết* nơi làng Ba Chúc; quân Khmer Đỏ hung dữ như một đoàn âm binh trang bị vũ khí tới răng, sau khi vượt qua biên

giới xông vào các nhà các chùa các hang động nơi có người Việt ẩn núp bắt ra tàn sát tổng cộng 3157 người phần lớn là người già đàn bà và trẻ em với đủ kiểu giết chóc. Và cũng khoảng thời gian đó, cư dân đảo Thổ Chu phía tây nam đảo Phú Quốc, cũng bị quân Pol Pot tàn sát, trong số nạn nhân có người cháu ruột thịt của ông Khắc cũng là bạn thân thiết của Cao thời sinh viên lúc đó đang là một nữ tu.

_ *Chỉ nói tới âm binh_ đội quân Pol Pot mà quên nhắc tên phù thủy theo ông Khắc là một thiếu sót.* Cao hiểu rằng ông muốn nói tới người điều khiển từ xa_ *remote control* từ Trung Quốc.

Đường chỉ đỏ ranh giới giữa Việt Nam và Cam Bốt trong hơn ba thế kỷ đã luôn luôn bị nhuốm máu_ máu của những người dân hiền lành vô tội, nạn nhân của *mối thù hận lịch sử.*

Một thoáng rùng mình trong cái lạnh của hang động, cả lẩn khuất đâu đây mùi tử khí_ Cao ngửa mặt nhìn lên trời cao vẫn cứ thăm thẳm một màu xanh như ngọc thạch với thản nhiên trôi đi những đám mây trắng ngà. Phải chăng mọi tấn thảm kịch do con người tự gây ra ở đâu và bao giời cũng là quá nhỏ đến vô nghĩa để thiên nhiên vẫn cứ đẹp một cách thật vô tình.

Từ Thạch Động, khách có thể ngắm cảnh núi đồi trùng điệp trải dài sang bên kia biên giới. Nơi có núi *Châu Nham* cũng với nhiều hang động sâu_ có động Thạch Sanh với chuyện cổ tích Khmer Thạch Sanh chém đầu trăn, với cây đàn thạch nhũ, gợi tứ cho bài *Cánh cò sa Châu Nham.*

Đông Hồ là cửa sông Giang Thành, bên phải có núi Ngũ Hổ, bên trái là dãy Tô Châu. Cảnh đẹp thanh thoát nhưng phải tới đây vào đêm trăng rằm để thấy cảnh *Trăng In Mặt Nước* cũng của Mạc Thiên Tích.

Tới Mũi Nai cách Hà Tiên 4km, với bãi cát trắng với biển thật xanh và những con sóng lành. Đây chính là cảnh vịnh trong bài thơ *Cảnh thôn Lộc Trĩ.*

Nam Phố cách Hà Tiên 10km hướng đông nam trên đường đi Rạch Giá, có đảo núi đẹp bãi tắm quanh năm im sóng. Là cảnh của bài thơ *Nam Phố sóng lặng.*

Đến thăm Hà Tiên rồi khách tham quan không thể không tâm đắc với thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác khi viết về Hà Tiên quê hương mình: *"Ở đó kỳ thú thay, như hầu đủ hết. Có một ít hang sâu động hiểm của Lạng Sơn, có một ít ngọn đá chơi vơi giữa biển của Hạ Long. Có núi đá vôi của Ninh Bình, một ít thạch thất sơ môn của Hương Tích. Có một ít Tây Hồ, một ít Hương Giang. Có một ít chùa chiền của Bắc Ninh, lăng tẩm của Thuận Hóa. Có một ít Đồ Sơn Cửa Tùng, có một ít Nha*

Trang Long Hải."

Nhưng cũng để rồi sau khi rời đất Hà Tiên, một hòn non bộ bên *Đại Vực_ Grand Canyon, để thấy một Hà Tiên hiện tại đã nhạt nhòa không sao đuổi kịp được quá khứ.*

Nơi Paris Không Có Mùa Đông.

Ngay sau Hòa ước Giáp Tuất_ 1874 nhượng đứt 6 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp, người Pháp tích cực đẩy mạnh việc khai thác thuộc địa qua cộng đồng người Hoa được đánh giá cao qua đức tính cần cù chịu khó chữ tín và cả khiếu làm ăn buôn bán. Người Pháp cho mở tại Sài Gòn một văn phòng di dân có tên là *"Sở Tân Đáo"* chuyên lo thủ tục nhập cảnh cho các Hoa Kiều muốn vào Việt Nam mà Miền Nam vẫn là vùng đất hấp dẫn nhất. Họ là những *di dân kinh tế những kẻ cơ hội* , tới từng đợt liên tục từ thế kỷ 18 tới giữa thế kỷ 20. Dù tới trễ họ vẫn dễ dàng khởi đầu cuộc sống mới bằng cách tìm tới những đồng Bang Hội đã lập nghiệp trước và được tận tình giúp đỡ. Tới trước hoặc sau, người Hoa nói chung rất tương trợ đoàn kết.

Người Hoa ở Việt Nam ngay cả sống nơi vùng đất đai phì nhiêu là Đồng Bằng Sông Cửu Long, ít ai chịu chọn nghề làm ruộng vất vả, kể cả giàu tiền họ cũng không ham làm điền chủ để phải đối đầu với đám tá điền nghèo quanh năm lam lũ chỉ mang tiếng bóc lột. Họ đã khôn ngoan chọn nghề buôn bán ít cực nhọc mà lại hưởng lợi nhiều, nhỏ thì từ những cửa hàng chạp phô kiêm tiệm thuốc bắc mọc lên_ *nơi nào có khói bếp,* nghĩa là khắp hang cùng ngõ ngách, lớn hơn là lập nhà máy xay lúa cùng với các trạm thu mua lúa gạo cây trái và liên kết với nhau qua các *Bang Hội* đi tới độc quyền chi phối cả nền kinh tế của toàn vùng Đồng Bằng Châu Thổ.

Với thời gian, thế lực người Hoa ở Việt Nam ngày càng lớn mạnh. Tới giữa thế kỷ 19 (1841) một Đại Bang được thành lập ở Sài Gòn lấy tên là *Hoa Phủ Công Sứ* , gồm các Bang người Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nàm. (Riêng người Minh Hương không được kể là người Hoa thực sự). Đại Bang này không những là cơ quan tài phán giải quyết tranh chấp nội bộ giữa những người Hoa với nhau mà còn có cả quyền hạn rất lớn về chánh trị và kinh tế , quyền cấp thẻ cư trú, quyền ấn định giá gạo trên thị trường.

Trong suốt thời Pháp thuộc (1884-1945), vì quyền lợi khai thác và cả lý do an ninh thuộc địa, lại thêm áp lực từ nước lớn Trung Quốc, cộng đồng người Hoa ở Việt Nam được hưởng nhiều quy chế ưu đãi nhất: Hoa kiều đến từ Singapore được lập Bang riêng_ *Clan Singapore*,

Hoa kiều mang quốc tịch Anh có câu lạc bộ riêng, Chợ Lớn có riêng Hội Đồng Quản Hạt như *một chánh phủ trong chánh phủ* với quyền quản lý kiều dân, hối đoái, định giá lúa gạo và mức xuất nhập cảng... *Đổi lại Trung Hoa cho Pháp quyền truy lùng và dẫn độ những nhà cách mạng Việt Nam đang hoạt động chống Pháp tại Hoa Lục.*

Chợ Lớn hay *Đại Thị*, tên do Tổng Trấn Lê Văn Duyệt đặt, ban đầu thưa thớt_ thời *Francis Garnier* 24 tuổi còn làm Đô Trưởng trước khi cùng với Doudart de Lagré lập đoàn thám hiểm Pháp ngược dòng sông Mekong (1866-1868) để tìm một thủy lộ giao thương với Trung Hoa.

Sau đó với thời gian, Chợ Lớn trở thành nơi thị tứ đông người Hoa nhất; là trung tâm thương nghiệp và công nghiệp cung cấp hầu như toàn bộ nhu cầu dân chúng Miền Nam; họ hầu như có độc quyền tín dụng đối với giới nông dân người Việt.

Nơi Đồng bằng Sông Cửu Long, ngay từ đầu người Hoa sống tập trung thành từng cụm ở các thị trấn xen kẽ với người Việt và người Khmer. Đông nhất vẫn là hai nhóm *người Tiều* và *người Quảng*. Do nhu cầu giao thương, những người Hoa này nói được cả tiếng Việt và tiếng Khmer.

Họ giữ mối quan hệ chặt chẽ với giới người Hoa ở Chợ Lớn rất sớm_ qua con Kinh Tàu Hủ từ 1819 đã là đường thủy vận huyết mạch nối liền Chợ Lớn với toàn mạng lưới sông rạch của Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Người Hoa chỉ chiếm khoảng 2% toàn dân số Việt Nam_ *qua khả năng doanh thương là ưu điểm* của họ, nhưng còn phải kể tới cả những thủ đoạn tranh thương bất chính qua đầu cơ tích trữ phá giá thị trường, tham nhũng hủ hóa mọi giới cầm quyền kể cả dưới chế độ Cộng Sản, họ cấu kết với những tay tài phiệt quốc tế vùng Đông Nam Á đi tới nắm độc quyền về kinh tế _ khống chế toàn mạng lưới thương nghiệp, từ buôn sỉ bán lẻ nông sản tới sản phẩm công nghiệp, sang tới các dịch vụ tài chánh và chuyên chở. *Đề Ngạn* tên gọi Chợ Lớn của người Hoa nghiễm nhiên trở thành một khâu quan trọng trên trục kinh tế Đài Loan Hongkong Singapore mà theo thuật ngữ báo chí bây giờ gọi đó là *Khối Kinh Tế Đại Hán_ CEA (Chinese Economic Area).*

Lửa Cách mạng Tân Hợi từ Nam Kỳ.

Nhà cách mạng Trung Hoa Tôn Văn trong thời kỳ bôn ba, đã từng ba lần tới Việt nam. Qua các tổ chức *Trung Hưng Hội* như những chi bộ hải ngoại của Quốc Dân Đảng Trung Hoa, Tôn Văn đã hết sức thành

công trong cuộc vận động các cộng đồng người Hoa ở Nam Kỳ góp công góp của cho cuộc vận động *Cách Mạng Dân Quyền* đang diễn ra ở Hoa Lục.

Trong một cuộc họp với các đồng hương ở Chợ Lớn, Tôn Văn đưa ra nhận định tình hình đã chín mùi cho cuộc cách mạng lật đổ triều đình Mãn Thanh và ngay sau đó ông đã nhận được sự đóng hết sức lớn lao của mọi tầng lớp người Hoa. Đi tới đâu ông cũng tìm cách tiếp xúc với các Bang Hội, hóa giải những bất đồng giữa họ và kích động niềm tự hào Hán tộc để họ luôn luôn hướng về đất mẹ Trung Quốc vốn tự ngàn xưa đã là trung tâm của thiên hạ, *"đồng thời khuyên nhủ họ vẫn mãi là người Hoa_ không để bị đồng hóa với người bản xứ."*

Sau cuộc Cách Mạng Tân Hợi 10-10-1911, Tôn Văn được suy tôn như quốc phụ của cả nước Trung Hoa. Đúng như ước vọng của ông, cộng đồng người Hoa ở hải ngoại cho dù ở đâu và bao giờ cũng vẫn luôn luôn là bộ phận gắn bó với nước mẹ_ nói theo ngôn từ của phóng viên tuần báo Viễn Đông Kinh Tế thì họ đã và đang là *"những cánh tay vươn dài của Trật Tự Trung Hoa_ Pax Sinica"* cả lục địa lẫn hải đảo.

Dưới thời đô hộ Anh, *Kyaw Nyein* đã mô tả đất nước Miến Điện như một *Xã Hội Hình Tháp_ Social Pyramid* với dưới đáy là bao nhiêu triệu người Miến Điện nghèo khổ ngu dốt và bị bóc lột và trên đỉnh là một thiểu số người ngoại quốc Anh, Hoa, Ấn ...

Riêng Việt Nam, cho dù đã bước qua thế kỷ 21, trải qua bao nhiêu cuộc *Chiến Tranh Cách Mạng*, thì vẫn cứ mãi là cấu trúc *Xã Hội Hình Tháp* dưới đáy là những người dân bản xứ nghèo khổ ít học bị khai thác làm thuê làm mướn ăn nhờ ở đậu ngay trên chính quê hương mình, *trên chóp đỉnh thường trực vẫn là những khách trú thiểu số người Hoa,* chỉ có đổi thay nhưng luôn luôn gắn bó hữu cơ với họ là *giai cấp thống trị,* sau những Ông Tây Thuộc Địa, những Ông Tướng Cộng Hòa thì nay đến lượt những Ông Tư Bản Đỏ vẫn rất được tin cậy qua cả những hợp đồng dài hạn tới 50 năm trong những *dịch vụ làm ăn bền vững.*

Bằng đôi mắt chim để thấy suốt dọc hai bên bờ con sông Mekong hùng vĩ dài hơn 4200km ấy, là cả một quần thể người Hoa phồn vinh và sung mãn_ nếu ví von, *nói theo ngôn từ y học của bác sĩ Duy,* thì đó là những tảng mỡ có thể làm nghẽn mạch mà phẫu thuật_ *surgical resection* thì bao giờ cũng đau đớn, nhưng qua sự hội nhập và chuyển

THU TỪ

Đào

Anh là nhà nghiên cứu,
là người đào mỏ
Anh có thể chọn cái hầm đã khối kẻ thi công
Nhảy xuống, chui vào,
sờ sẫm lần mò tận đáy
Hì hục xới, đào
Hay anh có thể táy máy,
sục tìm
chỗ đất trinh nguyên,
hiên ngang bổ nhát cuốc đầu
Khơi khơi mặt đất,
tun hút đáy hang
Đâu đâu
Muốn may bắt được vàng,
cũng phải hì hục
xới nhanh,
cuốc khỏe
Anh có thể làm chất nổ,
xuyên sơn phá đá,
Ầm ầm khai mở lối vào mạch mới
Hay anh có thể người phu mỏ thảnh thơi
Thong thả suốt đời ngồi cạo đất

THU TỪ

hóa lành mạnh thì đó lại là những hạt mỡ tốt *HDL* thông mạch_ không bởi viên thuốc tan mỡ kỳ diệu nào mà do bởi *sự thăng hoa môi trường từ "Toàn Trị" sang "Dân Chủ"*.

NGÔ THẾ VINH
05/00



VI THÙY LINH

Huyền tích

1 * *Nếu chúng ta không làm thân phận này*
Em là công chúa, chờ anh - con đại bàng dũng mãnh nhất
- mang đi thật xa
Đến một nơi không ngột ngạt người
Anh trở lại Người, hoặc em mọc cánh

Nếu chúng ta không làm người
Em muốn là hải âu - loài chim không sợ sóng và bão biển
Thế thì yêu được anh không - chim phượng hoàng ở đỉnh núi chót vót

2 * Giữa thế giới ngột ngạt này
Con người lấy lại thăng bằng, bằng hoang tưởng diệu vợi và ngộ nhận
tất cả chúng ta đều bội thực u buồn
Có những nỗi-buồn-mặt-người không nhận diện
Và ẻo lả sau những cơn dồn đuổi
Và lợt lạt ngất đi trong cô đơn
Ở một nơi hoang vu đang chờ đôi ta, những trận cuồng phong
vẫn căng lên, rạo rực

3 * *Nếu chúng ta yêu nhau trong hang* -
là giải thoát mình giữa không gian chen chúc
Cái hang, chưa tìm thấy, chỉ nghe vương vất tiếng đàn Thạch Sanh.
Những lứa đôi hôn nhau đắm say để tìm cho mình phương hướng
Nhưng làm sao có thể định thần, khi con người luôn cảm thấy bất an và lẻ loi

Ở miền Tây Tạng, những người đã chết được làm lễ thiên táng
bởi loài chim ưng trên đỉnh núi
Những linh hồn bắt đầu chu du từ đỉnh núi, sẽ được hóa thành chim

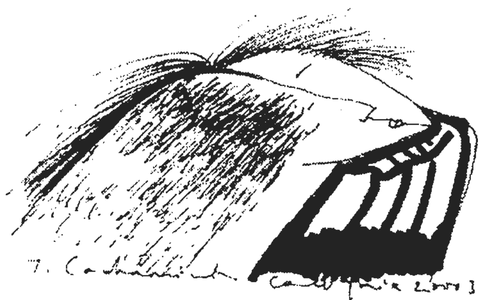
4 * Những con én đã mang mùa xuân đi
Chỉ còn tiếng đàn môi ngân nga mãi tới hoang vu - nơi lốm đốm
những con mắt sáng
Anh đậu xuống em
Bằng cơn xuất thần, chúng ta đã bay lên, bất giác.

VI THÙY LINH
20.4.2000



TRẦN THÙY MAI

Cánh cửa thứ chín



Nghề nghiệp của anh buộc anh phải đi rất nhiều nơi, còn cuộc sống của tôi lại luôn ở đây: những ngày rất dài trong khu vườn lặng lẽ.

Một ngày, một giờ, một khoảnh khắc nào đó, đột nhiên hai cuộc đời riêng rẽ bỗng đi chéo qua nhau. Đó là một ngày cuối năm, ngày khởi đầu của tiết lập xuân. Anh gọi điện nhầm đến nhà tôi. Mặc dù biết đã nhầm, anh không gác máy. Và chúng tôi nhận ra nhau.

Sau đó ít lâu, chồng tôi bảo: "Bệnh của Quyên dạo này khỏi rồi sao?" Tôi chỉ cười lặng lẽ. Chứng thống kinh hành hạ tôi hơn hai năm qua. Những cơn đau khiến cơ thể tôi lạnh giá. Sau nhiều tễ thuốc đắng không chút kết quả, ông lang già cuối cùng đã khuyên tôi tìm tới sự tập luyện của tâm linh.

Buthayoga, đó là thứ nghệ thuật làm nóng cơ thể từ sự khởi động của cái tâm thường bị vùi sâu che khuất. Trong bốn bức tường rêu này tôi có đủ thời gian và sự tĩnh lặng để làm việc đó. Nhưng linh hồn tôi không tĩnh. Tôi không phải là đạo sĩ. Tôi chỉ là một người đàn bà.

Giờ đây, tôi dần dần ra khỏi cơn đau. Nhờ một sự tình cờ. Một giọng nói. Đó là anh.

Có lần nào đó, tình cờ anh nhắc đến ngày lập xuân ấy. "Quyên có biết vì sao anh không gác máy không? Vì bỗng nhiên anh nghe giọng nói tưởng như bình thường của em một điều gì đấy, giống như

tiếng kêu cứu của một người tù."

Còn tôi, ngược lại. Từ giọng nói anh, tôi thấy màu xanh và những đám mây. Sau này tôi mới nhớ ra, đó là cảm giác khi thấy đường chân trời. Tôi đã có cảm giác ấy một lần, thuở còn bé, khi về thăm quê ngoại.

*

"Alô, Quyên đấy hả? Này, có phải em thường nghe người ta tả mặt trời mọc trên biển không? Vậy mà bây giờ anh đang nhìn thấy mặt trời lặn trên biển."

"Sao thế? Vậy là mặt trời lặn ở phía đông?"

"Không... - Anh cười, như thể đang nhìn thấy vẻ mặt ngơ ngác ủa tôi. - Chỉ vì hôm nay anh đang ở Hà Tiên. Nơi đây biển ở phía tây đất liền, thế thôi." Trong tiếng anh cười, như có tiếng sóng biển, có ánh hoàng hôn cháy rực trên sóng và phản quang của một vùng đất xa rất xa. Nơi tôi chưa từng thấy bao giờ. Tôi có thể thấy gì, ngoài khu vườn nhỏ bé bị che kín. Nhưng ở đây, mặt trời, biển và sóng đang hiện ra trong bốn bức tường của tôi. *Tôi đi bên anh, trên bờ cát. Nắng buổi chiều rất tươi đổ bóng chúng tôi trên những lằn sóng mịn. Rồi cả hai cùng ngồi trên chiếc thuyền con, rẽ sóng về phía hòn Phụ Tử. Tóc tôi bay rối tung, trong khi anh chỉ cho tôi những hòn núi đá nhấp nhô trong vịnh Thái Lan. Tất cả đều nhuốm màu mặt trời chiều, mặt trời đỏ au đang từ từ lặn sâu vào sóng biển.*

Ngoài cổng, Hòa đã về. Tôi ra mở cửa cho chồng. Chiếc Chaly trắng nổ máy xành xạch. Như mọi lần đi làm về, Hòa hỏi, giọng bình thản:

- Ở nhà có việc gì không?

Cũng như mọi lần tôi trả lời:

- Không, chẳng có việc gì.

Tôi lấy nước cho Hòa rồi vào bếp sửa soạn bữa cơm. Hòa thả người xuống xích đu đọc báo. Làm sao Hòa biết, tôi vừa từ vịnh Thái Lan trở về, và giờ này trong tâm trí tôi vẫn chói rực một mặt trời trên biển tây.

Anh là người đầu tiên giúp tôi biết người ta có thể sử dụng điện thoại để san sẻ cuộc sống với nhau, chứ không phải chỉ để trao đổi những thông tin ngắn gọn: "Hôm nay Quyên có gì vui không?" Tôi cố lục tìm trong ngày dài của mình một điểm sáng nào đó. Những cuộn len. Những tấm áo đan dở. Sự mưu sinh tủn mủn... "A, nhớ ra rồi, trước nhà em có một cái ao, sáng nay có một bông

súng hồng vừa nở.” “Hôm nay, người hàng xóm đến cho một con mèo màu lam đẹp lắm. Anh có tin có một con mèo màu lam không?” Có hôm anh gọi cho tôi đúng vào lúc tôi nấu xong bữa ăn chiều. “Quyên vừa nấu những gì, nói cho anh biết, cho anh thèm.” Tôi kể cho anh nghe: canh mít non nấu tôm, cá bống kho tiêu, rau muống luộc... Anh hít hà trong điện thoại. Tôi rủ: “Đến đây ăn cơm.” “Ừ, nhớ để phần anh nghe”...

Dần dần tôi bắt đầu tập cách thổ lộ những gì đã nén quá sâu trong tâm trí, điều trước đây tôi chưa hề quen. Tôi nói với anh về thời thơ ấu, khi mẹ đã bỏ đi và cha tôi đùm bọc đàn con trong một tình thương mà tôi linh cảm có lẫn lộn cả oán thù. Mỗi lần có lỗi, tôi bị đánh mà không được khóc. Giờ đây, trước những nỗi đau, tôi đã quen với lối khóc không trào lệ. Tôi đã câm nín như thế cả vào ngày đứa con trai lên mười được người em chồng đưa về San Diego làm con nuôi. Tôi ôm con vào ngực trước khi trao cho Hoành, bây giờ ngực tôi còn mãi hơn ấm nóng của đứa trẻ, khiến những phần còn lại của cơ thể tôi mãi mãi lạnh giá.

Chồng tôi thỏa mãn. Một căn nhà hương hỏa, một công việc ổn định, một người vợ hiền, một đứa con trai may mắn được đỡ đầu và chắc chắn sẽ thành đạt. Hòa bảo tôi: “Vợ chồng mình sẽ sinh thêm đứa nữa.” Nhưng tôi không sinh nở. Chứng thống kinh hành hạ tôi. Mỗi tháng một lần, cơn đau bắt tôi cắn răng, không rên rỉ. Mỗi lần ngồi tập môn Buthayoga, tôi thành khẩn nguyện cho mình khỏi bệnh. Những ngón tay, theo đà thúc đẩy của một thứ ký ức siêu nhiên nào đó cứ xoa mãi trên bụng, trên thắt lưng tôi. Nhưng cánh cửa tâm linh không hề mở. Những ngón tay chịu không chạm nổi vào những vùng khuất lấp trong tôi.

Nhưng bây giờ, trong bốn bức tường rêu đã có cả biển trời. Những cơn đau đã dịu xuống. Đã dứt.

“Alô, Quyên đó hả? Hôm nay có gì vui?” “Hôm nay là ngày rằm, người ta gánh hoa sen đến bán. Quyên mua hai bó hoa vừa trắng vừa hồng. Mua hạt sen để trưa nay nấu cháo chay.” “Ngày rằm. Quyên ăn chay, còn anh đang ở trong rừng Xuyên Mộc. Người ta làm thịt rừng chiêu đãi, giết hai con nhím, một con cheo.” “Ghê quá!” “Ừ, lúc nãy sắp bị giết con cheo ứa nước mắt. Nhìn thấy thương quá, không ăn được miếng nào. Thôi Quyên hãy tới đây đi. Ở đây có một dòng suối nước nóng, ngâm chân xuống thì uống bao nhiêu rượu cũng không say. Anh sẽ chỉ cho Quyên cây dầu lớn, có hoa rụng trắng xóa cả bãi cỏ.” Tôi cùng anh lang thang trên bãi hoa dầu trắng phau, rồi đi ra suối Bang mắc võng trên dòng nước. Tiếng

suối chảy lúc trong vắt lúc trầm đục đủ cung bậc. Trên đầu tôi, trời cao và xanh, bao la.

"Quyên ơi, em đã đến đây thì cũng có thể bay lên trời với anh được." Chợt tôi thấy mình vút lên giữa trời xanh. Tôi thấy anh ở bên tôi. Chúng tôi đang bay, và đang lơ lửng trước vực thẳm.

*

Đó là ngày anh không chịu dừng lại ở tưởng tượng để chỉ đòi ăn canh mít non và cá bống kho tiêu qua đường dây điện thoại. Anh nói với tôi huyền thoại về chín cánh cửa. "Ngày xưa có người lạc vào sơn động và kết duyên với chúa Tiên. Một hôm chúa Tiên đi chầu Trời, giao cho chàng ta một xâu chín chiếc chìa khóa và dặn chàng mở cửa nào tùy thích, chỉ trừ cánh cửa thứ chín. Trong tám ngày chàng đã lần lượt mở tám cửa, mỗi khung cửa dẫn vào một cảnh giới tuyệt vời như trên thiên đường... chỉ còn cánh cửa thứ chín, chàng trai tự nhủ mình không được mở ra. Nhưng..."

Cánh cửa thứ chín. Cánh cửa biết mở ra là tai họa mà mọi người cuối cùng đều đã mở. "Quyên ơi, Quyên hiểu anh muốn nói gì không?" "Em hiểu. Em thấy sợ."

"Tại sao?" Tôi không biết làm sao giải thích nỗi sợ hãi của mình. Dường như đã đến lúc tôi có thể nhận diện thứ tình cảm trong lòng mình: Đấy chính là tình yêu đang mỗi lúc mỗi lớn lên, và tôi linh cảm cuộc đời tôi sẽ sụp đổ dưới sức nặng của tình yêu ấy.

Một ngày cuối hè, anh lại đi qua phố cổ. Anh muốn gặp tôi. Tôi ấp úng, cố gắng diễn tả cho anh biết rằng, người ta khuyên đừng đùa với lửa. Đùa với lửa, sẽ bỏng tay, và tôi tự biết mình không chịu nổi xót xa.

Nhưng anh hứa không làm tôi bỏng. Không phải những hồi chuông điện thoại làm rối tâm tư tôi. Làm rối linh hồn tôi, chính là nỗi khát khao được nhìn thấy, dù trong một chút, cuộc đời bao la mà trước nay tôi mới chỉ nhìn trong tưởng tượng.

Chín giờ tối đúng vào đêm hạ chí cuối cùng, tôi ra khỏi nhà, qua cánh cổng gỗ cũ xưa, rồi đi men theo bờ hồ trước mặt. Hoa sen cuối mùa lan tỏa mùi thơm trong ánh trăng. Anh đang chờ tôi bên kia hồ, dưới gốc cây xà cừ. Bóng đêm lẫn bóng trăng bao trùm thân thể tôi. Hai chân run run, tôi lúng túng hoảng hốt, cảm thấy thất thố vì đã đến một nơi quá bất lợi cho mình. Nhưng ngay lúc ấy tôi cũng không kềm chế được mong muốn lao sâu vào khám phá một thế giới - Anh, anh cũng là một thế giới.

Anh bước lên bên tôi, hay tôi đang chạy đến với anh, tôi không biết nữa. Rồi tôi cảm thấy tay anh, mắt anh, môi anh, tất cả rất giản dị, rõ nét và rất giống hình ảnh anh trong trí tưởng tượng của tôi.

Anh rất ấm, và rất dịu dàng.

Đúng như lời hứa, anh không làm tôi bỏng.

Tôi không bỏng. Tôi cháy.

Lúc tôi trở về nhà, cánh cổng nặng khép hờ rên rỉ dưới tay tôi. Hòa đã ngủ say, tờ báo rơi trên ngực. Suốt đêm tôi như đang nằm duỗi trong một đám sương mù, lâng lâng, êm ái. Cũng trong đêm ấy, ước mơ được rực cháy suốt quãng đường còn lại chợt như một ám ảnh điên rồ thiêu đốt tâm trí tôi.

Trời mờ sáng, tôi ra sân, đi lảo đảo như người mộng du. Vượt qua cánh đồng, vượt qua cây xà cừ, vượt qua con đường sương trắng, tôi như người điên đập cửa căn phòng lạ.

Người đàn ông của tôi hiện ra trước mặt.

Trong lúc đi trên đường, bên tai tôi cứ lùng bùng những điều định nói cùng anh. Tôi sẽ nói rằng, tôi không thể tiếp tục sống trong bốn bức tường lạnh lẽo. Tôi sẽ nói muốn cùng anh đi với mặt trời trên biển tây. Tôi sẽ chịu bỏng, chịu cháy, để được đau đớn, được yêu thương. Tôi muốn chịu đựng mọi thứ trên đời, ngoại trừ sự tẻ lạnh.

Nhưng lúc này, dưới ánh sáng quá rõ của ban ngày, anh hiện ra rất xa lạ với hình ảnh anh trong bóng trăng. Một người đàn ông đến từ một cõi đời khác. Tôi thấy mình đứng trên hành lang, trước người đàn ông này một cách vô lý, ngớ ngẩn và trơ tráo. Kêu lên một tiếng, tôi đâm đầu chạy ra đường. Có tiếng xe đâu đó thắng gấp...

Không hiểu sao lúc đó tôi không biết sợ. Mãi đến lúc ngồi trên xích lô qua đường phố dài, cả người tôi mới bắt đầu run lên, cơn run rẩy không cưỡng được của người suýt chết.

Hòa đang cho chim ăn trước hiên nhà. “Em đi đâu sớm thế?” Giọng Hòa bình thản như mọi câu nói vào mọi giờ, mọi ngày khác. Tôi gắng gượng thốt lên một lời nói dối qua loa rồi bước vào nhà.

“Sáng nay anh đi làm sớm, em cho anh ăn mì với hai quả trứng.” Hòa bảo, không ngoái lại. “Vâng, bánh mì với hai quả trứng.” Tôi vào bếp với đôi chân chưa hết run. Hòa không biết nấu ăn, cũng không hề có thói quen ăn tiệm. Anh không thể nào xoay xở được nếu không có tôi. “Ngày mai là ngày hiệp kỵ, nhớ chuẩn bị đồ lễ đưa sang từ đường.” “Vâng, em nhớ.” Tôi trả lời, những câu trả lời như tiếng vang không âm sắc.

Khi chiếc xe Chaly trắng xành xạch đi rồi, tôi để rơi mình xuống ghế. Cơn đau chợt quặn thắt, mồ hôi rịn ra ướt cả hai bàn tay tôi.

Một hồi chuông reo.

"Quyên ơi, em nghe đây: một người tù hèn nhát thì sẽ mãi mãi là một người tù."

Tôi không dám nghe. Tay tôi run rẩy tháo rời dây điện thoại. Anh đã nói đúng, nhưng rất có thể chính anh cũng có bốn bức tường, hai cánh cổng ở đâu đó, và dù đi khắp nơi trên thế gian anh cũng không ra khỏi những thành trì, như tôi...

Cả tuần sau, máy điện thoại tắt ngấm. Tôi hiểu thế nào là sự trống rỗng của im lặng. Căn phòng lạnh, yên lặng đè lên tim tôi như một khối nặng trịch vô hình. Sự yên lặng khắc khỏi, đau nhói âm thầm trong lúc đi, đứng nói cười, cố sống cuộc đời thường.

Vẫn biết chân trời là nơi không đến được, nhưng dù sao tôi cũng phải có một chân trời.

Đến ngày thứ tám, tôi nối lại đường dây. Nhưng chiếc máy không hoạt động nữa. Chồng tôi đã trả số thuê bao. "Anh thấy nó chẳng có lợi lộc gì mà nhiều khi lại thêm mất ngủ. Chưa bao giờ anh cảm thấy khỏe như tuần qua, khi máy hư." Tôi lặng lẽ nhìn chồng với đôi mắt của người chết đuối. Cơn đau hành hạ. Tôi âm thầm chịu, không rên rỉ.

Đêm ấy tôi nằm mơ thấy một con nai trúng tên, nằm khắc khoải chờ chết trong một xó rừng.

Sáng sớm hôm sau, trong lúc tập Buthayoga, hai tay tôi chợt rời thắt lưng, tự hướng về phía đầu, xoa mãi vào huyệt bạch hội. Chợt như có dòng nước lũ xoáy mạnh làm vỡ cả con đập chắn ngang. Hoàn toàn không ngờ trước, tôi bỗng òa ra khóc, khóc tức tưởi, không sao cưỡng được. Những giọt lệ trào ra từ khóe mắt, những cơn rên rỉ thoát ra từ lồng ngực. Tôi khóc to, khóc thảm thiết, một thứ khóc vô thức kỳ lạ, giữa lúc tâm trí phiêu bồng như đang chìm giữa sương mù.

Cơn khóc dừng khi tôi chìm vào giấc ngủ mê. Khi tỉnh dậy, tôi biết môn Buthayoga lần đầu tiên đã chạm đến điều gì đó trong linh hồn tôi.

Chứng thống kinh của tôi đã dứt.

Những hồi chuông điện thoại đã tắt. Không còn mây trời, biển và rừng trong bốn bức tường xây kín. Không còn gì nữa, và tôi cũng không còn đợi.

Tôi cam tâm dừng mình lại trong hai cánh cổng: Cánh cổng thứ chín của mỗi đời người.



NGUYỄN CHÍ HOAN

Cửa sổ 4

Bên cả sổ, lắng nghe
Mưa rụng xuống những cánh dài trống vắng
Yên tĩnh mưa đêm một khoảng sân rất rộng
Yên tĩnh *nỗi đau* thực tại
Trừu tượng không thể nào hiểu được
Nỗi khổ hạnh của lặng câm không ngày không tháng
Bên cửa sổ lắng nghe những bóng mưa đêm thở dài trống vắng
Im lặng hú gào trên quầng sáng vàng biu-đinh đùng đục
Nghe tiếng thì thào của ngôi nhà mất điện: ta không còn trẻ nữa
Không thể có những hẹn hò dưới những vòm cây tường hoa đầu phố
Không thể ngậm đôi môi như cánh hoa trong niềm hân hoan
run rẩy của tự do hun hút hai đầu
Không thể quấn lấy Nàng như một cậu học sinh
như cơn gió quấn quanh tà áo

Bên cửa sổ, lắng nghe
Tiếng ì ầm, thì thầm bận rộn
Và yên tĩnh bóng mưa đêm một khoảng sân rất rộng
Nơi mơ ước cầm tay và chơi trốn-tìm trên chuyến tàu điện muộn
Nơi vắt kiệt trái cam cho ta và quả táo cho Nàng
Nơi cây vả bị rủa nguyền đã quay đầu trở lại

Lắng nghe bên cửa sổ
Những rễ mưa từng chùm trắng mờ trong bóng tối

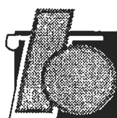
NGUYỄN CHÍ HOAN

Tối hôm sau, trong bữa ăn, chồng tôi bảo:

- Sáng hôm qua mình tập cái môn dưỡng sinh quỉ quái gì mà cứ rền rĩ y như có ai chết không bằng.

Tôi lặng yên. Làm sao tôi nói cho Hòa hiểu được, một thế giới vừa bị vùi lấp. Tôi đã tự chôn mình cùng với thế giới ấy, và giờ đây tôi đang khóc tôi.

TRẦN THÙY MAI



HOÀNG CẦM

Cái gì thúc đẩy Thơ ?

Nhớ Văn Cao và
câu chuyện làm Thơ



Cuối năm 1954, sang đầu 1955, không khí chính trị và văn hoá ở Hà Nội thật tưng bừng, nhộn nhịp. Các anh chị em văn nghệ sĩ già như Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Nguyễn Xuân Khoát, trẻ như Lê Đạt, Nguyễn Đình Thi... lần lượt về thủ đô ''lập nghiệp''- Lại còn nhiều bạn từ Cà Mau, từ miền cực Nam Trung Bộ, Khu Năm, Khu Bốn, từ núi rừng Cao Bằng, Lạng Sơn, từ đèo cao Tây Bắc, cả từ hai nước bạn chung một chiến hào là Campuchia, Lào, cũng dần dần tụ hội về Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội. Trong đời một công dân, không có gì đẹp bằng ngày chiến thắng kẻ thù xâm lược. Rồi mọi người ước ao hi vọng, đợi chờ. Sắp đến tuổi cổ lai hy như Phan Khôi, Khương Hữu Dụng, non tơ như Phùng Quán, Nguyên Ngọc, Nguyễn Khải, ai ai cũng có quyền tự ngỡ mình như vương bá – vì là người chiến thắng – xây đắp cho mình một tương lai tràn đầy nắng và hương sắc tân kì.

Như trong một lễ hội lớn có đến ba tháng liền, dọc các phố phường Hà Nội vừa ra khỏi đêm dài thuộc địa chỉ thấy cờ và hoa... và những nụ cười... đặc biệt là những nụ cười cô gái ''Hà Thành thanh lịch'' thường nở ra và hướng về những chàng trai như từ thần thoại anh

hùng bước ra, uy phong lẫm liệt mà vẫn tình tứ, mặn mà. Chả thế mà Phùng Quán với *Vượt Côn Đảo* lập tức chiếm ngay trái tim một cô giáo dậy văn cấp III trường Bưởi, Trần Dần qua *Người người lớp lớp* được ngay một thiếu nữ nhu mì, ý nhị mời đến... làm chồng... Nguyễn Đình Thi có ngay mấy em gái văn công muốn kén làm... ''anh yêu em''... và tôi (thú thực cũng phải cố lấy can đảm nói đến chuyện tôi thời ấy) tôi lập gia đình ngay với một cựu hoa khôi đất Bắc... và còn nữa... còn nữa... tôi không dám ''tọc mạch''vào chuyện riêng tư người khác... (như Đặng Đình Hưng làm bạn đời với một nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng).

Đồng thời, về nghệ thuật, nhất là về thơ, một sớm một chiều đã hình thành ngay một nhóm mà lúc bấy giờ tôi gọi là nhóm ''Ngũ cung thi hữu'' – Những ai đó nhỉ ? Ngũ cung ? – Năm nhà thơ, năm cung bậc, năm màu, năm vẻ. Mà vốn đã là bạn tâm giao từ khi còn kháng chiến gian nan – Xin kể : Trần Dần, sau tập kí sự *Người người lớp lớp* thì cứ mê mải với bản trường ca ''*Tiếng trống tương lai*'' tiếp đến trường ca ''*Việt Bắc*'', Lê Đạt, người trẻ tuổi nhất trong nhóm, vốn đã có *Lúa Cụ Hồ* và dăm ba bài thơ đáng chú ý từ 1952, trên báo Nhân Dân – Văn nghệ đến Đặng Đình Hưng, nhà lí luận sâu sắc về âm nhạc, tác giả đôi ba ca khúc về cải cách ruộng đất, lại còn sắm vai anh Điền rất đắm say, lãng mạn trong vở chèo *Chị Tấm, anh Điền*, nhưng đã bắt đầu run rẩy vì hồn thơ tân kì xâm nhập vào một tâm hồn khoẻ khoắn, mà lại thường yếu mềm vì một nỗi cô đơn xa vời vợi... Rồi Hoàng Cầm, anh con trai làng Quan họ Bắc Ninh, sau *Bên kia Sông Đuống* được thơm lây nhờ Chiến thắng đế quốc Pháp nay đang sôi nổi muốn bay cao, bay xa nữa vào vũ trụ thơ cội nguồn Kinh Bắc.

Vậy là đã có bốn cung – Còn cung thứ năm ? Văn Cao, người bạn thân thiết của cả bốn anh chàng kia. Bấy giờ Văn Cao dường như đã chấm dứt những ''rung động Nhạc'' với ca khúc *Tiến về Hà Nội* (1951) có giai điệu sang trọng đường bệ, với lời ca đằm thắm thiết tha như lời cầu khẩn, hình như anh thấy mình đã tuôn cạn kiệt dòng nhạc trữ tình. Tôi thấy hình như anh không còn thiết tha với âm nhạc nữa (chỗ mạnh nhất đời anh). Nhưng, thực chất nghệ sĩ trong anh còn bao nhiêu khát vọng, bao nhiêu trăn trở, băn khoăn ? – Còn bao nhiêu nỗi niềm cần biểu hiện ? – Vậy, anh đứng trước ba bốn ngả đường chọn lựa – Tuổi anh, đang độ chín ở ngành nào, anh cũng không được phép cho ra đời những quả teo tóp lóp lép – Vậy, có một chiều, sau một tợp rượu quê nồng cháy, anh âu yếm gọi tôi : ''Hoàng Cầm ơi ! từ nay tao phải vẽ !'' A, thế ra anh muốn đi vào cái khu vườn không kém gai góc, khổ đau : nghệ thuật tạo hình ! – Ừ, thì mày cứ đi đi, xem nó đến đâu, tôi nói. Ước vọng của chúng mình không phải là sự thành công ở mặt

này, mặt khác – khao khát của chúng ta là sự *đi tìm. Đi tìm* là niềm hi vọng, là hoài bảo. Đi tìm mới là cứu cánh. Tìm ra cái đẹp hay đi tìm một người đẹp, đấy là cao cả. Còn như tìm được rồi, thỏa mãn rồi là hết ! có khi tiêu tan cả sự nghiệp nếu mình tự thỏa mãn. Vậy Văn Cao đi tìm. Năm ba bức tranh bột màu, cả sơn dầu nữa, khiến anh nửa như bằng lòng, lại nửa như bất mãn ! Rồi anh loay hoay... Hồi ấy, chúng tôi , năm cung ấy ở một cây đàn nghệ thuật, chẳng ai tự bằng lòng với mình. Đến khi đã lấp ló cành đào Nhật Tân ở vỉa hè Hà Nội, nghĩa là xuân sắp về, cái mùa xuân 1956 ấy sao mà đầy ước mơ. Lê Đạt bảo tôi : - Ước gì, chúng mình ra được một tờ tuần báo ''Nghệ thuật Thơ''. Trần Dần bảo Lê Đạt : - Tao chỉ mong ngần ấy, có một tơ báo và một nhà xuất bản. Hay là bảo Tử Phác nó bán một căn nhà đi, xin phép ra một tờ báo (nhạc sĩ Tử Phác khi trở về Hà Nội sau Giơ-ne-vơ được thừa kế một cơ nghiệp không nhỏ ở thủ đô. Có lẽ anh cũng sẵn sàng làm như thế, chiều ý anh em, để đẩy lên thật cao những hoài bảo và rung động nghệ thuật). Đầu năm 1956 ấy, Nhà nước ta chưa đề ra những quy chế nghiêm ngặt về báo chí, tôi đồng ý ngay với Lê Đạt đi kêu gọi sáng tác ở một số bạn thân để ấn hành một tập văn thơ lấy tên là ''*Giai phẩm mùa xuân*'' do anh Trần Thiếu Bảo, quản lí nhà xuất bản (tư nhân) Minh Đức, hoạt động từ trong kháng chiến chống Pháp ở Khu Bốn bỏ tí vốn còm ra in và phát hành (cho vui ngày xuân theo ý chúng tôi). Để tập hợp bản thảo, trong tay tôi đã có sẵn bài thơ dài ''*Nhất định thắng*'' của Trần Dần, với ba bài thơ Lê Đạt, hai bài thơ Hoàng Cầm, một bài thơ của Quang Dũng, một bản nhạc Tô Vũ với một bài tiểu luận về dân ca của Tử Phác – Giờ chỉ còn việc đi mời thêm đôi ba anh em viết một bài bút kí hay truyện ngắn nữa là tôi và Lê Đạt đã có đủ số bài về nhiều mặt để cho ra đời một tập san gọi là Giai phẩm, ra vào mùa xuân thì thêm ''bổ trợ từ'' Mùa Xuân – Rồi, nếu có nhiều bài, thì chúng ta sẽ ra ''Giai phẩm mùa hè'' – ''Mùa thu'' – ''Mùa đông''. Sau khi tàm tạm đủ bài rồi, sắp giao cho Trần Thiếu Bảo để đưa in thì tôi sực nhớ đến người bạn từ 1945 : Văn Cao (từ sau Cách mạng tháng Tám, Văn Cao với tôi và Phạm Duy đã trở thành bạn thân, lúc nào, ngày nào cũng có nhau, biểu diễn sáng tác đều có nhau, thậm chí đi nghe hát ca trù (ả đào) hoặc đi uống rượu, đi cà phê sớm tối đều có nhau, khiến rất nhiều văn nghệ sĩ thời bấy giờ đã gọi ba đứa chúng tôi là : ''Bộ ba bất khả li'' (Les trois inséparables). Vậy thì Văn Cao phải có mặt trong tập giai phẩm này chứ ? (Giai phẩm, dùng chữ Trung quốc cho có vẻ, thế thôi, chứ thật ra gọi là ''tác phẩm mới'' thì đúng hơn. Cũng như tiếng Pháp gọi là Oeuvres nouvelles). Lúc hỏi đến thì Văn Cao nói :

-Tao đang vẽ, có bài thơ nào đâu ?

Lê Đạt và tôi không nghe, nhất quyết đòi ''ông bạn Quốc ca'' này phải có một bài...thơ ! Lê Đạt

nói với tôi : - ''Nó (tức Văn Cao) là thiên tài đấy nhưng rất lười. Sức tiềm ẩn của nó còn nhiều, phải khai thác ra ! Tao thì nó ''khinh '' là ''mới tập sự'' về thơ, chứ mày (tức Hoàng cầm) bằng vai phải lứa với nó từ lâu, nó nể đấy, mày có nhiệm vụ ''thúc'', có khi phải ''ép'' nó viết một bài, ngắn dài tùy, nhưng nhất thiết nó phải có mặt ở cái tập san đầu tiên này trong hoà bình.

May cho công việc của chúng tôi, một ''sứ mạng '' mà anh em tin cậy giao phó, là lúc bấy giờ, ai ai trong nhóm bạn thân ấy cũng đều muốn đem lại một làn gió mới, một hơi thở mới vào nghệ thuật, hàng đầu là Thơ. Nói như Lê Đạt : ''Phải chấm dứt hẳn cái không khí thơ kiểu Tự Lực Văn Đoàn còn lảng vảng ở nhiều cây bút. Chúng mình phải làm một cuộc ''cách mạng'' thơ, song song với cách mạng giải phóng dân tộc''. Tôi đâm ra bị mặc cảm.

-Thơ tao có vẻ cũ kĩ lắm rồi như Nguyễn Bính, như Quang Dũng thôi – Tao chẳng biết lí luận, lại lười đọc sách nghiên cứu – Đạt đến thằng Văn mà thúc. Nó ''mới'' hơn tao nhiều. Chỉ có mày thúc, vì tuổi trẻ thúc tuổi đàn anh, là được đấy !'' Lê Đạt tỏ ra khiêm tốn : - ''Khổ quá, tao đã có tên tuổi quái gì đâu ? Chỉ có mày ngang với nó mới thúc được ''.

Vì nể bạn, tôi phải chịu để Lê Đạt sai khiến, mặc dầu Lê Đạt kém tôi đến bảy tuổi. Quả nhiên, sau một tuần, ngày nào tôi cũng gặp Văn Cao, khi thì ở nhà anh, lúc đến phòng trà Phúc Châu (phố Tạ Hiền) mà đôi khi tôi cứ đùa vui ngâm nga hai câu của J. Leiba thời Tiểu thuyết Thứ Bảy *

Lòng em như nước Trường Giang ấy
Sớm tối theo chàng tới Phúc Châu

Tôi thúc giục mãi, và chưa đầy một tuần, Văn Cao đã viết xong bài thơ ''*Anh có nghe thấy không* '' tôi xếp ngay vào tập bản thảo và đưa xuống nhà in. Quả thật qua bài thơ này, Văn Cao đã vẽ đúng hình ảnh và nâng cao thành điển hình những khuôn mặt một số người (cán bộ, văn nghệ sĩ) thoái hoá, quan liêu, tham danh vọng quyền lợi, một số cán bộ thì quên dân, một số văn nghệ sĩ đã từng nổi tiếng thì quên chức phận sáng tạo nghệ thuật mà chạy theo ghế ngồi và tiền bạc.

Những con mèo ngủ yên trên ghế

Trong một cuộc dọn nhà...
(...)
Những tuổi bốn mươi đang đi vào cuộc sống
Như nấm mọc trên những thân gỗ mục

Nhưng, bước đường sáng tạo nghệ thuật vốn đầy chông gai, *Giai phẩm mùa xuân* vừa ra đời đã bị phê phán nghiêm khắc. Tử Phác, Trần Dần phải trả giá quá đắt cho những khát vọng đổi mới sáng tác và nỗi niềm riêng chân thật của mình. Còn Lê Đạt và tôi vẫn không nản chí, vẫn tin vào tiềm năng thi ca của người bạn tác giả quốc ca.Thấm thoắt, ve sầu đã kêu rên inh ỏi, than vãn một mùa hè oi bức khác hẳn cái nóng nực nơi rừng xanh núi biếc. Văn Cao có lúc cởi trần ra vẽ. Anh vẽ cả cho mấy tờ báo, những tranh minh họa của anh thường nổi bật trên tuần báo Văn Nghệ. Nhà xuất bản Minh Đức vẫn muốn ấn hành nhiều giai phẩm nữa. Lê Đạt và tôi lại bảo nhau :

- Phải đẩy Văn Cao thật mạnh vào cửa thơ, là cửa sinh của bọn mình. Lê Đạt lại đùn cho tôi làm công việc thúc giục. Vào giữa tháng tư 1956, hàng ngày tôi chỉ đến cơ quan làm việc chừng vài giờ, còn thì phóng xe đạp tới nhà Văn Cao, nhằm thúc giục anh làm thơ...vì hàng ngày, với vài chén rượu suông, hai anh em chỉ bàn về thơ, mà hễ nói đến thơ thì Văn Cao lại hồ hởi say sưa. Anh đả phá lối thơ lãng mạn than mây khóc gió, đả phá cả những bài thơ nói như trong sách chính trị, giáo điều và máy móc đã xuất hiện khá nhiều trên báo chí. Khi đã thấy anh sôi nổi lên rồi, tôi mới gợi ý : - Này, Văn ạ, cậu sống nhiều năm ở thành phố cảng, giá bây giờ cậu viết một bài trường ca về Hải Phòng, mình tin chắc cậu thành công. Đã có một trường ca Sông Lô trong âm nhạc, Văn nên hoàn thành một trường ca về Hải Phòng bằng thơ. Có bạn bên cạnh động viên sớm tối, Văn Cao bèn tạm dừng bút vẽ, lại thân mật nói với tôi : - Ừ, tao nghe mày. Phải đấy, tao mà không viết về Hải Phòng thì còn ai viết nữa, có lẽ đêm nay tao khởi !

Rồi anh ''khởi'' thật ! Khởi hành vào kỉ niệm thời ấu thơ ở Cảng. *Sinh ra tôi đã có Hải Phòng* !

Từ một câu đơn giản ấy thôi, bản nhạc trong hồn anh đã rung lên một cung nhớ thương sâu xa mà Hải Phòng hiện lên sừng sững. Tuổi thơ anh chạy nhảy, nô giỡn trên mặt sóng biển Đông và mắt anh mở to, ngây thơ nhìn tít mãi chân trời. Tuổi thơ đầy khát vọng ấy cứ sáng bừng lên trong từng chữ của anh :

Đêm đêm tôi vẫn ngủ trên cầu...

Vậy là, sáng nào, quá 9 giờ tôi lại đến với Văn.

- Thêm đoạn nào chưa ?

- Đoạn này.

Văn chìa cho tôi trang giấy, tôi đọc kỹ từng câu, rồi lại cùng anh bàn luận, bình phẩm (cũng thời gian ấy, cùng lúc với Văn Cao, tôi viết trường ca : *Tiếng hát Quan họ*). Cứ được đoạn nào, hai đứa cùng đem thơ của nhau ra soi rọi lại từng chữ, từng câu, từng ý tứ, từng điệu của ngôn từ. Được một tuần thì Văn Cao đã viết xong Chương Một. Tôi mừng chảy nước mắt. Hóa ra cái công khơi góp và thúc giục bạn không uổng. Một tiềm năng khá lớn đã bước đầu khai phá. Trữ lượng hẳn còn nhiều trong cái ''vỉa'' thơ xúc tích kia.

Thì bỗng một sớm (có đến bốn năm ngày tôi bận công việc bề bộn ở Nhà xuất bản Văn Nghệ, không đến thăm nom bạn được) tôi vào đến cửa thì thấy Văn Cao cởi trần, may-ô quần đùi, đăm chiêu trước giá vẽ.Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng vẫn điềm tĩnh, vui vẻ hỏi Văn :

- Khởi sang chương Hai chưa, mày ?

Văn Cao quay lại bàn, rót một ly rượu trắng, nói se sẽ, hơi có vẻ lúng túng :

- Mày uống thì rót nhé - Tao lại vẽ thôi ! - Ba hôm nay, rặn mãi cũng không ra được một chữ.

- Chịu tắc tị à ?

- Có lẽ tắc thật - Bí quá. Xong được cái mạch đầu, sang đến chương sau, ''đếch'' khơi ra cái gì được. Nóng quá, thôi nghỉ cái đã, bao giờ cánh thơ nó đậu xuống bàn thì sẽ viết tiếp.

Biết lúc ấy, có giục cũng vô ích, động viên gì cũng khó, tôi gượng cười : ''Ừ thì cứ chờ. Nhưng mày đừng bỏ dở chừng nhé. Chef d'oeuvre ** đấy ! Tao trông thấy rõ rồi đấy'' và nói đùa tiếp :

- Cứ rót cuốc lủi ra mà ''cúng'' ''Nàng''*** đi ! Khấn nguyện thật thành khẩn là ''Nàng'' lại hiện ra với mày, mà thể nào cũng đẹp hơn, lộng lẫy hơn chương mở đầu. Thôi, tao về cơ quan.

Bẵng đi năm hôm tôi không đến thăm anh. Một sớm chủ nhật cuối tháng tư, trời dìu dịu vì đêm trước có trận mưa rào khá lâu, tôi bỗng có khách - Trời ! Một thiếu phụ chừng ba mươi tuổi, chững chạc, trông đoan trang mà còn kiều diễm khác thường. Tôi chưa hết bỡ ngỡ thì vợ tôi, Lê Hoàng Yến đã đon đả nắm lấy cánh tay người thiếu phụ chỉ kém mình chừng vài ba tuổi, và giới thiệu với chồng :

-Em D.L. đấy. Em họ đằng mẹ. Giời ơi ! mấy năm rồi, chị tưởng em vào Sài Gòn rồi ? Vì một lẽ riêng, tôi xin tạm dấu tên người ấy. Một ngày hàn huyên - ông anh rể là tôi nhận thấy ở cô em vợ một nét gì rất nghệ sĩ. Hai con mắt sâu, hay nhìn vào khoảng không.

Cô nói với chị, biết tên Hoàng Cầm từ hồi còn là học sinh lớp 10 một trường phổ thông Hải Phòng thời tạm chiếm, biết cả việc tôi thành hôn với chị cô, đặc biệt cô rất thích âm nhạc. Cô thuộc rất nhiều ca khúc Văn Cao, từ Thiên Thai đến Suối Mơ, đến cả những ca khúc cách mạng - Bây giờ làm cô giáo dậy toán lí cấp 2 thôi, nhưng vào những giờ ngoại khoá, cô còn dạy học sinh những bài hát mà cô ''mê'' nhất ; Trương Chi, Thiên Thai, Suối Mơ. Quân Pháp còn đóng ở Hải Phòng đến tháng năm 1955, có nhiều bạn thân của cô rủ vào Nam, cô không đi, chỉ vì một lí do : mong được gặp mặt Văn Cao một lần. Có lẽ (viết đến đây, nếu chị Băng **** có đọc bài này, xin đừng ghen) tác giả Thiên Thai là người yêu trong mộng của cô chăng ? Tôi tin như thế, vì sau bữa cơm chiều ở gia đình, cô khẩn khoản yêu cầu tôi đưa cô đến thăm Văn Cao - Cô nói : Em đã li dị chồng rồi, nghĩa là em rất tự do về tình cảm. Anh chiều em một việc ấy thôi. Em lên Hà Nội, chỉ có hai mục đích : Được gặp anh chị và được gặp Văn Cao. Đi ! Anh !...

Tôi biết nết người vợ quý của bạn. Chị Băng bảo vệ chồng, săn sóc chồng hết sức chặt chẽ, nhưng cũng ghen hết sức kịch liệt, nếu có người đàn bà nào dám cả gan tỏ cảm tình với chồng chị thì...hãy coi chừng !...(Cũng vì lẽ đó, nên câu chuyện này suốt gần 40 năm nay, tôi không một lần hé răng kể với một ai, kể cả vợ tôi - Mà sự thực, câu chuyện cũng bình thường : một người mê âm nhạc, mến mộ tài năng một nhạc sĩ, có gì đáng chê trách hoặc bàn tán ? còn bên trong...thế nào...chắc chắn chỉ có hai người biết !).

Vậy thì tôi không có can đảm dẫn cô em vợ đến nhà Văn Cao. Cô ấy nài nỉ mãi, tôi đành phải nhận lời, nhưng...

- Thôi được, cô còn ở Hà Nội vài ngày cơ mà. Sáng mai, 9 giờ tôi sẽ mời được Văn Cao đến đây để cho cô được tự do chiêm ngưỡng và bày tỏ lòng mến mộ sâu xa của mình. Được không ?

Cô em vẫn khăng khăng :

- Thế tại sao anh lại không đưa em đến nhà anh ấy ngay bây giờ ?

Tôi vặn lại - Thế tại sao cô nôn nóng thế ? Mai sớm, đã vội gì ?

Đêm ấy, cô em vợ tôi đành nằm ngủ với bà chị, mà chắc là không ngủ ngay được, vì hẳn là suốt đêm hồi hộp mong cho trời chóng sáng.

Sáng hôm sau, giữ lời hứa, tôi đến Văn Cao từ sớm :

- Có cô em họ vợ mình muốn gặp cậu, đòi mình đưa xuống đây, nhưng thấy không tiện. Vợ cậu biết thì mình có mà độn thổ. Thôi, lên ngay nhà tao. Cô ấy đang chờ...Một người mê ca khúc

của mày thôi mà...

Văn Cao cũng dè dặt, và cũng hơi làm cao :

- Thiếu gì người thích văn nghệ ? Cô này thế nào ? Có cần để mình nói chuyện không ? Sợ nhạt nhẽo, mất thì giờ !

Tôi cũng nói bừa đi :

- Không, cô này có học, có năng khiếu thẩm mỹ...Gọi là thính giả ái mộ, biết đâu chả có điều bổ ích cho mình ? Mà mày đang bí về cái Trường ca Hải Phòng, cô này ở Hải Phòng từ bé, biết đâu chẳng khơi được ra cái gì đấy trong người mày ?...

Vui vẻ theo tôi, Văn Cao gặp người thiếu phụ ấy. Đến bây giờ, tôi cũng vẫn chưa hiểu vì sao, cô em chỉ định ở Hà Nội có 2 ngày mà rồi kéo thêm 2 ngày nữa...Và gặp Văn Cao lần đầu ở nhà tôi, rồi còn gặp thêm mấy lần nữa, ở đâu ? Tôi làm sao biết được ? Chỉ biết : hôm cô em trở về Hải Phòng, tôi thấy cô rất bịn rịn, cứ luôn mồm nói với chị :

- Em sẽ lên luôn chị nhé. Sắp nghỉ hè rồi. Em về rồi sang tháng coi thi mấy hôm xong là có thể em lại lên, chỉ sợ chị không đủ gạo nuôi em thôi.

Vợ tôi cười rất vui.

- Em cứ ở với chị suốt đời cũng chả lo thiếu...Chỉ sợ rồi em xa chị, hoặc giả rồi em đi bước nữa, chị em mà hàng mấy năm không thấy mặt nhau đấy !

Quả nhiên, mười ngày sau, cô em tôi lại lên Hà Nội và lần này, cô tự do đi chơi đâu, tôi cũng không bị cô em làm phiền đến mình nữa. Rồi khi trở lại Hải Phòng, cô ấy gửi thư cho tôi, kèm theo một phong thư nhỏ, dán kín, nhờ ông anh rể chuyển giúp cô đến tận tay người nhạc sĩ mà cô ngưỡng mộ, đã thành thần tượng của cô. Có lẽ cô tự biết là không nên gửi thư đến thẳng 108 Yết Kiêu, nên tôi nhớ có đến 4 lần thư phong kín, cô em nhờ tôi chuyển đến tay Văn Cao. Vì tôn trọng pháp luật, tôn trọng bạn và cả cô em, tôi không hề một lần tò mò. Có khi chỉ cách 2 ngày lại có thư...Vậy thì bản Trường ca về Hải Phòng, Văn Cao bị bế tắc đến mươi ngày, sao bỗng giữa tháng 5 năm 1956 ấy, có một chiều, tôi vừa ở cơ quan về, đã thấy Văn Cao đạp xe lên nhà tôi với tập bản thảo đến gần ba chục trang, chép sạch sẽ, không một chữ tẩy xoá, trang cuối kí tên Văn Cao rất to, chữ kí rất đường bệ. Văn vừa dựng xe đạp vào tường đã vội khoe ngay :

- Xong rồi - Tao tự thấy là được. Mày xem đi, ngay đêm nay, sáng mai xuống tao, bàn luận thêm. Còn mày. *Quan họ* bao giờ xong ? Không chừng, mày lại chậm hơn tao đấy.

Đêm ấy, tôi đọc hết bài thơ dài : *Những người trên cửa biển.*

Có những câu đầy khí thế, rất Văn Cao ứ mọng những tư tưởng mới, những cách nhìn mới về xã hội, về con người, về thành phố Cảng. Mà từ hôm tôi dẫn anh lên gặp cô em họ của vợ mình đến hôm nay, Văn Cao "trình diện" toàn văn bản sử thi hào hùng, nhiều kịch tính với một điệu ngôn từ mới mẻ, tôi bấm đốt ngón tay, mới có 14 ngày !

Vậy cái gì đã thúc đẩy Thơ từ đáy sâu tâm hồn người nhạc sĩ của khát vọng, của tình yêu, của mơ mộng ấy ? - Đâu phải là riêng tôi ! Chẳng qua tôi chỉ là bạn gợi ý và thúc giục bước đầu. Vậy cái gì đã khai thông rồi làm nên trọn vẹn một tác phẩm thơ ít nhiều có giá trị như thế ?

Tôi không muốn và cũng không thể trả lời. Và từ đó đến bây giờ, dẫu nhiều lúc cùng nhau chén chú chén anh, cũng không bao giờ tôi hỏi về chuyện quan hệ của Văn Cao với cô em của vợ tôi. Mà cũng từ khi quân đội Pháp rút khỏi Hải Phòng, vợ chồng tôi cũng không gặp cô em họ ấy nữa. Cũng chẳng có tin tức gì. Cô ở đâu, còn sống hay đã chết ? Chỉ có một điều : độc giả không biết, khi đọc bản Trường ca sử thi về Hải Phòng của Văn Cao, chẳng ai nhìn thấy cái gì phảng phất trong đó, ở ngoài lời ? Chỉ có Văn Cao tự biết và tôi, tôi biết chắc chắn hơi thở nào nồng ấm, mãnh liệt còn bồi hồi mãi trong những dòng thơ kia. Mà bây giờ tôi mới dám nói ra...Mà đã nói được gì nhiều đâu về chuyện ấy ? Văn Cao ơi, khi anh thở hơi cuối cùng, đi vào cõi ảo mê vĩnh hằng kia, hẳn anh đã mang theo cả hồn người thiếu phụ kiều diễm, đoan trang và đắm say nghệ thuật cách đây 40 năm ấy chứ ?

HOÀNG CẦM
ngày 16 - 7 - 1995

* Tôi không nhớ rõ câu thơ này là của J. Leiba hoặc Thái Can hay Đường Thi, mong độc giả đính chính giùm.
** Tác phẩm chủ chốt.
*** Nàng thơ
**** Chị Băng, vợ Văn Cao.



LÊ THỊ THẤM VÂN

Lòng chị

như từng mảng thịt trên người chị bị róc
từng mảng từng mảng một

xe cộ rền vang ngoài kia
như tiếng gào
của những kẻ chôn sống

úp mặt lưng trần
mùi lạ rồi thân rồi chia lìa
ngậm trong miệng quả cấm
biết tự cắn lưỡi mình

9:30 AM điện thoại reng
1:30 PM mí mắt trái chị giật liên hồi
quờ quạng níu lấy
đấng vô hình
rơi
   chìm   sâu
tinh cầu tro

sao ngân hà, cát sông hằng tựa vừng rang, nổ đều đều tí tách

tiếng mẹ gọi chị?
hay em gọi chị?

em,
hai mắt chưa lần lóe sáng
mà môi luôn gắng (gượng) cười
"lạc quan nhưng không nông cạn
cứng rắn nhưng không tàn nhẫn
tỉnh táo nhưng không lạnh lùng"
thay tiếng à ơi ru ...
ngày có cơn gió nồm chướng (lạ) thổi (luồn) theo cửa hông nhà
đêm ngồi thay phiên đếm những hạt mưa xuyên trăng
thút thít

giờ em, máu đổ dồn lên hai mắt
chưa lần lóe sáng
chị, từng mảng thịt róc
khuôn mặt (mẹ) rách nát như cửa mình sau cơn sanh đẻ
giờ đang đầu thai xứ sở nào?

sao ngân hà
cát sông hằng
ngàn lá sồi đồng rủ liệt trong gió
"chị, giữ chặt tay em"

LÊ THỊ THẤM VÂN



NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Trại cơ cấu



Thử Thách

Khi mọi người đến nơi, rừng êm ả lạ thường. Cây xanh, con đường đỏ mòn hút mắt, khoảng trời trống trên đầu, lớp nắng tà óng vàng lãng đãng.

Bác tài xế tắc xi tóc bạc, nhìn quanh trống trãi ái ngại đôi chút gì chăng, hỏi trống không:

"Ô kê chứ?"

Đám nam nữ già trẻ hào hứng "ô kê, ô kê" rồi tung tăng ba lô lên vai, giày chạy bộ nện lá rừng kêu lốp rốp. Gió loạt xoạt, vi vu. Con gì, như rắn hay tắc kè, màu xanh bạc, phóng vút qua trước mặt phía con đường mòn uốn lượn. Hào hứng hít thở: mùi men đá, men đất. Chút khô đắng, chút chát nồng, thơm cay lẫn lộn. Gây gây.

Cả lũ gộp lại trước sau đếm được gần ba mươi. Đây, Nhóm Đặc Tuyển, theo giọng điệu kênh kiệu kiểu cách năm nay của tên trưởng đoàn, cũng được hứa sẽ là tên quản trò chính của trại. Tập huấn trước để các bạn đặc biệt sẽ hướng dẫn trăm, có thể ngàn trại sinh Cơ Cầu sau này quen nhau trên mạng lưới. Rối rít hệ thống email thông báo trao đổi qua lại, xóa dập chương trình, hẹn hò, bổ sung thêm bớt, chọn bài đoàn ca, nhiều sáng tác mới được đề nghị, loại bỏ bài cũ, chọn lọc trò chơi lớn..., thì giờ ba tháng trời cặm cụi, nhiệt tình, triệt để, háo hức qua nhanh như gió.

Đống lửa đầu tiên được nhóm bùng lên khi trời chạng vạng

rồi sập tối rất nhanh. Củi khô tưng bừng lốp bốp, những khúc cây tươi cháy lèo xèo thơm xủi bọt. Lửa liếm qua các khúc to hơn của ai đó, chu đáo thật, đã cưa đặt sẵn. Trăng vàng khè chiếu xuống, màu lửa đỏ dọi ngược lên.

Nào về đây ta sum vầy cùng nhau, tiếng vỗ tay chan chát, những tay đàn, tay ác mô ni ca đã bắt đầu rút sáo đàn ra vi vu hòa theo tiếng hát. Lá cũng xôn xao. Tự động làm quen với người tình cờ ngồi cạnh, lào xào, có hai chục nam, chín nữ.

Thình lình gió bốc lên, nghe rần rần tiếng chân âm binh đang đùng đùng khinh công rượt đuổi trên những đọt cây cao, đọt sau dồn đọt trước. Lá phành phạch, đống lửa to bùng soi mặt người lơ láo. Miệng hát, tay vỗ, tiếng đàn tiếng kèn rối rít đuổi theo, lấp liếm vội vã.

Thiên nhiên thỏa hiệp, rừng rùng mình, mọi người bất chợt xích sát lại gần nhau.

Buổi sáng tiếng chim hót tinh mơ thức cả đám lao xao dậy. Mọi người ngạc nhiên, vui tươi, ngơ ngác nhìn nhau. Chuyện gì đã xãy ra?

Đêm qua, cả đám đã nhịn đói, (là sáng kiến của ai?) đã vỗ tay chan chát, đã đập vào thùng đàn không ngớt bùng bục, mấy chiếc ác mô ni ca lúc lên cao réo rắt, lúc hạ xuống rì rào, ghi ta rầm rập, *nào về đây ta hợp đoàn cùng nhau*...Có cái bóng thỉnh thoảng lung linh đứng lên nhặt củi châm vào đống lửa. Đêm rừng lập lòe những mắt đỏ từ xa chập chờn. Những tiếng *tác* vu vơ âm vang, vài ba người nhẹ giật mình dáo dác. Tiếng tắc lưỡi, tiếng rù rì sột soạt, rồi rộ lên, có lẽ nhạc côn trùng. Hơi lạnh tỏa mênh mang.

Khuya, khi tiếng hát đứt quảng, rời rạc, nhỏ dần rồi lịm tắt, mọi người tựa vào nhau ngủ gà gật. Than hồng thỉnh thoảng nổ bốp, tro tàn ngún rộng, lửa xanh leo lét, cuối cùng cũng tắt ngúm. Người cuối cùng trong đám ngẫng mặt nhìn sao long lanh, hồi lâu, thu dọn, kéo mền đắp lại cho vài người say ngủ, mĩm cười vu vơ, rồi tự gục đầu vào hai gối mình nhắm mắt.

Cả lũ ăn sáng trong im lặng. Giò chả, xôi, bánh dầy, bánh in, thịt bông, thịt nguội, bánh kẹo ngọt..dọn lung tung trên mặt đất lót mấy tờ chương trình màu vàng. Nước ngọt, nước suối moi ra từ các ba lô.

Đưa mắt nhìn nhau, vẫn hai mươi chín người cũ hôm qua.

Một tiếng đùa cất lên:

"Chưa có đứa nào bị cọp nhai."

Không thấy ai cười.

Giọng vừa nói cũng khản đặc. Tại hôm qua hào hứng thức khuya và hăng say hát nhiều quá? Và tại giọng ai cũng khản đặc nên bây giờ không còn ai hát? Trầm ngâm, bữa ăn ngon lành tuy có vẻ vội vã, chỉ có tiếng nhai nhóc nhách, tiếng ngữa cổ tu nước ọc ọc u u. Đống lửa đỏ đã hoàn toàn tắt ngúm, và sương lam mù mịt, trăm ngàn tiếng chim gì lớn nhỏ đã tươi tắn gọi đáp nhau ríu rít râm ran.

Có giọng khẽ khàng gọi vào rừng kiếm thêm củi chuẩn bị cho đống lửa đêm nay.

Nhiều tiếng lộn xộn bật lên phản đối:

"Bộ tính ở lại tới đêm nay nữa?"

Những giọng tiếp theo choàng tỉnh ồn ào:

"Chờ tới tối, tới trưa, tới xế, tới sáng..." lao nhao xà ngầu, không ai nghe được ai.

Vui tươi, bất mãn, thất vọng, than phiền, tức tối, cáu tiết, bất cần, đùa cợt, thở ra thở vào phát biểu hội thảo bất thình lình, mất trật tự:

"Chờ tới trưa, hắn không tới, tôi về!"

Tiếng can gián:

"Đã mất công, thôi chờ thêm, tới xế!"

Tiếng nóng nảy:

"Hắn tới, ta chửi liền!"

ạo phổi hơn:

"Chửi gì, đánh cho hắn một trận."

Trái banh bơm phồng được một lát giữa những nụ cười bí mật, những cái cau có tức tối phường tuồng.

Giọng chuyển tông:

"Có thấy xung quanh đây có lều trại hay nhà tắm, phòng vệ sinh gì không?"

Bốn phía cây rừng. Mọi người ôm đầu nhăn trán, có người đăm chiêu: trước khi vào đây, chỉ thấy có tấm bảng đỏ bạc màu đầu đường kẽ hai chữ vàng ố: *"Rừng Sh."*

"Từ đây đi bộ ra đón xe hết bao nhiêu tiếng?"

Mọi người nhìn xuống chân, từ tối hôm qua đến nay, cả bọn chưa ai cổi giày ra khỏi chân.

Đột ngột một người đứng phắt lên:

"Tại sao hắn không tới kìa?"

"Đã thử dùng điện thoại cầm tay gọi chưa?"

"Đã, có lẽ vào sâu, điện thoại không bắt tới."

Gió ào một trận thình lình, đám tro tàn tung bay tá lả. Vài

người dụi mắt, vài người nhảy thụt lùi. Vài người thật sự tái mặt.

Một giọng to mạnh cất lên quả quyết:

"Chuẩn bị lên đường!"

Lên đường? Vài người quay lại xốc tìm ba lô, tíu nghĩu lẫn hăng hái, mọi người thu dọn túi ngủ, vài người buộc lại giày, quơ nón mũ, buộc khăn, vuốt mặt..Lỉnh kỉnh nhất là đám người đã được phân vai đầu bếp ẩm thực, bên ngoài ba lô quần áo, đồ dùng, một chùm soong nồi chảo sắt móc vào nhau kêu loảng xoảng.

Một nhoáng, mọi người tản ra nấp vào các bụi cây, bên nam bên nữ đối đáp quan họ, xả xú báp.

"Dây leo chằng chịt, đất khô, không chắc gần đây có suối!"

Một giọng hỏi lớn hơn:

"Anh em nhớ đường ra tới đường lớn không?"

Im lặng lắng nghe, tiếng xe cộ hút xa ồn ào vẫn ầm ầm thiên binh vạn mã hằng ngày trên xa lộ những con đường đi làm, giờ mất tăm ở đâu không thấy. Im ắng. Hoàn toàn im ắng.

Một tiếng kinh ngạc phát giác:

"Trên tấm chương trình trại có in bản đồ!"

Những tiếng "ồ" thích thú cố dằn xuống nhưng không được, vẫn đồng loạt thoát ra.

Những tờ giấy lấm láp dầu mỡ, thức ăn, nước uống, vụn bánh...vội vã được nhặt nhạnh lên, soi ngang nhìn dọc. Mật mã chính ai đó đã khui được ra. Người phát hiện không dấu được vẻ bừng bừng ngây ngất, cảm giác của một thứ men cay kín đáo uống lén một mình. Những người khác hít thở. Mọi nét mặt cùng tươi lên.

Lác đác, lời thóa mạ tên trưởng đoàn vắng mặt vẫn còn. Không khí chập chờn, khó đoán như những chiều mồng một tết bất thần nghe pháo muộn. Là tiễn ông bà sớm hay đón ông bà muộn?

Bắt đầu đi theo hướng đông, *nào anh em ta cùng nhau xông pha,* theo hướng mặt trời mọc, đám *nàng* được nhường đường đi trước, đám đàn ông con trai bọc hậu. Có tiếng phản đối, già trẻ gái trai gì, cứ đi lộn xộn cho vui. Những bước chân lạo xạo, lạng quạng, mạnh mẽ. Quầng trăng nhợt nhạt xanh ẻo mát mẻ đã dần biến mất, ánh dương đang chói chang. Rừng hai bên lao xao. Nắng đổ giọt mồ hôi, rồi gió mát ập đến, quạt khô. Rừng lại trong suốt. Mệt nhoài vì đi và hát, nhưng những tay ghi ta và ác mô ni ca vẫn hăng hái phì phò đập nhịp đứt quãng, đệm theo nhịp chân tiếng hát. Cả bọn xôn xao, ngập ngừng, rôm rả, kích thích, lo âu.

Tiến lên về phía trước, một giọng nam xướng lên, vừa thở phì phèo vừa cất tiếng rè rè: này bà con đằng ấy ơi, tục nệ nhà quê con gái

càng đẹp bao nhiêu nại càng phải đặt tên xấu xí bấy nhiêu để tránh các ông mãnh bà cô bắt mất, vì vậy một bé gái phải tên Nồn, bé kia tên Thớt, chuyến tàu di cư vào Nam, hai mẹ gặp lại nhau thì vừa hay, một trong hai đứa con đã bị ông thần đậu bắt chết, bà mẹ xui xẻo nhìn đứa con gái còn sống và nhớn lên như bông hoa rừng của bạn mình, tủi thân nhớ con, xùi xụt khóc: phải chi nó còn sống, cái Nồn của tôi giờ còn to hơn và đẹp hơn cái Thớt của chị mấy nần...

Tiếng cười nổ lên như pháo, râm ran:

"Cái người kể chuyện, anh tên gì?"

Có tiếng đáp:

"Ừ, thì anh ấy tên nà Nồn."

Có ý kiến nên cho nghỉ một lát xả xú báp, có ý kiến khác phải đi nhanh trước khi trời tối. Có tiếng an ủi:

"Các chàng nàng ráng đi, tìm tới khách sạn, có khối người xung phong bóp chân cho nhau!"

Ra tới đầu đường thì tối mịt. Đêm rừng rét căm như đêm mùa đông.

Cả bọn ngạc nhiên ngẩng lên trời, thình lình phát hiện trên cao tít, lấp lánh vài ba chấm sáng li ti. Có đứa nghi ngờ hạnh phúc còn cãi cối:

"Coi cho kỹ, có lẽ là đèn máy bay!"

Ì xèo một lát thì sao từ từ mọc, lác đác, rồi càng lúc càng tỏ ngời rậm rạp. Cả lũ đứng chôn chân trên mặt lộ đá, đêm sương thấm buốt mùi cỏ, những ngôi sao trắng lấp lánh gắn chặt trên nền trời dạ đen. Bất ngờ một tia sáng như sao chổi sáng quắc quét ngang qua bầu trời.

Mấy chai rượu được cấp về khách sạn.

"Không say không ăn tiền."

Ngà ngà say, có người càng say càng sáng suốt, có người say điểm mặt lẫn nhau:

"Thằng nào là thằng trưởng đoàn chơi khăm gởi giấy triệu tập tụi tao?"

Một mặt đỏ gấc đứng dậy dơ cao ly rượu:

"Muôn năm tạ ơn ngài trưởng đoàn giả bộ vắng mặt."

Nhiều tiếng ồ lên, đồng tình, phản đối.

Năm sáu tia mắt đỏ lừ lảo đảo quét quanh:

"Say quá là say!"

Một giọng lãnh lót :

"Quá đã, quá đã!"

Bọn con gái la đà mắng át, bồi hồi lườm nguýt, thôi đi, thôi đi.

2. Lời Ra

Bất ngờ, những lời thóa mạ đồng loạt tuôn ra từ mọi phía:
"Tao là thằng khốn nạn!"
"Tao là quân bất hiếu!"
"...là đứa theo trai!"
"...thằng sở khanh phải gió!"

Tới tấp, những viên đá thù tự ném vào mình bay ra theo nước miếng, đám đông càng lúc càng rồ dại, cuồng nhiệt.

Có tiếng rống lên thống thiết:
"Trời ơi, làm sao cái đứa như thế mà tôi lại tin hết lòng!"
"Ngu, tại tôi đưa đầu nên nó mới gõ được!"
"Tình đời đen bạc!"
"Hận tình!"

Dần dà, đi xa hơn, lạc đề phong phú hơn, mọi người say máu, hung dữ hơn, thay vì tự đấm ngực đấm lưng, họ chỉ chỏ vào tận mặt nhau:
"Con đĩ ngựa quí phái bỏ chồng theo trai!"
"Tên bán vợ đợ con!"
"Lãnh tụ đi đêm!"
"Con da trắng lại đực kỳ thị!"
"Thằng hèn bắt cá hai tay, đeo mặt nạ văn học nghệ thuật!"
"Mã cha đời!"
"Cái lồn ba vạ!"
"Đồ môi thâm mắt bạc dốt đặc cán cuốc, đội trên đạp dưới!"
"Chính trị ao tù nước đọng!"
"Chính khí ca làng xã!"
"Xa quê hương nhớ mẹ hiền!"
...

Càng lúc càng dữ dội.

Chén đĩa, chai cốc, giày dép, nón mũ...lần lượt bay tung. Choang một tiếng, có tiếng bóng đèn vỡ.

Bóng tối, cả bọn bỗng đồng bộ im bặt. Hơi men cũng vừa tan.

3. Tái Ngộ

Gió ở đâu man mát lùa vào, xua hơi rượu thơm xa. Nối vòng tay lớn, tỉnh táo, thoải mái, xúc động, nhẹ tênh. Vang ca *dây thân ái* la la, *tay sắp xa, la la, không xa...*

Vẫn bùi ngùi khi nói, *hẹn gặp lại,* nhưng mà sẽ gặp ở đâu? Chút bồn chồn xa vắng, chút hy vọng hồi hộp bâng quơ, đợi chờ một



HOÀNG XUÂN SƠN

Chân dung người bỏ hút

Bước qua lằn vạch ranh này
là thôi trăn trở
vạn ngày chinh yên
từ
sương đau buốt
một miền
vàng trăng cũng thẩm
xuống triền, vực
sâu
ngó ai thương thế buồn rầu
mùa hen
cỏ nát hoa nhầu
tuổi xuân
lạy hồn
van chút thanh tân
thôi đành giã biệt
sinh phần
hanh
hao .

HOÀNG XUÂN SƠN

điều có thể xãy ra, là điều gì, cho mùa sắp tới, mùa nào, năm tháng nào, xuân hạ thu đông? Sẽ là Trại Cơ Cầu nữa, hay sẽ chẳng là gì hết, sẽ, một bữa linh đình la hét múa hát dưới lửa trời thình lình dọi sáng, sẽ, là du ngoạn cắm trại bên ngóc ngách suối trong reo róc rách, sẽ, buổi đi câu nơi giòng sông không cá, sẽ, một lần mạo hiểm vô bổ chui qua đáy hang ngầm dưới luồng nước sâu ào ào chảy, sẽ, ...?

Đừng láu cá, điều nguyên vẹn đang chờ phía trước!

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC
2/2000



LƯU HY LẠC

Nghe ngóng

mãi tiếng động cỡn năm hai ngàn
phát ra nghe lại rõ lấn cấn (rất trừu tượng)
những bông máu nở
những cà vạt lửa thắt
những địa chỉ hâm trong tóc chắc lưỡi

bao lâu nữa tôi chỉ có đi
lên đi những bông máu chảy
những cà vạt lửa bay
những hậm hực mặt gạch dưới đầu gối

vả chăng ẩn dụ tôi ở chiếc giày há mõm
(chẳng làm điều gì phải nhảy nhổm)

bóng tối em cơn tình thức bó tay
lạ chỗ về sau ẩn dụ cấn chai gót đi
lại từ đầu tiếng động cỡn năm hai ngàn cùng
rượu đỏ và nổi đám tống gió
cũng ầm ỉ chẳng khác nào vỡ chợ
dù bước thấp bước cao
tôi... một lúc
phía hai gấu quần cơ mang
nào những bông máu
những cà vạt lửa
những ậm ừ của chân cọc với mồm mép năn hai ngàn
thấy chật chội

LƯU HY LẠC



MAI NINH

Biển Đầm



Cánh cổng sắt sáng nay kêu rít và nặng nề hơn dưới làn mưa bụi ẩm. Tôi chưa kịp bước ra lề đường có tiếng gọi giật sau lưng : - Mai anh về ? Ngập ngừng vài giây tôi mới quay lại. Hà còn áo ngủ trắng đứng dưới vòm cửa cong, những chậu cây thả lá xanh và tím trên mái tóc cô gội ướt. Ánh đèn vàng dịu ấm cúng sáng từ hành lang sau lưng. Câu hỏi của Hà vẫn là câu thường lệ nhưng dường như lần này cô thực sự đợi tôi trả lời. Đôi mắt tròn càng to, xoáy hỏi. Không, tôi nhiều tưởng tượng quá thôi. Hà vẫn như mọi ngày, người đàn bà của mọi ngày, đâu gì khác. Tôi đáp : - Ừ, ngày mai. Vừa vội vàng xoay người khép cánh cổng, trong đầu tôi chập chờn: - Có thể. Khi cho chiếc chìa khoá mở cửa xe đậu bên lề, tôi lại nghe mình tự hỏi : - Ngày mai...hay bao giờ? Những tụm lá ngô đồng vàng úa đang cuộn vẫn trên con đường còn vắng. Tôi nhấn mạnh ga, chiếc xe phóng đi, lao theo đám lá bốc bay tan tác và cánh áo nàng vẫy gọi. Bóng lụa tím chợt ẩn chợt hiện giữa hàng cây trơ cành trong bầu trời chưa kịp sáng.

Không khí hầm rượu không nóng lắm nhưng ẩm. Những lúc tiếng nhạc chợt im bặt, ngồi sát tường tôi chừng nghe ra nước vỗ phía ngoài, đập vào nền đá hoa dựng trên những trụ gỗ thông đóng cọc

dưới nước cả mấy trăm năm. Quầy rượu nằm sâu trong góc, dưới một vòng cung tuôn nhung thẫm từ trần, gắn đầy mặt nạ đủ hình thù, có cái trắng tinh, tròn xoe với cặp mắt ngây thơ nhỏ những giọt lệ, có cái ủng đen trợn trừng quỷ quyệt dưới một mớ khăn bóng xanh rờn chen màu đỏ máu. Mặt nạ thầy thuốc khoằm mỏ, đeo kính tròn ngoài hai hốc mắt treo gần một khuôn mặt công nương tuyệt vời với mái tóc tủa cao những lông chim ngũ sắc đầy kim tuyến óng ánh. Hôm tôi mới đến, thằng bạn đã dặn, Ít nhất mày phải tới quán rượu ấy một lần trước khi rời Venise. Hắn chỉ nheo mắt không nói rõ điều gì. Đã chín giờ tối, quán vẫn vắng. Ba gã thanh niên Ý đang chơi bài nhưng không ồn ào lắm. Ở quầy, hai người đàn ông Đức to con tán tỉnh cô gái rót rượu, giọng tiếng Anh rồ rồ cứng đục. Cô gái ra ngồi trước quầy, vắt vẻo trên chiếc ghế đẩu cao, son phấn rực màu, quần soọc ngắn tận bờ mông tròn trĩnh, thỉnh thoảng hấc tiếng cười hăng hắc.

Đã cạn hai ly scotch, hút dăm điếu thuốc, vẫn thấy ngoài cái quầy quyến rũ vẻ ma quái kia chẳng có gì lạ, tôi thất vọng định đứng dậy đi ra. Bỗng tiếng người ồn ào và cánh cửa mở tung. Một toán người y phục hoá trang cười đùa xô đẩy bước vào. Không khí đột nhiên bùng lên với mùi rượu nồng, tiếng nhạc và giọng hô lê rộn rã, cùng tiếng vải vóc chạm nhau sột soạt. Đa số đều đeo mặt nạ, tôi chợt nhớ ra gần đến ngày hội giả trang nổi tiếng nhất của thành phố lênh đênh sông nước này. Ba gã thanh niên đã dẹp bàn bài, bấy giờ tôi mới để ý đến tên trẻ nhất, độ hơn hai mươi với khuôn mặt nhọn và cặp mắt đen dữ dằn dưới vòng chân mày bừa bãi. Hắn cầm ly rượu lắc người theo điệu nhạc, bất ngờ đứng lại, nhìn sững ra cửa vào, đẩy một tiếng kêu khàn. Hai người đàn bà vừa bước qua ngưỡng cửa. Một người áo vàng viền xanh lộng lẫy, mặt nạ trắng mịn màng với hai vòng mắt tô xám xếch tới mang tai, mũ đen cao rộng vành, điểm những ngôi sao rực vàng vương giả.

Tôi ngẩn người khi nhận ra nàng, thiếu phụ đã cùng đến Venise, trên chuyến tàu đêm hai hôm trước. Nàng chỉ quàng chiếc áo choàng tím, một thứ lụa thật óng ả dưới sắc đèn. Nàng không che mặt, mái tóc ánh nâu cột lại bằng một vòng hoa trắng. Người đàn bà áo vàng đứng dừng một phút dường để mọi người có thời gian chú ý đến sự xuất hiện của mình. Một vài tiếng trầm trồ huýt sáo nổi lên. Sau vành miệng hở cong yểu điệu của mặt nạ, lộ hai ba chiếc răng trắng sáng. Người đàn bà chầm chậm lướt vào. Tôi đứng gần nghe mấy chuỗi hạt pha lê lóng lánh màu, treo lỏng từ vành mũ trái sang phải chạm vào nhau theo từng bước đi, vang những tiếng reo lanh canh trong trẻo. Thiếu phụ đường bệ bao nhiêu thì nàng càng dáng vẻ ngỡ ngàng

khép nép, tay bám vào cánh áo bà ấy. Một gã đàn ông đi giầy ủng đóng đầy đinh bạc, giả trang trong y phục toàn đen ràng thắt lưng to bản, mặt nạ dơi choắt cheo, bộ tịch nghiêng người hôn tay thiếu phụ. Bà bật tiếng cười khanh khách, quay sang vỗ nhẹ lên tay nàng như để giới thiệu với mọi người. Nàng e dè đảo mắt chung quanh, thoáng ánh ngạc nhiên khi thấy tôi đứng dựa bờ tường. Tôi đã định ra về, tự nhiên ngồi trở lại nhìn theo hai người đàn bà ấy đi về quầy rượu. Thỉnh thoảng thấp thoáng bóng lụa vàng lấp lánh và giọng cười thiếu phụ vang vang đùa cợt. Không khí trong hầm càng lúc càng nóng hơn, nhiều người bắt đầu cởi bỏ mặt nạ. Những mái tóc, khuôn mặt thật đàn bà trang điểm rực rỡ chuyển động kỳ ảo lẫn lộn trong ánh đèn mộng mị, dưới những mặt nạ chờn vờn trên tấm màn nhung đỏ. Trong men các ly rượu kế tiếp tôi dễ dàng nhập cuộc, kề cận với những gương mặt ấy. Cọ sát vải lụa, da thịt, rộn ràng giữa tiếng nhạc lúc bùng bùng dồn dập, lúc mơn trớn mê muội. Tất cả đặc quện trong khói thuốc cuộn tròn dưới vòm trần đá.

Khi tôi đến gần quầy rượu thì cùng lúc ấy gã thanh niên chơi bài ngả nghiêng bước tới trước nàng. Gã ngoẹo đầu cười cợt, Ô, bella mia, người đẹp của tôi! Một tay vờn lên vuốt đuôi tóc nhỏ. Nàng lùi giật lại, vòng hoa trắng buộc lơi trên tóc tuột theo những ngón tay dài nhọn của gã thanh niên. Hắn giơ lên khoái chí, kêu oác như quạ. Tôi và thiếu phụ cùng vội vàng bước đến. Gã ta xô đẩy tôi, la lối nhưng rồi cũng dang ra, tung vòng hoa lên trần và chụp hứng. Nàng nói nhỏ bằng tiếng Pháp với thiếu phụ, Je m'en vais, tôi về đây. Tự nhiên tôi nhìn vào hai vùng mắt xám, con ngươi trong xanh của người đàn bà áo vàng đằng sau rọi thẳng lại, tia nhìn nửa dò xét nửa giễu cợt. Nhưng bà ta không tỏ ý ngăn cản khi tôi cùng nàng ra cửa, còn ngoái trông theo.

Bến Rialto cả ngày tấp nập tưng bừng như thế, nhưng giữa mùa đông nên gần nửa đêm đã chìm vào im lặng. Một vài quán ăn còn lấp lánh ánh đèn trong lớp sương trắng dâng lên từ con kinh lớn. Chẳng mấy chốc tựa như khói lan lấn vào bờ, liếm phủ các mặt nhà cổ kính và luồn xuống những cây cầu gạch nhỏ. Chiếc vaporetto cuối cùng còn đậu ở bến, thoáng thấy bóng người, lái thuyền lên tiếng gọi. Bấy giờ tôi mới hỏi: - Cô ở đâu? Nàng đáp : -Khu nhà hát Fenice. Rồi ngập ngừng : - Nếu không phiền, anh đưa tôi về đến đó được chăng?

Tôi vội vàng :

- Được chứ, nhưng cần đi thuyền không?

- Chẳng xa đâu, chúng mình có thể đi bộ, thèm không khí quá.

Hai chữ chúng mình trong giọng nàng thân mật lạ, tôi lâng lâng nghĩ, nhà hát Fenice không biết ở đâu, lạy trời nó rất xa, tuốt bên kia cái thành phố bỗng dưng lúc này trở thành cỏn con. Tôi sẵn sàng đi theo tà áo tím mềm mại, trải thật nhiều con đường, qua trăm cây cầu chạm trổ muôn hình vạn vẻ, băng ngang những con lạch chi chít mà dòng nước chỉ còn là một giải thạch đẫm tối trong đêm. Chúng tôi bước đều bên nhau, tiếng gót giầy khẽ vang trên những viên gạch lồi lõm cũ mòn. Thỉnh thoảng vài ba người trờ ra từ hiệu ăn hay quán bar nhỏ. Giọng cười nói rúc rích, chừng như không thể thoát cao vì bị giam lại giữa tường đá dinh thự hay những ngôi nhà viền hai bên con đường quanh co quá hẹp. Càng xa bờ kinh lớn, sương lãng đãng hơn, lửng lơ trên mái ngói và những ngọn cây trong công trường nhỏ. Tới gần khu San Fantin chợt có tiếng phong cầm nổi lên từ lạch nước lọt giữa hai dãy nhà màu tường vàng viền những ô cửa xám. Nàng vội bước lên chiếc cầu gần đấy, gã chèo gondole ngẩng lên cười vẫy tay, cất ngay lời ca tình tứ. Chiếc thuyền lướt qua dưới cầu rồi xa dần cùng giọng hát tan biến vào bóng tối bên kia con lạch hẹp lại dần. Nàng tựa vào những thanh sắt uốn cong của thành cầu, kéo vòng mảnh voan trắng quấn quanh cổ. Yên lặng từ nãy đến nay, bỗng nhiên nói :

- Anh du lịch một mình.

Tôi lắc đầu :

- Không, tôi đến làm việc vài ngày.

rồi tiếp :

- Venise chừng quen thuộc lắm với cô.

Nàng nói nhỏ, như chỉ cho mình :

- Vâng, tựa một gắn bó.

Tôi ngắm dáng nàng mềm cúi nghiêng dòng nước :

- Cô thường đến đây mùa đông?

Nàng mỉm nụ cười mông lung nhưng đáp thật gọn, không dính dáng gì tới câu hỏi :

- Thăm Mélisa.

- Ồ, Mélisa, người đàn bà áo vàng.

Nàng chớp mắt xác định. Dưới ánh đèn lồng chiếu xuống từ hai đầu cầu, bây giờ tôi mới nhìn kỹ gương mặt đường nét dịu dàng nhưng hơi gầy, dù chiếc cằm lộ chút gì cương nghị, miệng khi cười lại thoáng trẻ thơ. Ấn tượng nhất là nước da trắng xanh làm nổi bật trũng mắt đen sâu với hai đồng tử long lanh. Thật ra tôi đã xao động bởi cặp mắt này từ lúc đứng với Hà trên sân ga tối ấy. Hà líu lo dặn dò, vẫn những lời trăm lần như một khi tôi đi công tác xa, rồi kiễng chân choàng tay qua cổ. Tôi cúi hôn Hà từ giã nhưng mắt bỗng chạm phải ánh nhìn vừa lướt

qua của nàng, người đàn bà mảnh mai trong chiếc áo dạ đen với mái tóc cài cao quá gáy còn lóng lánh những bụi mưa vừa đi tới. Tôi đẩy Hà ra về khi tiếng chuông báo hiệu tàu sắp chạy. Hà quay bước còn ngoảnh lại dặn với : - Nhớ chọn cái mặt nạ thật nhiều màu cho em. Leo lên bực thang tàu tôi vừa gật đầu: - Yên tâm, Signora, vừa đảo mắt tìm, nhưng chiếc áo dạ đen đã biến đi vào một toa nào đó.

Không ngờ, giữa không gian hư ảo sương mù nửa đêm, trên cõi sông nước, đá cổ mơ hồ này tôi lại đứng bên nàng, thật gần, cơ hồ chạm cả vào vuông khăn trắng cứ chực bay theo làn gió nổi đưa từ biển. Tôi định nói một câu gì thật nhẹ, lại thôi. Nàng lặng yên, quay người xuống cầu, tà áo lụa cuốn theo bước chân thoăn thoắt. Thoáng chốc bóng tím như biến như hiện chấp chới giữa các ngõ ngách đường đi lẩn khuất. Tôi có thể đi nhanh để bắt kịp nàng nhưng tôi chậm lại, bỗng thấy nàng như con bướm đêm trở về giữa gạch đá ẩm đục của biển đầm để tìm một nhụy hoa đã mất. Cuối cùng nàng cũng dừng lại trước một khung cổng nhỏ, sau đó là khoảng sân vuông mù mờ dưới ánh đèn treo. Thấp thoáng bên trái có chiếc cầu thang cong lượn lên một hành lang nhìn xuống sân qua hàng cột tròn thẳng tắp. Nàng nghiêng người, tóc đã ướt sương, chìa tay cho tôi :

- Cám ơn anh.

Tôi nắm những ngón tay mềm hỏi nhỏ :

- Chúng ta sẽ gặp lại?

- Anh muốn thế?

Vuốt nhẹ bàn tay vẫn chưa rút về, tôi nói :

- Ngay từ trên sân ga.

Hai viền mắt chớp nhanh, nàng cười rồi bất chợt đằm lại, vẻ ngẫm nghĩ :

- Còn ở đây, anh hãy gặp Mélisa.

Đợi nàng bước lên cầu thang và một ô cửa sau hành lang bật sáng tôi mới quay đi. Nhắm hướng ra con kinh lớn tôi lững thững trên đường về khách sạn, lãng đãng trong đầu tự hỏi, sao nàng nhắc mãi Mélisa? Qua mấy khu phố tôi cảm tưởng cánh bướm đêm vẫn chập chờn trước mắt.

Chiều hôm sau tôi trở lại cổng sân ấy. Ánh sáng cuối ngày vừa đủ làm nổi những nét khắc chạm trên thành lan can và những cột gỗ bọc hành lang của tầng lầu. Quả chuông treo chỉ leng keng ba tiếng đã có một người đàn ông mập mạp nhố ra từ cánh cửa khuất dưới cầu thang. Ông ta mời tôi bước lên những bực gạch, vừa tới đầu hành lang đã nghe vọng tiếng vĩ cầm kéo một giòng rồi ngừng lại. Người đàn

ông mở một cánh cửa đi vào, ra dấu bảo đợi. Tôi ngửng nhìn mái trần cong mà màu mè, nét vẽ hình người bay lượn trong những giải mây đã ít nhiều phai nhạt. Mélisa xuất hiện ở ngưỡng cửa với một thằng bé độ hơn mười tuổi ăn mặc tề chỉnh tay xách hộp đựng đàn. Thiếu phụ mái tóc hung đỏ màu lá thu ấy đúng là Mélisa, vì tôi nhận ra ngay ánh mắt xanh trong chế giễu ở hầm rượu. Mélisa trẻ hơn tôi nghĩ, dù bây giờ nhẹ nhàng trong bộ quần áo đơn giản vẫn cùng cái dáng đài các. Khuôn mặt phấn son kỹ lưỡng, một người từng trải và quyến rũ. Mélisa nheo mắt, cười rất tươi như thể biết rằng tôi sẽ đến. Tôi chưa kịp hỏi, Mélisa đã nói ngay bằng tiếng Pháp, giọng đùng đục, kéo dài:

- Cô ấy sang Murano xem thủy tinh, mai mới về.

Rồi không để tôi phản ứng đã tiếp :

- Nhưng anh uống rượu với tôi chứ?

Căn phòng khách rất rộng, tường xanh nhạt trên sàn gỗ nâu bóng, Ngôi nhà thật xưa nhưng cách bài trí trong căn phòng hài hoà giữa cũ và mới. Chiếc dương cầm cạnh cửa sổ treo màn trắng mỏng manh và cây vĩ cầm trên cái bàn chân cong gần đấy. Qua vòng ly trong suốt, hai con mắt Mélisa luôn luôn cười, giọng nói là lạ bây giờ quen tai trở nên ấm áp. Tôi ngà ngà trong men rượu Amazone đặc biệt ở vùng này, đỏ đậm dậy thơm và mạnh. Tôi ngây ngây trong cách nói chuyện tự nhiên đậm đà chen những tiếng cười phá lên khanh khách của Mélisa. Khi tiễn tôi ra về, dưới chân chiếc cầu thang, một nửa đã chìm trong bóng tối, Mélisa đưa tay nắm cổ áo của tôi, đôi môi đầy áp một nụ hôn đủ lâu để tôi bàng hoàng hít tất cả mùi nước hoa và thân thể ấm trong sương lạnh. Và tôi lâng lâng trở về khách sạn, hơi nồng cùng giọng cười Mélisa tràn vang trong những phố đường quanh co như thực như hư. Nhưng đến chân chiếc cầu đêm qua, bỗng một bóng áo tím tựa từ con lạch bay lên cùng tiếng hát lẳng lơ của gã chèo thuyền, tôi dừng sững hoang mang.

Hôm sau vừa ở phòng họp ra, cô tiếp tân đưa cho tờ giấy nhỏ ký tên Mélisa, hẹn tôi ra ngay bến San Marco. Đầu buổi trưa nắng rực trên tất cả thành phố. Nắng mùa đông hanh sáng những mặt nhà đầy màu sắc hai bờ kinh. Mélisa và nàng đang xếp hàng xuống vaporetto. Tôi ngỡ ngàng trước hình ảnh nàng trong tấm áo dạ đen và chiếc vali nhỏ như ở sân ga. Trong ánh sáng ban ngày nàng càng mỏng manh tựa thiếu nữ bên cạnh Mélisa cao lớn chững chạc với áo lông màu thú. Khi nhận ra tôi nàng rất ngạc nhiên, mắt mở to và đôi môi mấy máy. Mélisa lùi ra nhường chỗ. Những người lái thuyền ồn ả giục khách. Nàng nói :

- Tôi có việc bất ngờ phải về trước. Biết đâu lại gặp anh đâu đó.

rồi gật đầu ra dấu với Mélisa. Tôi không thốt được câu gì nhìn theo, nàng đến đứng ở đầu tàu, những sợi tóc ngang vai bay nhẹ. Bên kia cửa kinh rộng, nắng nhóa bạc trên hai đỉnh tròn Salute sừng sững, mắt tôi nhoà xám. Mélisa bỗng chạy băng xuống thuyền, ôm chặt vai nàng, thì thầm điều gì đó, rồi hôn lên trán, lên má thật đằm thắm và sau đó phớt nhẹ lên môi.

Tối hôm ấy tôi vào quán rượu, đi qua bao phố đêm với Mélisa, rồi cuối cùng ở lại căn phòng ngủ của nàng trông xuống vườn cây nhỏ. Thân thể Mélisa tràn đầy, mê rực, mãn khai. Nàng cuốn tôi vào trong thăm thẳm bạo vũ của rừng sâu, loài thú hoang gầm lên trong cuộc quần thảo chẳng nương tha để rồi dốc hết hơi thở, hất nhau ra, lịm đi sau cuộc chiến. Khi tôi mở mắt sáng hôm sau có tiếng chim hót rung rúc dưới mái ngói. Tia mặt trời len nhẹ qua tấm màn mở hé, chiếu vào chiếc mặt nạ nhiều màu lộng lẫy treo trên tường. Tôi bỗng nhớ tới lời Hà dặn, nỗi buồn đột chụp xuống cùng sự mệt mỏi chưa tan.

Lúc tôi đưa món quà, Hà thất vọng trông thấy. Chiếc mặt nạ đã mua trong buổi chiều trước khi rời Venise không màu mè rực rỡ. Khuôn mặt màu tím thật nhạt gần như trắng, trũng mắt vẽ hai viền tím đậm pha chút ánh lân tinh, mái tóc là vành voan xanh lung linh cài đầy hoa trắng. Lòng tôi nao nao ân hận khi Hà đem cất chiếc hộp vào tủ. Giá tôi đem về mặt nạ như của Mélisa, Hà sẽ hài lòng. Mélisa buông thả, đắm chìm và lộng lẫy đã tiễn tôi ra bến tàu. Cả hai không nói lời từ giã. Trong suốt ba ngày còn lại, đôi lần Mélisa đề cập đến nàng nhưng chỉ thoáng qua. Một buổi chiều, chúng tôi sắp sửa ra khỏi phòng khách, ông già béo mập đem lên những quần áo tiệm giặt vừa giao. Tôi và Mélisa cùng nhìn vào chiếc áo choàng tím. Mélisa cầm lấy ngay, đi về phía cửa sổ còn hắt tia nắng cuối, giơ cao ngắm nghiá, rồi dịu nhẹ ôm sát vào người, chừng như không còn biết có tôi đứng đó. Bỗng nhiên thấy lại tấm áo nàng tôi nao nao xúc động, đồng thời cử chỉ Mélisa lại làm tôi lấn cấn lạ lùng, như lúc hai người họ chia tay ở bến thuyền. Mélisa chẳng bao giờ gọi tên nàng, chỉ là Cô ấy, Elle, Elle, tiếng kêu lạnh lùng, xa vắng nhưng cùng lúc như chỉ định và chiếm hữu. Từ khi trở về, trong những nửa khuya chợt thức, bên cạnh Hà tôi nhớ Mélisa, nhưng dần dần đôi mắt và giọng nói dịu dàng của nàng càng ngày càng hiện rõ trong bóng tối. Dù thế, tôi chẳng gọi Mélisa, cũng không đi tìm cánh bướm tím đêm sương.

Nhưng vô tình tôi đã gặp lại nàng mấy tháng sau trong buổi

tiệc nhà người bạn. Và lần này, vừa chạm mắt, chúng tôi biết rằng sẽ rơi vào tay nhau. Không thể nào khác. Thoát ra khỏi khung cảnh cổ xưa, lênh đênh biển đầm huyền ảo, hình ảnh nàng cũng đổi thay trong không gian mới. Tôi dần dần khám phá một người đàn bà hồn hậu, dịu trầm, thông minh nhưng lãng đãng. Chúng tôi chẳng gặp nhau thường. Nàng ở cách xa, và tôi còn Hà với ân tình nhiều năm. Nhưng những lần tôi đến tìm nàng nơi vùng biển tràn xám cát mịn và những vũng đầm đầy vỏ sò lấp lánh là tôi tách rời thực tại. Ngay cả ân ái với nàng cũng vô cùng khác lạ, thân thể mong manh nhưng đằm thấm da diết, mê muội đến tận cùng. Mỗi lần buông nhau ra, tôi muốn đêm say tràn ngập và ánh sáng ban ngày là điều không cần thiết. Lúc ấy nàng thả rơi chiếc gáy mảnh mai tuôn tận đáy lưng dịu dàng, ôm cánh tay tôi tìm nhịp thở. Nhiều lần, về sáng, tôi sững sờ nhìn xuống khuôn mặt nàng thiêm thiếp sự trầm lắng của mặt nạ tím mịn đã đem về. Tôi loay hoay sống giữa hai thế giới, một Hà ngăn nắp, quá thuộc từng phần thịt da và thói quen nhàm quẩn theo vòng thời gian, và nàng, mở ra cho tôi những trao đổi bén nhạy, chụp bắt sự tinh khôi ở mỗi điều trong cuộc sống. Nhưng lạ lùng giữa tôi với nàng vẫn có một khoảng cách. Sau những giờ phút chia nhau thân xác, nàng hút tôi vào hai con mắt tinh anh hiểu biết, bàn tán giải đáp mọi thứ, văn hoá, đời sống trong trêu cợt, nghịch đùa. Chúng tôi có thể nói với nhau cả những vấn đề, ưu tư trong công việc. Nhưng khoảng cách ở mỗi một điều, nàng chẳng bao giờ hỏi tôi về mảng đời riêng khi tôi rời căn nhà ven biển ấy. Lẽ đương nhiên, như thế, tôi cũng không thể đòi hỏi điều ngược lại. Phần nào đó, nó cho tôi cảm giác được phiêu bồng trong một cõi đời huyền hoặc. Tôi lơi khơi trong ảo tưởng bình yên, tránh bị trực diện hằng ngày với tấm gương mà phía bên kia là hình ảnh Hà lúc nào cũng sẵn đó, bền bỉ im lìm, như khuôn mặt ngàn năm vẫn thế của chính tôi.

Tôi tự lừa mình trong sự yên lòng tạm bợ như vậy cho đến một buổi chiều. Hà vác ở đâu về một tấm gương cổ bảo tôi treo lên bức tường giữa hành lang. Xong Hà mở tủ lấy chiếc mặt nạ cài trên đầu gương, ngắm nghiá quay qua quay lại, gật gù :

- Kỳ nhỉ, nó giản dị thế sao bây giờ treo lên lại thu hút lạ, anh thấy thế không ?

Tôi muốn bảo, tôi thấy chứ, chỉ có Hà không nhận ra điều đó ngay từ đầu. Câu hỏi của Hà vô tình dềnh lên trong tôi nỗi gì buồn, nản. Tối ấy bước qua, ngửng nhìn, tôi giật mình, đôi mắt tím buồn theo sâu đắm. Cơn mưa đổ xuống sầm sập từ chiều, thảng thốt. Trong khi Hà

ngủ mê man, hơi thở mạnh vô tư, tôi thao thức. Cứ nhắm mắt lại là tưởng chừng có tiếng áo lụa đang lướt vào phòng đem theo một mùi hương, không phải ẩm nồng của lạch nước luồn dưới chân cầu đá mà là gió biển mặn thổi về từ nơi nàng ở. Lần đầu tiên tôi nhớ nàng xa xót. Tại sao có khoảng cách. Vì sao ngoài lúc đêm tối đắm chìm trong nhau, nàng chưa từng nói yêu tôi. Nàng vùng chạy băng trên bãi cát cợn đầy dấu biển, khi tôi muốn ôm nàng trong vòng tay giữa ban ngày. Lúc dừng lại, gương mặt đột nhiên mênh mang khó tả mà tôi chỉ nhận ra được một điều là nỗi buồn. Không hiểu nàng ra sao những ngày tôi không có đó. Sau gặp gỡ vội vàng, tôi quay về sống tròn trách nhiệm đời thường với Hà. Còn với nàng, vừa rời xa nhau tôi là người lạ mặt. Một tình nhân hờ hững, không xẻ chia đời sống, chẳng săn sóc âu lo. Những dằn vặt ấy được bào chữa. Có thể nàng không yêu nên chưa hề bắt tôi trải rõ lòng mình hay chọn lựa. Nàng chẳng đòi, sao tôi phải xé mình ra. Cứ tiếp tục cuộc sống trật tự bao năm khi biết mình không thể cắt đứt ràng buộc với Hà, hưởng lấy sự an lành của giờ hưu chiến. Nhưng cõi bình yên này đang ngầm cơn bão biển. Đêm nay tôi bàng hoàng nhớ đáy mắt sâu tương phản tiếng nói có lúc nhẹ hẫng như không để người nghe thấy. Làn da nàng xanh xao dưới những sợi tóc vụt cắt ngắn cũn cỡn tựa đoạn tuyệt một điều gì, không giải thích. Gió lại đập ầm ầm vào các cánh cửa. Biết đâu, nơi xa xôi kia, những đợt sóng biển đang bùng lên cuốn hút ra khơi tấm thân mong manh và tâm hồn cô đơn lạ lùng ấy. Để tôi chẳng kịp nói ra nỗi nhức đau vì ích kỷ, vô tình.

Sáu giờ sáng, máy cà phê đang ùng ục những giọt cuối cùng thì chuông điện thoại. Tôi vội nhấc lên, giật mình, Mélisa bên kia đầu giây, vẫn cái giọng khàn thấp nhưng run rẩy :

- Đến ngay đi, sợ cô ấy không qua khỏi.

Tôi ngẩn ngơ :

- Chuyện gì không qua khỏi?

Mélisa lồng lên :

- Quelle question, còn hỏi! Cô ấy bệnh nặng bao năm, chẳng lẽ anh không biết.

Tôi muốn gục xuống, thẫn thờ :

- Nàng có nói gì đâu.

Tiếng Mélisa đầy phẫn nộ và nước mắt :

- Ngụy biện. Bất nhân. Tôi cứ đinh ninh anh giúp nàng sống vui những ngày còn lại. Sau mặt nạ chẳng nói làm gì, cô ấy để trần, anh có

nhìn chăng mà không thấy ?

Dựa vào thành bồn rửa chén, chiếc điện thoại tít tít trong tay, đầu óc tôi choáng váng. Mélisa đã gác máy tự lúc nào. Mélisa đột nhiên từ quá khứ hiện ra sừng sững như vị thần khoác áo vàng tươi, tay giơ búa tạ. Bấy lâu nay, thảng hoặc vô tình nhắc tới người đàn bà mê hoặc này nàng thường phớt nhanh với nụ cười bí ẩn, như thể liên hệ giữa họ là cõi riêng chẳng thể chia sẻ. Tôi thắc mắc nhưng cũng không muốn nói đến Mélisa. Những đêm rượu hầm và hơi thở hực nồng gấp rút trong căn phòng nhìn xuống sân vườn quyến rũ ấy là vùng sương mù mà tôi cố tình chối từ ám ảnh.

Hà bị đánh thức, ngái ngủ bước ra, càu nhàu :

- Ai gọi gì sáng sớm ?

Tôi vội nói, tôi phải đi đây. Hà mở to mắt ngạc nhiên, lắc đầu. Điều gì tôi có can đảm nói ra với Hà, với Mélisa, và với nàng bây giờ, đều đã muộn.

MAI NINH

Tháng 3 - 2000

(Les Siliciens, Caen-Paris-Québec)

Tác giả của bài thơ được
Trương Qúy Hải phổ nhạc
đã và đang nổi tiếng trong,
ngoài Việt Nam:
Hà Nội Mùa Vắng
Những Cơn Mưa.





THẬN NHIÊN

Hai giả thiết cho một ban mai

I

Trong một thế giới mọi người có sừng
và đuôi
Gã thơ mộng
Gã có cánh
Gã là thi sĩ .

Chúa tiết lộ một điều bí mật trước
đêm phán xét
"Tất cả sừng và đuôi đều phải rụng"
Xa lộ dài ngút mắt
Cô liêu ngấm vào từng lỗ chân lông
Có lẽ sẽ khóc .

Có lẽ khóc chăng ?
Ngày mai tất cả mọi người mọc cánh
Gã chẳng còn cơ hội .

Ngày rạng ...
Gió đã lặng trên các đỉnh cây
Một triệu giọt lệ sẽ lóng lánh nước trời
Loài người ơi lắng nghe

Một thiên thần thơ dại
Lặng lẽ khóc .

II

Lửa quấn riết Y
Rừng đã cháy
Đây là cơn hôn mê cuối cùng .

Đêm tan nát ảo mộng
X. quị xuống đớn đau
Hôn điên mê đồi ngực ngậm mút mạch đời
Đất quằn mình
Rách vỡ ...

Đêm nát tan ảo mộng
Cám dỗ dồn đuổi reo hò
Móng vuốt sắc thịt da bấu nghiến
X. rú ngất
Trào thơ !

Rạng đông ...
Y ngủ quên tro than
Thơ đẫm sương
X. chết trong nắng .

THẬN NHIÊN
1/5/00



HỒ ANH THÁI

Đi khỏi thung lũng mới đến nhà



Khi nhũ mẫu đưa cho bà quản trị trưởng chiếc quần lót của nữ thần đồng trinh thì cả hai bà đều hiểu rằng, một cái gì rất trọng đại đang đến với cung điện này. Vài giờ sau tin tức đã sang đến hoàng cung. Tới khoảng năm giờ chiều, tờ *Thời báo buổi chiều* đã đập vào mắt người đọc một tiêu đề lớn: *Nữ thần Đồng Trinh có kinh nguyệt - Sự chấm dứt một giai thoại thần quyền.*

Dân chúng thủ đô xôn xao trước cái tin họ chờ đợi từ lâu. Nữ thần Đồng Trinh đã mười bốn tuổi còn gì. Tuổi ấy mới dậy thì là chậm. Con gái xứ này mười một tuổi đã có thể sinh con đầu lòng. Biết vậy, người ta đã đi tuyển mộ rất công phu mới được một nữ thần thay thế. Nữ thần này có ba tuổi. Chờ đợi mất hơn hai năm, bây giờ mới tới lúc được phong thần.

Cựu nữ thần bị coi là uế tạp, đã mất thiêng lập tức bị đưa ra khỏi cung điện. Từ nay người ta gọi cô ta bằng tên tục là Sabana. Những ngày vừa qua ở Sabana có những biểu hiện không bình thường. Trong lễ rước đón mùa mưa, xa giá của nhà vua và cả hoàng tộc, xa giá của Nữ Thần Đồng Trinh diễu qua tất cả các đường phố của thủ đô để cho dân chúng chiêm ngưỡng và chào mừng. Thế mà bất chợt Nữ Thần Đồng Trinh bật khóc thút thít. Đấy là một điềm gở. Rồi Nữ Thần nằng nặc đòi một lon coca-cola bày bán trong cửa hiệu bên đường. Thêm một điềm gở nữa. Vua và cả hoàng tộc vẫn thường xuyên xài hàng

viện trợ. Nhưng Nữ Thần Đồng Trinh mà dùng hàng ngoại thì đó là một sự báng bổ. Làm sao khác được, Nữ Thần đã bị dẫn dệu nửa ngày trời qua các đường phố hầm hập vì nắng nóng, nồng nặc hơi người và inh tai nhức óc vì tiếng reo hò. Nữ Thần ngây ngấy sốt. Nữ Thần lả đi. Chỉ đến lúc được nhũ mẫu đổ cho chút nước chết tiệt có hơi ga, Nữ Thần mới lờ đờ ngồi thẳng dậy trên xa giá.

Suốt một tuần Nữ Thần hâm hấp sốt. Lả lướt như một cây sậy. Cả cung điện tấp nập chuẩn bị lễ phong trao cho Nữ Thần mới. Nữ Thần Đồng Trinh là siêu phàm. Người chỉ được là Nữ Thần chừng nào người không bị chảy máu. Trước Sabana, một Nữ Thần Đồng Trinh đã bị phế truất ở tuổi lên sáu vì lúc chạy chơi trong cung, tay vướng vào một chiếc đinh toạc máu. Nữ Thần tiền nhiệm khác thì bị rụng một chiếc răng ở tuổi lên tám. Cũng bị chảy máu.

Sabana làm thần được lâu hơn cả. Tận cho đến tuổi dậy thì.

Mà bắt đầu tương đối sớm. Lúc bốn tuổi. Người ta phát hiện ra con bé xinh xắn không một khuyết tật, không một vết thẹo, không một lần biết khóc, ở tận đầu bên kia của thung lũng. Cả thủ đô nằm gọn trong một thung lũng. Một bức thành núi non vây tròn xung quanh. Có đến hơn chín mươi phần trăm dân số suốt đời quẩn quanh trong thung lũng, sinh con đẻ cái trong thung lũng, rồi cũng chết luôn trong cái thung lũng như một cái chảo rang. Chưa một lần họ vượt núi để ra khỏi thung lũng, ra với thế giới bên ngoài. Thì thần thánh cũng tự tìm lấy trong thung lũng mà phong lên. Tìm mãi mới được hai chục đứa bé. Vòng loại đầu tiên. Lũ trẻ từ ba đến bảy tuổi này bị bỏ vào một căn phòng lúc nửa đêm. Cả phòng chỉ leo lét một ngọn nến. Ẩm thấp. Ngột ngạt. Từng đứa một phòng. Nó vừa đi được một bước thì đá phải một vật lông lá kềnh càng. Hóa ra một cái đầu trâu mới chặt, máu me còn be bét, cặp mắt thô lố trợn tròn. Khắp phòng là những cái đầu trâu, đầu dê, đầu cừu. Trong những vũng máu nhớp nháp trơn chuội.

Có con bé ngất xỉu.

Có con bé gào khóc, chạy lung tung, vấp ngã, tay cào cấu dứt tóc lăn lộn như hóa dại.

Đa số chỉ đơn giản là rú lên, gọi mẹ.

Chỉ như vậy là bị loại. Cuối cùng còn lại bốn con bé gan dạ và lì lợm nhất. Sabana thậm chí còn cưỡi lên một cái đầu trâu, nhún nhún như chơi ngựa gỗ.

Sang vòng thứ hai. Lại từng đứa được đẩy vào một căn phòng. Vào đi, và hãy chọn lấy một bộ váy áo đẹp nhất. Căn phòng này sặc mùi bụi lưu cữu. Tranh tối tranh sáng.

Ba con bé, hí hửng ôm ra ba bộ sari mới tinh.

Đến lượt Sabana. Con bé khệ nệ bên ra một chiếc áo choàng phủ đầy bụi đã bạc nhiều. Nó thích những đường thêu đã sờn ở đó. Chiếc áo chính là của nữ thần Daneju, kiếp trước của các Nữ Thần Đồng Trinh. Người ta mới làm lễ mượn áo của thần, đưa từ đền thờ Daneju về, bỏ lẫn vào hàng chục bộ váy áo trong phòng.

Bà quản trị trưởng, bà nhũ mẫu và toàn bộ ban quản lý cung điện cùng đám kẻ ăn người làm đồng loạt sụp xuống. Cả một trận mưa hoa dội xuống đầu Sabana. Đã tìm được Nữ Thần Đồng Trinh.

Sabana trị vì trong cung Thần Nữ được những mười năm.

*

Nữ Thần bị truất phế không còn cha mẹ. Chỉ có một người anh ở quê, chả bao giờ ngó ngàng tới em gái. Chỉ liên tục viết thư lên cho bà quản trị trưởng, đòi chu cấp cho gia đình còn bốn đứa em dại. Bà nhũ mẫu không thể đưa Sabana về quê. Bà là nhũ mẫu chuyên nghiệp. Một đời bà đã nuôi chín, mười đời Thần Nữ. Bà lại đang bận túi bụi với Nữ Thần Đồng Trinh mới.

Một bà cung nữ được lệnh trả Sabana về quê. Bà ta dắt tay Sabana ra bến xe. Y áo tư trang và những tặng vật quý đã được gửi về quê từ trước theo một chuyến xe tốc hành. Hành lý mang theo chỉ là một chiếc túi nhỏ. Bà cung nữ bảo Sabana đứng cạnh một xe khách, trông coi chiếc túi cho cẩn thận. Phần bà ta thì ngác ngơ đi tìm phòng bán vé.

- Lên đi, xe chạy mất bây giờ.

Một người trên xe quát xuống. Chiếc xe ngay cạnh bắt đầu chuyển bánh.

Mấy cánh tay chìa ra từ chỗ cửa lên xe. Thế là Sabana cuống quít chìa tay để cho họ kéo lên.

Chiếc xe đủ khách lao nhanh ra khỏi bến.

Sau mười năm Sabana mới lại đi xe khách. Thần Nữ đi đâu cũng bằng kiệu, bằng cáng, hoặc bằng xe ngựa. Chỉ khi bị truất phế mới phải trở về phương tiện động cơ của thời đại máy móc. Sabana ngồi cạnh một người đàn bà đồ sộ. Khuôn mặt phèn phẹt, chi chít những nốt ruồi to tướng như hạt đỗ đen. Đấy là một kiểu tú bà hiện đại. Nhìn thoáng Sabana, mụ ta biết đây là một con mồi dễ bẫy.

- Cháu về đâu?

Mụ uốn éo cái giọng, chúm chím cái miệng mà hỏi.

- Làng Choti hả? Cô cũng về đấy. Cứ đi với cô.

Mụ bảo.

Xe này đâu có về lang Choti. Xe sẽ cắt ngang thung lũng, đi

về phía Ấn Độ. Mụ tú bà vừa kéo được một mẻ lưới nặng. Ở làng ven đô, mụ đã ngon ngọt làm cho dân làng tin rằng mụ là người của một nhà máy dệt bên Ấn Độ sang đây tuyển công nhân. Người ta mừng quýnh, gửi gắm vào tay mụ ba cô gái. Lại còn nhờ mụ lần sau tìm giúp việc cho mấy cô nữa. Ba cô đi tìm vùng đất hứa đang ngồi trước mụ một hàng ghế. Tất nhiên mụ sẽ bán cả ba cô cho nhà chứa ở Ấn Độ. Mỗi cô năm ngàn rupi. Cả Sabana, mụ được thêm năm ngàn rupi nữa. Vậy nên mụ chẳng tiếc gì mà không dám chi tám chục rupi tiền vé cho Sabana, khi người soát vé đến hỏi.

Xe đi được nửa ngày thì tới một trạm kiểm soát. Kiểm soát trước khi ra khỏi thung lũng để vượt đèo sang Ấn Độ. Mụ tú gom cả bốn cô hai chục ngàn rupi thành một mớ, bắt đi sau mụ. Mụ cười cợt lúng liếng với mấy viên cảnh sát. Năm *"dì cháu"* vừa mới bước qua trạm kiểm soát, định leo lên xe, thì một thanh niên cao lớn nhảy phốc tới.

- Này bà kia.

Chàng trai giật mạnh tay mụ làm mụ suýt ngã ngửa.

Định thần, mụ nhận ra chàng trai. Mụ giằng ra định chạy lên xe. Chạy sao được với một chàng trai như thế. Mụ định hô hoán vu vạ. Chàng trai ấp cả bàn tay to tướng lấp mồm mụ. Mụ vùng vẫy. Chàng trai xốc con mụ đồ sộ lên vai, phăm phăm bước lại trụ sở kiểm soát. Anh ném mụ đánh rầm xuống chiếc ghế băng trong trạm và tường trình sự việc.

Thì ra mới tháng trước con mụ tú bà này mò đến làng anh. Anh là Govinda. Làng anh ở bên kia thung lũng. Mụ định dắt mấy cô gái làng đi xin việc ở Ấn Độ. Nhưng mụ bị phát giác ngay lập tức. Dân làng đã trói mụ lại, định ném đá cho chết. Tội ấy ở làng anh có thể xơi một nhát kiếm bay đầu. Govinda đã xin tha cho mụ đi. Thế mà mụ vẫn chứng nào tật ấy.

Mụ tú bà tru tréo lên. Govinda lại dùng tay lấp mồm mụ lại. Lại xốc mụ lên vai trong chớp mắt. Trước cửa trạm có một vũng lầy. Anh lẳng ngay cái đống thịt trên vai xuống đó. Mụ tú bà ngoi ngóp trong vũng bùn nhầy nhụa khai khắm. Bốn xung quanh tóa ra một trận cười.

Ba cô gái kia biết đường về làng. Người ta chỉ cho các cô ra bến xe để về.

- Em không về với họ sao?

Govinda hỏi, khi thấy Sabana vẫn đứng lại, ngơ ngác nhìn quanh.

- Em về làng Choti.

- Ồ ,thế thì em phải đi ngược hẳn lại. Phải quay trở về thủ đô, rồi

mới có xe đi về làng em.

Govinda hóa ra cũng đi về thủ đô. Từ đó, Govinda sẽ đưa cô lên xe đàng hoàng để về quê. Sau đấy thì anh mới đi đường anh.

Càng gần tới thủ đô, đường càng chen chúc xe tải. Xe tải túa ra ở đâu mà nhiều thế. Xe toàn chở người. Các loại cờ, các loại khẩu hiệu, biểu ngữ sặc sỡ rợp trời. Người trên xe thì gào thét khua khoắng như được chở đi xem hội.

- Có biểu tình lớn rồi - Govinda lẩm bẩm - Anh thì chẳng ngại, chứ em thì khéo chết chẹt ở đây mất.

Đến trung tâm thành phố, xe không sao nhích lên được nữa. Hành khách bỏ xe, cố lách cho nhanh ra khỏi biển người, tránh tai bay vạ gió. Govinda dắt Sabana chen qua quảng trường. Ra được khỏi quảng trường rồi tính sau.

Thình lình thấy loạt đạn chỉ thiên nổ đùng đùng trên đầu.

Biển người phình ra, òa ra, vỡ tung ra ở một góc quảng trường. Những lá cờ, những khẩu hiệu, những biểu ngữ giật mình rơi đâu cả. Người ta xô nhau chạy. Đạp lên những biểu ngữ khẩu hiệu mà chạy. Đạp lên những người ngã mà chạy. Chạy ồ ạt về cái góc quảng trường chưa bị chắn bởi hàng rào cảnh sát.

Sabana bị giật tung khỏi tay Govinda. Bị cuốn theo dòng người tháo chạy. Chiếc túi xách rơi mất từ lúc nào. Sau vài cái chớp mắt thì biển người cũng biến mất. Chỉ còn có cô và thưa thớt vài chục người chạy xung quanh. Toán người đang lao đầu về phía một đơn vị cảnh sát dàn hàng ngang. Trong tay họ là dùi cui, là lá chắn, là gậy mây. Và cả súng.

Toán người sững lại. Rồi nhận ra là đã cùng đường, cả toán người lại lăn xả vào đám cảnh sát. Thật là như trứng chọi đá.

Sabana bị quất một dùi cui vào vai.

Tỉnh ra, cô thấy mình bị lôi sềnh sệch trên mặt đường. Bị nhấc bổng. Bị ném vào một thùng xe. Cửa đóng sập lại. Xe lao vút đi. Chốc lát sau đã bị đẩy vào một phòng giam kím bưng.

Không phải là phòng. Đúng là một dãy nhà giam dài hun hút. Mỗi một ô ngăn nhồi được ít nhất năm chục người. Bị xô dúi dụi vào đám người đã ngồi trong đó từ bao giờ, Sabana vừa lóp ngóp bò dậy thì một người đàn bà đã túm lấy hỏi:

- Cánh hữu hay Liên minh Tự do?

- Cánh hữu là gì? Liên minh Tự do là gì?

Sabana hoảng hồn hỏi lại.

Lập tức một toán người ở phía trong nhảy xổ ra: "Đả đảo Cánh hữu." Lập tức toán của người đàn bà cũng chồm dậy: "Đả đảo Liên

minh Tự do."

- Không, cháu không phải là Cánh hữu - Sabana run rẩy - Cháu không là Liên minh Tự do.

- Thế thì thuộc mặt trận Tiên phong chúng tôi.

Nhóm thứ ba thét lên.

- Thế thì thuộc Mặt trận Nhân dân chúng tôi.

Nhóm thứ tư gào lên.

Tức thì cả hai nhóm nọ hô dậy đất: "Đả đảo Mặt trận Tiên phong. Đả đảo Mặt trận Nhân dân."

Bị dồn vào chân tường, Sabana phải thét lên. Như nhiều lần thét trong cung Thần Nữ:

- Ta là Nữ Thần Đồng Trinh Sabana đây.

Tất cả chựng lại giây lát. Họ mù chữ, nhưng ai cũng đã từng nhìn thấy ảnh Nữ Thần Đồng Trinh treo ở nơi công cộng. Ngờ ngợ. Nhưng rồi tất cả lại trào lên:

- Cách mạng đả đảo vua chúa, đả đảo thần linh.

Họ xúm lại giằng giật Sabana. Cô khóc òa, xua tay chối. Nhóm này đấm. Nhóm kia tát. Nhóm khác vặn tay, giật tóc, xô cho ngã dúi. Xong rồi họ lao vào nhau, hô khẩu hiệu. Đánh đấm nhau túi bụi. Cho tới lúc mệt phờ. Mỗi kẻ ngã vật ra một nơi. Chảy máu. Tóc bị giật đứt. Áo quần tả tơi.

Thế mà tất cả họ đều là đàn bà.

Thế mà té ra họ chẳng thuộc cánh nào cả.

Người ta mang xe đến làng này, ném cho một mớ khẩu hiệu và cờ. Bảo: "Ủng hộ Cánh hữu nhé." Vậy là tất cả lên xe. Người ta đến làng khác. Bảo: "Ủng hộ Mặt trận Tiên phong nhé." Cũng lên xe. Cũng đi. Tất nhiên là mỗi đầu người đã được phát hai chục rupi và hai hộp đựng suất ăn trưa ăn tối. Coi như được một chuyến đi chơi thủ đô không mất tiền.

Cuộc đấu khẩu và đấu cả tứ chi của đám đàn bà lại nổ ra, khi họ hồi sức. Cứ thế suốt đêm, Sabana đã khôn hồn trốn vào một góc xem đánh nhau. Đánh nhau và hô khẩu hiệu. Cứ như là ở trong này họ đánh gục được nhau thì ngoài kia cuộc cách mạng do lãnh tụ của họ tiến hành sẽ thắng lợi.

Cảnh sát quá quen xử lý những cuộc cách mạng kiểu này. Sáng ra, tất cả bị nhét vào những thùng xe tải bọc lưới sắt. Ra khỏi thủ đô, họ thả đám biểu tình xuống. Biết đi biểu tình thì cũng biết đường về.

Sabana lẩn thoát được khỏi tay những mụ đàn ba đêm qua. Lâu sau, con đường vãn người, Sabana tuyệt vọng ngồi lại bên đường. Biết đâu là đường quay lại thành phố.

Một bóng người đến bên cạnh: - Sabana đây rồi. Từ sáng tới giờ anh đi qua đi lại chỗ này hàng chục lần để tìm em.

Govinda! Govinda đúng là cứu tinh của cô.

Thì ra Govinda cũng bị bắt nhốt trong cùng dãy nhà tạm giam ấy. Trong khu trại nam. Người ta cũng hỏi anh thuộc cánh nào, đảng nào, sau rốt thì họ cũng lao vào đánh nhau và bỏ quên anh. Tất nhiên họ không thể bắt nạt một chàng trai kiên cường vạm vỡ như đã bắt nạt Sabana.

- Thôi để anh đưa em về tận làng. Ai mà biết được có cuộc cách mạng nào nữa hay không.

Trên chuyến xe đi về miền tây thung lũng, Sabana muốn làm cho Govinda ngạc nhiên bằng điều tiết lộ rằng cô chính là Nữ Thần Đồng Trinh.

- Anh không biết Nữ Thần Đồng Trinh là gì. Ở quê anh không thờ thần linh nào cả.

- Vậy chắc là anh không sợ em?

- Sao anh lại phải sợ em? Anh hơn em mười tuổi. Anh to lớn thế này. Và em đáng yêu như thế kia cơ mà.

Hai người về tới nhà Sabana. Căn nhà cao nhất làng. Lòe loẹt phô trương ở ngay đầu làng. Ông anh Sanjay của Sabana nay là một anh chàng hăm lăm tuổi. Chẳng còn dấu tích gì của người anh hồn nhiên ngày xưa. Mười năm qua, anh ta lo xây cái nhà, lo lấy vợ và nuôi bốn đứa em. Nhờ tất cả vào bổng lộc của cô em gái Thần Nữ gửi về. Vận may đã biến anh ta thành một gã trai lúc nào cũng sợ mất nhà mất của. Sanjay hoảng hồn như thể Thần Chết Yama giả dạng Sabana bước vào.

- Có ai gặp em trên đường không? Có ai nhìn thấy em bước vào nhà không?

Sanjay đảo mắt nhìn quanh, lắp bắp hỏi.

- Không có ai cả.

Govinda trả lời thay Sabana.

Sanjay tức thì nắm vạt áo sari phủ kín cả đầu cả mặt Sabana, rồi đẩy cô đi vội. Đi với anh ngay. Nhỡ có ai nhìn thấy em thì em sẽ chết già xó cửa mà không lấy được chồng. Cả làng đều biết em là Nữ Thần Đồng Trinh. Không một đứa trai làng nào dám lấy em làm vợ. Người ta tin rằng chồng của Thần Nữ sẽ chết non. Chết bất đắc kỳ tử.

Ra khỏi làng khá xa, Sanjay mới đứng lại:

- Nhận được tài sản của em gửi về, nhận được cả tin em sẽ trở về, anh đã nhờ sẵn một bà ở làng bên đưa em sang Ấn Độ. Bà ấy hứa sẽ kiếm cho em việc làm ở một nhà máy dệt bên ấy. Có công ăn

việc làm rồi, bà ấy sẽ lo cho em một tấm chồng.

Govinda bừng bừng tức giận:

- Thôi đi, tôi biết những con mụ kiểu ấy. Tôi biết những công ăn việc làm kiểu ấy.

Govinda kể. Sabana kể. Chuyện mụ tú bà suýt mang cô đi. Sanjay cứng đờ ra. Đến như vậy, anh ta chẳng còn biết làm gì với đứa em gái tội nợ đột ngột trở về.

- Tôi mang Sabana về cho anh. Đâu có biết lại làm cho anh khổ sở thêm như vậy.

Govinda lên tiếng. Nhưng chẳng có ai biết nói gì thêm nữa.

- Cô ấy đã về đây cùng với tôi. Thôi thì hãy để cô ấy ra đi với tôi.

Sanjay thở phào. Sabana rưng rưng nước mắt.

- Làng tôi ở bên kia thung lũng. Làng Vasant. Khi nào muốn, anh có thể sang đón cô ấy về.

Sabana òa khóc, gục đầu vào ngực Govinda:

- Anh không sợ vì em đã từng là Nữ Thần Đồng Trinh hay sao?

- Anh đã nói rồi. Ở quê anh không có thần linh để sợ.

*

Tôi đã gặp đôi trai gái ấy. Khi họ đã thành vợ thành chồng.

Lạ lùng thật, cách họ một dãy núi, ở phía bên kia là cái thung lũng quê hương của Sabana. Trong cái thung lũng như lòng chảo, núi non vây tròn quây gọn xung quanh, con người ở đấy chẳng bao giờ biết đường chân trời là cái gì. Ngước mắt nhìn lên chỉ thấy núi xám xịt. Trong cái thung lũng chật hẹp quẩn quanh ấy có đủ các cuộc biểu tình lớn biểu tình nhỏ. Có đủ các nhà chứa lớn nhà chứa nhỏ. Có các Nữ Thần Đồng Trinh mới được phong thần, thay thế cựu nữ thần thất sủng vì bị chảy máu.

Thế mà chỉ vượt qua bức thành núi non, ra khỏi thung lũng, sang hẳn bên kia núi là đến một đồng bãi phì nhiêu. Ở đó có đường chân trời.

Ở đó có hai người yêu nhau. Làm ăn mà yêu nhau.

HỒ ANH THÁI



CAO XUÂN TỨ

Một Thành Phố Khác

Sợi mây quệt lưng đồi nhỏ xuống
Giọt bình minh ướt mấy ngón tay hồng
Cờ bát quái phất phơ trên đỉnh tháp
Phố ngáp dài bò theo nửa nhánh sông

Nắng la tinh mỏng môi người góa bụa
Mẩu xì gà hong khói nhạt mùi hương
Năm trăm năm mút mòn tủy thuộc địa
Còn lại đây vàng võ một khúc xương

Hãy một lần một lần chơi bằng mắt
Con bọ cười trên châu báu niêm phong
Thở bằng tai giữa khung trời tím ngắt
Lóng trong chiều vụn vỡ tiếng Fado

Nhìn xa mãi nhìn chưa vơi quá khứ
Lồng bóng gương nhầu khuôn mặt Pessoa
Cốc Porto mửa ra dòng mật ngọt
Theo nước triều lịm mãi tận Timor

Thành phố này là một lời giã biệt
Với quán hàng với ngày tháng chưa xa
Trong vườn thú con công xòe điệu vũ
Quạt cánh màu tung lớp bụi thăng hoa

4.2000
CAO XUÂN TỨ



ĐỖ KH.

chốt nút đầu tiên của con tôi



Con đường rất hẹp, vừa đủ để cho chiếc xe cá mập 15 chỗ chen giữa hai dãy nhà. Vào lúc trễ trưa này, những cái mái thấp vẫn để nắng ăn hết ¾ mặt lộ. Hai ba người thanh niên chợt hiện ra một góc, chập chờn trong cái nắng chói chang. Họ khoát tay ra hiệu. Ông tài tấp về phía họ, chòng chành ngưng chiếc xe đang chậm.

Từ băng ghế áp chót, chỗ tôi ngồi, những lọn tóc quăn uốn chải của ông ta và cái gọng kiếng mát vàng át mất một phần cái khung cửa kính có mấy khuôn mặt chụm lại tức thời. Bên trong tối và bên ngoài sáng, tôi vểnh tai tìm những chữ gốc Pháp trong thổ ngữ créole bị đứt quãng bằng những câu Ấn Độ.

"Phía bên kia, đường tắc".

Một đứa trẻ đạp đứng trên trên chiếc xe người lớn trờn đến cạnh bên thành, mặt mày nghiêm trọng của những buổi phát phần thưởng. Vài người đứng tuổi ở trong nhà lấp ló sau hàng dâm bụt, chuyến xe đơn độc của hãng du lịch Mautourco ở quãng hương lộ này thành sự cố.

"Rẽ phải", "Rồi trái", những hướng dẫn lẫn vào với những địa danh mà mới đến đây vài ba ngày tôi chưa nắm hết: Thông Ống Tẩu, Lũng Nai Cái... Ông Tài ngập ngừng rồi quyết định đi thẳng tiếp. Một

thanh niên chõ đầu vào nhìn gia đình tôi trên những băng sau lập đi lập lại bằng tiếng Pháp rành mạch: "Chiều nay gặp lại! Chiều nay gặp lại!"

Ờ thì đường cắt, nếu không về được đến khách sạn thì chiều nay trở lại đây ngủ tối chứ sao. Ít ra còn có anh này nhiệt tình mời. Ông tài lầm lì ra khỏi làng, nhấn ga băng những ruộng mía non trải dài hai bên.

Ở ngã ba đâm ra đường lớn, có mươi hai mươi người tụ tập, phần lớn là trai tráng, áo thun quần cộc hay cởi trần sarong quấn ngang bụng, một thành quách sẫm án ngữ trước những rặng dừa bập bềnh xanh. Lại gần, vài cái nốt cam là những cái nón bảo vệ trên mấy khuôn mặt trung niên ngồi trên yên xe mây. Và màu tươi là những cây gậy tầm vông vừa mới vót cầm tay.

Lát sau, theo vợ tôi thì có cả những chướng ngại gạch vừa đổ ra trên mặt nhựa, vỏ lốp xe đốt cháy để ngăn đường. Nhưng tôi không chắc ở điều đó, có thể là do từ những hoàn cảnh khác nhau của quá khứ nàng lẫn lộn quay về. Tôi chỉ thấy những khuôn mặt, vừa thân thiện vừa nhăn nhở vì kích thích.

"Về phía này, về phía này", những cây gậy tầm vông nhấp nhô. Chiếc xe rẽ phải trên lộ lớn, dọc những rặng dừa yên ả, đâm thẳng vào khung cảnh địa đàng cố hữu của đảo Mauritius.

Ông tài ngoái đầu lại: "Người thanh niên ở trong làng, hẹn chiều nay gặp lại, là nhân viên ca tối làm trong khách sạn."

Chiều nay gặp lại, trong khách sạn nhìn ra bờ biển có hào san hô sóng vỗ ở ngoài xa của Ấn Độ Dương. Mauritius ở Nam bán cầu, cách châu Âu mười mấy giờ bay và lục địa châu Phi 1700 cây số, bỗng trở thành nổi tiếng trong thập niên 70 từ khi có mấy vị hoàng gia Anh quốc biến thành nơi họ có thể cởi bỏ mũ mão và mặc quần cộc đi chân không đến nghỉ hè.

Hơn triệu dân cư chen chúc trên hòn đảo dài 65km rộng 40 này đồng loạt xoay người để cho du khách rủng rỉnh có chỗ mà phơi nắng ngả mình. Vì ở dưới bán cầu nên khi ở Âu châu đang đông thì đây hạ, tiện cho minh tinh màn ảnh Paris mang áo tắm đón giao thừa. Ngành du lịch phát triển theo hướng "có giá trị" và phương châm "Thà đón khách tiêu 10 đồng còn hơn đón 10 khách tiêu 1 đồng" từ đó dính liền với ngôn hiệu "Ngôi sao và chìa khóa Ấn Độ Dương" của quốc gia.

Các bãi đẹp nhất đảo uốn éo thêm những khách sạn mái lá theo phương thức "quán đèn cầy thanh lịch hơn quán đèn néon". Dân chúng thì hiền, mặc dù nước da không được trắng. Ở đây không có trẻ

xin tiền, bán dạo, không có thanh niên móc túi, móc dao. Vậy mà cũng có lọan. Hai con tôi, lên 5 và 7 nằm mỗi đứa trên một hàng ghế giữa từ nãy giờ vẫn ngủ vùi. Chúng không có có dậy mà chứng kiến chốt nút đầu tiên ở trong đời.

Lần đầu của tôi, chắc tôi lớn hơn tụi nó vài ba tuổi. Trước mặt tôi và giữa hai đôi chân của hai chị vú, người lính dân vệ mặt mày hớt hải thu người thật bé trên sàn xe. Bố tôi đã quay đầu xe ngay từ lúc anh ta chặn lại, tự động mở cửa sau và chui tọt vào ngồi thụp xuống núp mình. Đằng sau, mấy người lính khác chậm chân nhớn nhác tay súng, quốc lộ đì đẹt lên khói những hàng cau. Đó là vào đầu thập niên 60. Tấm bảng bằng xi măng đúc địa danh "Quán Chim" bên vệ đường lỗ chỗ những vết đạn mới.

Vào dịp cuối tuần, ngay cả trong niên học, bố mẹ tôi thường đưa tụi tôi đi tắm Vũng Tàu, lúc đó còn quen gọi là "Cáp". "*Ra đi đón gió trùng dương / Trở về lòng những vấn vương Vũng Tàu*". Thời Đệ nhất Cộng hòa, vào thị xã có trạm trả thuế gọi là nghỉ mát nhưng con đường từ Sài Gòn ra đã bắt đầu bất an và du kích địa phương không nắm vững khái niệm Week-end nên không bao giờ tôn trọng. Xe đò thường bị chặn bắt lính tráng, xe con cũng có khi ngừng lại trả thuế cách mạng.

Đó là lẻ tẻ đột xuất, nhiều lúc Mặt trận ra oai cắt đường. Sáng tụi tôi dậy sớm, nôn nao ra biển, gần đến Phước Tuy súng nổ đì đoàng đằng trước lại quay về. Tôi không hiểu tại sao, bao giờ chốt nút cũng trên đường đi ra biển chơi, không lần nào vào chiều chủ nhật trên đường về Sài Gòn để thứ hai đi học.

Suốt thời gian đó, tôi chỉ bị chiến tranh quấy phá những cuộc vui, chẳng bao giờ quấy phá học hành, ngoại trừ mấy tháng Mậu Thân nhưng Tổng công kích đợt 2, nhiều đêm tên lửa 122 vào thành phố, cái trường tôi to tướng nằm bên hông dinh Độc lập không một lần trúng quả nào cho cháy mẹ nó cái văn phòng Đốc học. Những chốt nút đầu tiên trong đời cũng vậy, tôi gắn liền với những cuộc chơi dở dang.

Sau này, đây đó, tôi còn gặp nhiều chốt nút. Tất nhiên là phải quay đầu hay rẽ lối khác nhưng cũng có chốt được băng qua. Nhớ cho kỹ, tôi chỉ gặp chốt ngày, thường là buổi trưa trời nắng và đường lơi lả vắng, có lẽ là tại biến loạn thì ít người ra lộ và không phải là không có chốt đêm mà chỉ tại là đêm thì tôi ít đi đâu. Buổi trưa, trời nắng, lần này thì chắc chắn là có gạch vữa ngổn ngang, bao cát và lốp xe khét lẹt ngăn đường vắng, cô du kích Palextin nghiêng người nhìn vào xe

một lúc, bộ ngực đè nặng vào thành kính, "Lên núi hả... nhưng các anh cẩn thận". Cô ta cười chúm chím "Chúc đi đường bình an". Cô ta lùi ra, hai trái lựu đạn dắt ở hai bên dưới vai phập phồng. "*Trưa vàng cỏ biếc vườn xanh/ Môi em tím đỏ đầu cành phượng xưa*"[1]. Chốt nút này tôi ấn tượng mềm mại nhất. Hai quả lựu đạn F1 Ba Lan.

Chốt nút lần chót của tôi, tôi không được cho qua. Trên chuyến xe đò chỉ có tôi và hai người đàn ông trung niên khác là người ngoại quốc. Khi người lính Croatia leo lên xe thì có lẽ hai người đàn ông này lo ngại nhất trong đám hành khách. Họ lục lọi túi áo, cầm tay sổ thông hành mà tôi không nhận ra được của quốc gia nào, nhưng nhất định là một xứ hồi giáo. Tôi chức họ đã quá tuổi tình nguyện đánh đấm giúp người Bosnia đồng giáo nhưng mang tiền, mang thuốc hay gì đó tinh thần để yểm trợ những người Hồi Nam tư. Người lính Croatia nhìn tôi, nhìn họ rồi nhìn mọi người. Ngoài xe năm bảy anh rằn ri súng ống gác tay. "Không qua được, người lính thông tin hơn là ngăn cản. Phía bên trên là địch, vệ binh Serb - Bosnia".

Tôi không qua được và cũng không tìm ra đường vòng, lối khuất. Tôi không vào được Sarajevo bằng đường hầm dưới núi Igman để bắt tay Lữ đoàn 7 Bosnia và tìm ra cô hoa hậu thành Sarajevo công thủ vừa mới được lên ngôi. Cô này về sau lấy một anh chồng nhà báo Hà Lan theo anh ta về xứ phẳng và nhiều xe đạp, đáng đời. Nhưng tôi không bao giờ gặp, uổng công tôi sắm cả áo giáp chống đạn 11 lượt vải Kevlar và cặp kính mát Oakley (thermonuclear protection) nghe nói là đỡ được cả đạn bi bắn cách 30 thước mà không thủng. Tôi ôm túi hành lý đầy những thỏi sô cô la và nước trái cây là lương khô đủ để nằm chốt 7 ngày về ngay Zagreb vào Inter Continental nằm xem chiến sự trên truyền hình, ủ rũ nhìn Christiane Amanpur phỏng vấn Radko Madlic tướng quân.

Trong phòng khách sạn tôi đeo kính chống đạn, thay tròng nhìn đêm không phải loại nhìn ngày ngoài nắng, nhưng không mặc áo giáp. Kevlar Class III chỉ đỡ được đủ lọai súng ngắn, tôi không mang theo cái chắn lót ngực bằng ceramic để chặn được đạn AK nhưng nặng như cùm. Vào minibar của phòng ngủ dễ hơn là vào Sarajevo, giữa bia lạnh và tôi không có chốt nút, chỉ có một cái nắp khui li ti tụ hơi nước. Zagreb về đêm dạo đó cũng không còn chốt nút, chỉ có quân nhân ít tiền về phép tha thẩn trên đường và doanh nhân địa phương đồng hồ vàng áo quần Versace thầm thì hàng quán trên điện thọai di động.

Chốt nút về đêm ở Zagreb là phụ nữ phì phèo tốp 1 tốp 2 dưới những tàn cây nhưng những cô này không cô nào ngăn tôi được. Họ

không mặc đồ trận ngược lưng tưng lựu đạn mà quần cộc váy ngắn, môi không chúm chím mà miệng mở to ngậm sẵn bao cao su mùa dứa Pina Colada hay là mùi dâu Daiquiri.

Hai ông hồi giáo đồng hành tôi không biết về đâu.

Chắc là họ vẫn đeo đuổi sự nghiệp giúp người Trung Âu cùng tín ngưỡng, đạt thành Sarajevo có thể và vào giờ này, hiện nay, có khi là đang hì hục hoạt động đồng tuyết phủ Kosovar trong khi tôi ngồi cạnh bể bơi ở tận đây hì hục giúp vợ thoa kem chống nắng. Tuy không tín ngưỡng lắm nhưng nàng cũng người Hồi.

Ở đây bạo loạn bắt đầu hôm tôi vừa mới đến. Từ phi trường quốc tế vẫn còn rất lụp xụp kiểu thập niên 60 với cửa kính bẩn và quạt trần nặng nhọc, anh tài đón chúng tôi đã nôn nóng: "Bữa nay, may mà ông bà về vùng biển Đông của đảo, chứ lên miền Bắc không cách nào đi nổi."

Bên ngoài là cái nhớp nháp của nhiệt đới dính vào da. Cuối tháng 2 ở Nam bán cầu là những ngày sắp hết của mùa hè, những hàng phượng vĩ hai bên chỉ còn lập lòe những đốm đỏ.

"Tại sao vậy?" tôi hỏi, "Tắc đường hả?"

Tôi nghĩ đến thành phố lớn tôi phải đổi những ba chuyến bay vừa mới thoát ra được:

"Không phải tắc đường mà là nút chốt."

Hai chữ "nút chốt" rùng rình ngay trong tâm tưởng .

Lần này, ở đây, là vì ca sĩ Kaya, tên thật Joseph Reginald Topize và biệt danh là Bob Marley Chagos quần đảo, người gốc Phi Châu, hát reggae và tóc kết dreadlock như thần tượng vùng carib, chẳng hiểu cớ gì phải vào khám trung ương và từ trần tại khám vì chấn thương sọ não, ôm đầu máu theo thầy về thế giới bên kia xanh rì của cỏ cần sa. Người gốc Phi, 20% dân số của một quốc gia 70% người gốc Ấn, những kẻ mà chính phủ gọi là "bị cuộc phát triển không đồng đều của thập niên vừa qua bỏ rơi" bèn nhất loạt ra đường đốt xe buýt và các công sở. Trong vòng 72 tiếng đồng hồ, cảnh sát đặc biệt lưu động hết hơi, thủ tướng Navim Rangolaam xuống giọng nhỏ nhẹ xin lỗi, vài viên chức cao cấp bị đuổi, chủ tịch Cassam Uteem chia buồn cùng tang quyến, một chuyên gia giảo nghiệm tử thi từ Réunion, tức là nước ngoài, được mời sang điều tra. Ông này hoãn binh khôn khéo, tuần sau tôi mới có kết quả tường trình. Trong khi chờ đợi tuần sau, tình hình bập bềnh sôi sục và từ từ lắng dịu.

Anh phục vụ ở quán nước trên đường đến Vịnh Lớn có vẻ bất bình khi vợ tôi hỏi thăm tình hình (dĩ nhiên là bên ngoài trời nắng và

những rặng phi lao rì rào trên bãi): "Ở Mauritius, lần trước biến động là từ năm 68, kỳ này chết có 2 mạng còn ở xứ các bạn ngày nào cũng đổ tuyết từ trên núi xuống chết vài chục là thường." Người địa phương, tôi không hiểu là có coi thường việc này giữa họ với nhau hay không nhưng khi tiếp xúc với du khách đều đồng thanh giảm lượng "Chẳng có gì" "Hôm nay hết rồi" "Không sao".

Giống như những đảo cách 10,000 cây vùng Carib, Ở đây, "No problem" là thành ngữ quảng cáo du lịch đầu môi.

Thông tin ồn ào nhất trong lobby khách sạn là do một ông Pháp ngoài 50. Ông ta mặc áo sơ mi hoa Hawai phanh ngực ăn nhiều nắng, chân trần xỏ trong giày boong tàu thủy, dáng dấp tay chơi thuộc địa bản xứ hơn là một người du khách. Ông ta tự động ngồi vào dãy bàn dành cho công ty dịch vụ hướng dẫn vắng, nhấc điện gọi Đông Tây.

"Tụi tôi bị *nhúp*, bị *nhúp* hoàn toàn" các từ giải thích cho người đối thoại ở trên máy "có nghĩa là kẹt cứng, không đi đâu được." Ông ta nhìn tôi "Ở đâu cũng có công an, quân đội". Cô gốc Phi ngồi bàn bên cạnh duỗi hai chân (đen) dài cười vụng, lấp ló cái quần lót (trắng)

"Chị có chắc tối nay về được đến nhà không?", tôi hỏi.

"Chắc chẳng đến nỗi nào"

"Cả bọn mình bị *nhúp*", thực dân đánh thuê giơ hai tay lên trời.

Tại ông Pháp này, màn vừa trên loáng thoáng vai Jean Carmet thủ diễn trong phim của Volker Schlondorf ở Beirut, một tay buôn khí giới trong bar của khách sạn Phoenicia ngước nhìn lên trời buông hai chữ "Đông Phương!".

Nhưng Mauritius giờ chưa cần đến tây buôn vũ khí, tôi vừa chỉ thấy gậy tầm vông. Biết đâu, mới là khởi đầu, lúc nội chiến Nam tư lục đục mở màn, trên truyền hình tôi thấy có người đeo súng có hơi ép để đi săn chim sẻ thì sao. Năm 45, tự vệ thành Hà Nội chỉ đeo súng gỗ, vậy mà dần dà rồi cũng chết cả triệu người. Ông Pháp du khách ở giai đoạn này là một tay buôn ná cao su và cô hướng dẫn nhất định về nhà, không trú lại. Phòng con tôi thì còn dư giường tị nạn, chứ phòng tôi thì không.

Ba ngày, tôi không rời khách sạn, nhưng khách sạn này nằm một xó, cách cái thôn đầu những 5, 3 cây số. Sáng tôi đi lặn coi cá, trưa tôi nằm ngủ ghế dài, tối nhìn biểu diễn vũ dân tộc Sega - "còn hơn là Lambada", một điệu vũ của những người nô lệ gốc Phi. Vợ tôi nhận xét, "chỉ có cổng xe ra vào của khách sạn là lúc nào cũng đóng chặt." Chúng tôi đi chơi tàu lặn, no problem, no problem, chỉ trừ cái chốt nút

kể ở trên. Nó không phải là cái chốt nút của người phiến loạn, nhưng chốt nút của dân làng để chặn hôi của và cướp tiệm chạp phô. Những cái gậy tầm vông không cần áo giáp để chắn.

Trên du thuyền đi thăm đảo nhỏ ngoài khơi tôi say sóng, thấy mình dại dột trong việc đi chơi. *"Khi tôi chết, xin mang tôi ra biển. Khi tôi chết, xin mang tôi ra biển. Khi tôi chết, xin mang tôi ra biển."*(2) tôi tụng không ngưng miệng, nhưng khi tôi còn sống, xin để tôi yên trên đất liền.

Tôi gượng đùa với vợ "Kinh nghiệm ngày 30-4 ở Việt Nam, khi nào loạn, cứ ở trên thuyền trước là chắc ăn." Nhưng lần này tôi không 1800 hải lý trực chỉ Nam Triều Tiên qua eo biển Đài Loan gập ghềnh những ngọn sóng cao 15 thước mà nằm phơi nắng một chỗ đến tróc da. Chung quanh tôi, chẳng cần xin xỏ ai, phụ nữ đều tự động cởi trần áo tắm để bầu vú cũng sẫm lại với núm một màu.

Ngày hôm sau, ở dưới tàu lặn âm 30 thước, lại càng chắc bụng, xa vời những biến động phố thị ở đất liền, tôi có thấy được một con cá đuối, nhưng con này tầm vừa vừa và nằm yên trên đáy cát. Ở Polynesia, nhưng đó là đầu kia thế giới, có lần bơi xuồng tôi được thấy một con cá đuối lớn lờ lững lội ngang, hai cánh bập bềnh trôi trên san hon như tiếng sáo đại bàng El Condor Pasa của những rặng núi Andes.

Đi coi cá, đi lặn, nằm để vú phơi nắng mang lại cho Mauritius mỗi năm lợi tức $500 cho mỗi đầu người. Ông bộ trưởng du lịch chạy long xòng xọc, gửi fax đi khắp châu Âu, sang đảo kế cận thuộc Pháp là Réunion "No problem". 25% khách du lịch ở đây là từ Réunion sang cách có ½ giờ bay. (Réunion ngày trước có Duy Tân bị đày nhưng không phải vì thế mà tôi không muốn đến, tôi chỉ suy là người Réunion sang đây nghỉ mát thì tôi sang Réunion nghỉ mát làm gì.)

Nhưng phát triển ngành du lịch, những khách sạn "bảy sao", bãi trước không được đồng đều, ngành đường mía, ngành may mặc là những kĩ nghệ địa phương hàng đầu cũng vậy, người có việc người không. Ông tài người Ấn Tamil sặc hơi bia của một chiếc taxi, giữa hai chặng tấp lại rủ chúng tôi mua xoài phân bua một cách không mạch lạc:

"Ở đây là vậy, cứ bọn vô công rồi nghề làm loạn. Như tôi đây, ngày nào cũng làm, sáng dậy 5 giờ 6 giờ chạy xe cho đến đêm. Kìa, có hàng xoài kìa."

Ông ta tấp lại cho chúng tôi mua bằng được. Thoạt tiên tôi nghĩ ông này ăn hoa hồng của hàng trái cây. Nhưng sau ba bận như vậy thì chắc là không phải. Ông ta có lẽ bị ám ảnh bởi xoài + du khách + hình

ảnh của Mauritius và muốn dùng ấn tượng xoài địa phương để phá tan đi những ấn tượng u ám về quê hương của ông do bọn "vô công rồi nghề" gây ra với du khách nước ngoài.

"Bọn này chỉ chực loạn để đi hôi của". Tôi nhớ đến cái cửa hàng quần áo ở đường St André des Arts khu Latin ở Paris mà có lần tôi tiếp tay đập vỡ cửa kính xông vào hôi được một cái đầu người mẫu, mang về để cạnh giường làm nơi đặt cặp kính mỗi khi đi ngủ. Tôi nhớ đến một biến động ở Los Angeles trước biến động Rodney King nhiều năm, người em trai tôi hăm hở dắt súng vào bụng "Nó gần tới khu này rồi, tao với mày xuống cửa hàng điện tử khiêng đầu vidéo".

Cái siêu thị Mont Choisy hình như vừa mới mở cửa lại nên xoài chỉ có vài ba quả cũ và mấy nải chuối. Gọi là siêu thị nhưng nó chia làm ba phần, một cửa hàng quần áo phía mặt đường cho du khách qua lại, sari, T shirt và áo tắm. Bên trong là cửa hàng lưu niệm lỉnh kỉnh nhâ.p từ Abu Dhabi hay Ấn Độ từ trong những thùng đang gỡ dở. Ngăn giữa bầy bán thực phẩm, lối vào cái cửa sắt kéo hờ hững nửa đóng nửa không, ông bà chủ người Ấn Hồi Bihar chắp tay qua lại, hai cô con gái vừa vụt lớn lóng ngóng đôi chân. Đây xa những ngoại ô thủ đô bị hôi của và ngày hôm qua đài loan tin có 116 người bị bắt làm gương.

Nhưng biết đâu được, cửa hàng này như vậy cũng rủnh rỉnh và nếu lợi tức bình quân mỗi đầu người của quốc gia hàng giàu nhất châu Phi này là USD4,000/năm thì chắc cũng có của để mà cướp. Tôi không vơ vội mấy trái xoài bỏ chạy ra đường cái mà nhìn hai cô gái ngồi bệt xuống sàn giúp vợ tôi lựa những cái áo gối thêu kính lấp lánh. Kinh nghiệm giặc giã của một bà chị ở Việt Nam vụt trở lại trong đầu: chạy lọan, phụ nữ tốt nhất nên mặc váy, ngồi đâu đái được đấy khỏi lộ liễu tụt quần.

Tôi không đọc báo địa phương, xem T.V loáng thoáng, ông thủ tướng cũ của đảng bây giờ trở thành đối lập lớn tiếng chỉ trích chính phủ đương thời vô trách nhiệm. Thủ tướng hiện nhiệm trả lời là có người đã mất tín nhiệm với cử tri rồi mà vẫn tưởng là mình còn đang cầm quyền và khiêu khích những phần tử phiến động. Ông taxi của tôi thì la.i coi nhưng phần tử này rất nhẹ.

"Mấy ngày qua, ngày nào tôi cũng chạy, từ đây lên thủ đô Port Louis, từ đây xuống ngược đến trường bay, khi nào gặp chút nốt thì xuống xe, tụi nó bắt ra nhảy Sega (còn nóng bỏng hơn là Lambada), thì tôi ra nhảy. Tôi biết nhảy Sega, vậy là qua! Đằng kia có hàng xoài kìa, họ bày ra đường, chỉ còn có 4 thùng chót này là hết".

Ông ta tấp lại.Tôi không mua 4 thùng xoài và cũng không hỏi ông ta là mỗi lần gặp chốt, họ có bắt cả uống bia Phoenix không trong khi nhảy Sega. Cái đó thì tôi không biết nhưng tôi biết là có bất công thì mới có bất bình và có bất bình thì dễ làm loạn tự mình chẳng cần ai khiêu khích, đảng đối lập hay là bàn tay ngoại nhân. Tôi biết là ở đâu cũng vậy, người ngồi rồi là kẻ không kiếm đâu ra việc, thằng đập cửa hàng tạp hóa bao giờ cũng hôi được ít của hơn là đứa ký giấp phép cho xây khách sạn hai trăm chòi nghỉ mát ở một vịnh chưa được khai thác. Kẻ ném đá vào xe con bao giờ cũng đứng ở ngoài nắng và người bị ném bao giờ cũng ngồi êm ả mát điều hòa.

Ca sĩ Kaya không hiểu có hát lên bập bùng những điều này hay không mà vào nằm khám, đã được công an dìu hai bên mà lại vừa đi vừa hát nên vấp vào đâu ngã vỡ đầu, đã chết lại còn gây ra biến loạn làm ra chốt nút đầu tiên của con tôi trên đường nghỉ mát Ấn Độ Dương.

Không biết điều là thế, chẳng riêng gì ở Mauritius lung lay hoa giấy với trúc đào. Ngày trước, thanh niên Pháp của tháng 5 - 68 đặt ra khẩu hiệu "*Dưới gạch lót phố là bãi biển*". Ở Mauritius, dưới bãi biển lục rất kỹ cũng tìm ra được đá lót đường để ném hiến binh. Lần này, các con tôi nằm ngủ trên xe nên không được mục kích nút chốt đầu tiên gặp trong đời. Nhưng đến hôm phải trở về, hết được chơi, thằng bé út ít ra cũng nhìn ra được cái hay của biến cố.

Nó từ chối lên xe, nói: "Mình không về Pháp đi học được. Ở phi trường, người ta đã đốt hết máy bay."

ĐỖ KH

(1) Tran Da Tu
(2) Du Tu Le



LÊ THÁNH THƯ

Van Gogh

Chỉ có cái chết mới gỡ được
không còn cách nào khác...
phút cuối đời
ít thuốc hút và chiếc pip
chỉ còn hơi thở cuối và cái nhìn cuối chậm rãi dịu dàng
vẽ kín mặt cbiều không màu không sắc
vẽ kín mặt đất thiếu ân cần
chặng đường thánh giá
cắm xuống cánh đồng lúa héo
cắm xuống bầy quạ đen háu đói

Không hoa không ai điếu
âm bản đời ông
không tiếng động
không thở than
không thì thầm...

Người hành đạo bằng màu
người của nắng gió
　　　　　　của đất và hoa
người mẫu mực đến tận cùng cái chết

Sống là chọn lựa
Không gì than vãn xót xa...

LÊ THÁNH THƯ



ĐỖ QUỲNH GIAO

Lisa và con thỏ bông.



Lisa mở hé cửa phòng nhìn ra ngoài. Trong hành lang vắng tanh không một bóng người, từ văn phòng y tá ở sát thang máy văng vẳng tiếng nói chuyện râm ran như lũ ong đang chờn vờn bên khóm oải hương.

Đã hai tuần ở đây, Lisa gần như thuộc làu thời khóa biểu trong ngày. Tấu khúc trổi dậy vào lúc bẩy giờ sáng, mở đầu bằng tiếng giày dép kéo lẹp xẹp của các y tá đi lại trong hành lang pha lẫn tiếng nghiến bánh kèn kẹt của xe đưa thức ăn, và tiếng gõ -mở cửa phòng cùng một lúc của bà y công người da đen có giọng nói nhừa nhựa kéo dài từng tiếng một.

-Chào cô Lisa, đêm qua ngủ ngon không? trà cà phê sữa sô cô la? và không đợi câu trả lời,

-trà nhé, chúc cô ăn ngon.

Bà nhớ rõ ý thích của từng người khách trọ ở lầu một, dãy A dành riêng cho bệnh nhân nhỏ tuổi tại bệnh viện tâm thần này.

Khúc nhạc trèo dốc crescendo, lớn dần khi bà y công đẩy xe trở lại thu dọn bữa ăn sáng, chiếc xe được dịp lại tiếp tục chì chiết đay nghiến khiến ly tách bực mình khua loảng xoảng. Nốt mạnh nhất đến vào lúc phái đoàn y tá bác sĩ lục tục kéo đến viếng thăm mỗi phòng, tiếng mở-đóng cửa, tiếng hỏi, tiếng trả lời, tiếng cười, tiếng nói trộn lại bỗng chốc nhốn nháo lao xao như họp chợ.

Sau đó thì nhạc theo dốc descrecendo thoai thoải nhỏ dần và gần

như mất hút lúc gần mười một giờ.

Lisa bước hẳn ra ngoài hành lang, chiếc áo ngủ rộng thùng thình khiến cho thân hình vốn gầy guộc sẵn càng thêm mỏng manh.

Nó cúi đầu nhìn xuống sàn nhà, và bước từng bước thật chậm, bàn chân để lọt hẳn vô từng ô vuông gạch hoa lót sàn. Nó co chân lên như muốn nhảy lò cò, nhưng hai ống xương chân khẳng khiu không đỡ nổi khiến nó khuỵu xuống.

«Mình nặng quá nên nhảy không nổi, phải nhẹ hơn như lúc trước chơi lò cò với mấy đứa bạn trong trường. Cũng tại bà y tá trưởng, bà ấy khôn quá khó qua mặt được. Con nhỏ ở xéo phòng mình thật ngốc, ai đời lại đi dấu cuốn sách trong quần lót lúc đi cân, làm như bà ta không biết khám. Mình xì nẹt lắm, đã tính toán kỹ càng hết rồi ai dè lại bị bà ta phá đám. Bả đợi cho thức ăn tiêu tán hết trong bụng rồi mới cho đi cân, mình cố móc cổ để nôn ra mà chả được chi cả. Hèn gì mà mình mập ra. Mà tại sao ở đây họ lại bắt mình phải mập ra mới cho về thăm nhà, tại sao Man lại nghe lời họ để mình ở lại đây, mình khoẻ mạnh chứ có đau yếu gì đâu, mình đâu có gầy gì mà phải lên ký. Mình ghét mọi người ở đây, từ bác sĩ cho đến y tá, y công. Họ hùa lại một phe để bắt mình ở lại đây, còn làm bộ dùng chữ chuyên môn để hù Man, cái gì là anorexie mentale (1), bộ ăn ít là khùng còn ăn nhiều là không khùng. Còn lâu, mình nghĩ ăn nhiều mới là khùng, mà không những chỉ là khùng thôi mà còn khùng nặng nữa là khác. Lão bác sĩ còn dám dỗ ngọt mình nữa, cái miệng thơn thớt nói nào là thương lượng nào là điều đình, thương lượng kiểu gì kỳ vậy- có lên ký mới được về nhà- bắt ép mình thì có. Lão vừa giả dối mà lại còn ná nữa, cái mặt đã choắt lại thêm cặp mắt kiếng nằm xệ trên mũi, trông thật không giống ai hết. Còn bà y tá trưởng ụt ịt như con vịt bầu cứ đi rình rập xem mình có ăn hay đã nôn ra. Mình ghét họ nhưng vẫn phải giả vờ dạ dạ vâng vâng, tất cả cũng chỉ vì muốn được về nhà. Mình muốn gặp Man gặp Pa gặp anh Thierry, mình nhớ họ quá, mình nhớ Man quá.»

Như mọi đêm bà mẹ vô phòng Lisa trước khi cô bé lên giường ngủ. Bà ôm con vào lòng tỉ tê:

-Chóng quá, mới ngày nào còn bé tí xíu mà nay đã là thiếu nữ. Lisa yêu của Man, Man dặn con chuyện này, nay con đã là người lớn rồi, con nhớ cẩn thận ... khi nào đi chơi với tụi con trai .

-Man, con biết rồi, mấy chuyện này trong lớp bà thày đã nói hết ở giờ giáo dục sinh lý rồi. Con gái khi đã thấy tháng thì có thể có bébé khi gần con trai, bà thày còn cho chiếu cả phim chỉ cách mặc áo mưa

lúc làm tình để tránh Sida và để đừng có em bé nữa. Man đừng lo, con biết hết mà.

-Lisa yêu của Man bây giờ hết là cô bé rồi mà là một thiếu nữ, là một người lớn sắp cao gần bằng Man đây này. Rồi mai mốt có người yêu có chồng có...

-Man, con không muốn làm người lớn, con không muốn làm thiếu nữ, con chỉ muốn làm thỏ con của Man thôi.

Lisa chỉ con thỏ nhồi bông màu hồng nằm trên giường cạnh nó và nói tiếp:

-Đây là thỏ con của Lisa, và Lisa là thỏ con của Man.

-Dĩ nhiên rồi, Lisa mãi mãi là thỏ con của Man, thỏ con ăn nhiều cà rốt, thỏ con chóng lớn...

-Man, Man nói cho con nghe tại sao Man gọi con là thỏ con của Man.

-Con biết rồi mà, đã bao nhiêu lần Man nói cho con nghe rồi.

-Nhưng con thích nghe nữa, Man nói đi, con thích mà.

-Tại vì lúc Lisa còn bé tí xíu, bé bằng ba gang tay của Man thôi, khi ngủ Lisa thích ôm con thỏ bông, ngón tay trỏ bên trái thì ngoáy vào tai thỏ còn bàn tay mặt thì mân mê trái tai của Man, Man thấy dễ thương quá nên gọi Lisa là thỏ con của Man.

Cô bé rúc vào lòng mẹ, tay trái với ra tìm con thỏ bông và tay mặt chầm chậm đưa lên tìm tai mẹ. Bà mẹ hát khe khẽ:

-Mon petit lapin a bien du chagrin- thỏ con của tôi đang buồn rầu

il ne saute plus dans son p'tit jardin- nó không nhảy chơi trong vườn nữa

Saute saute saute mon petit lapin- hãy nhảy nhót vui đùa đi thỏ con của tôi...

-Man, con thương Man.

Đám con gái trải chiếu ngồi dưới cây anh đào già gốc to một người ôm không hết. Cành lá sum sê vươn vai xòe rộng, thả từng chùm bóng mát xuống vuốt ve những sợi lông măng trên cánh tay trần của các cô. Lisa ngồi bó gối ở một góc chiếu, nhìn các bạn bàn tán sôi nổi về party tối đêm qua. Nó thấy vui vui vì cái hăng say của các bạn, cô nào cô nấy cũng mở mắt thật to chu miệng thật nhỏ phê bình sát sạt người khác. Từ kiểu áo quần cho đến cách trang điểm không một chi tiết nào thoát khỏi lưỡi dao chém ngọt của các cô. Chỉ một cô bắt đầu nhóm lửa thì các cô kia xúm lại quạt mạnh cho ngọn lửa cháy phừng lên đốt phăng kẻ được nhắc đến.

-Con A. mặc mini ngắn cũn cỡn, tưởng gì té ra để khoe cặp đùi vòng kiềng, đã thế đầu gối còn đầy những sẹo.

-Con B. bày đặt vẽ mắt đen xì trông như bị té bầm mắt.

-Còn con Lisa nữa, sao mày cứ mặc đen thui từ trên xuống dưới hoài vậy? định để tang tuổi con nít cho đến bao giờ đây? Mùa hè trời nóng thấy mồ mà còn trùm áo tay dài, đã vậy lại chơi thêm cái khăn lùng phùng giống y chang con ma trơi... Ê Lisa mày đang đi dạo ở đâu vậy, tụi tao đang nói về mày đó.

Lisa giật mình:

-Hả, ờ ờ, tao...ờ ờ...

Nó lí nhí cái gì trong miệng không ai nghe. Lũ bạn tiếp tục sát xà bông nó:

-Mày phải đổi look mới được Lisa ạ, mày đã mảnh khảnh sẵn rồi bây giờ chỉ chịu khó ăn mặc classe (2) nữa là mày nhất đó, chứ cứ dến mấy bộ đồ này hoài trông ná lắm, giống hệt con quạ đen.

-Nói tới quạ, tụi mày thấy con quạ C. nó đang chớp đèn thằng D. không?

-Ừa, tao tưởng nó đang bồ với thằng E. mà.

Và như bao lần câu chuyện có đi quanh quẩn ở đâu rồi cũng ghé về bến cũ: trai gái, bồ bịch.

Lisa nằm dài xuống chiếu lơ đãng nhìn ra xa, nó đã rời khỏi đám bạn tuy vẫn có mặt ở đó.

Trời vô hè hầm nóng như bếp than, nắng xối xuống từng mảng lửa như để trút hết những ấm ức cất nén từ bấy lâu. Gió thương hại giọt mồ hôi rịn trên trán đám con gái nên chúm môi thổi nhẹ một hơi thoảng làm sợi tóc mai thẫn thờ ngơ ngẩn.

Bầu trời xanh man mác, một màu xanh êm ả dịu dàng như đang ru ngủ mớ mây trắng lười biếng nằm phơi người dài ra. Xa xa, một đám mây con mải mê ham chơi bay tách ra, chợt hốt hoảng quờ quạng tìm đường về. Dưới bờ tường, hoa thược dược trải thảm màu nũng nịu khoe áo đẹp với mẹ mặt trời. Một cụm hoa nhỏ mọc lẻ loi sát trong tường nghịch ngợm nhoài người ra ngoài, thân ngã gập xuống như để đòi phần sữa-nắng mẹ.

Lisa ngồi chồm dậy, với tay mân mê cánh hoa nhỏ, êm mướt như con thỏ bông của nó.

«Tội nghiệp mày quá hoa nhỏ ơi. Mày cũng lẻ loi nhu Lisa vậy. Chung quanh mày có bao nhiêu là bạn hoa, cũng như Lisa thì đang ngồi bên cạnh bao nhiêu bạn gái khác, nhưng hai đứa mình vẫn lẻ loi cô đơn. Man không ở nhà, Man phải đi làm hôm nay. Tại sao Man lại đi làm? mình không thích Man đi làm, mình nói Man đừng đi làm mà Man

vẫn không nghe. Tại sao không như lúc trước? Man bảo anh Thierry và mình lớn rồi không cần Man săn sóc nhiều như xưa nữa, mình đâu có lớn mình vẫn cần Man nhiều mà. Man nói phải đi làm để giúp Pa thêm vì ngoài tiệm Pa lúc này buôn bán rất ế. Mình không thích nghe mấy chuyện tiền bạc nhức đầu này, Man nói với mình làm gì. Mình muốn như lúc trước Man ở nhà luôn luôn, Man nói chuyện với mình, Man chơi với mình, Man gọi mình là thỏ con của Man. Man ơi, Lisa không muốn lớn, Lisa muốn vẫn còn bé như xưa. Lisa vẫn còn bé, vẫn là thỏ con của Man. Thỏ con của Man cần Man, thỏ con của Man nhớ Man, thỏ con của Man đang buồn đây... Mon petit lapin a bien du chagrin - thỏ con của tôi đang buồn rầu...»

-Saute saute saute mon petit lapin -hãy nhảy chơi đi thỏ con của tôi, đám bạn gái hát tiếp và cười rũ ra.

Lisa, mày mớ hay sao mà lại đi hát bài con nít vậy? bộ muốn bú bầu trở lại hả? mày muốn làm con thỏ con phải không?

Và các cô đứng dậy co hai tay lên, nhảy choi choi như đàn thỏ chung quanh Lisa.

Lisa bước ra khỏi bồn tắm, với tay lấy khăn lau . Nó ngước nhìn mình trong gương, vài giọt nước còn long lanh sót đọng trên người như nuối tiếc chưa muốn rời những đường cong lượn mới phác họa. Nó đưa tay lên vuốt nhẹ hai bên nách, và lần là đi xuống xoa thật chậm ở vùng dưới bụng, cái cảm giác nham nhám nhồn nhột nơi lòng bàn tay khiến nó hài lòng: nó vừa cạo xóa những nét mới trên thân hình đang thay đổi. Bàn tay dần dần đi ngược trở lên và cuối cùng dừng lại nơi bờ ngực nhấp nhô. Nó rùng mình nhắm mắt lại xua đuổi hình ảnh hai trái bưởi nhảy tưng tưng trước ngực con Sarah.

«Đã vậy mà còn mua áo số nhỏ hơn để mặc cho bó sát rạt, và còn cố tình ưỡn ngực ra thêm. Có gì đâu mà phải khoe, mình còn phải rút vai khòm lưng để che bớt nữa là khác.»

Lisa vuốt mạnh nơi ngực, càng lúc nó càng xoa mạnh thêm chà xát thêm như muốn ép dẹp san bằng hai trái vú cau trắng hồng cứ luôn luôn nhắc nhở nó hết là con nít.

«Mình không muốn cái này, mình không muốn nó, nó không phải của mình, nó xấu xí nó biến dạng, mình không muốn vậy, mình muốn như lúc trước...»

Nó òa khóc khi hai vú đỏ rát như sắp tươm máu.

Và Lisa bắt đầu nhịn ăn. Lúc đầu nó phải cố gắng rất nhiều để

đừng nghĩ đến ăn.

Buổi sáng nó uống chầm chậm từng ngụm trà nóng để quên đi tách sô cô la thơm lừng mùi cacao. Nó không dám nhìn đến cái dĩa sứ trắng có vẽ hoa hồng đựng mấy khoanh bánh mì trét bơ đang thách thức nó với lớp mứt dâu phủ lên trên màu đỏ rực óng ánh sắc vàng. Nó tránh không nhớ đến cái vị chua chua ngọt ngọt đang len lỏi qua từng ngõ ngách kẽ nướu chân răng đến làm tê lịm cả đầu lưỡi.

Buổi chiều tan học đi ngang tiệm bánh, nó không dừng lại nhìn vô quầy kiếng mà đi thẳng về nhà. Trong đầu nó, từng cái bánh kem béo ngậy thoa phơn phớt một lớp phấn hạnh nhân mỏng đang ngả ngớn khiêu khích tuyến nước miếng.

Thức ăn đi theo trêu ghẹo nó luôn cả trong giấc ngủ mộng mị với những lát khoai tây chiên dòn rụm nằm bên cạnh miếng thịt bò non mềm chưa kịp nhai thì như đã tan biến trong miệng. Lắm khi không cưỡng nổi cơn thèm, Lisa ăn say sưa ngấu nghiến để rồi sau đó thì tức giận mình. Nó tìm đủ mọi cách để tống thoát ra những gì vừa mới ăn.

Bà mẹ nói với người cha:

-Chắc Lisa ăn Mac Do nên không tiêu, cứ chạy ra chạy vô nhà cầu hoài. Ăn ba cái dầu cũ chiên tới chiên lui miết, làm gì mà không đau bụng. Đã dặn bao nhiêu lần rồi mà cũng không chịu nghe, con cái ở tuổi này thật chướng quá.

Trong phòng vệ sinh, Lisa đang thọc tay thật sâu ngoáy vô cổ họng nôn thốc nôn tháo ra.Trong phòng vệ sinh, nó ôm bụng lả người vì viên thuốc nhuận trường lén uống đang hành hạ.

Sắp đến giờ ăn thì nó bắt đầu lo ngại, nó lo ngại lúc ăn vô sẽ không ngừng lại được, rồi một muỗng sẽ thành một giá và một chén sẽ thành một tô. Lúc nào nó cũng phải tự kềm chế để ăn ít lại.

Buổi tối trong giường, nó vật vã oằn cong người lại với cơn đói đang hung hăng cào xé dạ dày, những bắp thịt nơi thắt lưng giận dữ co bóp từng hồi trong tiếng cổ võ của con tỳ con vị đang gầm gừ réo sôi trong bụng. Nhưng cùng một lúc, nó lại thấy sung sướng ngây ngất vì đã chiến thắng, cái cảm giác mình có sức mạnh, mình có quyền uy tung bổng nó lên chín tầng mây lâng lâng phơi phới..

Lisa xuống ký dần, và một điều lạ là nó càng xuống ký thì nó lại càng lo sợ khi phải ăn.

Từ từ những cơn thèm ăn thưa đi, những lúc sa ngả yếu lòng bớt dần, Lisa không cần phải tự làm nôn mửa nữa. Khi ăn nó thấy như có gì chặn nghẹn nơi cổ khiến cho nó nuốt thật khó khăn.

Thức ăn không còn là thức ăn nữa mà đã trở thành một con số chỉ nhiệt lượng. Trong đầu Lisa như có sẵn một bảng đối chiếu với hàng số nhấp nháy. Uống một ly sữa là uống bấy nhiêu ca lô ri, ăn một mẩu bánh mì là ăn ngần ấy chất đạm chất béo chất ngọt.

Ca lô ri, ký lô trở nên nỗi ám ảnh triền miên của Lisa.

Lisa mất ký nhiều và cùng lúc nó tắt đường kinh luôn.

Bà mẹ than cùng người cha:

-Lúc này Lisa gầy quá, cứ theo mốt nhịn ăn bắt chước mấy cô người mẫu trong các tạp chí ốm tong ốm teo giơ xương ra ngoài. Dỗ cách nào cũng không chịu ăn, con cái ở tuổi này thật chướng quá. Không biết chừng nào mới qua khỏi cái tuổi khó này đây?

Lisa chưa kịp ra khỏi cơn khủng hoảng của tuổi khó khăn, thì đã ngất xỉu trong sân trường.

-Lisa giỏi lắm, đã lên hơn một ký rồi, như vậy cuối tuần này cô được về phép thăm gia đình đấy. Cứ tiếp tục cố gắng như thế này nhé, không bao lâu thì được xuất viện luôn...

Bà y tá trưởng hài lòng thấy rõ, bà cười thật tươi với Lisa:

-Chúc Lisa một cuối tuần thật vui vẻ với gia đình.

Lisa chụm hai đùi lại và cố bước thật tự nhiên về phòng. Cửa vừa đóng lại, nó ù té chạy vô phòng vệ sinh...

«Hú vía, phải đợi thêm một tý nữa chắc mình chịu hết nổi.»

Nó hí hửng ôm con thỏ bông vào lòng.

«Sáng mai mình về nhà rồi thỏ con ơi. Man ơi, Pa ơi, anh Thierry ơi, sáng mai Lisa và thỏ con về nhà rồi. Tội nghiệp con nhỏ ở phòng bên cạnh, mình cũng muốn giúp nó, nhưng con nhỏ này có vẻ ngố quá, mình chỉ cho nó mà lỡ nó làm bể chuyện thì mình cũng bị lãnh đủ. Đành chịu vậy... Còn bà «ụt ịt» nữa, cứ đi theo rình xem mình có dấu gì không, chấp bà rình đấy, chấp bà khám đấy. Còn lâu bà mới tìm ra.

Hi hi, ba tô nước bằng một lít, một lít nước bằng một ký, hai lít nước bằng hai ký, cân xong thì psss ra hết.»

Lisa lắc lư đầu hát theo điệu luân vũ nhịp ba.

-Là lá la một hai ba, la lá là ba hai một.

Một lít nước là một ký lô là lá la, hai lít nước là hai ký lồ la lá là
Một lít nước là một ký lô là lá la...

Buổi cơm hội ngộ buồn tẻ đến ngao ngán.

Người cha ngồi thừ người trên ghế, hai vai chùng thấp xuống,

buông xuôi chán nản. Hàm râu biếng cạo đâm tua tủa như lông nhím trên gương mặt hốc hác. Ông ngập ngừng hỏi vài câu cho qua chuyện rồi sau đó đôi mắt lờ đờ mất thần nhìn đăm đăm trong mông lung. Đứa con trai ngồi ăn im lặng, thỉnh thoảng đảo mắt quan sát từng người trong gia đình, đóm lửa trong mắt sáng rực như sẵn sàng bốc cháy. Chỉ có bà mẹ cố gắng ủ nóng bếp lửa gia đình, bà lăng xăng nói chuyện và tiếp thức ăn cho mọi người.

-Lisa ăn cà chua tươi trộn sốt dầu giấm nhé?

Lisa chăm chú lấy nỉa hớt từng khoanh cà chua ra khỏi nước sốt óng ánh bọt dầu, nó còn cẩn thận lấy bánh mì chặm thật khô rồi mới bắt đầu ăn, ăn cái tương đương của ba mươi ca lô ri.

-Năm nay trời lạnh sớm quá, mới cuối thu mà đã se người như thế này, đến khi vô đông thì không biết ra sao? Pa này, Man có nấu món thịt bò hầm rượu vang, món đặc biệt của mùa rét Pa ăn một tý nhé. Thierry, đưa dĩa của con và Lisa để Man múc cho.

Lisa nhìn vô thố thịt, nó thấy nhờn nhợn nơi cổ. Từng miếng thịt phơi gân trắng nhợt nổi lềnh bềnh trong một thứ nước nâu lờ lợ, chung quanh là mớ cà rốt thâm đỏ đang chen chúc bên váng mỡ nhầy nhụa. Nó lợm giọng và ụa khan.

-Man lấy cho con một miếng thịt jambon vậy?

Một hàng số nhấp nháy: ..ca lô ri

Lisa lắc đầu từ chối.

-Vậy con ăn miếng quiche (3) nhé?

Hàng số lại nhấp nháy

-Hay con ăn phó mát vậy? camembert? nhấp nháy nhấp nháy... gruyère? nhấp nháy nhấp nháy...

Đóm lửa trong mắt đứa con trai đỏ rực ánh giận dữ.

-Lisa, đừng có chướng nữa. Em hãy ăn giống như mọi người, đừng để Man phải lo lắng hầu hạ nữa.

-Man, anh Thierry dữ với con.

- Được rồi Thierry, đừng nạt em con. Còn Lisa ăn một miếng bánh táo nhé.

Nhấp nháy nhấp nháy...

Đứa con trai hét to lên:

-Lisa, đủ rồi.

Người cha kéo ghế đứng dậy nói thều thào như hết hơi:

-Pa thấy mệt, Pa đi nằm trước, Man và các con cứ tiếp tục ăn đi.

Ông thất thểu bước từng bước nặng nề về phòng, lưng khòm xuống dưới khối ưu phiền.

Trận gió nổi lên dập tắt bếp lửa gia đình đang cháy èo ọt leo lét,

mây đen kéo đến trút từng giọt mưa mới đầu còn bé li ti nhưng càng lúc càng to tròn, to tròn như giọt nước mắt đang ràn rụa trên má của bà mẹ.

-Man, tại sao Man khóc?

Lisa cuống quít ôm mẹ và đưa tay lau nước mắt cho mẹ.

-Man, tại sao Man khóc? Man đừng khóc nữa, Man khóc Lisa cũng muốn khóc theo.

-Em vừa lòng chưa? không ăn cái này không ăn cái kia, vừa vừa vậy chứ ai mà chịu nổi. Lúc nào cũng làm người khác phải lo cho mình. Không cần em lo cho ai, chỉ xin em tự lo cho mình tự lấy trách nhiệm với chính mình..

Bà mẹ nấc lên:

-Thierry, Thierry, đừng nói vậy với em con.

-Man đừng cản con, con phải nói cho nó thức tỉnh, đừng có ương ương dở dở nữa...

Giọng nói vỗ về nhỏ dịu lại.

-Lisa, hãy nghe anh nói đây, bây giờ gia đình mình đang gặp nhiều chuyện buồn, Pa buôn bán bị thua lỗ, chẳng những vốn liếng mất hết mà còn bị nợ nần tứ tung. Hai tuần trước suýt nữa là Pa đi luôn rồi, may mà Man về kịp đưa đi nhà thương súc ruột, chậm tý nữa thuốc ngấm vô là bây giờ hai anh em mình mồ côi cha rồi. Lúc này Man căng thẳng lắm, phải canh chừng Pa thường xuyên, sợ Pa lại...Em không thấy Man tiều tụy hốc hác sao? Em đâu có muốn Man sụm phải không? Lisa, em đã mười sáu tuổi rồi, hãy là người lớn, đừng là trẻ con nữa, đừng để Man phải lo cho em, đừng là gánh nặng cho Man, nếu em thương Man...

Bà mẹ khóc ngất kêu lên:

-Thierry, Man xin con...Con đừng nói nữa, tội nghiệp em con lắm con ơi.

Lisa lắp bắp:

-Không, không, Lisa không phải là gánh nặng của Man, Lisa thương Man mà.

Đứa con trai múc thịt vô dĩa để trước mặt cô em gái:

-Nếu em thương Man thì hãy ăn đi.

Lisa đưa tay lên bụm miệng để che cơn nhợn trong cổ. Nó lắc đầu nguầy nguậy:

-Man, anh Thierry cứ ăn hiếp thỏ con hoài.

Lằn sét xẹt ngang, làm bốc cháy đóm lửa trong mắt của đứa con trai. Trong chốc lát đóm lửa nhỏ lan dần ra và cháy phừng thành ngọn lửa lớn, vô tình tàn nhẫn.

-Mày là Lisa, chứ không có thỏ con thỏ mẹ thỏ nhỏ thỏ lớn gì hết cả. Mày là thập tự Man phải vác, mày là gông Man phải đeo, mày là cùm Man phải kéo...

Căn phòng giống như chiếc hộp, sơn đều một màu vàng nhạt trên tường gần tiệp màu với màu trắng ngà của trần. Vỏn vẹn chỉ có chiếc giường một người, một cái bàn và hai cái ghế, còn lại chỉ là trống vắng, trống vắng đến ngơ ngác. Chiếc cửa sổ nhỏ cắt ánh nắng đang xối xả chiếu vào phòng thành hình kỷ hà. Ở ngoài, nắng liếng thoắng xông xáo đi mọi nơi, nắng máng lên bụi hồng tò mò nghe lũ ong tỉ tê bên nụ hoa hàm tiếu, nắng phơi trên thảm cỏ kết bạn với ngọn gió hiu hiu. Trong phòng nắng nhu mì ẩn nhẫn nằm yên trong khuôn kỷ hà, thỉnh thoảng mới nhích ra một tý khỏi chỗ.

Lisa ngồi nơi bờ giường, đầu lắc lư từ trước ra sau đánh nhịp cho hai chân đang thả đong đưa xuống đất. Nó mặc bộ đồ ngủ màu hồng phấn cổ cánh sen bằng ren trắng, mái tóc nâu xoăn tít từng lọn nhỏ được giữ lại trong chiếc kẹp tóc bọc vải nhung hồng khiến cho gương mặt trở nên non dại thiên thần.

Nó cúi xuống nhìn đăm đăm sàn nhà, miệng lẩm bẩm không ra tiếng.

Có tiếng gõ cửa, cô y tá mở cửa bước vào cùng một người đàn bà và hai người đàn ông.

-Lisa ơi, xem ai đến thăm kìa?

Lisa ngước lên nhoẻn miệng cười với cô y tá, ánh mắt long lanh thanh thản, rồi cúi xuống tiếp tục nhìn dưới đất.

-Lisa, nhìn đây này, ba mẹ và anh trai cô vô thăm đó.

...

-Lisa, Lisa

Lisa từ từ ngước lên.

Người đàn bà cùng hai người đàn ông bước đến gần Lisa và âu yếm nói:

-Chào Lisa con có khỏe không?

Một thoáng ngơ ngác trong mắt Lisa.

«Họ là ai vậy? mình có quen họ không? Sao lại chào mình, và còn cười với mình nữa? ơ mà cũng không sao, phép lịch sự là phải chào lại khi người ta chào mình.»

-Chào bà, chào ông, chào anh.

Bà mẹ dịu dàng:

—Lisa, Pa Man và anh Thierry đến thăm con đây, Pa nè Man nè

anh Thierry nè, con nhớ không?

Lisa lặp lại:

-Chào bà, chào ông, chào anh.

-Lisa nhìn kỹ đi con, Pa đây, Man đây, anh Thierry đây. Cố nhớ đi con.

Lisa chớp chớp mắt, ánh mắt gợn lên sự bực dọc vì bị khuấy rầy, lần này nó không trả lời nữa mà tiếp tục lúc lắc cái đầu và đong đưa hai chân.

Bà mẹ nấc lên:

-Lisa, con gái yêu của Man, con thỏ con của Man.

«Ơ tại sao bà ấy lại nói thỏ con, bộ bà ấy cũng có thỏ con? chắc thỏ con của bà ấy bỏ đi chơi nên bà phải đi tìm, tội nghiệp bà ấy quá. Cũng may thỏ con của mình ngoan, vẫn ở bên cạnh mình.»

Lisa với tay lấy con thỏ bông đang nằm trên giường ôm vào lòng vuốt ve. Nó khe khẽ hát như đang ru.

Nét mặt thơ ngây của Lisa bỗng nhiên sa sầm, những cơ bắp trên mặt co cứng khiến miệng nó đanh lại, cánh mũi phập phồng như chiếc vung đậy nồi nước đang sôi. Nó cầm con thỏ bông đập lia lịa vào thành giường, đôi mắt tóe rực như muốn ụp hết bao nhiêu lửa giận xuống con thỏ bông. Nó hét lớn:

-Thỏ con hư lắm, thỏ con không chịu ăn cà rốt cho mau lớn, thỏ con làm cho người khác lo. Mày nghe không, mày phải ăn nhiều để thành thỏ lớn, mày phải có trách nhiệm, mày không phải là thỏ con, mày không còn là thỏ con.

Lisa bẻ gập đầu con thỏ bông: -Mày là cái gông.

Nó bẻ gập hai tay con thỏ bông: -Mày là thập tự.

Nó bẻ gập hai chân con thỏ bông: -Mày là cái cùm. Tao không thương mày nữa, tao nhốt mày ở trong chuồng một mình, tao không chơi với mày nữa, mày đi đi.

Nó ném mạnh con thỏ bông vào góc tường...

Ngọn lửa đã lụi tàn, còn lại chỉ là đám tro than đang bập bùng âm ỉ nỗi dày vò.

Lisa nhìn thẳng ra phía trước, nét mặt đăm chiêu lo nghĩ. Miệng nó lầm thầm như đang đọc kinh, nếp nhíu ở giữa hai mày hằn một rãnh sâu trên trán. Bà mẹ xót con bước lại gần giường đưa tay ra định ôm nó.

-Lisa của Man, tội nghiệp con gái nhỏ của Man.

Nó hoảng hốt hét lớn:

-Đừng đừng, Lisa không có, Lisa không muốn...

và vùng dậy chạy đến ngồi bẹp dưới đất bên cạnh con thỏ bông, hai tay vòng lại ôm ngực.

-Lisa, Man đây mà, con đừng sợ.

Nó sợ hải co hai chân lên nép sát vô tường. Hai tay ôm lấy đầu, nó mếu máo không ngừng:

-Không có, không có, Lisa không có, Lisa không muốn...

Tiếng nấc thưa dần, giọng nói đứt quãng từng tiếng một:

-Lisa...không...muốn...Lisa...không... có..Lisa...đâu...có... Man...thương...Lisa...Man... thương...thỏ... con...

Lisa ngước đầu lên chầm chậm, ôm lấy con thỏ bông vô lòng, miệng nói không ngớt:

-Man thương Lisa, Man thương thỏ con...

Nét căng thẳng trên mặt dần dần tan biến, trả chỗ lại cho sự hồn nhiên thanh thản. Nó âu yếm nựng con thỏ bông:

-Đây là thỏ con của Lisa, và Lisa là thỏ con của Man.

Nó cười tủm tỉm, hai mắt sáng ngời niềm an bình trong thế giới riêng của nó, nơi đó chỉ có vườn cỏ mượt mà như mới tắm, với con thỏ con không bao giờ lớn đang tung tăng dưới bầu trời xanh ngắt không vướng một sợi mây phiền não.

Tay trái ngoáy vào tai con thỏ bông và tay mặt mân mê trái tai của chính mình, Lisa khe khẽ hát:

-Mon petit lapin a bien du chagrin,
il ne saute plus dans son p'tit jardin

Sceaux 17-4-2000
ĐỖ QUỲNH DAO

1- anorexie mentale: bệnh biếng ăn tâm thần.
2- classe: ở đây có nghĩa mặc đẹp.
3- quiche: một loại bánh mặn.



HOÀNG PHỦ CƯƠNG

Màu đêm

Bay vào hiên ai gọi màu
Đêm chìm sương ướt lá.

Ở Grand Canyon

đêm vào sa mạc nhớ sao

xa

khuất mai còn không đến
mười triệu năm chợp mắt
vừa quên
đá nóng
lòng đất ôm tròn tay, hát

giả dụ bay lên trời khuya
đoạn tuyệt thời gian
vải mùa sương vỡ
rừng ôm suối cạn
vực sâu
hà hơi ấm vòm cong mãi đợi
cùng nhau dạo phố thần linh
không còn ai lời bi lụy

ấy

bụi lòng Hôm
phơi rạng tàn Mai.

HOÀNG PHỦ CƯƠNG



TRỊNH ĐÌNH KHÔI

Hoa cát



Lâu lắm, tôi mới có dịp đi bộ đường dài. Từ bến xe chợ huyện về nhà chỉ dăm bảy cây số nhưng phải qua đò. Đường sá vùng đồng chiêm trũng mùa mưa bão thường lầy lội. Tôi nghiệm ra, khi đi bộ người ta nghĩ ngợi được nhiều. Xe pháo tốc độ nhanh, người ngồi trên lúc nào cũng lo không an toàn. Được giải phóng khỏi bụi bặm, tiếng ồn, đi trên cánh đồng lộng gió thật thú vị. Đã trải qua cái thời áo sờn giầy vẹt gót, đi bộ dọc núi rừng thì mấy cây số ăn nhằm gì. Tôi xắn quần lên tận đầu gối lội bì bõm trên quãng đường ngập nước lên đê. Con sông lừ đừ già nua mỗi mùa lũ đến bỗng động cựa ì oạp, nước đỏ ngầu như màu máu. Những chiếc buồm cánh dơi căng phồng lật sấp lật ngửa. Đoàn thuyền Móng Cái ngược dòng phải nhờ sức kéo của những đôi vai trần. Đám đàn ông da bánh mật, bắp thịt cuồn cuộn nhẫn bóng mồ hôi, bấm những bàn chân Giao Chỉ to bè trên cát nhích lên từng bước một.

Ngày còn nhỏ, tôi thường lon ton theo bà ngoại chạy dọc cái bãi sang chợ Keo, chợ quê một tháng bốn phiên, hai chính hai xép. Món quà bà tôi thích là bánh đúc lác chấm tương. Đôi mắt thỏm lỏm của tôi dừng ở những con tò he và hàng bỏng bột. Bà tôi đã già nhưng đôi mắt còn sáng, dáng đi nhanh nhẹn. Bộ quần áo tươm tất

nhất của bà là chiếc áo lụa sồi, cái váy thâm đất. Tay bà không rời chiếc gậy trúc, mỗi khi ra khỏi nhà tiếng gậy quen thuộc của bà lọc cọc trên đường. Chiều chiều bà sai tôi đem cái mủng và chiếc chổi thu lá tre và mo nang về để bà nấu cám lợn. Bà vừa đun bếp vừa kể cho tôi nghe những chuyện cổ tích. Giờ thì kho chuyện cổ tích bất tận ấy đã đóng kín. Mẹ tôi thành bà nội, rồi cả người bạn gái tôi cũng sắp lên bà.

Ngày nào chúng tôi còn lang thang trên cánh bãi đuổi theo vồ hụt những chú bướm trắng vàng đậu trên hoa cải và tìm kiếm cỏ mật. Thứ cỏ thơm thơm ấm nồng gài trong túi áo ngực. Ân mồ côi mẹ, lớn lên, mỗi lần nhắc đến mẹ cô lại khóc. Mẹ Ân đẹp nhất làng. Bố Ân rất yêu vợ nhưng ông lại có vợ cả không trọn một thuyền một bến với mẹ con cô. Những năm cuối đời, mẹ Ân xuống tóc đi tu. Cô ở với bà nội. Vài năm sau mẹ Ân mất trong sự im lặng giữa một buổi sáng mùa đông. Anh trai và bố Ân đi xa không về kịp. Bà cô choàng lên người cô bé tám tuổi quặt quẹo, bộ quần áo xô rộng thùng thình. Ông cậu, tay lau nước mắt, tay dắt đứa cháu đi sát vào chiếc quan tài sơn đỏ. Không ai cầm nổi nước mắt khi nghe tiếng khóc của đứa trẻ. “Tội nghiệp cháu tôi côi cút,” bà nội ôm Ân vào lòng dấm dứt khóc. Hai đứa trẻ mồ côi lớn lên bằng cơm gạo lốc độn khoai, bằng tép kho cà và rau muống luộc, không biết từ bao giờ chúng tôi đã mong cánh bãi rộng ra, đã biết ngượng nghịu khi nhìn vào mắt nhau. Một cái gì âm thầm nảy nở...

Hàng phi lao xưa vi vút reo vui giờ nghe như tiếng nức nở. Tôi ngồi xuống dệ đê giở gói bánh mì quệt bơ vợ tôi chuẩn bị cho đi ăn đường xa. Nhai những chiếc bánh như nhai rơm không còn biết ngon nữa. Túm gói đồ ăn lại nhét vào túi, tôi ào xuống sông rửa mặt. Nước sông mát rượi. Leo lên bờ, tôi ngồi phệt xuống vốc cát đầy hai bàn tay. Những hạt cát chảy từ từ qua kẽ tay tạo nên cảm giác rân rân, đã lâu rồi tôi mới gặp lại. Dưới bàn tay tôi xuất hiện những hình tháp kỳ dị, gợi nhớ những buổi chiều mùa hè, Ân chụm đầu xem tôi vón cát dựng những lâu đài theo trí tưởng tượng của mình. “Ôi đẹp quá.” Ân kêu lên và xán lại gần tôi hơn. Khuôn mặt nhỏ nhắn, đôi mắt Đức Mẹ cúi sát vào mặt tôi, đến nỗi tôi nghe rõ từng hơi thở từng nhịp đập của em. Mùi mồ hôi, mùi da thịt con gái mới lớn lẫn với hương hoa cỏ quện lấy chúng tôi. Có chiều mải mê quên cả trời tối, trăng lên lúc nào không biết. Trước mắt tôi hiện ra một cô tiên. Cô tiên trong truyện cổ tích của bà, trong trí nhớ non nớt của tôi. Chưa bao giờ Ân đẹp đến thế. Gương mặt em lúc xa lúc gần, ẩn hiện trước đôi mắt. Lòng xốn xang tôi ước được như con búp bê

vận bằng rơm và những mảnh vải vụn của Ân, để được em bế bồng ve vuốt. "Về đi anh!" Ân ngẩng lên, đôi mắt như hai hạt sao lung linh. Chúng tôi đi bên nhau lặng lẽ. Đêm đồng nội theo tôi suốt những năm tháng xa nhà. Kỷ niệm nhạt nhòa khi Ân đi lấy chồng. Giá tôi không trở về, không gặp lại, giá tôi cứ lưu lạc xứ người để được ôm mãi cái đêm thực, đêm ảo ấy trong lòng...

Tôi chầm chậm từng bước chân, chăm chú nhìn bãi sông, cánh đồng, nhìn kỹ từng ngọn cây bụi cỏ. Vẫn một màu hoàng hôn vàng thẫm rồi tím ngắt. Tôi ôm ngực húng hắng ho, nỗi u hoài nhen lên. Đêm nay tôi về đây không phải để nhìn lại kỷ niệm cũ, gặp lại cố nhân mà để giã từ. Giã từ một quá khứ thương đau và lắm nỗi truân chuyên. Dưới chân tôi cát già nồng ấm, cát non mát dịu. Tôi chợt hốt hoảng như có điều gì vừa xảy ra. Đúng lúc ấy có tiếng gọi "Đò ơi!..." Tiếng đáp lại nghe quen quá. Dòng sông phẳng lặng như tờ. Hàng tre chắn sóng ven đê vẳng đến tiếng cúc cu đều đặn ấm áp. Mái chèo khua nước, bóng cô lái đò gầy nhỏ cong cong như một nét vẽ hiện trên nền chợ chiều vừa tan. Tôi đến bến đã thấy có vài ba người gồng gánh đợi sẵn. Phiên chợ chiều vừa tan. Đò cập bến, cô lái mời khách lên đò. Giọng cô khiến những người khách quên cả mỏi mệt dọc đường. Tôi cố nhìn nhưng không rõ mặt. Hình như cô cũng liếc sang tôi, bởi tôi là người khách lạ duy nhất. Nhận ra cái nhìn chăm chú của khách, cô lái e thẹn nhìn vào bờ bên kia. Đò ra giữa sông, gió hây hẩy mơn man trên mái tóc. Một tiếng ru nhè nhẹ trôi lơ lửng trên sông theo ánh lửa chài lập lòe. Lời ru hoài cảm man mác. Bờ bên rõ dần những khóm dâu vươn la đà trên mặt nước. Đò quay mũi vào bến.

- Nhà chú về đâu bây giờ?

Một bà già vừa quệt quết trầu vừa hỏi tôi.

- Cháu về Gióng Mốt.

- Tôi hỏi khí không phải, chú là con cái ông bà nào?

- Cháu là con bà Chuyên.

Cô gái dừng chèo nhìn khách, ríu rít gọi:

- Bác... cháu là...

- Là con gái mẹ Ân phải không?

Bác cháu tôi nhận ra nhau. Không ngờ Trúc Anh đã lớn thế. Sau trận ốm kéo dài, năm ngoái mẹ tôi đã đón Ân sang ở hẳn với bà. Cô bé nhanh nhẩu dẫn đường. Tôi lại đi trên cái ngõ quen thuộc đầy lá tre. Bất giác tôi cúi xuống nhặt lên một chiếc mo nang. Măng lớn thành tre, mo nang rụng về gốc. Dọc theo hàng rào dâm bụt đã nghe tiếng vợ chồng chẫu chuột gọi nhau và hăng hăng mùi lá sả

lá gừng, mùi ngải cứu tía tô. Những thứ cây vừa làm thuốc vừa làm gia vị. Hồi tôi về phép, mẹ tôi khoe: "Con đi rồi, Ân nó đã trồng cho mẹ mấy cây thuốc ở vườn nhà để phòng khi trái gió trở trời." Cái cổng nhà vôi vữa lở lói trật ra những viên gạch Bát Tràng màu gan gà. Đôi chó đá nhẵn thín vì thời gian trố mắt nhìn tôi. Đang ngơ ngác nhìn lại ngôi nhà lợp ngói với hàng cột lim trước hiên, tôi giật mình vì tiếng gọi của Trúc Anh: "Bà ơi! Bà có khách!" Con bé coi tôi là khách.

Mẹ tôi từ trong nhà lật đật chạy ra, giơ cao ngọn đèn dầu, mắt hấp háy nhìn tôi.

- Ai đấy!

- Mẹ! Con đây mà...

- Trời! Thằng cả, mày về đấy ư?

Những tiếng cuối cùng không còn rõ. Tôi ngước lên, mắt mẹ ầng ậng nước. Hơn một năm tôi không về. Năm ngoái khi đang công tác ở Tây Nguyên tôi nhận được tin mẹ ốm. Tóc mẹ bạc nhiều, dáng mẹ liêu xiêu. Ân không có nhà. Mẹ sai Trúc Anh ra bể múc nước cho tôi rửa mặt. Cô bé bưng thau nước mưa và chiếc khăn bông mới nguyên vừa lôi từ hòm ra. Nước mưa mát lạnh làm dịu những giọt nước mắt vừa chảy theo tiếng khóc của mẹ. Bữa cơm tối có canh rau cải nấu cá rô, thức ăn mà thuở bé tôi vẫn thích. Mẹ quyến luyến chuyện trò nhưng lại thương con trai đường xa cuốc bộ nên cứ giục tôi đi nằm. Đã lâu tôi mới lại được đặt lưng trên chiếc giường trải chiếu trúc nhẵn thín, gối đầu lên chiếc gối mây quang dầu đượm mùi mồ hôi, những đồ dùng còn lại từ thời ông nội tôi.

Vừa chợp mắt đi một lát thì từ đâu một dòng ánh sáng chảy đến chỗ tôi nằm. Ánh trăng chiếu qua hàng cau và bức dại ngoài hiên thành những đường dệt mờ mờ mùa lụa. Gió từ vườn cây sau nhà lùa qua song cửa dìu dịu mùi hương nhu. Mười năm chinh chiến rồi chuyện mưu sinh bận rộn, hiếm có những đêm hiền lương yên tĩnh như đêm nay. Trăng soi tỏ góc sân tuổi thơ thả đỉa ba ba và bịt mắt bắt dê của tôi. Đêm thế này mà ngủ thì thật uổng, tôi ngồi bật dậy. Không ngờ mẹ vẫn ngồi dựa cột dưới chân giường vừa nhai trầu vừa phe phẩy chiếc quạt mo xua muỗi cho tôi. Trên bàn thờ, khói hương quấn quýt bên ngọn nến mờ tỏ. Lần nào cũng thế, tôi cứ về đến nhà là mẹ lại bày hoa quả thay nước cúng thắp hương khấn vái. Mẹ muốn mời những người dưới âm về sum họp với con cháu. Tôi tỉnh hẳn khi nghe từ gian buồng bên cạnh có tiếng sụt sịt rồi tiếng Trúc Anh to nhỏ. Ân mới về. Từ tối đến giờ tôi vẫn có ý chờ Ân, cô đi cấy đêm. Mưa úng, lúa vừa bén chân ngập thối hết phải dặm phải cấy lại cho kịp thời vụ. Người đàn bà nhà quê vất vả đầu hôm chí tối. Suốt

đời chân lấm tay bùn rồi chờ đợi, thờ chồng nuôi con vâng theo số mệnh một cách lặng lẽ. Bao nhiêu đời chốn buồng the đã chứng kiến tiếng thở than và những giọt nước mắt. Mấy ai để ý đến sự chịu đựng cao quý dịu dàng của họ. Gần trọn đời Ân cấy lúa chở đò, công việc tưởng như tầm thường nhỏ mọn. Những người lính qua đò hết chuyến này sang chuyến khác. Mười năm bao nhiêu chuyến đò. Bấy nhiêu lời dặn dò hẹn hò nhưng Ân vẫn không quên lời của tôi. Dễ có đến một binh đoàn ngang qua dòng sông. Một số đã ngã xuống, bao nhiêu người được trở về nhưng không ai đến tìm Ân.

Người ta báo tin tôi đã hi sinh. Hai người đàn bà ôm nhau khóc hết nước mắt. Mẹ tôi bàn với Ân trao con đò cho người khác. Ân không nghe. Chuyến đò cuối cùng trong ngày toan rời bến thì một người lính qua đò. Ân gọi tên tôi rồi gục vào vai anh bật khóc. Em hỏi thăm tôi, anh chỉ lắc đầu. Cơn sốt rét đột nhiên hành hạ, Ân dìu anh về nhà mình. Họ nói với nhau những gì không ai biết. Anh để lại cho Ân một khối tình con con rồi trở về vùng trung du của mình, ở đó cũng có một người con gái đang đỏ mắt chờ anh...

Thấy tôi ngồi dậy, mẹ gọi Ân ra ngoài uống nước. Em hiện ra, gương mặt võ vàng, đuôi mắt thêm những nét rạn chân chim, cái cằm trễ xuống khiến gương mặt Ân giống như một dấu than. May mắn còn lại đôi mắt, đôi mắt trời ban long lanh thách thức thời gian và bóng tối. Ân không đẹp lắm, em là người có duyên. Cái duyên đằm thắm le lói mãi trong tôi. Ân như người con gái trong những bức tranh lụa phương Đông, không rực rỡ hồng hào như những tài tử xi nê in trên bìa lịch. Ngày ấy, sau mười tám năm gặp lại, gương mặt em tái nhợt, chân tay run rẩy. Ân cuống cuồng đến nỗi đánh rơi cả chiếc gầu xuống giếng, những giọt nước mắt rơi trên mảnh trời mặt giếng, vỡ vụn tan loãng rồi mất hút. Ngực tôi nhói đau. Em đang múc nước tắm cho con. Trúc Anh ngồi trong chậu nghịch nước. Tôi với chiếc gầu lên kéo nước giúp em. Ân lắc đầu rồi ôm chặt lấy con lao vào buồng. Trúc Anh sững người ngoái lại, đôi mắt nó gườm gườm nhìn tôi. Sau đó, Ân đi đâu, làm gì con bé cũng lếch thếch theo mẹ. Ban đêm đang ngủ, nó vùng dậy gọi: Mẹ ơi! Mẹ đâu rồi. Ân buồn bã lắc đầu im lặng nhìn tôi, tôi nhìn trời mưa, lòng tan nát. Là đứa trẻ mồ côi tôi sợ ánh mắt Trúc Anh. Bằng tuổi nó, tôi đã mất bố. Bên tai tôi còn văng vẳng lời ru của bà: "Trời mưa bong bóng phập phồng. Mẹ đi lấy chồng con ở với ai." Rồi những ngón tay khẳng khiu vuốt nhẹ lên mái tóc cứng quèo của tôi. Lời ru đã giữ chân mẹ sau khi cha tôi mất. Bà nội sai tôi đem bức ảnh ba bốn nhờ chú thợ ảnh phóng to treo ngay giữa nhà. Ân không nói nhiều, đôi

mắt em bảo tôi: "Mọi chuyện đều đã muộn." Duyên đằm thắm hóa bẽ bàng, tôi còn biết nói sao. Ban ngày thăm hỏi họ hàng, làng xóm, đêm đến ngồi đốt thuốc tới hai ba giờ sáng không ngủ. Mẹ co vạt áo ôm lấy vai tôi. Nước mắt của mẹ của Ân và cả của tôi đầm đìa trong ngày gặp mặt và cũng là ngày chia ly. Một cuộc chia ly mới.

Ân đặt khay nước trước mặt tôi: "Anh uống nước đi, chè tươi em mới ủ," tôi ngẩng lên, một thân thể đàn bà, thoạt trông có vẻ gầy yếu nhưng rõ ra sự săn chắc bền vững, không nhờn nhợt bệu bệnh như những người đàn bà nhàn hạ. Tôi hình dung ra đôi cánh tay trần ngập đến vai, ấn những rảnh mạ xuống bùn trên cánh đồng nước trắng loang, nổi lềnh phềnh những bó mạ. Ân cúi xuống rót nước, tôi nhìn rõ những vết tàn nhang lấm tấm như những vết bùn khô mang từ cánh đồng về.

- Lâu lắm anh mới về lại.

- Về nhà quê buồn chết, với lại cũng chẳng có công việc gì.

Đôi mắt Ân cụp xuống, em đau đớn vì câu nói của tôi. Thoáng ân hận, tôi chỉ muốn nắm lấy bàn tay xanh gầy của em mà không dám. Trúc Anh ngồi bên, mỗi lần nhắc đến tên, con bé lại rúc vào nách mẹ. Nếu không có Trúc Anh, không biết mẹ nó sẽ sống thế nào. Mẹ tôi nữa, không có hai mẹ con Ân bà sẽ ra sao. Cả tôi, tôi cũng đã có một thời được nép vào thân hình mảnh mai của em và cảm thấy mình được che chở, bình yên. Thừa hưởng vẻ đẹp yêu kiều của người mẹ chết trẻ. Ân thừa hưởng luôn cái sự hiền thục của bà. Bên em mọi người đều dịu đi, đều gìn giữ, không dám có cái gì quá đáng.

Khuya rồi, tôi giục hai mẹ con Ân đi ngủ. Cái bóng gầy yếu in qua bức mành mành và mái tóc buông trễ nải trên bờ vai của em khiến tôi trăn trở với mặc cảm mình là người có lỗi. Tôi có lỗi với em, với đời tôi. Tôi đã không vượt lên được những lề thói, những ý nghĩ thông thường. Tôi đã bị ràng buộc bởi những gì ngoài tôi ngoài em. Gà vừa gáy nửa đêm, tôi bỗng nghe tiếng ù ù..., ù u... lạ và quen, lâu lắm rồi tôi không được nghe tiếng xay lúa. Dứt tiếng ù ù là tiếng rào rào. Những hạt gạo qua mắt sàng xuống nia nghe thật náo nức. Chắc Ân không ngủ được, cô trở dậy xay lúa giã gạo. Giá không ngại Trúc Anh tôi đã xuống giúp em. Hai mẹ con vừa giã gạo vừa lầm rầm trò chuyện. Thình thịch thình thịch, tiếng chày uể oải, nhịp nhàng. Sáng hôm sau, Ân đãi tôi một bữa cơm nếp đỗ đen chấm muối vừng. Trúc Anh vừa ngồi giã vừng ở góc sân vừa hỏi chuyện tôi. Bữa cơm diễn ra trên chiếc chiếu cạp điều, trải trên thềm nhà, ấm cúng không khí gia đình. Ăn xong mẹ tôi lại lôi từ trong chum thóc ra nải chuối ngự và mấy quả na. Bà chọn cho Ân quả ngon nhất, em không ăn lại

nhường cho tôi rồi nhón lấy một quả na kẹ. Căn nhà đầy ắp quá khứ và nếp sống trên kính dưới nhường khiến tôi lo lắng trước những điều mình sắp nói ra. Thấy tôi có vẻ tư lự, mẹ hỏi:

- Con về kỳ này chỉ thăm mẹ hay còn việc gì nữa?

Như bị bắt quả tang, tôi lẩn tránh cái nhìn của mẹ, giọng ấp úng: "Không có chuyện gì đâu mẹ ạ." Mẹ tôi thở dài nhìn trời, im lặng. Cảm giác hoang mang lo sợ lan khắp da thịt. Ngày tôi bỏ nhà ra thành phố mẹ cũng ngồi như thế. Tôi đang thừ mặt ra nhìn cửa sổ thì Trúc Anh bước vào. Cô bé mười ba tuổi mặt non choẹt thế mà tối qua tay chèo thoăn thoắt đưa khách sang sông. Nó nhoẻn cười nhìn tôi: "Sáng nay bác có đi chơi đâu cháu đưa đi." "Cám ơn cháu," tôi đáp. Trúc Anh có giọng nói và đôi mắt giống mẹ. Đôi mắt Đức Mẹ vừa đẹp vừa buồn. Con bé khác mẹ ở đôi má lúm đồng tiền và cái răng khểnh. Khi hai bác cháu đã thân nhau, tôi nói đùa: "Hàm răng khểnh là hay ăn tham lắm." Trúc Anh không giận, nó dí dỏm nhìn tôi: "Thế mới xứng là cháu của bác." Tôi hỏi chuyện học hành rồi đưa ra những cuốn truyện thiếu nhi mà tôi mua về làm quà cho nó. Cô bé đứng ngẩn ra hết nhìn những cuốn sách, lại nhìn tôi như một người từ trên trời rơi xuống. Trưa hôm đó Trúc Anh rủ tôi ra đồng bắt cua. Bác cháu tôi men theo bờ ruộng dẫm chân trên những ruộng bùn sủi bọt. Tôi xách giỏ cho Trúc Anh. Những chú cua nóng quá ngoi lên bờ, mai vàng óng miệng phun bọt trắng phớ. Tôi lúng túng mãi không tóm được một chú, thì Trúc Anh đã vồ được ba bốn con. Đến bữa ăn, cô bé vớt những chiếc càng cua to đùng ra bát mời tôi. Vị cua đồng lịm ngọt. Chiều đến, Trúc Anh đưa tôi ra sông dạy tôi chèo đò. Con thuyền cứ quay tròn không chịu theo sự điều khiển của tôi. Cô bé nhìn tôi mủm mỉm cười. Mái chèo trong tay Trúc Anh nhẹ nhàng uyển chuyển, con thuyền lướt đi. Tôi nhìn mãi vào đôi tay cô bé. Hai bác cháu tôi cho thuyền ra giữa sông gác chèo mặc con thuyền lơ lửng theo dòng nước. Tôi nhìn đôi bờ và dòng sông không chán. Trúc Anh ngồi nhìn tôi gấp những chiếc thuyền giấy thả nối đuôi theo thuyền lớn. Cô bé thích chí vừa té nước vừa hát nghêu ngao. Đang vui bỗng đôi mắt nó buồn buồn nhìn tôi.

- Bác ơi! Bao giờ bác phải về thành phố?

- Mai bác phải đi rồi.

- Bác đi chắc bà và mẹ cháu buồn lắm.

Trúc Anh nói rồi quay mặt đi, tôi thấy nao nao.

Nhìn bác cháu tôi quấn quýt, Ân vui ra mặt. Giá tôi là cha của đứa trẻ? Tôi bồi hồi. Nếu không có chiến tranh, mọi chuyện có thể diễn ra từ cái mùa xuân ấy. Tôi đã đến cái tuổi mà cỗ tam cúc và mấy quả

pháo đùng không còn hấp dẫn được. Chỗ của chàng trai mười bảy là bãi vật, gốc đu. Ở đó mới có dịp trổ tài trước các cô gái làng xinh đẹp. Tôi đã được chứng kiến những nụ cười, những cái nguýt dài của các bậc đàn anh đàn chị. Đã biết ngẩn ngơ nhìn theo những mảnh quần phất phới, những đôi chân song song của anh khom khom cật, của chị ngửa ngửa lòng trên những cây đu. Họ chân thành mà sâu nặng, kín đáo mà đa tình. Những khuôn mặt chữ điền, những đôi mắt lá dăm đong đưa, sắc lẻm như dao cau. Đu bổng lên vút lên, nhoang nhoáng đến lóa mắt ông già bà cả, dựng tóc gáy đám trẻ con. Tôi đang đưa mắt tìm kiếm thì bỗng phựt một cái, người con gái trên đu một tay giữ đu, tay kia nắm giải rút quần. Theo đà đu vẫn vút lên, cô gái chới với. Mọi người hoảng hốt. Trời ơi! Ân. Tôi lao đến đón đỡ em, sẵn sàng giằng em trong tay bất cứ chàng trai nào. Em xấu hổ rời tay tôi lao về phía những đống rơm rạ chất như núi sau lũy tre làng. Tôi đứng ngẩn, cám ơn trời phật đã giáng điều không may mắn dăm ba năm mới có một lần vào đầu tôi. Ở quê tôi đó là điềm hỉ, là lời đính ước, là sự công nhận trước mặt dân làng. Từ nay em là của tôi không ai được dòm ngó. Ra giêng mẹ kiếm cơi trầu chạm ngõ là xong. Buổi tối hôm ấy, khi trăng non chưa kịp ló ở đầu đình, chúng tôi đã líu ríu dắt nhau chen vào đám chèo xem diễn viên vẽ mặt đeo râu. Các ông bà thợ cày thợ cấy, con bé bắt cua mót thóc bỗng lên vua lên chúa sướng ghê. Tôi con nhớ đêm ấy gánh chèo làng tôi diễn tích "Quan Âm Thị Kính." Vãn đám, chúng tôi đi trong tiếng bình phẩm cãi cọ. Người khen vai này hay, người chê vai kia dở. Các bà, các chị thương xót Thị Kính, Đám trai tráng mê tít Thị Mầu. Ân ghé sát vai tôi:

- Lấy vợ anh chọn Thị Kính hay Thị Mầu?

Tôi tinh nghịch:

- Lấy tất.

- Sao anh tham thế?

Ân bấm nhẹ vào cánh tay tôi.

- Các cụ bảo, sông bao nhiêu nước...

Tôi nhìn Ân chống chế. Cả hai cùng cười. Thế rồi cả mùa xuân ấy chúng tôi dắt nhau qua con đê, qua xóm trại lầy lội rắc đầy hoa xoan trong đêm đom đóm lập lòe theo những tiếng hát. Hát đến lở đất long trời, hát đến non phải lở lòng phải say, hát đến cạn mùa xuân. Đúng lúc ngừng trống hội làng giữa mùa hoa gạo nở đỏ rụng đầy trên bãi cỏ may, thì trống tòng quân nổi giữa đình làng. Tôi ra trận để lại người con gái và những đêm hội hè. Buổi sáng tôi lên đường, dòng sông như ngừng chảy. Ân run lập lập không cầm nổi tay chèo. Em

không ngờ ngày tiễn tôi lại xảy ra nhanh như thế. Tôi rùng mình, gỡ những ngón tay đang bíu chặt vai áo tôi: "Em về đi, để người khác chèo," Ân sụp xuống nức nở. Tôi lau nước mắt cho em rồi xuống đò. Em và những người đưa tiễn chúng tôi đứng trên bờ vẫy theo. Đầu óc tôi còn in mãi hình bóng em. Mỗi khi hành quân qua những dòng sông tôi lại xốn xáng. Hình bóng em và mùi hương cỏ mật. Còn tôi, tôi chẳng biết mình đã để lại gì trong em. Một thằng con trai đa sầu đa cảm, chẳng chú ý đến gì ngoài đời sống tinh thần. Vụng dại tuềnh toàng trong ăn mặc nói năng. Một người đàn ông đã một lần làm cho cuộc đời em lở dở, đã làm cho người mẹ già đến lúc chết vẫn phải đau lòng. Sao tôi lại không thương lấy em, thương mẹ già và thương lấy chính bản thân mình. Tôi đã gây ra quá nhiều đau khổ cho những thân nhân mình. Em hiền thục làm mẹ, hiền thục làm vợ mà sao em khổ thế. Còn ai thân thiết với tôi hơn người con gái ấy. Tôi đã ngã xuống, đã không trở về, không còn ai nhớ đến tên tôi ngoài những ngày giỗ chung giỗ trận. Vậy mà những điều tôi sắp nói ra đây lại đang đi ngược với những nghĩ ngợi của mình. Buổi sáng sắp đến giờ phải đi, tôi vẫn cấn cái chưa biết mở miệng thế nào. Mẹ tôi đi lễ chùa chưa về, Ân đang cuốc xới ngoài vườn. Trúc Anh bê vào góc sân một rổ sắn dây to bằng bắp tay. Cuộc sống của những người nhà quê cực nhọc nhưng êm ả. Nhưng cái tổ ấm này sẽ còn được bao lâu. Chuyện tôi nói có vẻ như hợp lý nhưng có cái gì tàn nhẫn. Ở đời có chuyện hợp pháp mà không hợp lý, cũng có khi hợp lý, mà không hợp tình. Tôi đang nghĩ ngợi, Trúc Anh đến bên cạnh giọng nũng nịu:

- Bác ơi! Bác ở lại vài ngày nữa hãy đi. Mẹ cháu đang làm bột sắn gửi cho bác gái.

- Cám ơn hai mẹ con, nhưng bác hết phép rồi.

Nhìn ra góc vườn, Ân vẫn đang cần mẫn mót từng mẩu sắn dây còn sót lại trong đám đất mùm. Em chắt chiu để mỗi hè lại gửi ra cho vợ chồng tôi một vài cân bột trắng tinh ướp hoa bưởi thơm lừng. Nghe tôi báo sáng nay sẽ về thành phố, đôi tay Ân bỗng run rẩy rồi mềm nhũn ra. Những ngón tay thon thả dờ dờ trên đất, đôi mắt trống rỗng vô hồn. Tôi nhìn mãi vào đôi tay đã làm cho mảnh vườn hoang vắng của tôi đượm mùi đất mới, mùi cây trái, đã sinh ra hạt thóc lá rau để đàn chim sẻ kéo về chí chóe trên mái nhà, mấy con chào mào vành vẻ giành quả chín trong vườn, rồi con bói cá áo xanh mỏ đỏ cũng tìm đến ngồi thu lu trên cây vối Ân trồng ngoài bờ ao. Ngày tôi biệt vô âm tín, có lúc nào Ân sao nhãng phận dâu dù đó mới chỉ là một lời hứa. Khi nghe tin tôi nằm viện vì vết thương tái phát, vợ tôi một nách hai con chạy vạy khắp nơi lo tiền thuốc thang,

Ân đã vét voi tiền bạc trong nhà cùng với đôi khuyên vàng dành dụm bán đi gửi cho vợ chồng tôi nói là tiền của mẹ gửi cho...

Mẹ tôi ngồi xệp xuống chiếu, hai đầu gối nhô cao lên tận mang tai. Người sai Trúc Anh ra giàn trầu hái cho bà lá trầu rồi cứ thế têm hết miếng này đến miếng khác. Người nhai trầu, nhai như để nhai, để tránh sự nghĩ ngợi của mình, dai dẳng chậm rãi rồi im phắc. Tôi bối rối đến nỗi mãi mới cất nên lời, càng nghe tôi nói nét mặt mẹ càng nhăn lại. Bà ngồi thu lu, nhỏ thó im lặng. Cuối cùng mẹ ấn miếng bã trầu vừa nhai dập vào chiếc ống nhổ, không nhai nữa. Mẹ lấy vạt áo lau mắt rồi quay về phía tôi giọng như van nài: "Con ơi! Con có thương mẹ thì hãy để mẹ ở lại với mẹ con con Ân, với làng xóm mồ mả tổ tiên." Trúc Anh ngồi nép vào bên bà năn nỉ: "Bà ơi! Bà đừng bỏ mẹ con cháu bà ơi!" Đôi mắt con bé lo âu nhìn tôi. Mái tóc rối bù xõa xuống vai. Ân không nói một lời nào, đôi mắt dấn dấn nước nhìn tôi. Tôi không dám nhìn ai, đầu âm u. Những đôi mắt ám ảnh đè nặng lên tôi. Chẳng ai trách móc hờn giận, ba người đàn bà im lặng đến nỗi tôi nghe rõ từng tiếng gió lạnh thổi qua ngôi nhà. Trong những giọt nước mắt chảy vào trong, chảy ra ngoài của mẹ, có nhiều giọt bà dành cho Ân. Bà thương em hơn tôi. Cũng phải thôi, cuộc sống của em không nhẹ nhàng chút nào kể từ khi em dính vào cuộc đời. Đã bao lần mẹ khuyên em đi bước nữa, Ân chỉ khóc. Gặp tôi, em mặc cảm như người có lỗi, mặc dù Ân chẳng có lỗi gì. Chính tôi, tôi mới là kẻ có lỗi. Thấy tôi ngồi im mẹ nói thêm. Giọng bà trầm ấm nhưng da diết:

- Con đi đây đi đó, ăn chán cơm thiên hạ, sao con nông nổi thế. Bao nhiêu năm con vắng nhà mẹ sống với ai. Với lại ăn ngon mặc đẹp đâu phải là ao ước của mẹ. Con có còn nghĩ đến mẹ đến con Ân thì một năm đôi ba lần con đảo qua nhà là được rồi.

- Mẹ... Con sợ dân làng người ta lại bảo...

Mẹ cắt ngang lời tôi:

- Ối dào... Uốn câu sao cho vừa miệng cá, bảo rô thì rô bảo diếc thì diếc, hơi đâu mà lo. Với lại, sao anh không lo tôi và mẹ con con Ân nghĩ gì về anh?

Giọng bà nghiêm lại, tôi chỉ biết im lặng. Dường như bà vẫn chưa tha cho sự nông nổi hạn hẹp của đứa con trai.

- Anh đón tôi ra để suốt ngày ngồi trong cửa sắt nhìn qua lỗ khóa, bó chân bó cẳng. Chẳng có xóm giềng họ mạc, làm sao tôi sống nổi. Hay anh định sang tên nhà cửa vườn tược gia sản của ông cha cho người khác, bán xới cái đất này để một năm khỏi đôi ba lần vất vả đò giang về thăm tôi. Nó chả đáng tiền đâu. Nếu anh cứ nhất quyết, tôi

sẽ đi ở chỗ khác, chỉ xin anh cái bàn thờ và bát hương để thờ cúng tổ tiên. Anh sống sót trở về và được như ngày nay là nhờ hồng phúc tổ tiên đấy, anh có biết không?

- Mẹ... Con xin mẹ...

Ân van lơn mẹ tôi trong khi tôi cứ ngồi ôm đầu. Mẹ nói một hơi rồi ngồi lặng. Không ngờ bà đã nhìn thấu tâm can đứa con trai mình. Trên đời không ai hiểu con bằng những bà mẹ. Bầy chim vô tư vẫn chí chóe vui đùa ngoài vườn. Tôi thèm được như chúng quá. Nhìn đôi mắt Ân, tôi thấy rõ sự nhận chịu và cả sự hối hận, cứ như mẹ con cô là nguyên nhân gây nên nỗi đau khổ của tôi. Ân không nói một lời nào mà tôi ngỡ là đã nói. Yêu thương câm lặng như tiếng đàn rung lên một lần để rồi ngân mãi, ngân mãi.

Mẹ tôi đứng dậy, bà bước lại bàn thờ, châm mấy nén hương, rồi cứ đứng lặng như một pho tượng. Tôi len lén ra bể múc gáo nước mưa vào chiếc thau đồng rồi cứ thế vã lên mặt.

TRỊNH ĐÌNH KHÔI



TƯỜNG VŨ ANH THY

Mộng đắc Tịnh Liên

Gửi Trí Độ Tử Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng

vì hay rượu nên sa vào nghiệp sóng
vỗ trùng trùng đòi lại cõi ban sơ
mây vẫn thờ ơ
bơ vơ lũng thấp
quờ quạng sững sờ
hoa trăng mọc như là
ai đọc tờ kinh xưa

chợt mưa đổ hột rền trên miền hương-thủy-hải
ta mải mê bơi ngộp trời xanh
trời xanh trời xanh
ánh vào cốc rượu núi xanh xanh
tay bám chặt một cành cây huyền hoặc
tiếng đọc kinh mơ hồ như hát
như cát gieo trên những dòng sông

kìa trông ngàn cánh vạc
bay giữa đêm âm vọng nghìn thu
ta nghe được tiếng yêu của cá
tiếng nổi tiếng chìm trong lá gan tươi
lá gan trôi mãi hồ tịch mịch
nghe thầm thì như một đóa sen

ta muốn ngoi lên nhìn lại mặt trời
song sóng bạc xóa nhòa
nhòe nhoẹt lung linh
lung linh
lung
linh

TƯỜNG VŨ ANH THY



DONALD JUSTICE

Đàn ông tuổi bốn mươi

Đàn ông bốn mươi
Học cách khép lại thật nhẹ
Những cánh cửa phòng họ sẽ không
Tìm đến nữa.

Dừng nghỉ trên thang máy đang xuống thấp,
Họ cảm thấy sự chuyển động
Bên dưới như đang đứng trên sàn tàu,
Dù biển chỉ hơi dậy sóng.

Và sâu hút trong gương soi
Họ khám phá lại
Khuôn mặt cậu bé đang tập thắt
Chiếc cà-vạt của cha trong một xó nhà trốn nấp

Khuôn mặt người cha đó,
Còn thơm ấm thuốc cạo râu huyền hoặc.
Bây giờ họ giống người cha nhiều hơn chính họ là con ngày ấy.
Có một điều gì tràn ngập tâm hồn họ, điều gì

Như tiếng dế nỉ non
Lúc chiều tà, mênh mông,
Đang làm đầy cánh rừng dưới chân đồi
Phía sau căn nhà còn trả góp của họ.

PHẠM VIỆT CƯỜNG *dịch*
Tặng Phan Huyền Thư

Donald Justice sinh ở Miami năm 1925. Ông theo học các đại học Miami, North Carolina, Stanford, and Iowa. Tác phẩm của ông gồm có: New and Selected Poems (Alfred A. Knopf, 1995); A Donald Justice Reader (1991); tuyển tập thơ, truyện và một hồi ký The Sunset Maker (1987); Selected Poems (1979), đoạt giải Pulitzer Prize; Departures (1973); Night Light (1967); và The Summer Anniversaries (1959), đoạt giải Academy's Lamont Poetry Selection. Donald Justice dạy ở nhiều trường đại học Hoa Kỳ cho đến lúc về hưu năm 1992. Ông còn đoạt giải thưởng lớn Bollingen Prize về Thơ năm 1991 và được nhận tài trợ của các tổ chức Guggenheim Foundation, the Rockefeller Foundation, và the National Endowment for the Arts. Ông được chọn làm Chancellor of The Academy of American Poets năm 1997. Ông hiện sống với vợ, Jean Ross, tại Iowa City.



MARK STRAND

Hơi thở

khi nào em gặp họ
hãy nói giùm tôi vẫn còn đây,
tôi đứng trên một chân còn chân kia mơ mộng,
và đấy là cách đứng duy nhất,

hãy nhắn rằng những dối trá tôi nói với họ
khác những phỉnh lừa tôi nói với chính mình,
bằng cách vừa có mặt nơi đây vừa vượt lên trên
tôi trở thành chân trời,

hãy nhắn rằng khi mặt trời mọc lặn tôi biết nơi chốn của mình,
điều cứu vớt tôi chính là hơi thở,
cả những chối bỏ phũ phàng cũng là hơi thở,
và cũng là góc hơi thở đấy thôi dù xác thân như chiếc áo quan,

hãy nhắn rằng hơi thở là mảnh gương bị lời nói phủ mờ,
hơi thở là điều còn lại sau khi than khóc
đã đi vào tai kẻ lạ qua đường
rồi còn lại lâu dài dù tiếng kêu thương đã dừng lặng

hãy nhắn rằng hơi thở là sự bắt đầu lần nữa,
từ đó tất cả phản kháng rã tan, như ý nghĩa rơi
ra từ cuộc đời, như bóng tối thoát ra từ ánh sáng,
hơi thở là điều tôi hiến tặng khi gửi họ tình tôi.

PHAM VIỆT CƯỜNG *dịch*
Tặng bạn bè tôi ở VN

Mark Strand sinh tại Prince Edward Island thuộc Canada năm 1934. Ông được nuôi dưỡng và giáo dục tại Hoa Kỳ và South America. Ông là tác giả của 10 tập thơ, trong đó phải kể: Blizzard of One (Alfred A. Knopf, 1998), đoạt giải Pulitzer Prize; Dark Harbor (1993); The Continuous Life (1990); Selected Poems (1980); The Story of Our Lives (1973); và Reasons for Moving (1968). Ông cũng đã in 2 tập văn xuôi, nhiều sách dịch (các tác phẩm của Rafael Alberti - Vừa mất cuối năm rồi - và Carlos Drummond de Andrade), nhiều monographs về các họa sĩ hiện đại, và ba quyển sách thiếu nhi. Ông cũng biên tập nhiều sách, bao gồm The Golden Ecco Anthology (1994), The Best American Poetry 1991, và Another Republic: 17 European and South American Writers (với Charles Simic, 1976). Ông đã từng đoạt giải Bollingen Prize, giải Edgar Allen Poe, cùng tài trợ của các tổ chức National Endowment for the Arts, National Institute of Arts, MacArthur Foundation, Ingram Merril Foudation.



VÕ THỊ XUÂN HÀ

Nhà có ba chị em



Cả vạt núi Vôi trống rỗng khi cơn gió lốc khủng khiếp thổi từ hướng tây đến. Cơn lốc xoáy tan tành cây cỏ bao năm bám rễ vào lòng núi. Đá lở lăn xuống vực ầm ầm. Trận lốc đó không hề có một giọt mưa nào rơi xuống. Gió lạnh lùng quật ngã tất cả. Chỉ còn trơ một gốc si già sù sì và lì lợm như một tảng đá gắn chặt giữa trời đất. Bên gốc si, một ngôi miếu cổ bỏ hoang không rõ từ đời nào, thỉnh thoảng mới có một chân hương lập lòe lặng lẽ vật vã với gió. Và rồi tàn hương nhanh chóng rụng xuống, nhanh chóng bay vào cõi hư vô.

Giang bảo với người đàn bà đi cùng rằng anh thích trèo lên trên này để nhìn xuống thành phố chật chội đến tội nghiệp. Ở trên này con người bỗng thấy khinh mạn hết thảy. Người đàn bà nhìn Giang mỉm cười. Giang bỗng lặng đi khi nhìn thấy nụ cười của chị. Anh luôn thèm muốn chiếm giữ cho riêng mình nụ cười ấy. Họ cùng ngồi xuống bên ngôi miếu nhỏ trên núi, im lặng.

"Em về với anh thôi, Nghi."

Giang kéo tay Nghi đặt lên ngực mình.

"Lồng ngực anh rộng và đẹp thế này, nhiều cô gái chạy theo lắm. Em sợ..."

"Thôi chúng mình đừng nói gì thêm nữa. Em đã hứa với anh rồi. Anh nhất định không nghe em nói lại nữa đâu. Anh thật không nên bắt em phải vội vã."

"Em sẵn sàng nhảy xuống cái vực thẳm kia, nếu được hồi sinh lại và trẻ trung sánh ngang với anh."

"Em bắt đầu già rồi, cô bé ạ."

Tiếng cười của họ vang khắp sườn núi. Có lẽ họ đã lấy lại được niềm vui khi đứng trên đỉnh núi lộng lẫy nắng và gió. Một đốm hương lập lòe nhỏ xíu bừng lên.

Nghi quỳ xuống, cầu khấn thần linh ban cho mình sức mạnh.

*

Lúc đó người mẹ đang ngồi nhớ cô út, em dưới Nghi.

Nhà có ba cô con gái. Đúng hơn là ba người đàn bà, bởi hết thảy đều đã trưởng thành, có công ăn việc làm, có nhà riêng.

Chị cả tên Phương.

Chị Phương chưa một lần được làm đàn bà, năm nay đã 39 tuổi. Vì vậy, chị không xõa tóc ngang vai như những thiếu nữ trẻ trung nữa. Chị vấn cao tóc lên và gài vào búi tóc dày một cây trâm gỗ. Quần áo cũng thay đổi: áo kín tay kín cổ, quần kín gót. Lối ăn vận của chị bắt chước theo lối Hồng lâu mộng bên Tàu. Vì thế nom chị bí hiểm xa vời, đàn ông chỉ thích ngắm chứ không dám chạm vào. Chị Phương không hề nhận ra điều ấy. Chị ở riêng, hằng ngày đi dạy học về thì ghé qua nhà mẹ ăn bát cơm với bà cho vui, rồi lại bỏ sang nhà riêng ngủ vùi một giấc quá nửa buổi chiều. Sau đó sửa sang đi dạy thêm 2 tiếng cuối chiều ở nhà người ta, lấy tiền tiêu vặt. Sắc đẹp của chị cứ lặng lẽ nở, lặng lẽ tàn, chẳng ai cần tới, kể cả chị.

Nghi là con gái thứ hai trong gia đình. Chị đã có chồng và hai đứa con, một trai và một gái. Chồng chị là bác sĩ làm ở bệnh viện thành phố. Còn chị làm phóng viên một tờ báo ngành. Nhìn vào gia đình Nghi, ai cũng thấy yên tâm vì sự bằng phẳng của họ.

Cô con gái út thì đã có đến đời chồng thứ hai. Đời thứ nhất, không ra gì, để lại một đứa con gái tính tình ngang bướng, luôn luôn kết tội mọi người. Đời thứ hai, cũng lại không ra gì, không để lại gì ngoài sự trống rỗng. Cô út vô tư nhất nhà, xinh đẹp, trẻ trung và rất thực tế. Cô viết thư về báo tin mình sắp về nhà trước khi thực hiện một quyết định to lớn trong đời.

Lá thư cô út báo tin mình sắp về đến tay người mẹ lúc cô con gái thứ hai của bà đang đứng trên đỉnh núi Vô nhìn xuống thành

phố. Gần đây chị có nhiều bài thơ được đăng báo. Người ta bắt đầu gọi chị là nhà thơ trẻ. Đôi khi chị cũng thấy tự hào. Nhưng những gì ùa tới cuộc đời chị từ sau khi chị đặt bút làm ra những lời lẽ rung động nhiều người, thì cái được mất của nó mãi sau này chị mới biết.

Cô út về làm cả nhà vui như ngày hội. Trưa hôm đó bà mẹ nấu món canh hạt sen đãi con gái. Hạt sen để nguyên tâm, ăn vào, cô út ngủ say trên giường mẹ như chưa bao giờ được ngủ. Bà mẹ thì thào với hai cô chị:

- Con Hồng mang tiền về, bảo cho chị Phương hai tờ, chị Nghi ba tờ vì Nghi còn nuôi con. Nó cho mẹ năm tờ để sửa bếp và tiêu vặt.

Cô út trở mình nói như mơ:

- Để con cho mẹ một tờ nữa mắc điện thoại.

- Thôi con ạ, điện thoại làm gì cho phí, mẹ già rồi.

Cô út cãi:

- Già mới cần điện thoại chứ. Vả lại, nhà cửa sang trọng đến mấy mà không có điện thoại. Quê lắm. Giá điện thoại ở quê mình rẻ như bèo... Con muốn thỉnh thoảng gọi về để nghe thấy tiếng mẹ. Người ta cũng đỡ khinh dân Việt mình...

Nói rồi cô út trở mình ngủ tiếp. Bà mẹ nghĩ, nó vừa nói gì nhỉ? *Người ta* đây là ai?

Chị Phương cởi trâm ngả xuống sàn nhà, ngáp một cái. Chị nằm thẳng đơ như khúc cá ướp lạnh. Chị lẩm nhẩm tính những thứ sẽ tiêu với số tiền em gái cho. Một cái váy đen trong Shop Minh Hằng ở đường Lê Lợi. Một cái nhẫn cho ngón trỏ. Một đôi bông tai. Số tiền còn lại đập vào sổ tiết kiệm thời hạn sáu tháng. Hồng về, không có đồ diện đi cùng nó, mình ra gì nữa. Lương giáo viên eo hẹp, lại dạy môn lịch sử, không dạy thêm được như những giáo viên toán, Anh văn... chị phải nhận làm gia sư cho mấy đứa nhỏ lớp 1, lớp 2 hằng chiều. Bọn trẻ nít ở trường, mặt cứ nghệt ra khi nghe giảng về Hai Bà Trưng cưỡi voi giết giặc. Chúng kháo nhau đánh giặc như Hai Bà Trưng thật sướng như tiên, toàn được voi công kênh đi. Chị chờ chúng lao nhao hả hê thì vừa hay trống đánh hết giờ. Thật tội nghiệp cho lũ chúng nó. Chị Phương lại ngáp một cái.

Nghi không biết rằng, để có được ngần ấy tiền mang về cho mẹ và các chị, em gái út đã phải làm những việc liều lĩnh như thế nào. Người chồng thứ hai đưa cô em út vào sống ở Sài Gòn đã ba năm nay. Vừa xuống tàu, cô út biết ngay mình rơi vào tình thế vô cùng trớ trêu. Tất cả mọi tiền nong tư trang của cô, anh chồng đều chép vào sổ để quản lý. Định đánh bức điện về cho mẹ, anh ta bảo cô quá xa xỉ và chỉ cho cô viết thư về dưới sự kiểm soát của anh ta. Căn nhà

của vợ chồng cô bao bọc kín mít bằng những lồng sắt. Cô trở thành người ở không công cho cả gia đình nhà chồng, gồm cha mẹ và một cô em gái dở người. Cô em gái giống như thằng con trai bệnh hoạn, thỉnh thoảng xổ ra từ góc tối vồ lấy chị dâu rồi cười sằng sặc. Nhưng cô ta cũng ghê gớm không kém gì người anh, không có điều gì cô út làm có thể qua mắt cô ta. Ra chợ, cô ta kèm chặt cô út từng đồng. Một thời gian sau cô út bị đẩy ra đường kiếm tiền. Cô bán quần áo đồ bành, rồi đi làm đầu thuê. Hết ngày về nhà, anh chồng đón ngay ở cổng lục lọi túi xách và thu hết số tiền kiếm được trong ngày. Cô út phải gửi tiền nhờ người bạn giữ họ. Người bạn gái thương tình, lén dẫn cô vào vũ trường. Những đồng đô la cô út kiếm được là từ ở đó. Cô nhằm vào những người tới từ phương Tây. Sở dĩ cô út chưa bỏ chồng là vì cô còn tính, cô muốn gặp được một người giàu có và yêu cô thực lòng. Người ấy sẽ đưa cô đi bất cứ đâu cũng được, miễn là cô được sung sướng và không phải nhọc nhằn. Cô lao vào học tiếng Anh bằng mọi giá, mọi lúc, mọi nơi. Người chồng thấy cô học tiếng Anh thì cười khẩy, bảo làm đĩ mà cũng cần ngoại ngữ. Anh ta tích cực lục túi cô hơn.

Lần này cô út về là để chia tay mẹ và các chị. Có một người Bỉ yêu cô. Ông này hơn cô tới hai mươi ba tuổi, rất giàu. Lúc đầu cô còn tính nhầm. Cô bảo:

- Ông ấy hơn em mười ba tuổi. Không cao lắm.

Nghi hỏi lại:

- Vậy là năm nay ông ta bốn mươi tuổi?

- Sao lại bốn mươi, năm mươi chứ.

Hai chị em lẩm nhẩm tính rồi phá lên cười khi phát hiện ra sự nhầm lẫn của cô út. Nhưng cô út khăng khăng nói ông ta rất trẻ, dáng dấp còn dẻo dai hơn anh chồng Nam Kỳ bệnh hoạn của cô. Cô út thở dài, đánh một câu:

- Nếu biết trước đời em khốn nạn thế, hồi xưa em đã chẳng bỏ thằng Hùng. Cứ khoác cái mác chung nguyên với một chồng rồi đi chơi thoải mái. Bây giờ thì không dừng lại được nữa rồi...

Cô út bàn kết hoạch trốn khỏi nhà chồng với Nghi. Cô không dám cho mẹ biết, chị Phương thì càng không nên biết. Chị Phương chẳng có chút kinh nghiệm gì với đàn ông. Nếu biết cô út sắp ra đi với một người nước ngoài, có lẽ chị Phương sẽ ném hết số tiền cô út cho, chị sẽ có thể trở nên một bà già lạnh lẽo. Mà điều này thì cô út biết rõ sẽ làm mẹ cô khổ sở hơn hết. Nhưng không thể không bàn với ai trong gia đình, vì vậy cô út đành kể hết với Nghi như ngày xưa hai chị em còn ở bên nhau.

Mấy ngày liền Nghi quên mất có Giang trên đời. Mải vui với em với gia đình. Lo mua sắm quà cáp. Bế con sang nhà mẹ ăn cơm rồi chạy về nhà lo bữa ăn cho chồng, đôi lúc chị tự hỏi liệu sự xuất hiện của Giang ở đời chị có tốt hơn cho chị không?

Hôm cô út sắp đi, Nghi vào tìm chồng ở bệnh viện kiếm ít thuốc tốt cho cô út phòng thân. Chồng chị đang loay hoay trong phòng thí nghiệm. Nghi bước vào căn phòng mát lạnh, trắng toát, tự nhiên không dám bước mạnh. Người chồng liếc xéo qua ống kính hiển vi, hỏi:

- Gì thế?

- Em...

Chị bỗng ớn lạnh tới tận sống lưng khi nhìn thấy cái bào thai ướp trong lọ cồn mà anh đang soi soi lật lật.

Suốt cả ngày hôm đó, chị buồn nôn tới nỗi tưởng mình có nghén. Lúc đó chị mới nhớ tới Giang. Mấy hôm nay anh sống ra sao? Nghi nhìn lên núi Vôi đứng đơn độc phía Tây thành phố. Nhất định mình sẽ rủ Hồng lên đó trước khi nó từ giã đất nước này ra đi. Nghi nói với cô út:

- Chị có chuyện buồn lắm...

Cô út hỏi:

- Chuyện gì? Tiền hay tình?

Nghi thấy tắc ở họng. Nhưng cô út không chịu được, dồn một hơi:

- Chị thấy nên thế nào thì cứ sống như vậy. Thơ phú cũng tốt thôi nhưng phù phiếm quá, thằng chồng nào chịu được. Hay là chị yêu?

Nghi gật. Cô út thở dài:

- Khi không vác vạ vào thân. Thì chị cứ yêu đi, ai cấm được chị. Thích đức hạnh yên ả, thiên hạ cũng không cho chị hưởng đâu. Còn nếu không ở được với chồng thì li dị. Em ngán cảnh ấy lắm rồi. Hay là...

Nghi ngước nhìn cô út như tìm sự cứu cánh.

- Hay là... sang đó thuận buồm xuôi gió, em sẽ tìm cách đưa chị sang với em. Ờ, hay đấy. Kiếm một thằng chồng Tây mà lấy cho nhàn thân chị ạ. Để em kiếm cho. Yêu đương làm gì, xa xỉ quá. Quên người ta đi. Với cả, bọn đàn ông nước mình hèn lắm, yêu thì được chứ bàn đến lấy là đem người ta ra cân đong đo đếm từng li từng lạng.

Cô út xả một hơi cho bõ tức lũ đàn ông mà cô từng gặp. Xong rồi tự nhiên im bặt. Hai chị em nhìn nhau ngơ ngác một lúc rồi phá lên

cười.

Nghi đi tìm Giang.

Từ hôm hai người lên núi chơi đến giờ, Giang lao vào một công trình mới nên anh cũng ít có thời giờ để nhớ nhung tới Nghi. Là kiến trúc sư mới ra trường, Giang hăm hở tìm kiếm những hợp đồng quan trọng. Anh muốn sống đàng hoàng tự tin. Muốn như vậy thì phải có tiền. Nhưng vẽ tranh là niềm đam mê của anh. Đôi khi vào lúc nửa đêm, hình ảnh Nghi lại hiện lên khiến anh trằn trọc. Anh nhắm mắt lại, tưởng tượng ra cảnh sống với một người con gái khác không phải Nghi, và điều đó làm anh thấy không chịu đựng nổi. Nghi sẽ cứ sống như vậy, mòn mỏi bên một người chồng lạnh lẽo, và thế để làm gì nhỉ? Nếu Nghi không bỏ tất cả đến với anh, liệu có phải là chị yêu anh không? Anh có quá ích kỷ không?

Giang mời một cô bé làm mẫu vẽ. Anh loay hoay với bột màu và giá vẽ cả buổi với người con gái xa lạ. Lúc đầu cô bé còn lúng túng, về sau bột vẽ và văn phòng mờ mờ tối khiến cô không chịu nổi. Cô tự lột áo mình xuống quá ngực. Giang nhìn vào cái núm ngực nhọn nhọn của cô bé, tự nhiên thấy Nghi vô nghĩa.

Nghi đến lúc Giang đang vẽ dở bức "Chiều." Giang hớn hở khoe:

- Em xem, anh cũng được việc đấy chứ.

Giang loay hoay tìm hướng bật quạt cho Nghi. Anh đã quên cô bé hôm nào và thật vui khi lại được nhìn thấy nụ cười của Nghi. Chiếc quạt quay vù vù, thổi tốc đám tranh Giang mới vẽ đặt trên giá. Một bức bay sạt xuống nền nhà. Thiếu nữ đang cười mơ màng qua lớp sương mờ. Nghi nâng bức tranh lên.

- Đẹp quá. Ánh sáng tập trung vào mái tóc. Cô bé này chắc nghịch lắm phải không anh?

Giang gật đầu:

- Có cá tính!

Nghi xoay xoay ly nước trên tay, thấy buồn buồn thế nào. Rồi sau này sẽ ra sao?

- Em sao vậy?

- Không...

Giang vuốt nhẹ mái tóc Nghi.

- Em không nên nghĩ ngợi luẩn quẩn. Phải tận hưởng cuộc sống em ạ. Em đừng bó buộc anh, nếu không anh sẽ chán em đấy.

Nghi bàng hoàng. Có phải là anh đấy không. Giang? Ôi, thực ra mình là ai? Chị bỗng cảm thấy quá thảm hại trước Giang. Vậy thì phải đứng lên thôi. Ra khỏi căn nhà này, mình sẽ lại là mình. Nhưng

mình còn có là mình nữa không? Làm thế nào để quên được Giang đây?

Nghi đi như bơi trong một thế giới vô hình. Những bào thai ướp cồn bay lơ lửng trước mặt chị. Mấy ngày liền chị sốt lên sốt xuống với những ý nghĩ bệnh hoạn trong đầu. Mỗi ngày cơ thể Nghi lại teo đi một ít. Một đêm chồng Nghi bỏ dở ca trực về nhà, chạm tay vào người vợ, chị bỗng rú lên hoảng hốt. Đáng lẽ anh phải lấy chăn ủ kín cho chị nhưng anh lại lột hết quần áo của chị ra một cách không thương tiếc. Khí lạnh ập xuống căn phòng họ không có cách gì chống đỡ nổi.

Cuối hè, bão đổ xuống thành phố liên tiếp mấy trận. Người mẹ trở mình rên rẩm:

- Mãi không thấy thư con Hồng.

Bà nhắc con gái lớn sang thăm mẹ con Nghi. Chị Phương sang thăm rồi về cằn nhằn với mẹ:

- Con Nghi khùng quá mẹ ạ. Mưa gió thế này mà nó bỏ con bỏ cái trèo lên núi Vôi từ hồi chiều. Khấn vái cái gì trên đó không biết. Hôm nọ con đưa lũ trẻ lên đó tham quan, chẳng có gì ngoài cái miếu thờ họ mới sang sửa lại. Đứng trên đó nhìn xuống phố, thấy ngợp. Dạo này lắm Tây sang thế. Họ cũng đua nhau leo lên đó. Con gặp họ, xì la xí lô chào nhau, vui ra phết.

Lâu không thấy chị Phương ríu ran như vậy. Nhưng người mẹ vẫn nóng ruột đến cồn cào. Suốt đêm bà không sao chợp được mắt. Bà ngồi dậy, nhìn qua cửa sổ. Những ngôi sao nhấp nháy phả ánh sáng dịu dàng xuống cặp mắt già nua. Hương đêm ngai ngái phảng phất quanh căn phòng vắng lặng. Bàn tay răn reo run rẩy lật từng tấm ảnh của ba đứa con gái thuở chúng còn nhỏ xíu, khi mà cha chúng còn là người đàn ông trẻ trung.

"Bây giờ tôi thấy chúng sống khác lắm ông ạ." Bà thì thào trong bóng tối. "Chúng tính tiền bằng tờ. Con Hồng đã mắc điện thoại cho tôi. Từ hôm nó đi đến giờ, tôi chờ mãi vẫn không thấy nó gọi về. Giá mà tôi có thể gọi đến chỗ ông nhỉ..."

Rồi bà cứ ngồi mãi suốt đêm, nhìn chăm chăm vào máy điện thoại. Bà chờ tiếng chuông reo lên, tính toán những lời nói ngắn gọn cho cô út đỡ tốn tiền. Bà nhớ tiếng cười trong trẻo của cô út quá.

Sau này bà còn ngồi như vậy nhiều đêm để chờ các con về. Bởi vì sáng hôm sau người đưa thư gõ cửa đưa cho bà một lúc hai lá thư. Tới lúc đó bà mới biết cô út đã đi đi cách xa bà nửa vòng trái đất; còn Nghi, chị lên núi Vôi từ hôm trước để không bao giờ trở về nữa...

Những bức thư được viết như sau:

Lá thư thứ nhất:

Con gái Phương Nghi gởi cho mẹ!

Mưa rơi mẹ ạ. Không biết còn bao lâu nữa. Thoạt đầu mảng tường phía trước còn óng ánh trắng. Mẹ không thể nghe tiếng con gọi vào lúc này. Từng đàn kiến mối bay qua đập cánh vào bức tường rồi rơi xuống. Những cánh kiến cốt vụt bay lên phút cuối cùng rồi mất hút dưới dòng nước con con chảy theo những chỗ trũng trên mặt đất. Con đứng theo tư thế của một con kiến mối đã bị gãy cánh qua một cơn gió. Cơn gió này thổi từ miền ký ức sâu thẳm, qua sa mạc cháy bỏng, qua những cơn sóng xa lắc rồi ập đến, bất ngờ và dịu ngọt.

Đầu tiên, kỷ niệm về mẹ mà con còn lưu giữ được đó là cơn quẫy đạp đòi được hưởng ánh sáng mặt trời. Con thèm nhìn thấy gương mặt mẹ. Con bú no nê những giọt sữa trong lành rồi hành hạ mẹ đủ mọi điều. Là vì con thích khẳng định mình. Món đồ chơi đầu tiên mà con ưa thích là những xấp giấy. Con bò tới, vươn những cánh tay bé bỏng giằng lấy bất cứ một tờ giấy nào trước mặt, rồi xé toạc ra, xé đến khi chúng chỉ còn là những mảnh vụn. Và rồi những mảnh vụn đó như thứ ánh sáng ngũ sắc bay lên từ mặt đất cằn cỗi, bay lên cao, xa tít, đọng ở đâu đó thành những giấc mơ.

Mẹ ơi, lá thư này sẽ đến tay mẹ, mang theo hơi thở của con. Hơi thở đã được nuôi dưỡng bằng dòng sữa mẹ. Trên đầu con từng cơn lá trút xuống ào ào. Mưa đã tạnh từ lúc nào. Cửa sổ nhà ai bên kia đường bắt đầu le lói ánh đèn, có tiếng trẻ khóc đòi ăn. Giờ này những đứa con nghịch ngợm đáng yêu của con đang chờ con ở nhà. Vậy mà con không thể nào lê người ra khỏi cái góc tối tăm phía sau bức tường phủ đầy hoa thiên lý. Gió lùa qua khoảng ngõ hẹp làm những cánh hoa thiên lý đu đưa trong bóng tối. Con mặc chiếc áo đen mỏng bằng lụa đã cũ, chiếc áo này con mua lại ở một khu chợ tồi tàn. Chẳng phải vì con tiếc tiền mua áo mới, chỉ vì con nhìn thấy chiếc áo cũ được bày bán và ngay lập tức con có cảm giác chiếc áo đó có một liên hệ huyền bí với con, nó phải là của con. Con mặc chiếc áo này nhìn anh ấy qua bóng tối. Anh ấy đang đi lại, rạng rỡ, tin tưởng vào ngày mai. Anh ấy là tuổi trẻ cao ngạo và đầy ước vọng của con. Con và anh ấy đã tìm thấy nhau qua lớp lớp không gian và thuộc về nhau trong từng khoảnh khắc của số phận. Nhưng con đã bước lỗi nhịp. Trái đất này không có chỗ cho con, dù chỉ là một mảng nhỏ xíu. Con đã rơi vào vực thẳm. Ở đó không có gì cả. Biết đâu rồi đây con sẽ hồi sinh và đuổi kịp anh ấy ở một thế giới khác đầy ánh sáng.

Mẹ, mặt trời sẽ không tha thứ cho con. Vậy nên con đặt lá thư

này vào bóng tối. Bóng tối sẽ giúp con rời xa mẹ và những đứa con tội nghiệp của con.

Mẹ ơi, mẹ đừng khóc khi ngày mai con gái mẹ sẽ thoát khỏi đám đông nhìn con khinh mạn. Ngày mai con sẽ thoát khỏi vầng ngũ sắc độc địa và tự mình bước đi trong bóng tối.

Mẹ ơi con xin mẹ đừng khóc."

Lá thư thứ hai:

"Con xin lỗi mẹ đã để mẹ nóng ruột. Tháng sau con sẽ gửi tiền về cho mẹ theo đường dây chắc chắn nhất. À quên, con đã lấy một người Bỉ và hiện nay một mình con làm chủ cả tòa nhà mẹ không thể tưởng tượng nó đẹp và to thế nào đâu. Có điều cả ngày con lau chùi dọn dẹp cũng không hết. Con chưa đi đâu được, mà đi đâu nhỉ? Ông ta gửi lời chào mẹ. Thôi con phải đi trang điểm đã vì sắp đến giờ ông ấy về rồi. Con khỏe và có nhiều tiền. Chỉ nhớ mẹ và các chị thôi.

Con út của mẹ."

"Thư thêm:

"Em tìm được một người cho chị rồi. Chị quên thứ tình yêu lãng mạn kia đi. Ông này rất giàu, toàn nuôi súc vật trong nhà, phí quá. Ông ta thích vợ Việt và đã đồng ý lấy chị rồi. Thư sau em sẽ bàn kỹ."

Chị Phương đi dạy về, thấy mẹ ngồi ngủ trên ghế, không dám đánh động. Chị rón rén xuống bếp nấu cơm. Trên tay mẹ nắm chặt một lá thư, còn một lá nữa rơi xuống sàn nhà. Chị Phương nhặt lên đọc, đến đoạn *thư thêm*, chị hồi hộp đọc đi đọc lại.

"Em tìm được một người cho chị rồi..." À, đây là nó viết cho mình chứ ai nữa. Lấy Tây ư? Mình gần 40 rồi... Ôi, kỳ lạ thật. Mà sao Nghi đi đâu mãi không thấy về nhỉ? Hay nó lại đi lấy tư liệu viết phóng sự? Hình như bên Tây thích da ngăm đen thì phải. Nhưng mà chẳng biết tiếng nhau, làm sao yêu được?

Chị Phương ra sân ngửa cổ nhìn nắng. Nắng chói chang xói vào mắt. Rồi nhân lúc mẹ còn ngủ, chị Phương cởi áo xống và đứng giữa sân.

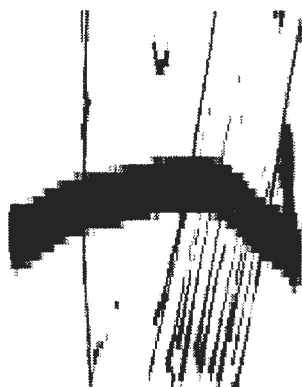
Chị cứ đứng dưới nắng như thế, thầm mong mình có làn da nâu tuyệt đẹp...

VÕ THỊ XUÂN HÀ



NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

Điện thoại lúc không giờ



Lỗi do tôi. Tôi đã dặn những người có nhu cầu liên lạc với tôi, giờ chắc chắn quý vị có thể gặp tôi là 0 giờ đến 4 giờ sáng. Tôi có những việc làm hiếm khi về nhà trước 11 giờ đêm. Sáng thì có khi bốn giờ, có khi năm giờ, tôi thường không thể tiếp tục ngủ. Và mọi người cứ thế mà dồn dập gọi...

- Alô, về rồi đó hả? Chuẩn bị tháng tới đóng giùm tôi vai một người bà con nào đó của cô dâu...Chú rể là tôi. Dĩ nhiên là đám cưới giả. "Má" dư biết là tôi đâu có thể cưới vợ. Với tôi, thà tự tử sướng hơn. Đầu tiên do một con mụ thầy bói khốn khiếp nào đó ở Hồng Kông, chỉ mặt bà nội tôi nói nội năm nay phải cưới dâu ngay cho một thằng cháu nội, nếu không thì bà sẽ "đai". Theo thứ tự trong gia đình thì phải tới "con" Cương này! Coi có giết người không hả "má". Trong lúc thằng em kế tôi thèm cưới vợ muốn chết thì gia đình lại bắt xếp hàng đợi...Tôi bí quá, gọi sang Thụy Điển cho thằng bồ, khóc cho một số khóc. Thằng bồ thương quá, kiếm gấp cho tôi một con "gơn" ở bển, lo tiền cho nó tháng sau về Việt Nam, làm đám cưới giả với tôi. Con "gơn" này trôi sông lạc chợ ở đâu tôi không biết. Giá cũng bèo thôi. Nhưng nếu nó về đây mà kêu là không còn ai thân thích thì gia đình tôi sẽ sanh nghi. "Má" đóng giùm con vai này nha. Tôi biết "má" không cần tiền nhưng mà "má"

hay tào lao, thương người, khả năng diễn trò lại cao. Nhờ người "a-ma-tơ" lộ chết...Chết mẹ!...Tôi quên là mặt "má" đã bị lộ. Vậy coi có bà chị nào của "má" giúp được không? Rước được "mẫu hậu" của má thì quá xuất sắc. Mai cho tôi biết kết quả ngay. Thôi ngủ đi. Tuần tới bà hốt được chưa? Tuần này bà có đi đâu gởi lại chín trăm tư cho "mẫu hậu". Nhớ nghe!

- Alô! Thằng nào gọi trước tôi mà lâu quá vậy? Chẳng có gì trầm trọng cả. Tôi gọi để nhắc bà bớt trải lòng ra mà sống. Hôm qua, tình cờ tôi nghe mấy đứa nói về bà một cách khinh khi, tôi chịu không nổi! Tụi nó nhìn ra bà là một con thú nhồi rơm. Ủa, nó nói thẳng vô mặt bà rồi à? Nhồi bông thì cũng như nhồi rơm. Bà cho như vậy là khen à. Bà nghe ra vậy sao, rỗng ruột có nghĩa không hiểm ác à?

Tôi thì không chịu được kiểu nói đùa như vậy! Giỡn chó, chó liếm mặt. Ghê quá, với bà thà bị chó liếm mặt còn hơn. Nhưng tôi thì khác. Thà tôi để mặt mình bị dòi bọ chuột gặm như Tề Hườn Công nhưng lúc đó ổng đã chết không còn cảm giác bị súc vật xâm phạm cơ thể. Nhưng cái giới của bà sao lật trở nhanh như chớp vậy. Ừ, chẳng thà nó chống bà ra mặt như tụi "con" Cương, "con" Mí thì dễ đỡ đòn.

Sao, "con" Cương dám nhờ bà đóng giả vai bà dì của vợ tương lai của nó à? Điên! Bà gặp phải một "con bệnh tưởng" rồi. Mai gặp há! À, hốt hụi đi nha. "Con Cương" lên xe hoa là nó bay khỏi Việt Nam luôn đó. Tôi biết nó giàu và tốt với bà nhưng cơn nố tới, ai biết được.

- Em đó phải không ? Tôi biết giờ này em chưa ngủ. Em khỏe không? Chàng Giờ Bảy của em thế nào? Hỏi vậy chớ lúc này tôi nắm nhiều thông tin về Chàng hơn em. Chàng chuẩn bị lấy vợ. Một con bé ở cơ quan tôi mà em cũng chẳng nên biết tên làm gì. Con bé ấy có lúc mê tôi. Bây giờ thì nó và Giờ Bảy của em đang có ảo tưởng về nhau. Tôi đã nói từ lâu là không ai yêu em bằng tôi cả. Mụ vợ tôi lúc này ghen ghê quá với đám học trò tôi. Rồi với đám nữ trong cơ quan tôi. Bà ấy cứ tiếc tại sao em không yêu tôi. Bà ấy thường nói cô ấy có tâm hồn, ăn bận có hơi nhếch nhác nhưng nhìn kỹ thấy khá có duyên. Mà ăn ở có lâu dài với nhau không là do duyên nợ. Đâu có, anh đâu có xỉn cưng. Ờ, duyên dáng thì khác duyên nợ nhưng duyên gì đi nữa thì anh vẫn yêu em như bình thường. Mụ vợ anh khó lắm mà còn chịu em. Bà ấy nói yêu em anh sẽ được an toàn, không sợ bệnh bậy, không sợ bị cướp chồng. Em vẫn nổi tiếng là người tốt nhịn...

- Ê mày, tao mới thấy chàng của mày đi uống cà phê với một con nhỏ cỡ tuổi con tụi bây, chiều nay, lúc năm giờ, ở đường Sương Nguyệt Ánh. Bình tĩnh hỏi lại đi, coi cái quan hệ đó là gì, biết đâu là em, cháu, hay quan hệ làm ăn...Ủa, mày sao vậy?...Sao êm ru gần nửa

tiếng vậy? Tao nói chơi mà. Mày dư biết tao có ra khỏi nhà đâu thì cấc cớ chi trôi dạt tới con đường đó. Nhưng tao thấy mầy khổ rồi con. Ngó bộ mầy lậm dữ. Ê, tới tuổi này mà còn yêu ngộ quá ta. Đừng xạo, qua điện thoại mà tao biết tim mày đứng yên mấy chục phút. Mai tới tao đo điện tâm đồ đi. Nếu quỡn, bước lên lầu, "chơi" luôn cái điện não đồ. Mấy ngày nay tao cứ phải làm ECG cho những trái tim hết sức bình thường. Thiên hạ lúc này bệnh tưởng nhiều quá...Chuyện của tao thì không có gì mới. Mấy con bồ mới của nó gọi lại báo cho biết, nó tuyên bố khắp nơi nó là người hạnh phúc nhất vì tha hồ đi chơi long nhong, cuối cùng bao giờ cũng có một con tù chung thân vĩnh viễn luôn chờ đợi là tao. Nói riêng cho mày biết, tao không yêu nó. Tao nói thiệt mà! Dĩ nhiên là không ai tin tao hết, kể cả mày...

Nè, chuyện hồi nãy là tao bịa thiệt đó. Ờ, chắc tại tao ghen với cái trò yêu iếc bậy bạ ở cái tuổi bốn mươi hơn của mày. Còn tao, bị đứt sợi dây thần kinh yêu khi còn ở tuổi nhi đồng lận kìa. Một lần bừng sáng lên trong khoảng tuổi mười mấy rồi tắt luôn. May mà còn có đứa con lận lưng. Dĩ nhiên, con tao lúc nào cũng là số Một. Nó còn xuất sắc hơn tao nhiều, dây thần kinh yêu của nó bị "chập" từ lúc nó mới lọt lòng. Thôi, không nhắc nữa, mày làm tao nhớ con khóc ướt gối bây giờ...

- Nè em, em thôi những cái trò đó đi! Tôi bực lắm! Tôi không thích ai nói tới tôi hết. Tôi dư biết em không yêu tôi. Mấy giờ? Xin lỗi! Anh không ngủ được. Anh bị khủng hoảng, Anh không biết sống để làm gì?

- Thấy em kiên trì không chị. Em gọi nhưng máy chị bận hoài. Em vẫn kiên nhẫn đợi. Vì em yêu chị. Và em cũng yêu anh ấy nữa. Chị cần phải ngủ à? Em xin lỗi. Nhưng em cứ thắc mắc hoài. Tại sao anh ấy chơi với em mà cứ nhắc chị. Chị có chơi bùa không?

- Cô à, cô không có con phải không? Hèn chi! Sao cô ác quá vậy? Tại sao ở đoàn người ta đã đồng ý cho con tôi đóng vai đó, cô lại đề nghị chọn đứa khác. Cô ganh ghét nhan sắc của nó chớ gì? Tội nghiệp con bé, nó khóc sưng cả mắt. Nó đã lỡ vào trường khoe với tất cả thầy cô, bạn bè, cả bà hiệu trưởng cũng biết. Cô giết người, cô biết không?!.

....

Người này dằn điện thoại hơi mạnh và tôi biết tôi sẽ thức tới sáng vì tiếng dằn đó. Tôi đặt ống nghe điện thoại sang một bên. Trễ rồi! Tôi đã bị đánh cắp giấc ngủ, dĩ nhiên, bị đánh cắp cả những giấc mơ.

Những đêm như vậy trôi qua...Có cả những cú điện thoại từ

nước ngoài gọi về. Kim kể về những mối tình của cô. Người yêu của cô mê ni sư Hải Triều và kêu gọi Kim yêu anh theo hướng đó, gặp nhau chỉ đàm đạo chuyện thần học, phật học mà thôi. Miêu hỏi em sao rồi, nghe nói đang có mối tình lớn hả. Anh nhớ nhà quá. Tết này để dành tiền về chơi nữa. Không biết ông bồ mới của em có cho phép em đưa anh tới chỗ này chỗ nọ như đợt trước không? Đông canh giờ sao mà cứ gọi vào lúc ba giờ sáng là lúc mà tôi yên tâm là những người trong nước để cho giấc ngủ tôi yên. Đông nói gọn lắm, chỉ vài chữ thôi, nhưng thường là khá căng thẳng, đầy "nỗi niềm"...Chẳng hạn:

- Chắc anh chết quá, em à!

Hoặc:

- Ủa, em có hạnh phúc thật sao?

....

Cũng có đêm không ai gọi tôi hết. Những đêm đó, thường cũng là những đêm tôi trằn trọc, có ngủ được đâu. Tôi lại chọn những đứa mà tôi biết chắc chắn giờ đó tụi nó còn thức để gọi tới. Ví dụ như "con nhỏ". Lẽ ra tôi phải gọi con nhỏ này là sư mẫu vì nó đã dũng cảm cho ra đời tới hai đứa con mà chẳng cần một chỗ dựa tinh thần lẫn vật chất nào. Nó luôn nói chuyện xen kẽ với tiếng cười dòn ngứu như thủy tinh vỡ nát của nó: "...Giờ thì...Tôi chấp hết!...".

Những giấc mơ của tôi như thế cứ héo khô. Còn giấc ngủ hằng đêm thì khuyết dần như mảnh trăng hạ tuần. Những tiếng dằn trong điện thoại luôn tạo tôi cảm giác chiếc búa gõ xuống nắp áo quan. Trong áo quan thì không còn một điểm tựa mong manh nào để tựa cả. Cùng đường rồi!

Sau một tuần thức trắng vì bị quá nhiều tiếng búa gõ như vậy, bảy giờ sáng hôm đó, bỏ mặc những người cộng sự đang đợi, tôi kêu một chiếc xe ôm nhờ chở tới dưỡng đường Hòa Hảo. Tôi được chỉ vào phòng số 2, chờ đọc tên và đọc số tiền phải đóng...Những người cần xét nghiệm phèo phổi gì đó thì chỉ năm, mười ngàn. Tôi chọn não thì phải đóng tới năm mươi ngàn đồng, là số tiền cao nhất. Sau đó họ chỉ tôi vào dãy nhà tiền chế vừa được lắp đặt ở khu đất trống cuối dưỡng đường. Tiếng guốc gỗ khỏ vào những bậc thang bằng vĩ sắt gây cảm giác một cái gọng kim cô nào đó đang xiết vào hai bên màng tang.

Người tiếp tôi đầu tiên hỏi những câu mà dường như bất cứ ai bước vào phòng đó đều phải bị nghe:

- Ăn sáng chưa? Gội đầu lúc nào?

Câu trả lời thường là "Chưa!" và "Chưa!"

Ngay sau đó, ai cũng được phát những phiếu nhỏ có ghi chú to, dày đặc:"Ra cổng quẹo trái cách trung tâm dưỡng đường vài căn có

bảng hiệu gội đầu tên Vân + uống sữa"....

Tôi bước xoãi nhanh, nên bước qua khỏi tiệm Vân mà không hay, phải lui lại. Tiệm nhỏ. Chỉ đủ sức chứa hai chiếc ghế nằm để gội đầu. Người ra vô nườm nượp. Thợ gội đầu kiêm luôn chuyện pha sữa. Tôi hối họ nhanh nhanh tay vì có hơi ray rức khi nghĩ đến những người làm việc chung dù không biết họ có đến đúng giờ được hay không. Cô thợ gội đầu vẫn khoan thai:

- Ít ra cũng phải sạch xà-bông chớ bà!

Tôi uống nhanh ly sữa không được nóng, hỏi giá rồi dằn tiền dưới ly, đi thiệt lẹ.

Đầu tiên, họ dắt tôi vào một căn phòng thông thoáng, có người cột tóc tôi lại thành từng khúm nhỏ để ghim kim rồi chuyển sang một căn phòng kín gió hơn để đo nhịp não thở. Tôi thấy muốn ói. Liên tưởng chiếc giường này đã chứa bao nhiêu người nằm qua. Tôi sợ những chiếc giường bệnh viện ngang ngửa với sợ những W.C. lạ mà tình huống đẩy đưa tôi cứ bị trôi vào.

Cô y tá (hay bác sĩ) kêu thở đi, thở mạnh đi, bằng mũi, cho tới lúc nào máy hết kêu. Tôi thở hì hụi. Máy cứ kêu hoài, tưởng như bất tận. Lại thấy áy náy với những người cộng sự dù vẫn chưa chắc họ đã đến được chưa, hoặc đã đến nhưng khá vui vẻ trước sự trễ tràng của tôi để nhân tiện có một khúc giờ rảnh mà ngồi nói xấu một ai đó, mà hôm nay có thể người bị đem ra nói xấu là tôi...Máy ngưng kêu lúc nào tôi không hay. Người kia kêu tôi nhắm mắt.

Vậy là những chớp lóe vẽ nhòa bên trong mắt tôi những bức tranh đủ màu sáng choang tuyệt đẹp khiến tôi liên tưởng đến những chớp lóe của số phận tôi. Nó như những tấm ảnh đã nhòe đi vì để nước dấp vào. Nào tai nạn đầu đời với một gã khùng không rõ mặt. Nào nụ hôn đầu với Ngọc. Nào những rừng sơn cúc tôi đi mãi miết như được trôi vào một xứ sở hoang dã thần tiên chỉ có tôi với những con nai, hươu sao thơ dại đến nao lòng. Nào những lùm bụi, khe suối, nhà trọ nhếch nhác, bờ sông củi mục với Hồ; cái nắm tay truyền chút niềm tin còn sót lại với Thường; khoảng cách không thể nào vượt qua nổi dù chỉ bằng sợi tóc giữa tôi và Dĩ; và bức tượng của Trân mà tôi đã đắp bằng những hạt bọt sóng cát được se bởi dã tràng.

Ủa, hết rồi sao? Hóa ra tôi chỉ mới sống vậy thôi...Đa phần là ảo, lốm đốm là hình. Nhưng bây giờ có chết ngay, cũng đã là sống dư một khúc. Còn những cú điện thoại rót rác vào tai? Những cú dằn, đập bỗng nhẹ hều bọt bèo, chẳng là gì cả. Tôi dỗ tôi, ngủ đi thôi! Dù tôi biết đó là điều bất khả. Ngủ gì nổi trên chiếc giường bệnh viện đã đi vào thành ngữ "giường bệnh viện, má văn công, mông bộ đội...".

Búa lại gõ vào đầu. Những tiếng tách vỡ ra ở phần vỏ não. Những cây kim đã hết gây cảm giác đau như lúc mới châm vào da đầu. Tôi nghe như có máu ứa ở mỗi cọng thun. Tiếng tách thì gãy khô như vỏ của những hạt dẻ tôi đã bóp nát trong túi áo lạnh khi đi lang thang ở những quán cà-phê vỉa hè Paris với ông Phạm. Tôi bỗng nhớ một nhân vật của mình đã hoán chuyển nỗi điên với người điên yêu mình vào vài giây trước khi màn đóng. Rồi tự hỏi tại sao những người biết số điện thoại của tôi, những người thường gọi tôi và thường bị tôi gọi lại vào lúc không giờ không đủ tưởng tượng để nghĩ rằng tôi, con bạn của họ, người gỡ rối tơ lòng miễn phí độc quyền của họ...có thể chuyển thành điên với mớ rác đời bán kèm thêm cú dần điện thoại của họ.

Tôi đã thất vọng biết bao nhiêu khi đọc phần kết luận của tờ xét nghiệm vào lúc 9g 15 sáng này 30/9/1998: "ECG trong giới hạn bình thường" và để trống chỗ "Hẹn ngày tái khám"!.

Khi tôi đến nơi làm việc, những người cộng sự của tôi vẫn còn chuyển động co giật mạnh mẽ ở cơ môi. Không hiểu họ vì đang thanh toán nốt buổi ăn sáng trong lúc đợi tôi đến trễ hay vì chưa thu vén kịp những lời nói xấu một người nào đó mà không hiểu sao tôi cứ tin chắc món điểm tâm của buổi sáng hôm nay của họ chỉ thể là tôi!

Ngày 1/10/1998, nghe được trong điện thoại của bệnh nhân Trần thị Ngát Hương.

- Alô! Thoát rồi, gia đình tôi đã đồng ý đôn thằng em kế tôi lên cho cưới trước. Nhưng ba tôi đã bắt đầu nghi vì thấy đôi mắt sưng đỏ của tôi mỗi lần có một "hàng" ghé qua ủy lạo. Coi cuốn Trai Việt chưa? Viết một bài tâm sự của tôi đi. Tôi sẽ bao bà một buổi canh bún tươi đặc biệt chớ báo đó chắc chắn là không có tiền nhuận bút. Ờ, hốt hụi đi nhe. Bạn bà khuyên đúng đó. Nè, đặt điện thoại xuống nhẹ nhàng nè, chẳng có dần đâu...

- Alô! Nói thiệt với bà, cái vụ cà-phê Sương Nguyệt Ánh là có thiệt. Nhưng tui lộn thằng khác. Không phải Đăng Thường của bà mà là An Thường của "con" Chương - Ai biết! Tôi có phải là người trong giới của bà đâu mà phân biệt được đứa nào là thằng, đứa nào là con. Vậy thôi, đừng có yêu nữa - Ai biểu đi đo não chi cho tốn tới năm mươi ngàn. Đo tim có mười ngàn thôi, rồi sau đó yên tâm mà không sợ bị tai biến mạch máu tim ở cái tuổi tàn thu của mình.

- Nè, chị khốn nạn vừa thôi, cái chuyện má tôi ra phường tố tôi mưu đồ làm chuyện xấu, kể cho chị nghe với yêu cầu phải giữ kín, tại sao lại xuất hiện trong truyện dài của lão Trương Duy. Ờ, chị đâu có kể cho ai nghe, nhưng miệng chị hở quá nên nhễu chuyện tứ phương như



ĐẶNG HIỀN

Xuôi qua mùa nắng

Nhánh sông khô mang viên đá cạn
Nằm giữa dòng nhớ nước ngày xưa
Mùa nắng tới lòng đầy hoang dã
Ở tận cùng nỗi nhớ như quên

Quê cũng mệt theo ngày mong đợi
Người cũng xa qua vội hôm nào
Tôi đã hết một thời rất trẻ
Gió và em thổi miết mùa hè

Trang sách cũ mối tình rực rỡ
Có từng hàng ngọt những yêu thương
Tôi chỉ có nỗi buồn giữ lại
Biển, rừng dương gọi với muộn phiền

Thành phố trắng cơn mưa mùa nắng
Từ trùng xa chói ánh mặt trời
Ngàn con sóng xuôi về bãi nhớ
Xô qua hồn tan tan hư không ..

ĐẶNG HIỀN
(April 26, 2000)

vậy coi như chị đã phá tan nát tình mẫu tử của mẹ con tôi...

Lại dần điện thoại điện thoại. Hương bỏ điện thoại ra. Cô biết cô lại bị ăn cắp mất giấc ngủ của cái đêm mồng một tháng mười tây này.

Và những đốm mộng lô nhô trong não cô cũng bị thẩm sát một lượt để mọi chớp lóe số phận cô lại rực chói, trộn đảo khuấy lẫn vào nhau rồi tắt ngấm ngay trong một thoáng dã tràng

NGUYỄN THỊ MINH NGỌC



THƯỜNG QUÁN

Nhớ Hàn Mặc Tử

Trong tay nứt nẽ
Trái lựu lập lòe
Chờ vỡ hạt

Muà hạ xanh bên trong
Kẽ nứt thở thiếp hé
Từ làng hạnh Phục Hưng

Một bờ tường rêu đại nội
Mất phượng
Phượng Trì *Phượng Trì*
Ngón vảy hồng Áo Nghĩa
Bao giờ cuống rụn lụy thời gian ?

Quyên kêu tiếng lẽ mùa tu hú
Nắng vọng ngang cồn bông bắp lặng lay lay
Nước gột mát Maria Quán Thế Âm hồ thuỷ

Con còn phục chờ thiên thanh
Những chuyến đi trưa ngày khát
Tưởng niệm trần gian nong đầy lựu hạt
Thôn trắng tam toà
Biển cho trên mắt khép ba lần muối chạy nhạt

Mặn nếm sớm mùa trăng
Lưỡi với môi răng kề cận đá rằm
Qua phên thiếp

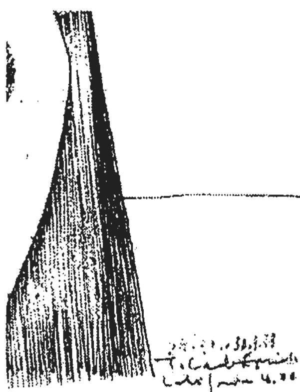
Nứt nẽ bóng người
Lập lòe trái ngực thương tiếc
Ngoài mấy ngón tay

THƯỜNG QUÁN
17/4/2000



MIÊNG

Hạnh phúc



Anh thương yêu,

Mỗi chiều trên đường em về, đèn quảng cáo đủ màu sáng rực trên cao. Trên tường một cao ốc, Club Med vẽ hình một cô gái miệng ngậm bình dưỡng khí, mắt mang kính lặn, bận áo tắm vàng lao xuống biển xanh thẫm, sâu hoắm, mênh mông.

Hình vẽ nguyên cả hông bức tường, cô gái từ đỉnh nóc soãi hai tay, nhào người lao xuống. Trông nó như thực làm em vừa ưa nhìn vừa sợ hãi vu vơ (anh lại bảo em bị phim ảnh chi phối !). Mùa đông trời sụp tối nhanh, chung quanh mặt biển đen ngòm, chỉ một mình cô nổi bật với chiếc áo tắm vàng qua ánh đèn thành phố.

Những đêm mất ngủ hay ngày bịnh nằm nhà, em thường đứng ở cửa sổ nhìn ra bầu trời nhấp nhô mái cao mái thấp. Và nghĩ tới anh. Em có cảm tưởng ngoài kia, qua màn đêm, mọi cái đều xa lạ như từ một thế giới khác, đều bí hiểm và không có lối cho em tới gần. Kể cả anh. Làm em trở thành bơ vơ lạc lõng, cô độc đáng thương. Đối diện với cửa sổ phòng em là chữ Philippe xanh đậm, cao vượt lên, từ xa chói lọi trong đêm. Philippe xoay tròn nên em nhìn thấy mọi góc cạnh. Thiên hạ đang say ngủ, chỉ Philippe còn thức với em, trò chuyện với em, trở thành gần gũi. Và em kể Philippe nghe chuyện hai đứa mình...

Philippe bảo em giống Francesca trong Chiếc Cầu ở Quận Madison, đã sống với anh bốn ngày hạnh phúc. Niềm hạnh phúc trọn vẹn tưởng sẽ nâng đỡ em những ngày còn lại. Anh đã làm em nên người, một người hơn hết mọi người vì có tình yêu và trách nhiệm. Anh tiếp

sức cho em đối diện nỗi cô độc và lòng không còn cô đơn, vì em vẫn nói chuyện với anh, một mình, trong cơn đồng thiếp... Xa em rồi nhưng anh còn đó, khắp nơi trong em, trong con tim thoi thóp ngân ngấn yêu thương, khắp nơi trong căn phòng tràn ngập lời mật ngọt... Nhưng trớ trêu nơi anh ở, một người, trong khi vắng em đã bước vào cuộc đời sóng gió của anh, và người ta vẫn còn ở lại trong khi em đến. Nên dù như lần vui chơi cuối cùng, em cũng không được gần anh, vì anh kẹt lắm. Em hiểu. Khi nhìn thấy tấm hình chiếm hết khoảng tường phòng khách, em biết ngay không phải anh chụp chỉ vì nghệ thuật... Em chơi vơi, mất mát. Em không còn gì, ngoài nỗi buồn không dám nói ra và căn bịnh hết hy vọng. Em không còn ngay cả em, vì anh đã lấy hết mất rồi !

Ô anh ơi, trời lại mưa to. Vùng này thường mưa thường gió. Buổi chiều em đi làm về, cô gái ấy vẫn lao người xuống trong trời đổ thác, như niềm hạnh phúc vĩnh cửu mời gọi cô từ đáy biển, như anh chàng trong phim Le Grand Bleu nhất định từ giã vợ, trong đêm lặn sâu xuống, sâu xuống mãi mãi với con cá dauphin làm bạn đồng hành...

Khi em về tới nhà, mọi cửa sổ trong cao ốc đều đóng chặt, chỉ cửa sổ phòng em là mở, gió vùi dập vào tường. Không luồn được qua khe kính, mưa giận dữ vỗ dạt dào, dội tiếng râm ran đứt quãng buồn ngắt vào phòng. Căn phòng trống trải, lạnh buốt, thênh thang... Em nhìn quanh chợt thấy xa lạ, những sách vở áo quần và trăm thứ lỉnh kỉnh như chưa bao giờ là của em. Chiếc khăn quàng trên móc như con rắn khổng lồ muốn nhào tới em. Áo măng tô lông như con gấu dữ tợn muốn vồ em. Tất cả đều làm em sợ. Em đi quanh phòng, căn phòng đã từng đón tiếp anh, cùng cười cùng khóc với anh - nhưng bây giờ... Mọi thứ đều vướng víu những sợi gì đau đớn làm em không dám động. Em thấy hụt hẫng ngơ ngác trong chính nhà mình. Em da diết buồn. Và em khóc. Em thèm được nằm trong tay anh. Em thèm được nghe anh nói. Em thèm nhìn thấy anh cười, ngạo nghễ, bất cần đời. Em thèm đủ thứ nơi anh, với anh. Em gọi khe khẽ, anh không nghe. Em to tiếng gọi, anh không nghe. Em gào lên át cả tiếng gió, anh cũng không nghe. Anh đâu rồi ? Em đang cần anh. Em nhớ anh. Anh ơi, em nhớ anh quá lắm. Cô ca sĩ nào vẫn than thở ... *anh ở đâu em ở đâu có chăng mưa sầu buồn giăng mắt sâu...* Em bật đèn. Ánh đèn sao mà...

Anh ơi, sáng hôm sau trời dịu gió, ngừng mưa. Trong khu cao ốc chỗ em, thiên hạ nhao nhao cúi xuống một người con gái nằm sóng soài dưới đất, ướt sũng vì trận mưa dữ dội đêm qua, ngay dưới cửa sổ. Người ta chỉ trỏ lên phòng em, bàn tán, lắc đầu, vẻ trang trọng. Em cố suy nghĩ và chợt nhớ: đêm qua giây điện bị cắt đứt. Trong cái tối tăm



HUỲNH LIỄU NGẠN

Tơ liễu Huế

mùa sau anh về cây thay lá quá
qua sông rồi nắng dạt ở vai nghiêng
cầu đưa đẩy một giọng hò xuôi nước
ai lỡ đời cầm ngọn nến thắp lên

một bữa nọ trăng cũng gần gãy gục
lên trời cao anh ngóng ở cửa thành
tám hướng đó còn hướng mô để gọi
em về mau lưu thủy lạc chân ghềnh

tơ liễu cũng lụy hoài bên cửa Hữu
tới cửa Ngăn vẫy ngọn tóc qua mùa
mưa lâm thâm buổi chiều hoang mây dại
đường còn dài tay níu gọi ai đưa

em làm tiên lên Hoàng cung ngóng gió
mấy trăm năm thiên cổ cũng hao gầy
ai biết rõ sen mùa sau sẽ nở
cho nhụy đào hé lộ giữa đôi tay

một mùa nữa anh về cây thay lá
xanh sắc trời xanh sắc lụa xanh em
bên ngai vàng em bay như rồng phụng
Huế trầm mình thành cổ tích không tên

HUỲNH LIỄU NGẠN

ướt lạnh, tiếng gọi khe khẽ mà bức thiết của bình an làm các cửa sổ hân hoan mở rộng... người ta hát nho nhỏ điệu Requiem của Mozart, và như cô gái Club Med, các bà đều tung mình lao xuống...

MIÊNG
Paris, le 15 Mars, 2000



ĐINH TRƯỜNG CHINH

vệt máu cuối

Sau gương mưa
Em vỡ tan những mảnh thủy tinh
đâm xỉa vào lòng tôi
vệt máu cuối
khi giấc mơ tôi
còn nghẽn giữa những ngón chân em đêm qua -
Rực đỏ .

Sau gương mưa
Tôi thảng thốt như một hồi chuông
trút vào đêm cực mộng.
Đêm trổ sương lên những nhánh cây gầy
cánh rừng khô tóc cháy
Em trổ lên tôi
Bài thơ bất chợt thở
nóng phả vào sâu lồng ngực đuối.
Thơ phả vào tôi -
Giấc mộng gần.

Tôi chạy trốn dưới hồi chuông lạ
hút mình trong gió
Trong chiêm bao
Em hào hễn chụp bắt những cánh hoa vỡ
cháy xém giữa giờ siêu tán
Kí ức tôi chuối ngã lên vàng ngoạch trang giấy -
Vào canh cuối . . .

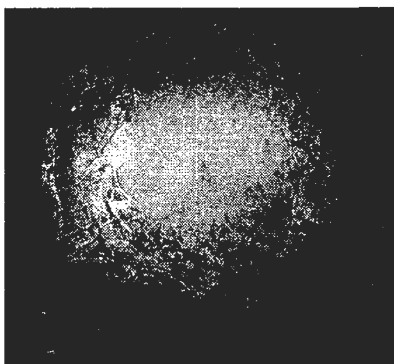
Đêm nhòa xa con đường rạn mưa
cánh rừng khô cực cùng ly biệt
theo suốt tôi trên đường về
Sấp nặng trên vai
những bó mây không địa chỉ
Kí thác lên thơ
nỗi ngất buồn của gió
rũ rượi mương man.
Em kí thác lên tôi
những mảnh thủy tinh
Sau gương mưa -
Vệt máu cuối .

ĐINH TRƯỜNG CHINH



VÕ ĐÌNH

Thư cho một họa sĩ già



Mấy năm trước, dễ hơn chục năm trước, tôi có viết một loạt bài gọi chung là "Thư Cho Một Họa Sĩ Trẻ". Hồi đó, tôi có người bạn nhỏ hơn đến gần ba chục tuổi, yêu văn học nghệ thuật, đặc biệt thích vẽ tranh. Tôi mượn cớ viết những thư đó (bắt chước nhà mỹ thuật học Anh cát lợi Herbert Read với cuốn *Letter to A Young Painter* của ông – Horizon Press, New York, 1962)– để chia sẻ một số kinh nghiệm bản thân trong đời cầm cọ.

Năm 198..., tạp chí Làng Văn ở Gia Nã Đại gọi đùa tôi là "họa sĩ trẻ... lại". Tôi thưởng thức hai chữ "trẻ... lại" dí dỏm đó tuy biết rằng một khi cái già nó đến với mình rồi có bao giờ nó bỏ mình đâu.

Năm ngoái, qua Paris, gặp một bạn văn bảo nên tiếp tục loạt "Thư Cho Một Họa Sĩ Trẻ". Phải một năm trôi qua mới thấy là "nên". Bèn "tiếp tục". Nhưng ngẫm lại, chưa chắc gì người trẻ họ cần được mình chia sẻ cho bằng người già. Trong giới cầm cọ hiện nay coi mòi người già đông đảo hơn người trẻ đó. Thời buổi này, đặc biệt ở hải ngoại, người trẻ thiếu gì cơ hội, dại gì mà lăn vào cái nghề được coi là "tàn mạt rách nát" (chữ của họa sĩ Khánh Trường). Cho nên có "Thư *Cho* Một Họa Sĩ Già" này.

......

Bác Th. kính yêu,

Nghe tin Bác về hưu. Định nói "sướng nhé" nhưng thôi vì tôi biết với người như Bác "hưu" chỉ là chuyện trên giấy tờ. Đăng ký ở sở

An sinh Xã hội để có được cái bảo hiểm sức khỏe rẻ mạt thôi chứ đời cầm bút cầm cọ có bao giờ biết đến chuyện hưu chuyện hiếc.

Tôi nhớ lần trước qua thăm, Bác có cho xem cái giá vẽ cũ. Giá gỗ sồi, mua từ nửa thế kỷ trước bên Pháp; các thứ móc, ốc, nẹp toàn bằng đồng, thật chắc. Tôi thêm hai chữ "thật chắc" để Bác biết rằng tôi đặc biệt để ý đến những bộ phận bằng *solid brass* của cái giá vẽ cũ. Đồ mới sau này người ta đúc bằng nhôm, bằng nhựa, vừa thô lậu, vừa yếu xìu. Nhớ hơn nữa là chuyện Bác kể.

Vác cái giá vẽ ấy về phòng trọ, dựng lên, gài vào tấm bố mới toanh còn thơm mùi *toile de lin Belgique*, rồi với những cây cọ tinh khôi Bác đã vẽ một bức... tự họa! Từ Rembrandt đến Delacroix cho đến Cézanne, Picasso, Modigliani, tự họa là việc không thể thiếu. Nhưng Bác không dấu diếm, cho biết rằng bức tự họa đó, Bác không bao giờ trưng bày, không cho ai xem, bởi vì nó quá "dở". Bố cục, đường nét, màu sắc, tất cả đều xoàng, đều tồi, Bác bảo thế. Tôi vẫn biết Bác "khó". Đâu biết, nửa thế kỷ trước, Bác đã "khó" với cả bản thân.

Ấy thế mà rồi Bác cứ tiếp tục dùng cái giá vẽ ấy để trong mấy chục năm vẽ ra không biết bao nhiêu là tranh. Nhớ hồi mới ngoài hai mươi, Bác mơ ước mở một phòng tranh, một triển lãm cá nhân – *exposition particulière/ one-man show*... Mặc bộ đồ lớn, thắt cái cà vạt kẻng nhất, đứng ở ngưỡng cửa, tươi cười chào đón quan khách. Và thỏa mãn nhất là cái giây phút "nàng" xuất hiện với bố mẹ. Đẹp rụng rời. Thơm ngát. Một tay nâng nhẹ cùi chỏ người đẹp, đúng phép lịch sự, một tay hững hờ cầm cái ly sâm banh cao cổ, dìu "nàng" bước nhỏ xem tranh, chốc chốc lả lướt đi một lời bàn vừa cổ kính vừa hào hoa. Ôi, giấc mơ tuổi trẻ, giấc mơ "văn nghệ"...

Cái ngày của phòng tranh ấy, rồi nó cũng đã đến, đã đi, và sau đó Bác cứ tà tà mấy chục cái triển lãm khắp nơi. Đã có nhiều bài báo, tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh, viết về Bác, đăng hình Bác, miệng ngậm ống vố, tay cầm cọ, nét đắm say trong đôi mắt ưu tư. Chao ôi,... "nhà nghề" quá sá. Bác đã vẽ, đã trưng bày, đã bán tranh, đã sống như một họa sĩ. Trong mấy chục năm. Và giờ đây, tuổi hưu nó đâm xầm vào Bác. Bác nghỉ hưu. Cái chữ "hưu", tiếng Tàu, tiếng ta, nghe dễ chịu: *nghỉ, thôi, ngưng*. Tôi ngờ rằng Bác không ưa gì cái chữ Anh, chữ Pháp: *retirement, retraite*. Rút lui, thụt lùi. Tiềm tàng nỗi niềm thua thiệt, co cụm. Ngay cả ẩn nhẫn, yếm thế.

Người khác về hưu loay hoay phác hoạch đời sống tuổi già: khám sức khỏe định kỳ, du lịch theo chương trình, có tổ chức, tí toáy tập lấy một công việc vừa giải trí vừa bổ ích (hobby) thì Bác vẫn ngày

ngày cặm cụi với mấy cây cọ. Mấy cây cọ Bác dùng bao năm nay đã quá cùn, xơ như cái chổi cũ. Bác bảo: *Vẽ đẹp không cần cọ mới.*

Nhớ lần Bác kể cho nghe Bác đã quyết tâm dấn thân vào con đường hội họa như thế nào. Đó là ngày Bác tình cờ được thấy tấm ảnh đen trắng lớn trong cuốn sách về tác phẩm của Georges Braque. Một phía phòng vẽ. Cửa sổ lớn, không màn, không sáo, ánh sáng xám nhạt tràn ngập lên cái bàn gỗ trơn. Trên bàn, một dãy lọ lớn đựng đầy cọ, thứ lọ thô lậu bằng đất nung rắc muối. Những cây cọ đứng dựa vào nhau, dài với dài, ngắn với ngắn, cây nào cũng cùn đến gần tới nẹp *(ferrule)*. Cùn nhưng sạch sẽ, trang trọng, rõ ràng có bàn tay chăm chút săn sóc. Những cây cọ đứng trong những lọ đất thô đặt thành hàng trên mặt bàn gỗ chằng chịt dấu vết thời gian đã thôi thúc, dìu dắt Bác đi tới quyết định một đời.

Bây giờ Bác cũng có những cây cọ cùn như Braque. Có khác gì chăng những năm chưa hưu là Bác cũng đã cho cái giá vẽ về "hưu" với Bác. Cái *chevalet* Pháp nó hay thật: nhờ những móc, ốc, nẹp bằng đồng đó mà nó có thể được xếp lại vô cùng gọn ghẽ. Bác không dùng giá vẽ nữa, nghĩa là không đứng mà vẽ nữa, như tuyệt đại đa số họa sĩ Tây phương cổ cũng như kim, Bác đã "hạ thổ". Nghe kể Bác tự tay đóng một cái "bàn", cao không tới gang tay, đặt cái thảm nhỏ trước "bàn", ngồi xuống mà làm việc. Hỏi có phải Bác trở về phương Đông không thì Bác gắt: "Đông Tây gì! Đứng mỏi chân đấy thôi. Ngồi khỏe hơn đứng chứ. Muốn ngồi sao thì ngồi. Xếp bằng ăn cỗ cũng được mà chồm hổm chỏ hỏ kiểu nước lụt cũng xong. Bó gối như Yên Đổ Nguyễn Khuyến cũng hay mà quì hai gối chống hai tay... lối Nhật cũng... O.K. Đó là chưa kể đến chuyện ngồi lối kiết già kiếc giếc". Tôi chịu Bác!

......

Bác đứng hay ngồi, cái quyền và cái thú là của Bác, tôi không dám xía vào. Chỉ xin thưa với Bác về đôi chút lấn cấn trong tôi thôi. Có hỏi Bác lần nào đó và bị Bác "xì" cho một cái dài ý rằng không thèm lưu tâm đến ba cái lẻ tẻ vô bổ. Tôi không có cách nào khác hơn là viết ra đây, xin Bác vài lời để chúng tôi, đồng nghiệp... già của Bác có cơ hội xét lại đôi điều.

......

Bác bảo Bác không trưng bày nữa: Sau mấy chục cái triển lãm Bác đã chán ngấy. Chuẩn bị tranh triếc, phòng ốc đâu vào đấy, gửi thiệp mời, đón tiếp quan khách, vân vân, Bác cho rằng đời Bác như vậy là quá đủ. Tôi thông cảm và chia sẻ với Bác những phiền hà, vất vả này. Nhưng không trưng bày, không cho ai xem, tại sao Bác vẫn tiếp

tục vẽ?

Không trưng bày, không cho ai xem, tức là không "rao hàng", vậy nói cụ thể Bác xoay trở làm sao? Có thể nhu cầu của Bác ít hơn nhiều người khác nhưng ở cái xứ đồng tiền là vạn năng này, nói như chính người Mỹ nói: *"You can't live on air alone!"* (Chỉ hít không khí mà thôi, sống sao nổi!")

Bác tiếp tục vẽ, ngày ngày vẫn vẽ, chẳng hay Bác vẽ cái gì? Hội họa là lãnh vực tạo hình, là nghệ thuật chỉ con mắt mới thấy được, "nói" ra e có điều bất cập, nhưng Bác cố thử xem sao. Tôi hứa sẽ rán hết sức hình dung con đường Bác đang lủi thủi một mình...

Thôi, đã hỏi "vẽ cái gì" thì tôi cũng xin "thừa thắng xông lên" hỏi tiếp: Bác vẽ làm sao? Thuở trẻ dại, Bác đã từng học vẽ bằng cách dùng que than vẽ tượng đá cổ Hy lạp, dùng sơn dầu vẽ "cóp" những tranh Phục hưng... Sau bao năm luân lạc, Bác rời bỏ những khuôn phép ấy, Bác đã tìm kiếm không nguôi, và bây giờ Bác vẽ ra làm sao?

Trời ơi, gửi Bác những câu hỏi này, lòng tôi không an. Mong Bác thương mà đừng mắng.

Tiểu đệ bái bút,

Đ.

......

Và sau đây là "Thư *Từ* Một Họa Sĩ Già":

Anh Đ. thân mến,

Cái ông này bày đặt! "Tiểu đệ bái bút"! Làm gì mà ông trịnh trọng dữ vậy? Đã hỏi thì trả lời đây.

Người ta, người bên văn đó, cứ khoe "ngứa" cái này "ngứa" cái nọ. Cứ làm như chỉ vì "ngứa" mới viết và chỉ có họ mới biết "ngứa". Giới cầm cọ chúng mình cũng "ngứa" như ai vậy. Nói như mấy ông họa sĩ đất thần kinh: ngứa hung! Ngứa quá sức. Đã ngứa phải gãi. Nhưng có phải khi nào gãi cũng sướng đâu. Đau, rát, bật cả máu. Mà vẫn gãi. Cái vẽ lắm khi đau đớn lắm. Nhưng không vẽ chịu không được.

Ông hỏi "vẽ mà không trưng bày, không cho ai xem, tại sao Bác tiếp tục vẽ?"

Giản dị lắm ông ơi. Trưng bày là nghề. Vẽ là nghiệp. Bỏ nghề, được. Bỏ nghiệp, sức mấy. "Đã mang lấy nghiệp vào thân" mà.

Tôi vẽ mà không cho ai xem chẳng phải vì ích kỷ hay khinh người đâu. Chỉ là vì cho xem tranh, trong một cuộc triển lãm hay tại nhà riêng, phiền toái lắm. Viết cuốn sách, bà con xa gần tặng một

cuốn "lấy thảo", còn lại nhà phát hành phổ biến, ai mua thì mua. Đọc hay không đọc, hiểu hay không hiểu, thích hay không thích, việc của độc giả mình chỉ đứng xa xa ghi nhận được gì thì ghi nhận thôi. Bức tranh, đâu có giản dị thế, ông cũng là người vẽ, ông biết chán. Dù sao, tôi cũng "hưu" rồi. Đã "hưu" thì ta có quyền (và bổn phận) gạt bỏ bớt những phiền hà của đời "nhà nghề" đi. Chỉ giữ lấy cái nghiệp thôi. Chạy trời không khỏi nắng!

......

"Lấy gì mà sống" à? Những năm còn bán tranh, đóng thuế lợi tức nghề tự do *(self-employment tax)* dài dài nay nhà nước hoàn lại hàng tháng cho mình thôi. Chẳng xin xỏ ai cái gì cả. Mấy cuốn sách hồi nảo hồi nao, hai ba chục năm về trước, vậy mà vẫn đem lại lai rai tí quà: lâu lâu một cái chi phiếu ở đâu rớt xuống, coi như lộc Trời vậy. Mới hay cái cách làm việc của tư bản "thiếu nhân tính" nó hữu hiệu và công bằng. Chẳng cần biết nó thương hay nó ghét, cứ đến đúng ngày đúng tháng, là máy nó tự động tính toán, phun ra cái chi phiếu cho mình. Cái máy, nó thiếu "tình người" nhưng nó lương thiện. Nói thật với nhau chứ lỡ ra có đứa cà chớn nào đó ở nhà xuất bản cố tình không gửi tiền thì mình cũng chẳng biết vào đâu!

Từ lâu tôi vẫn nghĩ rằng nhu cầu vật chất của mình ít hơn, thậm ít hơn là người ta cứ khăng khăng bảo rằng mình phải có. Ông có biết câu nói để đời của Henri Ford, vĩ nhân của tư bản Mỹ quốc, cha đẻ của chiếc Ford Model T, gần 100 năm về trước: "Bí quyết buôn bán thành công là làm sao cho người ta quay quắt muốn có những thứ mà thật ra người ta không cần tí nào". Đó là ông Tây dạy dỗ. Còn ông Đông (phương) thì nhắc nhở: "Đời sống tinh thần nên ở trên mức trung bình; đời sống vật chất nên ở dưới mức trung bình". May mắn thay ông Ford và ông Nguyễn (Hiến Lê) không sống cùng một nơi!

Ở xứ Hiệp chủng quốc này có cái gọi là *"poverty line"*: Anh phải có lợi tức hàng năm trên mức đó anh mới không bị liệt vào "giới người nghèo". Tưởng gì chứ hạn định như vậy thì tuyệt đại đa số nghệ sĩ (nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, điêu khắc gia, nhạc sĩ khúc tác, nhạc sĩ trình diễn, kịch sĩ, diễn viên...) nghèo mạt rệp là cái chắc. Đã có nhiều công trình nghiên cứu thăm dò trong địa hạt này, ông thừa biết.

"Bác xoay trở làm sao?" Hà, hà, xoay trở làm sao hả? Thì từ lâu tôi đã bắt chước các cụ lẩm cẩm ngày xưa bên ta: Tri túc! Tri túc! Nói cụ thể: Có rất nhiều thứ người ta cho là cần lắm lắm, tôi chỉ thấy là cần sơ sơ, không có cũng được. Lại có những thứ người ta cho là cần sơ sơ, tôi, tôi đếch cần... Ngày xưa, bà cụ tôi hay thở dài: "Tạo ra bao nhiêu thì phiền não bấy nhiêu". Nhỏ dại, nghe là nghe, không lưu tâm. Khôn

lớn, mình cứ thắc mắc không rõ cái chữ "tạo" đó nghĩa là gì. Bây giờ thì tôi biết chắc: "tạo" này nghĩa là *bày đặt* đây, không phải tạo tác, sáng tạo, cấu tạo gì đâu. Nhện giăng mạng để bắt con này con kia. Người bày ra cho lắm rồi vướng vào mà chết.

Hơn 30 năm trước, ông bạn đàn anh Doãn Quốc Sỹ có viết một câu để đời: "Ở thế giới thực dân cộng sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn; ở thế giới thực dân tư bản, người ta tung vật chất ra để giam lỏng linh hồn". Ông Doãn đã từ thế giới cộng sản qua đây với chúng ta ở thế giới tư bản mấy năm nay. Dám chắc lắm khi ông đã hả hê thấy rằng câu viết khi trẻ trung vậy mà chí lý quá đỗi. Có lần tôi nói với ổng: "Người ta muốn 'mua rẻ' mà anh cứng đầu không bán, anh chết! Chứ còn người ta 'giam lỏng' anh chỉ vì, hoặc anh tự nguyện chui đầu vào rọ, hoặc đã lỡ ở trong rọ, ăn phải bã rồi, anh chẳng muốn thoát ly". Các giới sản xuất, thương mại, họ biết tỏng anh rồi. Ở xứ tự do, pháp luật minh định rõ ràng đâu là bổn phận, đâu là quyền lợi, không ai có quyền bắt anh phải thế này thế nọ một cách tùy tiện. Người ta chỉ được phép mời mọc, rủ rê, dụ khị thôi. Chịu hay không, tùy anh. Chỉ cần biết rằng cái gì cũng có cái giá của nó.

......

Đ. ơi, ông lại hỏi: "Chẳng hay Bác vẽ cái gì?" Nói ra e có người không vừa tai chứ tôi nghĩ rằng *viết*, dù không viết *về* cái gì đi nữa vẫn là viết *cái* gì. Dù chỉ viết cái chữ thôi, cái chữ vẫn là *cái* gì. Trong khi đó, vẽ là một động tác của thân xác trong không gian. Không nhất thiết vẽ *cái* gì mới là vẽ. Vẽ thôi. Như thở. Cần không khí cho cơ thể thì hít không khí vào và thả không khí ra. Nhưng hít vào và thả ra không phải là thở tuy rằng thở bao gồm hít vào và thả ra. Có sự phân biệt giữa hít vào thả ra như những động tác có ý thức, vì nhu cầu, và *thở* như một sự tuần hoàn tự động. Không ai hỏi "thở cái gì?" Vẽ cũng vậy. Có người vẽ cái này cái nọ. Tôi chỉ vẽ thôi.

......

Đ. à, ông quá quắt lắm đấy nhá. Hỏi "vẽ cái gì" còn được đi, chứ hỏi "vẽ làm sao" thì ông chơi khó tôi quá. Xem nào, tôi mới nói chuyện hít và thở. Có phải là chỉ khi nào ông ý thức rõ ràng cái thở của ông, ông mới thấy có hít vào và thả ra không? Còn thường tình, ông chỉ thở thôi, ông không để tâm là mình đang thở. Vẽ cũng vậy.

Thuở còn rất trẻ, khi tôi vẽ bao nhiêu tâm trí dồn về *cái* tôi vẽ, và, dễ thôi, tôi cứ đi theo đúng nguyên tắc, những khuôn phép đã được học. Đến tuổi trung niên, khi vẽ tâm trí tôi lại dồn về bản thân tôi, tối đa. Cái tôi vẽ chỉ là cái cớ để tôi vẽ tôi. Một thứ tự họa phi chân dung! Bây giờ, "hưu" rồi, tôi chỉ vẽ thôi, bất cần biết đến *cái* tôi



NGUYỄN THỊ MINH THỦY

Lửa tình

xôn xao bàn chân bước
êm đềm bờ vai nghiêng
nhấp nhô nghìn triều sóng
vang giữa cõi hồn, im.

ngày hè dài cũng hết
chiều tịch mịch thở than
đêm lặng lờ mờ mịt
đèn khuya thắp hai hàng
những tia mắt dọc ngang
xoáy nhìn truy dấu vết

tôi, hồn vong cõi chết,
trót bung vòng hồi luân
chân lê miền mộ huyệt,
lòng luyến mê dương trần

lửa tình bén nhục thân
thôi màng chi siêu thoát!

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

vẽ đã đành, mà ngay tâm tư bản thân tôi cũng mờ nhạt đi, mờ nhạt đến độ mất dạng.

Thuở non dại, tôi ước ao được trưng bày ở chỗ thật "ngon", bán tranh thật chạy, kiếm được bộn tiền, và có nhiều thì giờ để sáng tác mạnh hơn. Sau đó, thấm lẽ tương đối của danh lợi và nghệ thuật, tôi để cả tâm trí vào việc tìm kiếm, nắm bắt được một cái vẽ viên mãn. Bây giờ, đã "hưu", "ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch", vẽ là vẽ thôi. Không ước ao, không tìm kiếm, không đuổi bắt. Vẽ thôi.

Anh Đ. ơi, trả lời vậy, được chưa?

Thân,

Th.

VÕ ĐÌNH



NGUYÊN HƯNG

Để xem tranh cần phải học



Trước tranh, đa số giữ thái độ "kính nhi viễn chi". Thường, ít khi dám có ý kiến bình phẩm - không chỉ với các loại tranh "bí hiểm" như Lập thể, Siêu thực, Trừu tượng... mà ngay cả với những loại tranh "biểu hình" như Ấn tượng, Biểu tượng, Tượng trưng, thậm chí với cả tranh tả thực. Trong giới hoạ sĩ vẫn kháo nhau câu chuyện: Có người nhận xét tranh bạn "Trông kinh đấy!"; anh hoạ sĩ vặn lại "Kinh là sao? Có nghĩa là đẹp hay xấu... hay sao?" Người kia giải thích bằng... cười!

Tại sao? Tại đa số thực sự "mù" trước tranh, chỉ thấy "lờ mờ" bên ngoài mà không thấy nổi "bên trong" hay đơn giản chỉ vì không biết phương pháp diễn dịch, không đủ chữ nghĩa để phát biểu?

Có người cho rằng chuyện "mù" là phổ biến với lý lẽ: học chữ phải bắt đầu từ A, B, C; muốn cảm thụ hội hoạ tốt phải được giáo dục về hội hoạ. Ở Việt Nam, cho đến nay, công việc này gần như chưa có gì.

Có người lại cho rằng, đối với nghệ thuật, cho dù có thiên kinh vạn quyển cũng chưa chắc đã hết "mù". Nhiều khi lại "mù" hơn nữa. Những điều mà người ta vẫn nói huyên thuyên về tác phẩm này, tác phẩm nọ, lắm lúc chỉ là những ảo tưởng do kiến thức mang lại hơn là



Hương: *Con không cha... Nhà không nóc*

do cảm thụ tự thân, chưa chắc đã có xúc cảm nghệ thuật...

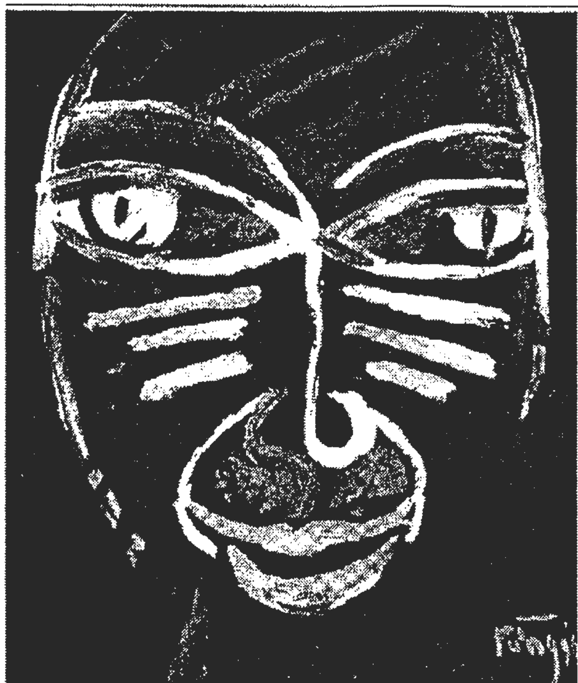
Mâu thuẫn trên là có thật. Nhiều, rất nhiều người có học thức hẳn hoi thuộc làu lịch sử mỹ thuật thế giới, nhớ tên tác phẩm tiêu biểu của từng hoạ sĩ, nhưng khi trực diện tác phẩm, nhiều khi chỉ biết im lặng, thậm chí dửng dưng. Ngược lại, có người học vấn chẳng là bao, nhưng trước vài ba tác phẩm đã có được những phát hiện tinh tế đến bất ngờ...

Thực tế đó, rõ ràng, buộc phải đặt lại câu hỏi, học để xem tranh là học những gì? và học như thế nào? Bất cứ ai thiết tha cầu học, và học thực sự, học trong ý thức thường xuyên tự phủ định (biết hoài nghi) có lẽ, đều sáng tỏ hoặc mơ hồ cảm nhận học để biết, học để hiểu và học, như một sự tích tụ năng lượng cho sự sáng tạo là những cấp độ

hoàn toàn khác nhau. Gần như hầu hết các nhà tâm lý nghệ thuật đều cho rằng cảm thụ nghệ thuật cũng là hình thái khác của sáng tạo nghệ thuật. Cái "vốn" của cảm thụ với sáng tạo như nhau. Khác, chỉ tuỳ vào khả năng có thể biểu đạt – nghệ thuật là hình thức – đây là chuyện "trời cho".

Trong cái "chân lý" mà các nhà tâm lý nghệ thuật khẳng định vừa nêu, bật lên vài vấn đề – Những vấn đề cũ, rất cũ, nhưng cần phải nhắc lại – đó là, bản chất của nghệ thuật là gì? Qui luật "tiến hóa" của nghệ thuật như thế nào?

Xuyên suốt lịch sử tư tưởng và nghệ thuật của nhân loại đã có rất nhiều ý kiến khác nhau về các vấn đề này. Có ý kiến của Aristote, có ý kiến của Kant, có ý kiến Hegel... và của rất nhiều người khác nữa – Ở những xã hội lấy kỷ luật làm nền tảng hay ở những xã hội lấy tự do cá nhân làm nền tảng. Bất cứ ai am hiểu lịch sử nghệ thuật thế giới đều có thể thấy rằng, đã từng có một thời, giá trị nghệ thuật là sự hoàn thiện theo những qui luật giao ước: (chủ nghĩa cổ điển hay tân cổ điển – nghệ thuật kinh viện phương Tây nói chung) và, ở thời hiện đại, là cái mới, là sự độc đáo mang dấu ấn cá nhân. Tuy nhiên, cho dù như thế nào, còn lại ở mỗi người – bất kể nghệ thuật thời nào – vẫn là ở góc độ chủ quan hoá, người ta có nhận thấy được trong đó một mảnh tâm hồn, một góc thân phận mình hay không? Còn ở góc độ khách quan hoá, có thể thấy trong đó những sự thật tâm hồn nhân loại, những sự thật trong một khoảnh khắc hiện hữu của con người hay không?

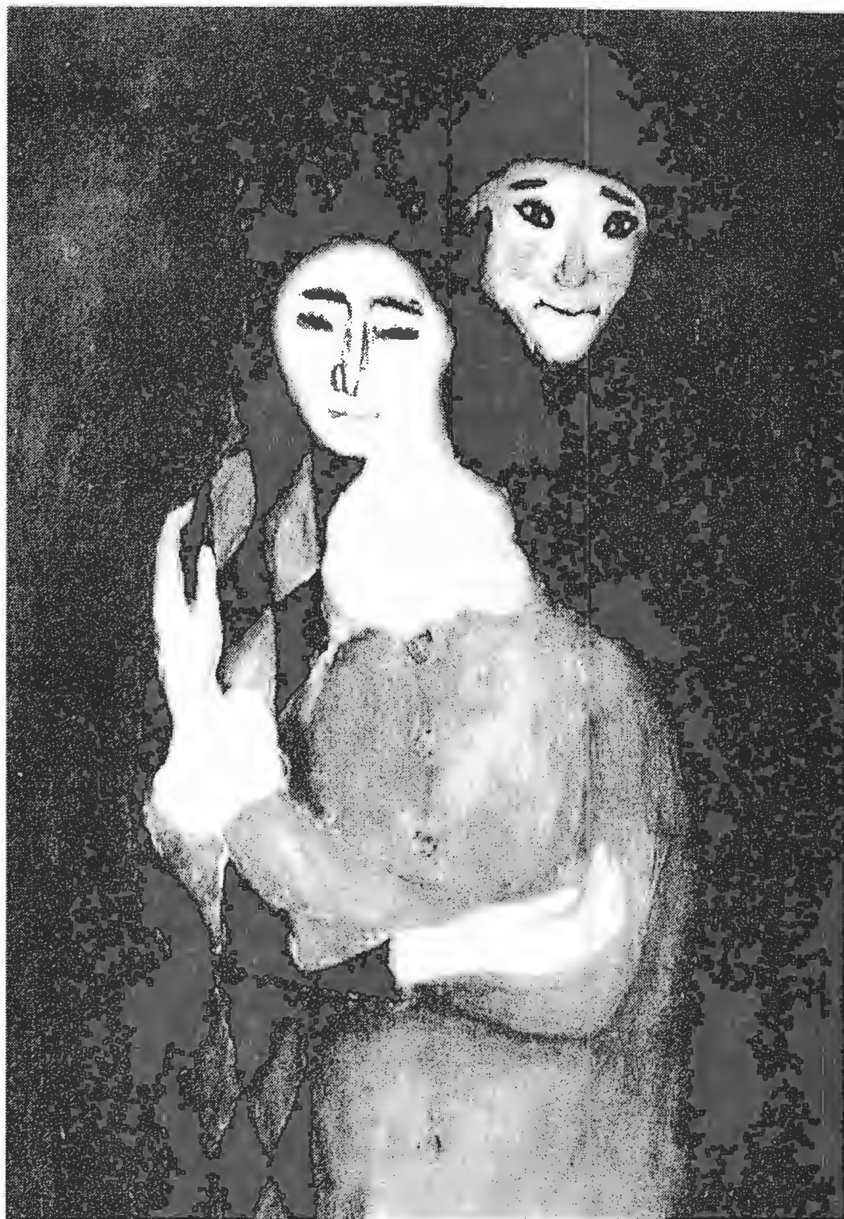


Rừng: *Mặt nạ*

Tất cả những điều vừa nêu, buộc lòng phải nâng cấp

độ nhận thức. Rằng, yếu tính của nghệ thuật, cái quyết định nghệ thuật là nghệ thuật, là gì?

Nhiều triết gia của thời hiện đại từ Nietzsche, Jean-Paul Sartre, Heidegger... và cả các nhà phân tâm học miền sâu như Jung v.v... đã



Thái Tuấn: *Kịch sĩ*

cất công tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi này. Họ đồng tình: Sáng tạo – nghệ thuật hay khoa học – không gì khác hơn là "sự giao lưu giữa tính nội tại và ước mơ của con người". Có thể diễn giải ý tưởng này một cách dung dị: "Nghệ thuật là tình ý sống tự nhiên của con người được cất thành lời"... "Phát hiện" đó là phát hiện sự thống nhất của chân - thiện - mỹ – căn cơ của nghệ thuật.

Không phải ngẫu nhiên mà đánh giá một nghệ sĩ, người ta đã căn cứ trên sự chân thành và nhạy cảm – sự nhạy cảm mang lại cái mới, sự độc đáo ở cả hai chiều: cái được biểu hiện và cái để biểu hiện.

Đến đây thì vấn đề rõ ràng đã trở về với gốc rễ – chỗ như nhau giữa người cảm thụ và người sáng tạo – là bản thể con người là chuyện nhân cách. Khi nghệ thuật là sự biểu xuất các khía cạnh bản thể con người, là sự thể hiện nhân cách (tất nhiên gắn liền với một bối cảnh, hoàn cảnh) nhưng không tạo nên được sự cảm thông, đồng cảm... thì điều đó đã phản ánh khá trọn vẹn sự đứt đoạn trong một nền văn hoá, một sự gián cách trong các ý thức khác nhau về hiện hữu...

Một bộ phận lớn trong nền mỹ thuật Việt Nam không được thông hiểu, thông cảm. Phải chăng bởi người thưởng ngoạn mỹ thuật Việt Nam không được tiếp cận sớm, nhiều, không được giáo dục về mỹ thuật đến nơi đến chốn? Đó chính là điều đáng ngờ. Cần suy nghĩ từ hiện tượng – có bao nhiêu là "thần đồng" nghệ thuật, sau khi được dạy dỗ, được chăm chút đào tạo, chẳng hiểu sao mất hút?!

Hãy nhìn lại nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại và thử nhìn nó trên nền văn hoá Việt Nam xuyên qua lịch sử thế kỷ 20. Những ông thầy người Pháp đã có công khai mở cho người Việt Nam một cái nhìn phân tích không gian trước mắt, đã gợi mở cho người Việt Nam sự nắm bắt các ấn tượng về thế giới, về cuộc sống. Sự "kỳ vĩ" của các hoạ sĩ Việt Nam thời trường Mỹ thuật Đông Dương là đã tiếp thu thành công một cách nhanh chóng cách nhìn và cách thể hiện này để biểu đạt chính mình – ở một cảm thức lãng mạn hay hiện thực. Công chúng nghệ thuật lúc ấy, đã đồng hành với người sáng tác. Không phải ngẫu nhiên mà chỉ sau một khoảng thời gian ngắn sau khi các hoạ sĩ Việt Nam có vài thành tựu, người Việt Nam đã có ngay một nhà sưu tập Minh Đức; và không chỉ duy nhất một nhà sưu tập Minh Đức.

Văn hoá xã hội phát triển theo cơ cấu kinh tế-chính trị. Thượng tầng kiến trúc được quyết định bởi hạ tầng với "cát bụi". Có một thực tế cần phải thẳng thắn thừa nhận, là trong rất nhiều chục năm qua, cái hạ tầng cơ sở Việt Nam tiến triển rất chậm chạp. Trong khi đó, bao nhiêu lượng thông tin – chính thức hay không chính thức – tràn về, được những người có học, trong đó có giới nghệ sĩ, tiếp thu. Có những



người, qua đó mà biết rõ chính mình, nung nấu mình cắm chặt vào gốc rễ cộng đồng, nhưng cũng có không ít người, bỗng dưng cảm thấy cô đơn giữa cộng đồng, và một cách tự nhiên, tách mình thoát ly vào một cuộc phiêu lưu vô định.

Một số lớn các hoạ sĩ Việt Nam đã không ngừng dấn thân thể nghiệm trong các khuynh hướng, các trường phái... được cho là hiện đại nhất – với những mối bận tâm ngày càng thu lại trong cái tôi cách biệt. Khoảng cách ngày càng xa... Không hiểu họ hấp thụ năng lượng ở đâu để nuôi dưỡng cảm hứng sáng tạo, nuôi dưỡng nghệ thuật của mình?

Nghệ thuật biểu hiện tình ý sống tự nhiên của con người. Sự hồn nhiên trong nghệ thuật với niềm vui, nỗi buồn, khổ đau và hạnh phúc chân thật mang lại cái mới và sự hoà đồng – Người sáng tạo và người cảm thụ gần nhau. Những định kiến chi phối nghệ thuật chỉ làm cho mỗi người trở nên "cận thị", "viễn thị", hay "loạn thị"... Bởi vậy, sự nhìn, sự thấy sẽ khác nhau xa vời.

Học để xem tranh, ở một khía cạnh nào đó, cũng như học để vẽ tranh – học nhen nhóm lại những ngọn lửa hồn nhiên trong chính tâm hồn mình.

NGUYÊN HƯNG



THẾ DŨNG

Phỏng vấn & trò chuyện cùng nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, nhà thơ Phạm Tiến Duật và nhà văn Y Ban



1- Tất cả chúng ta vẫn còn đang đi trên đường (Với Nhà Văn Nguyễn Huy Thiệp)

- Kể từ khi gặp và quen biết anh tới nay đã hơn 15 năm. Hình như nước Đức đã đón các anh trong những cơn mưa tầm tã. Nhiều độc giả Đức đã đọc Vàng Lửa và Không có Vua .Vậy xin hỏi thật trong những ngày qua, ở đâu đó trên nước Đức, anh đã gặp được Mẹ Cả, gặp được Con gái Thủy Thần của anh chưa ?

- Ồ, tôi và anh như thế là đã gặp nhau cách đây 15 năm rồi nhỉ. Quả là thời gian đi rất là nhanh. Đúng ra thì tôi phải có mặt ở trên đất Đức khoảng độ mười năm trước, như thế nó mới hợp lý. Tôi nghĩ rằng số phận của dân tộc, của đất nước Việt Nam so với những dân tộc và những đất nước khác thì bao giờ cũng bị lỡ trớn một cơ hội khoảng chừng từ 100 cho đến 200 năm. Còn đời riêng của mỗi cá nhân con người Việt Nam so với đời con người ở các nước khác, các dân tộc khác thì bao giờ cũng bị lỡ trớn khoảng độ từ 10 cho đến 30 năm. Tôi

là một nhà văn xuất hiện cách đây hơn mười năm khi mà phong trào đổi mới bắt đầu có ở Việt Nam. Và đúng ra trong thời kỳ mà tôi và anh gặp nhau từ 15 năm trước thì cũng là thời điểm tôi đến Đức rồi thì mới phải. Còn những câu chuyện tôi viết vừa rồi anh có kể ra như là những hình ảnh mơ ước ở trong những trang viết của tôi thì tôi vẫn đang đi tìm đấy...

- Tôi phát hiện ra nỗi ám ảnh lớn trong nhiều trang viết của anh về một Biển cả chưa tới được, về mẹ Cả, về Con gái Thủy thần, về một Nữ tính nguyên thủy thường xuyên bị tha hóa, bị làm nhục. Tôi nghĩ sẽ đến lúc Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp sẽ trở thành nhà thơ. Gần đây, đọc Con Gái Thủy Thần 3, đọc truyện anh viết về Tú Xương, gần đây nhất đọc Đưa Sáo Sang Sông của anh tôi thấy linh cảm của mình rất có lý. Anh nghĩ sao về linh cảm của tôi ?

- Những chuyện tôi viết gần đây so với những câu chuyện tôi viết cách đây khoảng mười năm thì thâm tâm tôi thực sự cảm thấy có một cái gì đó như là thiếu sức sống, nhợt nhạt đi hơn rất là nhiều. Và tôi vẫn cứ viết truyện ngắn đấy. Tôi vẫn viết một số truyện ngắn

Nhưng mà phần lớn thì tôi viết như một người giữ nhịp cầm canh thôi. Chứ còn thể loại tôi tập trung nhiều hơn: đấy là những vở kịch. Trong khoảng thời gian vài ba năm gần đây tôi viết nhiều những vở kịch. Và tôi hy vọng tới một lúc nào đấy tôi sẽ công bố được những vở kịch của tôi.

- Tôi đoan chắc trong ảo tượng Mẹ Cả, Con Gái Thủy Thần, và một Biển cả chưa tới được của anh có tàng chứa một ẩn số Triết học và Mỹ học rất riêng.

Anh có thể tiết lộ một chút về tâm niệm này của tôi không ?

- Chúng ta luôn luôn ảo tưởng và lúc nào chúng ta cũng ảo tưởng. Cuộc sống chứa ẩn hiện thực và cả ảo tưởng nữa. Con người nếu thiếu ảo tưởng thì cũng rất khó sống. Những câu chuyện tôi viết ra chứa ẩn rất nhiều ảo tưởng, rất nhiều mơ ước. Nhưng mà cũng có nhiều những yếu tố hiện thực ở trong đấy. Trong quá trình của cuộc đời người cầm bút viết văn, tôi cố gắng làm thế nào đó biến một số ảo tưởng, một số mơ ước hoặc một phần nào đó của những ảo tưởng, mơ ước ấy trở thành hiện thực. Hình như nhiệm vụ của người nghệ sĩ nói chung là phải biết kích động, biết làm cho con người ta mơ ước, có những mơ ước lớn. Và cố gắng làm sao đấy biến được những ước mơ

đó, dĩ nhiên không phải là làm được tất cả; thế nhưng cũng phải cố gắng biến được những ước mơ ấy trở thành hiện thực. Chứ không để cho nó lâm vào tình trạng chỉ là những ảo tưởng hão huyền.

- Anh đã trở thành một tên tuổi quan trọng của nền văn học Việt Nam hiện đại. Lúc thì làm thày giáo, khi thì vừa làm văn nhân vừa làm doanh nhân. Khi sống như ẩn nhân lúc thì sống như kỳ nhân bị bảo quản quá kỹ lưỡng. Xem ra danh phận văn chương của anh cũng truân chuyên chả kém Thúy Kiều. Hình như đời sống ông thày giáo lịch sử cũng có rất nhiều ảnh hưởng sâu sắc tới những tuyệt tác trong văn nghiệp của anh như Vàng Lửa , Kiếm Sắc, Phẩm Tiết ...v..v?

- Những câu chuyện lịch sử thì cũng là những câu chuyện lịch sử thôi. Cuộc đời của tôi cũng đã trải qua rất nhiều chặng đường khác nhau. Từ một anh giáo viên trở thành một người kinh doanh. Rồi trở thành một người làm nhiều nghề: làm gốm, vẽ tranh. Rồi làm đủ thứ. Và tôi cố gắng tự làm phong phú cho cuộc sống của mình. Một phần cũng là do đời sống trong xã hội Việt Nam. Chính bản thân anh cũng đã từng trải qua thì anh biết rõ rằng nhiều khi cũng phải tìm nhiều cái..., cái cách thức khác nhau để có thể đảm bảo được một cuộc sống cho mình. Nhất là cuộc sống đấy có tự do nữa thì lại còn rất khó. Nó đòi hỏi rất nhiều các phương tiện khác nhau, kể cả vật chất, kể cả tinh thần và kể cả tình cảm nữa. Nghệ sĩ là người luôn luôn mong muốn những cuộc sống phiêu lưu và tự do. Tôi cũng là một người đã từng có nhiều phiêu lưu và tự do. Nhưng đấy là câu chuyện của ngày hôm qua. Xa xưa rồi. Bây giờ tôi cũng đã là người có tuổi rồi. Tôi đã bắt đầu thu dọn cho mình một cuộc sống khác, đòi hỏi sự an nhàn hơn. Nistch có nói rất đúng về ba cái giai đoạn phát triển của con người. Đó là cái giai đoạn từ Hài nhi trở thành Mãnh sư và rồi từ Mãnh sư lại trở thành Hài nhi. Có lẽ là bây giờ tôi đang ở cái giai đoạn sau rồi đấy (*cười*)

- Theo tôi ở Việt Nam, anh là một trong số những nhà văn hiếm có đã khởi viết một cách dữ dội sắc sảo bằng một sức nhìn Tâm Linh để giải phẫu những vùng khuất lấp, những miền quá vãng lừng danh trắc trở của đời sống tinh thần người Việt trong cả góc nhìn đương đại và lịch đại. Anh nghĩ gì về vai trò của Thế Giới Tâm linh và những lối nhìn Huyền học trong đời sống văn chương Việt nam trong những năm qua và trong những thập kỷ trước mặt ?

- Yêu tố Tâm linh là một yếu tố rất là cần thiết nhưng mà rất khó nói. Rất khó nói về nó. Tôi nghĩ là con người ta dù thế nào đi chăng

nữa thì bao giờ cái sức mạnh của Bản năng, rồi sức mạnh của tự nhiên vẫn là điều to lớn hơn cả. Nó ảnh hưởng đến quyết định cho số phận, cho đường đi nước bước của con người. Tôi không biết nói gì về những vấn đề của Tâm linh đâu. Nhưng bao giờ tôi cũng cố gắng trong cách ứng xử của mình, hay là trong cách viết văn hoặc trong tất cả mọi thứ; tức là tôi cố gắng bằng sự chân thực nhất, bằng con đường đơn giản nhất để đạt được cái mà mình muốn thực hiện. Bao giờ cũng vậy tôi muốn bằng những con đường ngắn nhất, trực tiếp nhất, đơn giản nhất để đến được với chân lý.

- Anh đã hai lần qua Mỹ. Và có lẽ đây là lần đầu tiên anh đến nước Đức thống nhất sau hơn mười năm bức tường Berlin đổ vào bảo tàng lịch sử. Những ngày qua anh gặp gỡ nhiều người và đã đi qua nhiều quang cảnh nước Đức. Trong anh đã xuất hiện cái lạc thú giang hồ sót lại mình tôi chưa ?

- Tôi đã đi nhiều nơi. Hai lần đi Mỹ. Lần này thì tôi đến Đức, cái cảm giác cô đơn trong tôi rất rõ. Kể cả hai lần đi Mỹ cũng vậy. Lần đến Đức này cũng vậy. Tôi vẫn nói đùa với các bạn tôi đến Mỹ hay đến Đức cũng thế. Rồi ở Việt Nam cũng vậy thôi. Tức là đều cảm thấy là làm người thì rất khổ. Nhưng mà làm người Việt Nam thì khổ hơn. Khổ hơn người Đức. Khổ hơn người Mỹ và khổ hơn nhiều người ở những dân tộc phát triển khác. Việt Nam là một nước nhược tiểu, một nước chậm phát triển. Mặc dầu tôi có là một nhà văn danh tiếng ở Việt Nam đi nữa thì tôi vẫn phải chịu cái số phận là nhà văn ở một đất nước nhược tiểu, ở một dân tộc chậm phát triển mà thôi.

- Anh Thiệp này! Chắc anh cũng mê tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung. Tôi thì tôi rất sướng khi ở trong nước bạn đọc được công khai đọc Chưởng Kim Dung và thưởng thức tác phẩm Kim Dung qua phim Chưởng Hồng Công. Tôi có hứng thú khi ví cây bút trong tay anh có lúc cũng giống như cây kiếm trong tay Lệnh Hồ Xung với độc cô cửu kiếm trong Tiếu Ngạo Giang Hồ. Nhưng nhớ đến chân dung của Nhạc Bất Quần thì tôi lại chẳng thích ví von như thế nữa. Nhưng thử hỏi tìm đâu ra một Trương Chân Nhân trong văn giới để có thể ví anh như chàng Trương Vô Kỵ trên văn trường ? Anh thích Lệnh Hồ Xung hay thích Trương Vô Kỵ ?

- (*Cười*) Kim Dung là một trong những nhà văn lớn. Tôi nghĩ thế. Và với cái phong độ lớn của ông ta thì nhiều ông cũng vấp phải những

sơ,sai lầm lặt vặt khác. Nhưng nhìn chung những điều đó nó không ảnh hưởng gì đến toàn bộ cái phong độ lớn lao của ông ta. Thế còn về những nhân vật của Kim Dung thì mỗi một nhân vật đều có cung cách riêng. Tôi là một người cũng khâm phục Kim Dung nhưng mà tôi không sống như nhưng nhân vật trong tiểu thuyết của ông ta đâu !

- Lần này chuyến văn du của anh thật là tốc hành và được giữ bí mật một cách đáng ngạc nhiên. Lần trước, ngày 13 tháng 05.99 tôi và Lê Trọng Phương cùng với các bạn văn khác ở Đức đã đợi anh hụt ở Berlin. Lần này ngọn gió lành nào hay nói khác đi tổ chức nào đã đưa anh tới Nước Đức một cách cẩn trọng làm vậy ?

- Tôi phải rất cảm ơn Hội hữu nghị Đức Việt và cảm ơn ông Chủ tịch của Hội. Ông ta đã cố gắng một cách rất nỗ lực để có được chuyến đi này của đoàn chúng tôi. Riêng đối với cá nhân tôi thì gần như ông ta đã có một sự chú ý, một sự chăm sóc đặc biệt. Đó là điều rất may mắn cho tôi. Tôi cảm thấy mối quan tâm của Hội Hữu nghị Đức Việt và của ông Chủ tịch Hội là một mối quan tâm rất tuyệt vời. Và tôi nghĩ, sở dĩ chúng tôi đạt được những thành công trong chuyến đi này cũng là nhờ ở sự giúp đỡ rất to lớn của Hội hữu nghị Đức Việt và cá nhân ông Chủ tịch.

- *Tôi ao ước giữa Thanh Thiên bạch nhật*
Cuộc thoát y thành thật của Hồn người

Cho đến giờ phút này anh có cho rằng ao ước ấy của tôi là một chuyện hão huyền ?

- Thế Dũng vốn là một nhà thơ. Tôi vẫn biết nhà thơ thì rất là mơ mộng. Mơ mộng là điều rất cần thiết nhưng mà cuộc sống hiện thực cũng cần thiết không kém. Ta cố gắng làm sao đấy để đừng có mơ mộng hão huyền quá. Đồng thời cũng đừng thực dụng quá cho một cuộc sống quá vật chất mà đánh mất đi những mơ ước của mình. Tôi không biết nói thế nào; nhưng thành thực tôi mong Thế Dũng cũng như những người Việt Nam khác ở Đức và ở khắp nơi trên thế giới sẽ có một cuộc sống may mắn, đạt được những mơ ước của mình. Dĩ nhiên không phải là tất cả. Nhưng ít ra là biến được một phần những mơ ước đó trở thành hiện thực cho chính cuộc đời của mình. Cho chính số phận của mình.

- Có lúc nhớ tới anh tôi đã viết : Không có vua- thú thật, Tôi

đành làm vua tôi ! Cảm ơn anh ! Cầu chúc anh gặp được Mẹ Cả và Con gái Thủy thần...Tất cả chúng ta vẫn còn đang đi trên đường phải hông anh ?

- Vâng ! Cảm ơn Anh Thế Dũng, cám ơn tất cả các bạn

- Cảm ơn Nhà Văn Nguyễn Huy Thiệp !



II- Tôi cũng đang mơ ước những con đường cao tốc cho các con chữ của mình (Với Nhà Thơ Phạm Tiến Duật)

- Có lẽ đã hơn hai mươi lăm năm nay anh không phải ngồi trên những chiếc xe không có kính chắn gió nữa. Nhưng vừa rồi, tôi có đọc ba bài thơ mới nhất của anh : Tôi mơ ước một con đường cao tốc, Gửi các em bé ở sân bay Tà Cơn, và bài Đường dài. Phải chăng dải núi Trường Sơn và những người Việt Nam trên những con đường rừng ấy là một ám ảnh khôn nguôi trong văn nghiệp của anh ?

- Hoàn toàn đúng. Có lẽ không chỉ là vì những năm chiến tranh mà vốn quê tôi là một vùng rừng núi ở Phú thọ. Tôi có câu thơ : từ cây lại trở về cây từ rừng lại trở về đây gặp rừng. Có lẽ cái số tôi luôn luôn gắn bó với rừng núi. Đến nỗi, có lúc tôi tả phố ở Hà Nội, loanh quanh thế nào lại quay ra tả rừng, tả núi. Cho nên việc viết về Trường Sơn, nghĩ về Trường Sơn và chặng đường chiến tranh của tôi quả là một ám ảnh không thể dứt được.

3-Anh đã qua Nga qua Mỹ, qua Đan quốc. Và có lẽ đây là lần đầu tiên anh tới Đức. Nước Đức có nhiều điều thích thú với anh so với các xứ kia không?

- Tôi đã đến nhiều nơi. Tôi còn là thành viên của viên của cái nhóm công tác của ASEAN, trong tổ chức văn hóa của ASEAN. Tôi đã qua Mỹ. Vùng Âu châu thì tôi đã qua Đan Mạch. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi đến nước Đức thật. Tôi thấy, nước Đức là một nước mà tôi rất kính trọng. Bởi vì nước Đức là xứ sở của một nền Văn hóa rất lớn. một nền Triết học lớn, một nền văn hóa lớn bởi những nhạc sĩ lớn, những nhà văn, nhà thơ lớn mà tôi vô cùng quý trọng. Và khi tới đây tôi tự cảm thấy tâm hồn tôi được nâng lên bởi các vĩ nhân của nước Đức.

Đấy là một cái. Cái thứ hai tôi thấy rõ là nước Đức cũng rất khác với những xứ khác chứ không giống đâu. Đó hình như là một nếp sống công nghiệp có tự lâu rồi. Nó tạo nên một cái nhịp sống rất là công nghiệp. Đúng giờ,đúng giấc và rất là có kỷ luật. Mà hình cái yếu tố kỷ luật, đúng thời gian này thì hiện nay con người Việt Nam, đất nước Việt Nam đang rất cần.Tôi nghĩ rằng người Việt nam chúng ta hiện nay mà có được cái nhịp sống công nghiệp có kỷ luật, đúng thời gian như thế thì rất là quý. Và thấy rõ ràng là khi đến Đan Mạch, một nước không xa đây, gần ngay biên giới nước Đức thì nước Đan Mạch lại là một nước rất là yên bình, rất là tĩnh. Tốc độ rất là chậm. Có thể vì kinh tế họ đẩy ra ngoài nước rồi. Nhưng mà tôi thấy nước Đức có một độ nhộn nhịp cao hơn. Như thế cũng khác Mỹ. Vì nước Đức chật còn nước Mỹ rộng. Tại Mỹ thì trong bảy mẫu đất Mỹ người Mỹ mới chỉ sử dụng hết một mẫu thôi. Rõ ràng đất Mỹ rộng hơn đất Đức.Và tôi thấy người Đức cũng phải đối phó với những khó khăn mà các nước kia không có.

- Tôi sống ở Berlin đã hơn mười năm nay, vẫn thường xuyên đọc các nhà thơ nhà văn ở trong, ở ngoài nước. Chắc anh vẫn tâm đắc với câu Kinh Phật trong bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm: Khi ngươi mở mắt ra là khi ngươi nhìn vào thiên hạ. Khi ngươi nhắm mắt lại là ngươi nhìn vào chính bản thân ngươi vậy. *? Hiện nay trong cương vị Phó chủ tịch thường trực Hội đồng Thơ của Hội Nhà Văn Việt Nam anh cho rằng Tiơ Việt Nam hôm nay đang ở trong trạng huống mở mắt ra hay đang ở trong trạng huống nhắm mắt lại ?*

- Đây là câu hỏi rất là hay. Tôi nghĩ rằng cái việc hướng nội hay hướng ngoại trong thơ mà sử dụng câu kinh Phật để tự hỏi làm thơ trong trạng thái mở mắt hay làm thơ trong trạng thái nhắm mắt ấy thì tôi nghĩ rằng, trước đây thì cái tỷ lệ làm thở bằng sự mở mắt nhiều hơn còn bây giờ thì cái tỷ lệ làm thơ bằng trạng thái nhắm mắt đã tăng lên. Đó là một điều đáng kể. Hay nói khác đi, như một lần tôi đã nói trên một tờ báo ở Mỹ. Đại ý là: trong thời chiến thì Thơ giống như năm ngón tay phải nắm lại thành nắm đấm. Còn trong thời bình thì nắm ngón tay Thơ ấy phải được xòe ra. Suy cho cùng ra thì làm thơ bằng sự mở mắt là cần, làm thơ bằng sự nhắm mắt cũng cần. Mà một nền thơ lớn là một nền thơ được tiến hành bởi cả hai đIều đó.

- Vừa qua tôi đã quan sát một số diễn biến của công tác Đối ngoại của Hội nhà văn Việt nam. Có thể nói với một nội lực tự có cộng

với những cho phép rất thận trọng của chế độ, văn học Việt nam đương đại đã hội nhập vào những cuộc giao lưu với các vùng văn học khác nhau trên thế giới. Trong cương vị Phó ban Đối ngoại của Hội Nhà văn Việt nam, anh đánh giá thế nào tình trạng giao lưu đó ? Đến bao giờ thì Tạp Chí Văn Chương Việt Nam bằng Tiếng nước ngoài có được các ấn bản bằng Đức ngữ ?

- Rất cảm ơn câu hỏi này. Hiện nay công tác đối ngoại của Hội Nhà Văn Việt Nam là sự tiếp tục sự giao lưu giữa Văn học Việt Nam và thế giới. Có thể nói không phải cho đến bây giờ các nhà văn Việt Nam mới quan tâm đến việc giao lưu. Mà từ rất xa xưa, người Việt Nam đã có giao lưu, đã dịch văn học nước ngoài. Như chẳng hạn, Phaoste của Gớt đã được người Việt Nam dịch ngay từ những năm 1940. Và hầu như người Việt Nam chúng ta không có mấy ai lại không thuộc một vài bài thơ Đức hoặc những tác giả lớn của Đức. Cho nên đối ngoại là việc cần thiết. Hiện nay Hội Nhà Văn Việt Nam đã có quan hệ với rất nhiều nước khác nhau. Ví dụ với Trung Quốc là có trao đổi hàng năm. Với Mỹ cũng có trao đổi hàng năm. Một năm thì có một đoàn nhà văn Mỹ sang thăm Việt Nam và có hai đoàn nhà văn Việt Nam sang thăm Mỹ. Và như thế chúng tôi đã tiến hành được nhiều cuộc hội thảo khác nhau. Về vấn đề bản quyền tác giả thì năm ngoái đã tiến hành được một cuộc. Năm nay sẽ tiến hành cuộc thứ hai là trao đổi bản quyền đối với phía Mỹ. Và sẽ tiến hành hội thảo ở Hà Nội. Và với Thụy Điển thì còn nâng cao lên một mức là cử các nhà văn sang viết về nhau.

Mỗi năm các nhà văn Thụy Điển sang Việt Nam ba tháng viết về Việt Nam và các nhà văn Việt Nam sang Thụy Điển ba tháng để sáng tác về Thụy Điển. Cũng như vậy chúng tôi đã tổ chức được các cầu nối khác nhau với nhiều vùng đất. Nhưng riêng có một vùng tương đối trống. Đó là vùng Liên xô cũ và Đông Âu cũ. Đó là vùng mà hầu như chúng tôi chưa nối lại được. Có lẽ khó khăn nhất đối với vấn đề này là vấn đề tài chính chăng. Và còn với Đức thì đã lâu lắm rồi chúng tôi mới có một đoàn nhà văn sang. Chứng tỏ rằng, phía Việt Nam chúng tôi rất muốn rằng là bên cạnh , như hoặc giống như chủ trương chung là Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước thì về văn học cũng vậy. Hội nhà văn Việt Nam rất muốn làm bạn với văn học Đức, muốn làm bạn với các tổ chức văn học của Đức. Tôi xin nói thêm một câu nữa là hiện nay Hội Nhà Văn Việt Nam đang nghiên cứu và có lẽ trong một thời gian không xa sẽ ra nhập tổ chức P.E.N CLUB có nghĩa là Tổ chức Văn Bút Quốc Tế. Như thế chúng tôi sẽ có điều kiện hơn để nối cầu với nước ngoài. Còn một câu tôi chưa trả lời ấy là Tạp chí Văn

Chương Việt Nam bằng tiếng nước ngoài bao giờ sẽ ra được bằng Đức ngữ. Hiện nay trong tay tôi đã có cái số ra đầu năm 2000 bằng tiếng Anh. Chỉ vì vấn đề tài chính mà chúng tôi chưa thể cho ra bằng nhiều ngữ. Tôi mong rằng Tạp chí này trong tương lai, (nếu càng gần thì càng tốt) phải có một bản bằng tiếng Anh (đã có rồi), một bản tiếng Pháp, một bản tiếng Đức và một tiếng Tây Ban Nha thì rất là quý. Đó là lòng mong muốn. Còn mong muốn này có đạt được không thì tôi chưa trả lời được.

- Sở dĩ tôi có câu hỏi đó vì tôi nghĩ là ở Đức sẽ có rất nhiều cộng tác viên tốt cho Tạp chí này khi nó cần xuất hiện trong ấn bản bằng Đức ngữ. Trong đời sống văn chương tất nhiên cũng có những cuộc giao lưu thuần túy mang tính chất giao tế hành chính như là một sự trang sức cho một chính sách ngoại giao nhân dịp. Hiện nay, ở trong nước người ta có thể theo dõi, đọc và suy nghĩ về các nhà văn Việt Nam hải ngoại như thế nào ? Anh có nghĩ đó cũng là việc rất quan trọng trong công tác đối ngoại của Hội Nhà văn Việt Nam hay không?

- Rất là cần thiết và rất là quan trọng. Hiện nay chúng ta đang ở năm cuối cùng của thế kỷ 20. Bất kỳ một nước nào cũng phải làm công việc tổng kết văn học một thế kỷ đã qua. Trong đó có vấn đề cái văn học hải ngoại. Do vậy vừa rồi có một số tác giả ở nước ngoài, thậm chí ở Mỹ cũng được in ở trong nước. Chắc là các anh ở bên này cũng theo dõi được. Và ngay từ xa xưa, lâu rồi, như là hàng hơn hai mươi năm trước cũngđã có tác giả Việt kiều ở Pháp như là anh Nguyễn Hồi Thủ chẳng hạn, cũng đã có tác phẩm in ở trong nước. Nhưng thực ra, vấn đề này theo tôi thì được quan tâm chưa đầy đủ. Cần phải hiểu và chia người Việt ở hải ngoại gồm có mấy khối người. Khối thứ nhất là khối người đi từ rất lâu. Do lịch sử xa xưa. Từ trước năm 1945 đi, đã ở nước ngoài. Thậm chí là đến hai ba thế hệ rồi. Cái loại thứ hai, rất đông, là trường hợp năm 1975 và sau 1975 mà chủ yếu là người miền Nam. Và khối thứ ba là những người từ Hà Nội đi học tập, đi lao động, đi công tác, sau đó vì cớ này hay cớ kia mà ở lại sống và làm việc rất lâu hoặc định cư ở nước ngoài. Thì chúng tôi quan tâm chưa đầy đủ hay là không đủ lực lượng để mà quan tâm. Mà trong đó có rất nhiều tài năng. Tài năng là đáng quý. Và do thế, tôi nghĩ rằng, thời gian tới Hội nhà văn sẽ quan tâm nhiều hơn đến lực lượng sáng tác ở hải ngoại.

- Nhà văn Đức Gunter Grass vừa nhận giải Nobel tháng 12.99.

Trên tuần Báo Văn nghệ vừa qua đã có bản dịch một vài chương (trong cuốn Thế Kỷ Của Tôi của Gunter Grass) từ tiếng Tây Ban Nha của Nguyễn Trung Đức.

- Vâng !

- Theo tôi đó là một cử chỉ đối ngoại rất kịp thời. Nhưng còn việc giới thiệu các tác giả trẻ, các tác phẩm văn chương mới nhất của nước Đức, anh nghĩ thế nào ?

- Điều này rất là khó. Tôi nghĩ rằng cuộc phỏng vấn này sẽ rất bổ ích ở chỗ là làm sao có một cầu nối để chúng tôi có thể nắm được tình hình văn học trẻ của Đức. Mà thật sự ra là vì nhiều cớ khác nhau mà chúng tôi không nắm rõ. May mắn là hiện nay ở Hà Nội đã tồn tại một Viện Gớt từ hai năm nay.

Các anh các chị ở Viện này đã bát đầu vào việc. Tôi hy vọng trong tương lai các hoạt động của viện này thông qua lực lượng người Việt Nam ở Đức thì các tác giả trẻ của Đức sẽ được giới thiệu nhiều hơn ở Việt Nam. Tôi rất mong muốn như thế. Vì nếu như muốn hiểu một nền văn học nào đó, một dân tộc nào đó thì phải hiểu được giới trẻ. Không nắm được giới trẻ thì sự hiểu biết kia sẽ rất không đầy đủ.

- Gần đây tôi có đọc Trường ca Tiếng Bom Và Tiếng Chuông Chùa *của anh. Thiết nghĩ, trong khi cảm thấu và gói ghém sự tương phản bi tráng của hai vang động này vào thi phẩm, chắc chắn anh sẽ có những đánh giá hoặc chí ít anh cũng có những linh cảm về vai trò của Phật học trong đời sống Tâm linh của người Việt ? Nếu tôi không lầm thì cách đây hơn hai mươi năm khi gặp anh ở căn nhà riêng tại phố Yên Thế Hà nội tôi đã thấy anh khoe là đang đọc nhiều Kinh Phật*t?

- Rất đúng. Rất đúng. Tôi không chỉ đọc Kinh Phật. Tôi còn đọc Kinh Thánh. Tôi còn đọc một phần của Kinh Coran. Nói chung là tôi rất thích thần học. Tuy nhiên tôi là người châu Á thì những gì thuộc về phương Đông buộc tôi phải hiểu kỹ hơn những vùng khác. Cho nên tôi nghiên cứu Kinh Phật từ rất lâu rồi. Chứ không phải bây giờ. Kinh Phật khác Kinh Thánh ở chỗ Phật nói như sau: Phật không bao giờ viết Kinh, Phật chỉ viết một nửa của Kinh thôi. Tức là không có một bộ Kinh nào đầy đủ cả, người đọc phải viết nốt nửa thứ hai, nửa kia. Đó là về Phật. Cho nên Kinh Phật không chỉ có một bộ mà có rất nhiều bộ. Nhà thơ có thể soi mặt vào trong Kinh Phật ấy và không những chỉ thấy gương mặt mình mà còn làm cho dạ mình sáng lên .

Điều bổ ích không phải là làm cho văn mình dồi dào mà trước hết làm cho tâm hồn mình dồi dào. Khi Tâm hồn mình dồi dào thì có lẽ văn mình sẽ dồi dào. Do đó mà tôi đọc Phật.

- Theo tôi anh là một trong số ít những nhà thơ thông tấn tài hoa của văn chương Việt Nam hiện đại . Hình như do có bản mệnh phùng thời đắc thế cho nên anh là kẻ đồng hành truân chuyên không mệt mỏi với bất cứ thứ thời tiết nào của thế sự. Những bài như Tiểu Đội Xe Không Kính, Lửa Đèn, Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây, Vòng Trắng... xứng đáng được khắc lên những vách núi của đường rừng Trường Sơn. Đó là những thi phẩm của một thời trận mạc. Giờ đây anh đã có thể chuẩn bị xuất bản một thi tập của thời mở cửa, chưa ?

- Rất cám ơn, có lẽ vào cuối năm 2000 này thì tôi sẽ in một tập thơ có tên là *Nhóm Lửa* (những vần thơ không khói súng). Tuyển thơ này gồm những bài thơ tôi viết trong vòng 15 năm gần đây mà tôi chưa từng đưa vào bất kỳ một tập thơ nào. Và tôi muốn để cho mọi người thấy, nó sẽ hiện hình rất rõ đời sống của người Việt Nam ta trong những năm tháng vừa rồi. Ngoài ra tôi muốn nói thêm là vừa rồi tôi cũng đang làm một cái tiểu thuyết. Tôi nghĩ, có lẽ cuối năm nay thì xong. Cũng muốn để cho bạn đọc tò mò ngay từ bây giờ. Tôi sẽ công bố tiểu thuyết đầu tay của tôi vào cuối năm. Tiểu thuyết có tên là *Nước và Lửa.*

- Lịch sử thế kỷ Hai mươi là lịch sử đường rừng
Thế kỷ mới chính là đường cao tốc
Nhưng kìa lũy tre và tiếng người tôi yêu đang nhắc
Vẫn cần những con đường nho nhỏ đến nhà nhau.

Tôi rất thích cái tinh thần nghị luận thông tấn rất trữ tình trong những câu thơ trên của anh. Rồi anh sẽ lại đi trên những con đường cao tốc khác nhau trên mặt đất của thế kỷ mới. Tôi nghĩ các nhà văn Việt Nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài cần phải để cho Trí Tuệ và Tâm Hồn mình thường xuyên hành trình trên những con đường cao tốc của Tư Tưởng và Tâm Linh thế kỷ 21.

Đừng khép cửa Cô đơn dâng thành quách
Uổng công què để gỡ bãi mìn xưa !

Có lúc nhớ Trường Sơn, tôi đã gào lên như vậy trong thơ. Có phải thế không hả nhà thơ - kiêm phó Ban Đối Ngoại của Hội Nhà văn Việt Nam ?

- Hoàn toàn tuyệt diệu. Tôi nghĩ rằng những câu vừa rồi không

chỉ là một câu hỏi mà còn là tiếng vọng của chính tâm hồn tôi.

- Chuyến Đức du của các anh còn kéo dài bao lâu nữa ?

- Chúng tôi làm việc với Hội hữu nghị Đức Việt và Viện Gớt của Đức cho đến hết ngày 27.03.2000

Theo lịch bình thường hết ngày 28 thì chúng tôi kết thúc công việc với phía đối tác mời chúng tôi.



III- Cứ thấy sự bắt chước văn người khác là tôi dị ứng một cách khủng khiếp (Với Nhà Văn Y Ban)

Thế Dũng: - *Chị đã Tốt nghiệp Trường Đại Học Viết văn Nguyễn Du sau khi Tốt nghiệp Sinh Học ở Đại học Tổng hợp và giảng dạy ở Đại Học Y KhoaThái Bình. Như thế An Ton Tsekhop chắc sẽ là một trong những tấm gương về bút pháp truyện ngắn của chị ?*

Y Ban: -Tất nhiên Tsekhop cũng là một trong những thần tượng của tôi.

- Thế Còn Ivan Bunin chị có thích không ?

- Chắc là anh biết một thời gian dài trong chiến tranh. Các tác phẩm Nga được dịch ở Việt Nam rất nhiều. Cả cái thủa đó, từ lúc tuổi thơ tôi đã rất yêu thích văn học và những tác phẩm văn học của Liên Xô thì tôi được đọc khá nhiều.

- Sau khi đoạt Giải thưởng cao của Tạp Chí Văn Nghệ Quân Đội và Nhà Xuất Bản Hà Nội, chị thấy nội lực sáng tác của chị có khác trước nhiều không? Chị thấy vai trò của các Giải thưởng Văn học đối với sự phát triển đời sống sáng tác của chị ra sao ?

- Thứ nhất, khi mà người ta được giải thưởng thì nó như là được một sự may mắn. Như các cô hoa hậu bây giờ, các cô ấy đổ xô vào thi hoa hậu để có được một sự may mắn. Nhưng sau đó bị một sức ép rất

là nặng. Thứ nhất, tất cả những người được Giải thưởng cao thường sau đó là không viết được gì. Nhất là ở Tạp Chí Văn Nghệ Quân Đội. Cái sức ép thứ hai, đòi hỏi của bạn đọc cao hơn. Viết thế nào đây, liệu có bằng được cái cũ hoặc là cái mới sẽ được xem như thế nào. Tất cả các sức ép đó làm cho tôi phải nghỉ đến một năm, tôi không viết nữa. Nhưng về sau , tôi nghĩ rằng, phàm là nhà văn thì phải viết.Sau đó tôi cứ viết và không quan tâm đến cái giải thưởng nào nữa. Tôi nghĩ là nhà văn phải viết và cố gắng viết. Cho nên tôi viết rất nhiều. Và mọi người có phần nói rằng là tôi viết dễ dãi.

- Vâng, Cảm ơn chị! Những kinh nghiệm riêng của chị thật là thú vị cho nhiều người viết trẻ. Có một lần nào đó tôi đã từng nghe nhà văn Garcia Market nói rất thấm thía về ý nghĩa và tác động của các Giải thưởng Văn chương đối với những người viết. Thưa chị Y ban, tôI thì tôI thấy rất vui khi mà biết chị là người thường xuyên và chị có một sự chủ tâm thường xuyên viết về số phận phụ nữ. Điều đó có một lợi ích rất lớn cho người đọc là khi các nhà văn đàn ông viết về phụ nữ thì chắc chắn không thể hay bằng chính những người phụ nữ tự viết về cuộc đời của họ. Vậy nhà văn nữ nào đã từng là kẻ quyến rũ chị nhất?

- Có ba nhà văn nữ rất rất quyến rũ tôi. Nhưng tôi chỉ nhớ tên chị em nhà văn Schlott Bronti đã viết Jane Eyre va Đồi Gió Hú. Và thứ hai là bà nhà văn viết Cuốn Theo Chiều Gió. Nghĩa là nhiều việc quá đến nỗi tôi không còn nhớ được cả tên của người ta. Và một bà nhà văn Úc viết cuốn Tiếng Chim Hót Trong Bụi Mận Gai. Tôi rất yêu mến ba nhà văn đó.

- Chị đã ra nước ngoài nhiều lần chưa và nước Đức đã có thể gợi hưng sáng tác cho chị trong những ngày vừa qua không?

- Lần đầu tiên tôi được ra nước ngoài và tôi được đến nước Đức. Với nước Đức, vì thời gian tôi ở đây quá ngắn để cho tôi có thể sáng tác được về nó. Nhưng tất nhiên tôi đang là phóng viên báo Giáo Dục Và Thời Đại cho nên việc viết một bài báo thì có thể. Hôm nay chúng tôI đã đến một trang trại nuôi bò và có rất nhiều vấn đề lý thú. Và chắc là tôi sẽ viết báo. Còn về văn chương, rất khó. Bởi vì đối với tôi: không ngợp trước tất cả những gì mới lạ hoặc những gì mình vừa nhìn thấy. Mà tất cả nó phải từ từ ngấm vào máu tôi, sẽ đến lúc nào đó nó bật ra thành ý nghĩ. Tôi chỉ đặt bút và các dòng chữ sẽ hiện lên trên trang giấy.

- Thưa chị ! Câu hỏi này có vẻ hơi lạc đề nhưng mong chị vui lòng cho biết là chị có thích xem Tử Vi không và đã có lần nào chị chứng kiến một cuộc lên đồng mầu nhiệm chưa ?

- Tử vi thì tôi rất hay xem. Và nói chung là tôi tôi rất tin Tử Vi. Tại vì hình như cuộc đời tôi nó đã diễn ra rất đúng theo lá số Tử vi cho nên tôi rất thích xem Tử vi. Nhưng còn lên đồng thì tôi chưa được xem lần nào. Nhưng mà có một lần trong mơ ... tôi đã lên đồng ở trong mơ. Tôi đã từ từ bay lên trong tư thế ngồi xếp bằng giống Phật. Tôi từ từ bay lên trần nhà và sau đó từ từ hạ xuống. Đó là một giấc mơ rất kỳ lạ mà tôi không thể nào giải thích được.

- Vâng cảm ơn chị. Sở dĩ tôi hỏi câu vừa rồi đến với tôi rất là ngẫu hứng tự nhiên là vì thấy chị nhắc đến các tác giả Đồi Gió Hú và Jane Eyre. Bởi vì thế giới Tâm linh các nhân vật của bà ta cũng có nhiều yếu tố mà chúng ta nói đến. Và tôi cũng nghĩ rằng thế giới Tâm linh của con người sẽ là tài liệu vô cùng quan trọng cho văn chương của chúng ta trong thời gian sắp tới đây.

- Nhân tiện anh nói đến vấn đề đó, tôi cũng muốn thông báo thêm vói anh rằng: nhà văn Xuân Cang vừa ra một cuốn sách là Hà Lạc và chân dung các nhà văn dưới ánh sáng của cái Hà Lạc này.

Sách dày 600 trang, của Nhà Xuất Bản Văn Hóa Thông Tin. Khá lý thú anh ạ.

- Thế thì tuyệt vời quá. Bởi vì khi tôi còn ở Việt Nam tôi được biết một nhà văn là ông Hà Ân, ông ta thường dựng các nhân vật của mình bằng cách trước hết lập các lá số của các nhân vật lịch sử, rồi sau đó bắt đầu viết.

Tôi có một câu hỏi nữa: chị có hay đọc các nhà văn Việt Nam ở Hải Ngoại không ? Trong số những nhà văn Việt Nam ở nước ngoài mà chị đọc được thì chị thích đọc ai hơn cả ?

- Rất tiếc là các nhà văn Việt Nam ở nước ngoài tôi rất ít đọc. Bởi vì bây giờ ở trong nước, người ta xuất bản và dịch các tác giả nước ngoài rất nhiều. Và hầu như chúng tôi ngợp trước các tác giả đó. Cho nên chúng tôi không có hoặc là chưa có thời gian để đọc những nhà văn Việt Nam ở nước ngoài. Nhưng hôm qua nhân ở nhà anh Trần Văn Cung tôi đọc lại một tác giả nữ mà ở trong nước chúng tôi đã đọc nhiều : Phạm Thị Hoài. Và chúng tôi có đọc một tác giả rất mới là Lê Minh Hà... gì đó. Chúng tôi thấy rằng: dù sao thì nguồn cảm hứng để

viết cho 70 triệu người ở trong nước vẫn nhiệt huyết hơn nhiều. Không biết ý nghĩ này có phải chỉ từ tôi hay không. Nhưng anh hãy tin tôi, bởi vì tôi là biên tập viên. Đối với trường hợp Phạm Thị HoàI thì khác vì đã xuất hiện từ trong nước. Nhưng còn nhân vật sau đó thì anh phải tin một điều là tôi là biên tập viên trang Văn hóa Văn nghệ. Hàng ngày tôi đọc rất nhiều truyện ngắn của các tác giả trẻ thì tôi thấy với nữ tác giả ở nước ngoài mà Nguyễn Mộng Giác đã có lời tựa rất hay và đầy ưu ái thì tôi thấy rằng chỉ thuộc vào tầng lớp viết như là mới vào nghề. Các trang viết ấy giống như của mấy em sinh viên mới vào nghề. chúng nó viết câu văn rất trơn tru bởi vì có học hành tử tế. Nhưng thử hỏi là nó tải được bao nhiêu thì không thấy tải được nhiều lắm.

- Chị có thể cho biết sắp tới chị có những dự định xuất bản và sáng tác gì không ?

- Tôi bắt đầu in truyện ngắn đầu tiên từ năm 1989. Sau đó tôi được giải. Và từ đó tôi xuất bản được bốn tập truyện ngắn. Lẽ ra, nếu không bị trục trặc gì tôi có thể mang sang Đức tập truyện ngắn mới tinh của tôi xuất bản năm 2000 ở nhà xuất bản Thanh Niên có tựa đề là Miếu Hoang. Trong tập này tôi bắt đầu tự đổi mình. Tức là tự đổi mình một lần nữa. Trước đây nếu như mọi người ở trong nước gọi tôi là nhà văn phụ nữ viết về phụ nữ thì bây giờ tôi thử đổi sang các đề tài khác xem sao.

Với cái tập này, tôi đang hồi hộp chờ đợi xem bạn đọc ở Việt Nam sẽ đánh giá tôi như thế nào. Liệu cái mà tôi đổi mới, tôi tự tìm đi một hướng khác có được công chúng nhiệt liệt chào đón hay là mọi người sẽ không nhiệt liệt chào đón như những truyện trước kia. Nhưng mà theo người biên tập viên ở Nhà Xuất Bản Thanh Niên thì đây là một cái tập được. Được ở cái chỗ tôi đổi mới . Tức là tôi chuyển sang bút pháp khác. Không viết nhiều về phụ nữ. Tất nhiên những dòng viết của tôi về phụ nữ thì vẫn theo truyền thống, vẫn đi rất là tinh tế trong vấn đề tả những người phụ nữ và đọc thì rất dễ đọc.Còn những cái tôi đang đổi, đang khác đi tuy chưa tới với công chúng, tuy nhiên, theo người biên tập thì khá chặt chẽ và nó có thể đó là một hướng đi mới của tôi sau này.

- Tôi muốn có thêm một trắc nghiệm nhỏ nữa về cảm thụ văn chương: Chị có thể so sánh Phạm Thị Hoài và Lê Minh Hà theo cách nhìn của chị khi chị đọc hai người này được không? Họ đều là hai tác giả nữ...

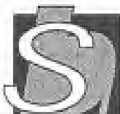
- Thực ra đây là hai tác giả nữ. Nhưng anh phải hiểu một điều như thế này. Không biết là anh đã xa đất nước lâu chưa. Nhưng mà hiện tại hôm qua chúng tôi có nói chuyện vui với nhau. Tại vì chị Lê Minh Hà vốn là giáo viên dạy văn. Chị ấy có nói là câu văn trong nước không được trong sángvà phong phú. Tức là nếu người ta soi vào đó để mà học tiếng Việt thì quả là có thế. Nhưng anh phải biết rằng bây giờ tiếng Việt của mình đang ngày càng phát triển cực kỳ phong phú. Và nhất là cái ngôn ngữ ngoài đường ngoài chợ´. Cái lối viết của Phạm Thị Hoài phải nói rằng cực kỳ thông minh. Phạm Thị Hoai rất thông minh. Chị ấy thông minh ở một điều nữa là chị ấy biết nhặt những ngôn ngữ đường phố đưa vào tác phẩm để diễn tả điều chị ấy muốn nói. Ngày xưa anh đi học, tôi không biết anh học ở trường đại học nào. Còn tôi thì ở Đại học Tổng hợp, được học cái Định luật của Động học. Tức là không phụ thuộc vào đường đi mà chỉ phụ thuộc vào điểm đầu và điểm cuối. Thế cho nên người ta có nhiều con đường để đến một điểm mà người ta muốn. Và tất nhiên ngôn từ tải cái mà người ta muốn nói, ngôn từ chị Phạm Thị Hoài đã đạt được cái đích ấy. Và vì là ngôn từ đường phố, nên khi đọc lên nghe rất là khoái nhĩ. Rất khoái trá. Thích ngay lập tức lúc bấy giờ. Nhưng khi đọc xong rồi, tất cả mọi người bảo nhớ lại xem nó còn cái gì nhỉ thì nó rất khó nhớ là nó còn cái gì anh ạ. Chính vì vậy mà có một điều nữa tôi rất buồn là hiện tại trong nước một số các nhà văn mới bước vào nghề đã bắt chước theo giọng của một số nhà văn đi trước như Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài. Cho nên, khi bắt đầu đọc bản thảo của họ, mặc dầu không biết điểm đầu điểm cuối nó ra làm sao, nhưng cứ thấy bắt chước văn người khác là tôi dị ứng một cách khủng khiếp. Và tất cả truyện ngắn nào đến tay tôi mà tôi nhìn thấy có hơi hướng giống như thế là lập tức tôi cho... nốc ao

- Cảm ơn nhà văn Y Ban. Chúc chị nhiều nghị lực và can đảm để hành trình trên sinh lộ văn chương của mình. Dù sao thì khi trò chuyện với chị tôi đã nhớ tới bài thơ Người Đàn Bà Một Mình Đi Đường của Nữ thi sĩ Blaga Dimitova. Chúc chị nhiều nghị lực và can đảm để hành trình trên sinh lộ văn chương của mình.

- Rất cảm ơn anh. Nhưng tôi không chỉ có một mình đâu.

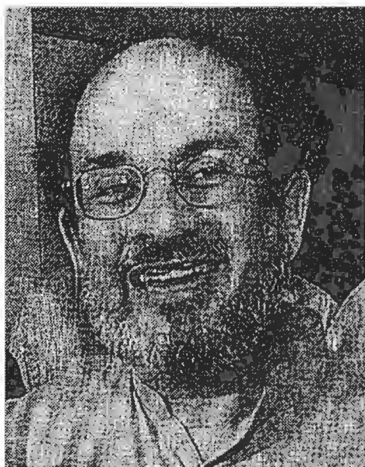
- Thế thì tuyệt vời. Chúc chị may mắn và hạnh phúc.

THẾ DŨNG *thực hiện (Berlin 19.03.00)*



PHẠM VIỆT CƯỜNG *phụ trách*

Sinh hoạt văn học nghệ thuật



Salman Rushdie

Salman Rushdie trở về thăm quê hương

Nhà văn Salman Rushdie đã được nhà chức trách Ấn cho phép trở về thăm quê hương vào trung tuần tháng tư vừa qua sau thời gian 12 năm trì hoãn. Ông cho biết là ông rất vui mừng khi trở lại, cố gắng hàn gắn mối quan hệ gãy đổ giữa ông và đất nước. Lần về này, ông cũng đưa con trai là Zafar, 20 tuổi, thăm lại quê hương mà chàng trai đã rời bỏ từ khi lên 4.

Một đám đông không đông lắm, khoảng 500 người Muslim đã diễn hành ngang thủ đô Tân Đề Li, hô vang khẩu hiệu chống đối nhà văn lưu vong nổi tiếng này.

Tuy nhiên, sau đó cha con ông đã được đón tiếp long trọng khi bước vào địa điểm tổ chức lễ trao giải thưởng Commonwealth Writers Prizes. Tuy tác phẩm sau cùng của ông là «The Ground Beneath Her Feet» đã bị quyển «Disgrace» của nhà văn Nam Phi J.M. Coetzee qua mặt và đoạt giải nhưng ông vẫn là ngôi sao chính trong buổi lễ. Điều đó cũng dễ hiểu và thật ra là đáng hãnh diện vì nước Ấn được đón tiếp một trong những nhà văn viết tiếng Anh can đảm và xuất sắc nhất thế giới.

Tuy bị phản đối, nhưng các đe dọa bạo động trước đó đều không xảy ra. Khác với những lần xuất hiện tại các nơi trước đây, các nhân viên bảo vệ nhà văn cũng như chính nhà văn gần như ít căng thẳng hơn.

Tác giả của quyển sách mang lại án tử hình «The Satanic Verses» đã rời Ấn trở về London hôm 17-04, sau khi ở lại quê hương trọn một tuần lễ. Tác giả cho biết ông dự định sẽ trở lại thăm nhà thường xuyên hơn.

Về Cái Chết Của Eugene O'Neill

Một bài báo trên tờ New England Journal of Medicine vừa cho biết là một hình thức hiếm của bệnh suy não khiến kịch tác gia nổi tiếng Eugene O'Neill qua đời vào năm 1953, chứ không phải vì bệnh Parkinson's như trước đây người ta thường nghĩ, bên cạnh ý kiến khác cho rằng chính bệnh nghiện rượu đã góp phần làm sức khỏe ông suy sụp.

Căn cứ vào kết quả giảo nghiệm mà gia đình ông O'Neill mới đây chỉ vừa đồng ý tiết lộ, bác sĩ Bruce H. Price thuộc McLean Hospital tại Belmont, Massachusetts và các nhà nghiên cứu đã loan báo như trên.

O'Neill, tác giả các vở kịch nổi tiếng «The Iceman Cometh,» «Moon for the Misbegotten,» và «Long Day's Journey Into Night,» là người đã đoạt bốn giải thưởng Pulitzer và là kịch tác gia Mỹ chính gốc duy nhất đoạt giải Văn Chương Nobel – vào năm 1936.

Trong 12 năm cuối đời, O'Neill đã dần dần mất khả năng điều khiển hai tay. Trong năm chót, tác giả nhai nuốt và nói chuyện khó khăn, đầu và thân mình lắc lư, dù tâm trí không bị ảnh hưởng. Ông mất ở Boston sau một trận sưng phổi ở tuổi 65.

Kết quả giảo nghiệm cho thấy một phần não bộ của ông bị teo lại. Tuy chưa biết nguyên nhân chính xác nhưng các nhà nghiên cứu cho rằng tình trạng này tương tự một chứng bệnh di truyền - *cerebellar cortical atrophy* - khá hiếm hoi.

Những ánh sáng rọi vào cái chết một người viết như vậy khá ảm đạm. Quá muộn. Ở thời điểm này, gần 50 năm sau, có lẽ nhà văn Vũ Huy Quang sẽ tiên liệu mà ký giấy cho phép giảo nghiệm mình ngay bây giờ. Nhắc đến Vũ Huy Quang, vì cũng như O'Neill, ông có nhiều dấu hiệu của một người viết kịch có tài, (Mời quý vị tìm đọc vở kịch mới của ông «Chuồn Chuồn Kim» đăng trên tạp chí Thơ số Mùa Xuân

2000), ông cũng chập choạng vào tuổi 60, ông cũng thích uống rượu, ông cũng nói chuyện ít lưu loát hơn (hơi lè nhè) dù tâm trí vẫn minh mẫn...

Giải Pulitzer năm 2000

Về kịch, Donald Margulies, đoạt giải với vở «Dinner With Friends,» viết về một đôi lứa có vẻ đang hạnh phúc nhưng đã đặt lại câu hỏi về quan hệ của chính họ sau khi những người bạn thân nhất của họ quyết định ly dị.

Margulies đang phụ trách nhà hát Variety Arts Theater gần Broadway từ tháng 11. Các vở kịch khác của ông gồm có «Collected Stories,» «Sight Unseen,» «The Loman Family Picnic,» «What's Wrong With This Picture?' và «Found a Peanut.» Margulies sinh ngày 2-7-1952, Brooklyn, N.Y., tốt nghiệp đại học State University of New York-Purchase về Visual Arts. Ông sống ở New Haven, Conn., và dạy viết kịch tại Yale School of Drama.

Trong khi đó, trong lãnh vực fiction, ba sự kiện khiến việc cô Jhumpa Lahiri đoạt giải Pulitzer năm nay có vẻ hơi khác thường: cô còn khá trẻ (32 tuổi), là tác giả có sách in lần đầu và là nhà văn viết truyện ngắn. Quyển sách của cô, «Interpreter of Maladies,» đã thắng tác phẩm của hai người khác là Ha Jin, người vừa đoạt National Book Award và Annie Proulx, tác giả từng đoạt giải Pulitzer trước đây. Chín truyện ngắn trong tập «Interpreter of Maladies» lấy khung cảnh ở cả Ấn Độ và Hoa Kỳ; chủ yếu nhắm vào những nhân vật gốc Ấn. Quyển sách in bìa mềm, đã bán trên 40,000 cuốn – số tiêu thụ khá lớn cho một tuyển tập truyện ngắn.

Trong thể loại tiểu sử, quyển sách thứ hai của Stacy Schiff, «Vera: (Mrs. Vladimir Nabokov): Portrait of a Marriage,» đã đoạt giải. Quyển «Vera» viết về mối quan hệ trong đời sống và văn học giữa Vera Nabokov và chồng bà, Vladimir Nabokov - tác giả quyển «Lolita» and «Pale Fire" nổi tiếng.

Bên cạnh đó, thi sĩ Charles Kenneth Williams nhận phần thưởng về thơ với tập thơ nhan đề «Repair» – những cảm nhận về sự tổn thương và hồi phục, về Holocaust và các quan hệ chủng tộc ở Hoa Kỳ.

C. K. Williams, 63 tuổi, sinh ở Newark, N.J., hiện dạy viết văn, thơ, kịch và dịch thuật tại Princeton University. Các tác phẩm khác của ông, «Flesh and Blood» đoạt giải National Book Critics Circle Award năm 1978, và «The Vigil» được đề nghị giải Pulitzer 1996.

Marilyn Monroe và Joyce Carol Oates

«Blonde» là nhan đề quyển sách mới nhất, dầy 738 trang của nhà văn Joyce Carol Oates viết về Marilyn Monroe. Đây là "sự thật được khoác chiếc áo fiction" như tác giả và cũng là người tranh đấu nữ quyền nổi tiếng nói: một cái nhìn tưởng tượng vào thế giới bên trong của người nữ tài tử bạc mệnh.

Được biết quyển tiểu thuyết đã mang về cho tác giả 1 triệu mỹ kim tiền ứng trước và tác quyền truyền hình - một chương trình miniseries dài 4 giờ, được chiếu trong tháng tư năm nay.

Từ trước đến giờ, đã có nhiều nhân vật nổi tiếng viết sách về Marilyn Monroe: Norman Mailer, Gloria Steinem, Arthur Miller, em họ Berniece Baker Miracle và Susan Strasberg...

Trong quyển tiểu thuyết mới của Oates, những người xưa của Marilyn Monroe không được đề cập bằng tên thật. Norman Mailer được gọi là 'The Playwright,» Joe DiMaggio là «The Ex-Athlete.» Em rễ của John F. Kennedy, Peter Lawford, được gọi là «The President's Pimp.» Còn chính Monroe thì được mang những tên như «Blond Actress,» «Beggar Maid,» «Fair Princess» và «Miss Golden Dreams.»

Theo quyển «The Marilyn Monroe Encyclopedia» in tháng ba năm nay, có hơn 224 tác giả đã viết về Marilyn Monroe.

Chưa gì đã có người chỉ trích cuốn sách mới của Oates như sau : «Mặc dù có ý định phô bày 'đời sống nội tâm, thơ mộng và nặng tinh thần' của người diễn viên bạc mệnh, hóa ra quyển 'Blonde' cũng chỉ là nỗ lực mới nhất muốn bóc lột thảm kịch và danh tiếng của Marilyn Monroe mà thôi.

Quãng trường Sartre & de Beauvoir

Jean-Paul Sartre, tiếng sấm rền vang trong giới trí thức Pháp hậu chiến vừa xuất hiện trở lại theo một cách khác, khuấy động lại các cuộc tranh luận trong các nhà sách ở Paris.

Hôm trung tuần tháng tư, công trường Saint-Germain-des-Pres ở tả ngạn sông Seine đã được đặt tên lại. Quãng trường sẽ mang tên mới là tên của người triết gia nổi tiếng nhất nước Pháp sau đệ nhị thế chiến là Jean Paul Sartre và người bạn đường lâu năm của ông là Simone de Beauvoir.

Saint-Germain-des-Pres ở tả ngạn sông Seine Paris - nơi mà Sartre và de Beauvoir sống chung nhiều năm trong một apartment, giao tiếp bạn bè và đập phá những lý thuyết chính trị - ngày nay không còn

giống như người ta từng biết trước kia nữa. Giờ đây khắp nơi tràn ngập những du khách giàu có và chuyên viên thời trang lượn qua lượn lại trước những cửa tiệm thời trang là các nhà sách trước kia biến thành.

Tuy vậy, nhà chức trách Paris vẫn quyết định chọn nơi đây để vinh danh Sartre, đổi tên thành «Place Jean-Paul Sartre et Simone de Beauvoir,» hơn là con đường nhỏ gần Thư Viện Quốc Gia mà giới trí thức ưa thích. Trong buổi lễ khánh thành, ông Quận trưởng thành phố Paris Jean Tiberi đã vén tấm màn che tấm biển tên đường mới tại góc đướng nổi tiếng với ngôi nhà thờ đá.

Trong mấy tuần qua, di dản triết học hiện sinh lại được đem ra mổ xẻ qua một loạt sách, báo mới, gây ra nhiều tranh luận mới trong giới truyền thông Pháp. Vị trí của Sartre trong thế giới văn học Pháp không thể làm ngơ được. Vị trí đó đã bị bỏ trống một cách dễ nhận thấy từ khi tác giả «Nausea» và «Being and Nothingness» qua đời ngày 15-4-1980. Đám tang ông là một sự kiện lớn của nước Pháp. Lưu danh ông bằng cách này có thể giúp cho con người ngày nay dễ chạnh lòng nhớ tới người triết gia cũ hơn, khi bước qua quãng trường đó ở Paris.

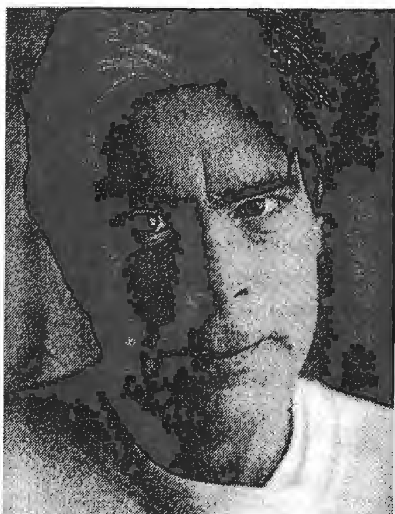
Tiểu Thuyết Gia Penelope Fitzgerald Qua Đời

Penelope Fitzgerald, một nhà văn khởi sự văn nghiệp rất muộn màng nhưng vẫn đạt nhiều giải thưởng văn học cao quý vừa qua đời tại Luân Đôn, hai ngày sau khi bị một cơn tai biến mạch máu nhẹ. Bà hưởng thọ 83 tuổi.

Quyển sách đầu tay của Fitzgerald xuất hiện khi bà đã gần 60 tuổi. Và sau gần 25 năm cầm viết, bà đã để lại ba sách về tiểu sử và 9 tiểu thuyết. Một trong những tác phẩm được khen ngợi nhất của bà chính là tiểu thuyết sau cùng, «The Blue Flower,» viết về mối tình của cô gái 12 tuổi với một nghệ sĩ trẻ, sau trở thành triết gia thi sĩ Novalis. Quyển sách đã gây ngạc nhiên khi đoạt giải National Book Critics Circle năm 1988, đánh bại những tác phẩm nặng ký khác của các nhà văn được ưa thích như Don DeLillo và Philip Roth. Năm 1979, Fitzgerald đoạt giải thưởng cao quý Booker Prize của Anh nhờ tiểu thuyết «Off-shore,» viết về đời sống trên một xà-lan gỗ xuôi dòng sông Thames ở London.

Nhà văn sinh ngày 17-12- 1916, trong một gia đình hàn lâm và văn học. Năm 1953, bà lập gia đình với Desmond Fitzgerald – ông đã mất năm 1976, và bà đợi cho đến khi ba người con khôn lớn mới bắt tay vào việc viết văn.

Sau tác phẩm đầu tay in năm 1975 viết về cuộc đời của họa sĩ Edward Burne-Jones, các tiểu thuyết của Fitzgerald thường ghi lại những biến cố trong chính đời sống khác thường của bà.


Horror meister Stephen King

Chuyện dài ... Stephen King

Quyển sách mới nhất của nhà văn chuyên về truyện kinh dị Stephen King, «Riding The Bullet», chỉ được phát hành riêng qua hệ thống Internet mà thôi.

Quyển truyện dày 66 trang được tác giả mô tả như «một truyện ma có tầm vóc lớn.» Từ trung tuần tháng 3-2000, sách đã bắt đầu được gửi đến độc giả, không phải ở các tiệm sách, mà qua hình thức một «e-book.» Độc giả muốn mua xem, chỉ trả có 2 đô-la rưỡi để download nguyên quyển, rồi đọc trên máy điện toán, trên một «personal organiner» hoặc một dụng cụ dành riêng cho loại «e-book»

Nhà văn đã hoàn tất quyển «Riding The Bullet» trong thời gian hồi phục sau tai nạn xe suýt chết khi ông đang đi dạo gần nhà nghỉ mát mùa hè ở Lovell, Maine vào tháng sáu năm rồi.

Sách được nhà XB Scribner và King's Philtrum Press phối hợp ấn hành qua hệ thống Simon & Schuster Online – nơi đưa sách lên Web site cho công chúng. Người ta thu ngắn nhiều thời gian để sách đi từ máy vi tính của King đến độc giả – chỉ một phần nhỏ thời gian so với quá trình in ấn truyền thống. Nhưng dĩ nhiên cái thú đọc cầm quyền sách trên tay hoàn toàn khác hẳn và không thể thay thế được.

Đã có nhiều tác giả về tiểu thuyết khoa học phát hành sách qua cyberspace, nhưng King là một tác giả hàng đầu và đây là lần đầu tiên ông thử dùng phương pháp này. Ông thích mình sẽ là «ông vua» trên lãnh vực phát hành mới. NXB Simon & Schuster cho biết chỉ trong vòng 24 tiếng đồng hồ bắt đầu bán trên internet, số người mua đã lên đến 400.000. Điều này khiến King nghĩ đến việc viết và bán theo từng kỳ một cuốn tiểu thuyết kế tiếp.

Có khá nhiều điều khác thường về nhà văn này, từ khuôn mặt

cho đến ngôi nhà cổ của ông. Nhiều tin đồn không đúng cho rằng Stephen King không bao giờ ký tên lưu niệm vì mê tín dị đoan. Nhà văn chỉ là người khiêm tốn thôi. Ông không muốn ký tên, nhất là trên những tấm ảnh chân dung của mình, vì ông cho rằng chuyện đó dành cho các tài tử, ca sĩ, các pop stars ... thì hợp lẽ hơn. Đơn giản là ông không muốn độc giả thần tượng hóa mình! Thậm chí ông từ chối không hỗ trợ cho một *fan* ái mộ. Có lần ông tự ví những cuốn tiểu thuyết kinh dị của mình chỉ «tương đương với một cái Big Mac và một phần khoai tây chiên của McDonald's» về mặt văn chương mà thôi. Ông vẫn ký lưu niệm sách; có điều độc giả ái mộ phải chịu khó chờ đợi. Và ông chỉ ký tên giới hạn cho mỗi người hai chữ ký mà thôi – suốt đời. Và ông cũng không chịu ký theo kiểu chận ngoài phố hay trước quán ăn đâu : bạn phải ghi tên vào danh sách chờ (waiting list) ; và phải chờ ít nhất từ 18 đến 24 tháng! Đừng lo! bạn sẽ được hướng dẫn tỉ mỉ phải làm gì để được nhận chữ ký quý giá của King !

Tác giả có những cuốn sách bán chạy như tôm tươi khắp thế giới như «The Shining» và «Salem's Lot» đã từng làm việc trong tiệm giặt ủi và dạy trung học khi bắt đầu viết truyện ngắn mãi cho đến khi quyển sách đầu tay «Carrie» được ấn hành năm ông 26 tuổi.

Ngoài quyển sách phổ biến trên internet nói trên, vào năm ngoái, King đã cho tung ra bộ ba truyện «Blood and Smoke,» chỉ phát hành đặc biệt qua dạng băng audio mà thôi, cùng với tập truyện ngắn nhan đề «Hearts in Atlantis.» Kịch bản cuốn phim đang trình chiếu ở các rạp là «The Green Mile» có tài tử Tom Hanks đóng cũng dựa từ một quyển sách cùng tên của King..

Giải National Book Critic Award 2000

Buổi lễ trao giải thưởng National Book Critic Award đã được tổ chức hôm 13-03 tại Nữu Ước Một số tác giả dù đã chết hay còn sống, trẻ tuổi và già nua đã được tuyển chọn. Hơn 30 người viết, trong đó có một nhà thơ đã ngoài 80 tuổi và nhà văn quá cố Jorge Luis Borges đã được vinh danh.

Giải tiểu thuyết về tay nhà văn Jonathan Lethem, 36 tuổi, với quyển «Motherless Brooklyn» viết về một đứa bé mồ côi với bệnh Tourette's Syndrome lớn lên trở thành thám tử. Lethem đã viết nhiều sách trước đó như «Amnesia Moon,» «Gun, With Occasional Music»...

Gỉai thi ca về tay nữ thi sĩ Ruth Stone, 84 tuổi, với tập thơ «Ordinary Words »

Nhà văn Argentina quá cố Jorge Luis Borges đoạt giải phê bình

với quyển «Selected Non-Fiction» in năm ngoái, gồm các tiểu luận, bài nói chuyện, điểm phim, đánh dấu 100 năm ngày sinh của ông.

Tác giả Jonathan Weiner đoạt giải trong lãnh vực non-fiction tổng quát với quyển «Time, Love, Memory : A Great Biologist and His Quest for the Origins of Behavior.»

Sau cùng, Harry Wiencek nhận giải về sách hồi ký – tiểu sử với quyển «The Hairstons : An American Family in Black and White.»

National Book Critic Circle thành lập năm 1974, là một tổ chức bất vụ lợi của các nhà biên tập và phê bình sách với khoảng 7450 hội viên trên toàn quốc.

Bài thơ được yêu thích nhất ở Hoa Kỳ

Cách đây hai năm, Thi sĩ Hoa Kỳ (Poet Laureate) Robert Pinsky - người đầu tiên được lưu giữ 3 nhiệm kỳ - đã tung ra cuộc thăm dò quy mô để tìm hiểu xem bài thơ nào được dân chúng Mỹ yêu thích nhất? Và sau khi tổng kết gần 18.000 đề nghị qua nhiều hình thức khác nhau như thư từ, băng ghi âm, video... Kết quả cho biết đó chính là bài thơ «The Road Not Taken» của Robert Frost.

Nguyên văn bài thơ được nước Mỹ ưa chuộng nhất, chỉ ngắn có 20 câu thôi, như sau : «The Road Not Taken» Two roads diverged in a yellow wood, And sorry I could not travel both And be one traveler, long I stood And looked down one as far as I could To where it bent in the undergrowth; Then took the other, as just as fair, And having perhaps the better claim, Because it was grassy and wanted wear; Though as for that, the passing there Had worn them really about the same, And both that morning equally lay In leaveas no step had strodden black. Oh, I kept the first for another day! Yet knowing how way leads to way, I doubted if I should ever come back. I shall be telling this with a sigh Somewhere ages and ages hence: Two roads diverged in a wood, and I – I took the one less traveled by, And that has made all the difference. (Robert Frost)

Bài thơ đã được viết ra cách đây mấy mươi năm nhưng vẫn đáp ứng sự phân vân thầm kín nhiều khi không thực hiện được của con người bây giờ.

Hôm đầu tháng Tư, nhà thơ Pinsky đã đưa một phần kết quả của dự án này vào văn khố Thư Viện Quốc Hội. Khoảng 100 băng ghi âm và thu hình của dân chúng Mỹ thuộc mọi thành phần xã hội đọc những bài thơ mà họ yêu thích.

Bên cạnh đó, trong tuyển tập «America's Favorite Poems» do

Pinsky và Maggie Dietz biên tập có in nhiều bài thơ được dân chúng Mỹ ưa thích, do chính các thi sĩ tuyển chọn và nhận xét. Ông Pinsky cho biết nhà xuất bản W.W. Norton vừa đặt in thêm quyển sách này lần thứ tư với 10.000 ấn bản. Tuy không tiết lộ con số bán được từ lần in đầu tiên vào tháng 11 vừa qua, nhà Norton mà chỉ cho biết là sách «bán được rất nhiều,» đặt biệt là đối với một quyển thơ như tuyển tập này.

PEN Hoa Kỳ Vinh Danh Hai Thi Sĩ Tù Nhân ở Kosovo và Trung Quốc

Đại hội thường niên của PEN Hoa Kỳ – trung tâm lớn nhất trong 131 trung tâm PEN quốc tế - hôm 10-04, đã vinh danh diện hai nhà thơ đang bị cầm tù. Bà Flora Brovina, gốc Albania ở Kosovo và ông Xue Deyun, ở Trung Quốc, được nhận giải Barbara Goldsmith Freedom-to-Write của PEN. Dù phần thưởng chỉ trị giá $3000 nhưng mục đích chính của vinh dự này nhằm kêu gọi công luận thế giới quan tâm đến những nhà văn đang bị giam cầm hoặc đang bị nguy hiểm.

Nhà thơ Brovina, 53 tuổi, còn là bác sĩ bộ khoa, thành lập và làm chủ tịch Hội Phụ Nữ Albania. Sau khi chiến tranh bùng nổ ở Kosovo, bà ở lại Pristina, điều hành một trung tâm cứu trợ phụ nữ và trẻ em. Ngày 22-04-99, tám người Serb mang mặt nạ đã bắt cóc bà tại nhà. Vào tháng 12-99, bà bị xử án 12 năm tù vì «có hành động khủng bố.»

Tại Trung Quốc, ông Xue Deyun, 40 tuổi, bị bắt vào ngày 26-01-98 tại thành phố Guiyang. cùng với ba thi sĩ khác là Ma Quiang, Wu Rouhai và Xiong Jinren vì dự định in một tờ báo văn học nhằm phục hưng văn hóa Trung Quốc. Sau đó ba người kia được trả tự do, nhưng riêng ông Xue, làm thơ với bút hiệu là Ma Zhe đã bị xử 7 năm tù về tội «có âm mưu lật đổ chính quyền.» Trước kia, ông Xue cũng đã bị giam giữ từ năm 1987 đến 1990 vì dính líu với phong trào sinh viên chống đối ở Bắc Kinh năm 1986.

Từ khi giải thưởng thành lập năm 1987, đã có 14 trong số 20 nhà văn đang bị giam cầm trong lúc công bố giải được trả tự do sau đó một thời gian ngắn. Tuy con số còn quá ít so với hiện trạng áp bức văn ghệ sĩ tại nhiều nơi trên thế giới hiện nay, đây vẫn là một nỗ lực bảo vệ và làm giảm bớt cảm giác lẻ loi của những người người cầm viết hy sinh cho chân lý và cái đẹp.

PHẠM VIỆT CƯỜNG



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới



TÔI, ẤU THƠ VÀ / MẸ, tùy bút / hồi ký Du Tử Lê. Bìa KT, tranh Ngọc Dũng, HT productions xuất bản. Văn Nghệ phát hành. Giá 12MK.

Thơ Du Tử Lê; tùy bút, hồi ký Du Tử Lê; kể cả truyện ngắn truyện dài Du Tử Lê..., cách gì, thì con người, cuộc đời, những hệ lụy, những mối tình, những hạnh phúc viên mãn hay những cay đắng ê chề của người đàn ông mang tên Lê Cự Phách cũng đậm nét, trên từng trang chữ.

Người đọc có thể thích, có thể không. Nhưng khó ai phủ nhận được, đó là điểm đặc biệt của cõi viết Du Tử Lê. Nói cách khác, điểm đặc biệt ấy làm nên nhân cách văn chương Du Tử Lê.

Viết văn, làm thơ, sáng tác âm nhạc, hội họa..., người nghệ sĩ sợ nhất sự đồng dạng, đồng phục, với ai đó, đi trước, hay đồng thời. Du Tử Lê không đồng dạng, đồng phục với bất cứ ai. Ông đã tạo được cho riêng ông một cõi riêng, một style.

A POEM FOR MY CHILREN, thơ Nguyễn Mạnh Quang. Văn Hóa xuất bản. Giá $US25.00

Gồn hai phần: Việt ngữ và Anh ngữ.

Với thể thơ lục bát, lịch sử cận đại Việt Nam được viết lại qua hình thức bài thơ gửi cho con.

Liên lạc: nhà xuất bản Văn Hóa, P.O.Box 38325, Houston, TX 77238-8325. USA

CÒN CHÚT TÌNH RIÊNG TRONG MẮT NHAU, thơ Bùi Thanh Tuấn. Phổ nhạc Nguyễn Đình Nguyên; Khang Thụy; Phan Anh Dũng; Bùi Thanh Tuấn; Trương Quí Hải. Trình bày bìa Việt Hải. Trình bày bản thảo Nguyễn Đình Bổn. Kẻ nhạc Phan Anh Dũng. Chân dung tác giả Tô Thanh Hiệp.

Hình thức được chăm sóc rất kỹ lưỡng, mỹ thuật.

Thơ Bùi Thanh Tuấn truyền cảm, bình dị, còn đậm nét lãng mạng học trò.

VỀ MIỀN SÂU THẲM, Đồng Vọng. Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng xuất bản.

Địa chỉ liên lạc: P.O.Box 452512; Garland, TX 75045. USA

http://www.saomai.org. Email vhnt@saomai,org.

Tập hợp những bài chiêm nghiệm về nghệ thuật Nhật bản, ở nhiều lĩnh vực.

THE TRAIL I WILL NEVER FORGET - LỐI CŨ CHẲNG SAO QUÊN, Hồi ký Bích Huyền. Tác giả xuất bản. Giá 15MK.

Song ngữ Anh-Việt.

Tâm sự của một người vợ tù cải tạo.

Theo chủ nhiệm một nhật báo lớn nhất tại quận Cam, thì đây là cuốn sách được các tù nhân chính trị, giới HO, nhiệt tình chiếu cố.

THƠ SƯƠNG MAI, tranh bìa Huỳnh Minh Chí. Suối Hoa xuất bản. Giá 15MK. Địa chỉ liên lạc: Sương Mai, P.O.Box 59039, San Jose, CA 95159. USA. Email: suong_mai@hotmail.com.

Thi tập thứ 4 của tác giả, sau Thoáng chút hương xưa; Thơ tình Sương Mai; Trăng mộng.

Dày ngót 400 trang, trên hai trăm bài thơ.

GIAI THOẠI THIỀN SƯ, Lâm Thanh Huyền, bản dịch Phạm Huê. Bìa KT, Văn Nghệ xuất bản. Giá 10MK.

Trên hai mươi lăm năm trước, tại miền Nam VN, một cuốn sách mỏng nhưng lại có tác động lớn trong giới trẻ, đó là cuốn Góp Nhặt

Cát Đá của Thiền sư Maju (cuốn sách được tái bản tại hải ngoại vài năm gần đây).

Giai Thoại Thiền Sư , theo tác giả, "chủ yếu giới thiệu đến bạn đọc những công án thú vị của Thiền Tông và nhất là những văn thi điệu kệ của những bậc đại đức cao tăng từ thuở xa xưa".

BÔNG HỒNG VÀNG, Konstantin Paustovsky, bản dịch Vũ Thư Hiền. Bìa KT, văn Nghệ xuất bản. Giá 15MK.

"Tôi nghiễm nhiên trở thành người chứng kiến, người tham gia vô vàn chuyện đời chuyện người, rất thường mà rất lạ, không sao quên được, là nhờ Konstantin Paustovsky."

Đó là cảm tưởng của dịch giả Vũ Thư Hiên lần đầu tiên tiếp cận với tác phẩm.

Một cuốn sách hay.

RỪNG PHONG THU ĐÃ..., tuyển tập thơ văn. Bìa KT, tác giả xuất bản. Không ghi giá bán. Điện thoại liên lạc: 619-449-0324.

Tuyển tập gồm thơ và những tản văn đủ thể loại: truyện ngắn, truyện thật ngắn, tùy bút, tiểu luận, phiếm luận..

"Tất cả những bài thơ cũng như văn đều được "làm" sau 75 nên hầu hết đều mang những suy nghĩ và nỗi niềm tâm trạng... không vui. Đó là lý do chính để tác phẩm được đặt tên Rừng Phong Thu Đã..." (Tác giả - Thay lời tựa)

MỘT CHỖ VỀ, thơ Đức Phổ, bìa, phụ bản Nguyễn Trọng Khôi, Sông Thu xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: 6945 Doncaster Rd., Jonesboro,

Cuộc sống trầm luân sau biến cố 75, tình yêu, nỗi niềm hoài nhớ cố hương... Đó là những chủ đề chính của thi tập Một Chỗ Về.

THƠ SƯƠNG MAI, bìa tranh Huỳnh Minh Chí, Suối Hoa xuất bản. Giá 15MK. Liên lạc:P.O.Box 59039, San Jose, CA 95159. USA. Email: Suong_Mai@hotmail.com

Thi tập thứ tư, sau Thoáng Chút Hương Xưa; Thơ Tình Sương Mai; Trăng Mộng.

Dày ngót 400 trang, trên hai trăm bài thơ.

HOA Ô MÔI, thơ Thảo Chi Bùi Mỹ Hoa. Cần Thơ xuất bản. Giá 15MK. Liên lạc: 2723 McKee Road, San Jose, CA 95127. Email: thaochi99@aol.com

BÌNH lUẬN CHÍNH TRỊ, tập ba (1997-1999), Trần Bình Nam. Mõ Làng xuất bản. Giá 18MK. Liên lạc: Mõ Làng, 774 Geary St., San Francisco, CA 94109. USA. Điện thoại: 415-673-6836.

"Trần Bình Nam có được cái nhìn thông suốt, sắc cạnh mà vẫn bao dung của một chính trị gia về những vấn đề chính trị phức tạp trên đất nước mình cũng như trên thế giới..." (bìa sau)

NHAN SẮC, tập truyện Dương Nghiễm Mậu, bìa KT. văn Nghệ tái bản. Giá 9MK.

Là một trong những tác phẩm hay nhất của nhà văn (miền Nam trước 1975) Dương Nghiễm Mậu.

CHUYỆN KỂ NĂM 2000, hồi ký Bùi Ngọc Tấn, trình bày bìa Hà Vũ Trọng. Thời Mới, cộng tác với tạp chí Diễn Đàn (Pháp) và Hợp Lưu (mỹ) xuấ bản. Giá bán 20MK, trọn bộ hai tập in chung. Liên lạc: THỜI MỚI Publications Inc., 403-521 Fich Ave., W Toronton ON M2R 1N3 canada. Email: havutrong@hotmail.com

Chuyện kể về lao tù dưới chế độ CS hay nhất từ trước đến nay, cả trong lẫn ngoài nước. Đã và đang gây xôn xao, tò mò dư luận, cũng như đã được nhiều nhà xuất bản tại hải ngoại tái bản.

Đây là ấn bản được đánh giá đứng đắn, nghiêm túc nhất. Giá bán cũng nhẹ nhàng nhất (chỉ nhỉn hơn phân nửa giá bán của các nhà xuất bản khác).

Ngoài phần hồi ký của tác giả, có thêm phần Chú Thích Từ Vựng của nhà xuất bản, nhằm giải thích nghĩa những từ, nhóm từ chỉ người, sự kiện, tiếng lóng, tiếng địa phương, ngoại ngữ... được tác giả sử dụng trong tác phẩm. Và phần cảm nhận, cảm nghĩ của người đọc.

Không nhằm mục dích thương mại, nhà xuất bản Thời Mới và hai tạp chí Diễn Đàn, Hợp Lưu muốn giới thiệu đến độc giả một tác phẩm giá trị, cũng như sẽ dùng toàn bộ tiền lời của công việc xuất bản này, gửi về cho tác giả.

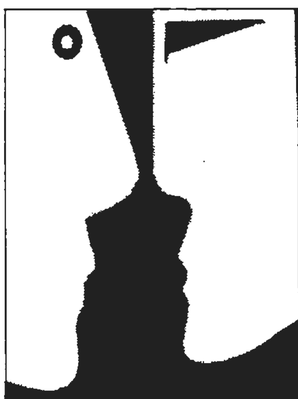
BÙI GIÁNG THI TUYỂN. Bìa Đoàn Duy Hiệp. Nhà xuất bản Mưa Nguồn. Giá 15MK. Liên lạc: Mưa Nguồn, 1055 Dewcrest Drive. Anaheim, CA 92808. Tel: 714-281-2934.

Tuyển tập gồm những bài thơ hay nhất trích từ Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn, Ngàn Thu Rớt Hột, Màu Hoa Trên Ngàn... được xuất bản nhân kỷ niệm một năm ngày tạ thế của thi sĩ Bùi Giáng.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và bạn đọc



Ông **Trần Nghi** (Boston): Cảm ơn những lời khích lệ ông dành cho HL..

Chúng tôi đã đang và sẽ còn cố gắng, dù người viết và người đọc tại hải ngoại mỗi ngày mỗi mòn mỏi. Cách đây vài hôm, nhân buổi họp mặt thân hữu, chúng tôi - một số anh chị em làm báo văn học - có đề cập đến thực trạng khan hiếm tác phẩm, thưa vắng tác giả. Nếu để ý, người ta sẽ thấy, quanh quẩn chỉ vài mươi cây bút, tháng này xuất hiện trên báo A, tháng sau có mặt ở báo B... Khổ hơn nữa, càng ngày sức sáng tác càng yếu, tác phẩm sau chỉ là "bản sao" của những tác phẩm trước, dù tính tiết, nhân vật, bối cảng có khác!

Người viết và người đọc nghèo dần như thế, âu cũng điều dễ hiểu. Sau 75, rồi suốt hai mươi lăm năm qua, trên dưới 80% những cây viết của miền Nam cũ, cộng với một số không nhiều những cây viết ra đi từ miền Bắc, bước đầu, đã ít nhiều thanh gia vào sinh hoạt chữ nghĩa. Nhưng dần dần áo cơm, đời sống tất bật cùng sự thiếu vắng độc giả làm lực đẩy, khiến họ buông bút. Số còn viết được, còn kiên trì với nghiệp dĩ, thì theo tháng năm, trở thành những lão ông, lão bà. Tuổi già, sức yếu, tư duy không còn nhạy bén, viết, chỉ còn là một thú tiêu khiển. Lớp trẻ hơn, thỉnh thoảng lóe sáng một vài tài năng, nhưng cũng do hoàn cảnh khách quan, họ không thực sự sống chết với ngòi bút, viết, với lớp người này chả phải nhu cầu. Lao động văn chương,

nghệ thuât, nếu không xuất phát từ đam mê, không thiết thân như cơm ăn áo mặc, thì chắc chắn sẽ chóng lụn tàn. Lớp trẻ hơn nữa càng hiếm hoi, hiếm hoi đến độ các tạp chí văn học khi nhận bài, không dám mong sẽ phát hiện thấy những ài năng mới, mà chỉ mong bản thảo của họ không quá tệ, chữ nghĩa câu cú không sai trật quá đáng, để có thể "nhận sắc" được, mang in!

Về phía độc giả, cũng đi xuống theo tỷ lệ thuận với giới sáng tác. Ngày xưa, làm báo văn học, ngoài số độc giả cũ, mỗi năm trị sự có thêm không ít độc giả mới. Lớp này thế chân lớp khác. Nhờ sự "trẻ hóa" từ độc giả, tờ báo cũng trẻ theo. Ngày nay, hầu hết các tờ báo đều chỉ có một số độc giả nhất định, và rơi rụng dần. Ảnh hưởng bởi tuổi tác, họ lười đọc, hoặc không còn đọc nổi! Đã vậy, lực lượng bổ sung lại không có, hoặc có quá ít, không bù đắp nổi chỗ khuyết.

Tóm lại, với thực trạng tiêu cực này, mỗi số báo, đối với chúng tôi, là một cố gắng vô cùng cực nhọc, ở nhiều mặt.

Chúng tôi hoàn toàn không muốn "than khóc". Chỉ mong, bằng sự cảm thông, độc giả sẽ rộng lòng tha thứ những khiếm khuyết, nếu có, trong mỗi số báo.

Một lần nữa, HL cảm ơn những lời khích lệ của ông.

Bà **Nguyễn Hữu Trang** (Úc): Ngoài những số đã tuyệt bản: 1, 4, 6, 8, 12, tất cả vẫn còn đủ. Bà muốn back order, xin gửi về toàn soạn $US350.00, chúng tôi sẽ gửi báo đến bà bằng đường thủy (khoảng sáu tuần). Nếu bà muốn mua bằng đường hàng không, xin cộng thêm $US30.00 cước phí. Báo sẽ đến trong vòng một tuần.

Anh **Nguyễn Đỗ Khang** (Đức): Xin anh liên lạc với vị đại diện của chúng tôi tại Pháp: Mr Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, Paris. Anh có thể trả trực tiếp với vị đại diện này bằng tiền Âu châu.

Anh **Hoàng Hoa Nghiêm** (Bắc CA): Rất tiếc, số đặc biệt về Văn Cao (số 8) đã tuyệt bản. Tòa soạn hiện chỉ còn được một số duy nhất, đã đóng tập. nếu có dịp xuống Orange County, xin anh ghé tòa soạn. Chúng tôi có thể đưa anh mượn, để photocopy.

Tính từ số ra mắt, tháng 10 / 1990, thì Hợp Lưu đã có mặt tại hải ngoại liên tục mỗi năm sáu số, suốt mười một năm qua.

Cuốn sách anh hỏi đã phát hành. Xin xem quảng cáo ở các trang cuối.

Chia Buồn

Chúng tôi vừa nhận được tin buồn

Luật sư/ Nhà văn NGHÊM XUÂN HỒNG
Pháp danh **TỊNH LIÊN**
Đã qua đời ngày 7 tháng 5 năm 2000,
lúc 1 giờ sáng tại tư gia.
Hưởng thọ 80 tuổi.

Ban biên tập cùng các văn nghệ sĩ trong ngoài nước đã
công tác với tạp chí Hợp Lưu
xin chia buồn cùng tang gia.

Thành kính cầu mong hương hồn người quá vãng sớm
về miền vĩnh cửu.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) đề HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.



VĂN NGHỆ

HUỲNH HỮU UY



MẤY NẺO ĐƯỜNG
CỦA NGHỆ THUẬT
VÀ CHỮ NGHĨA



VĂN NGHỆ

Đã phát hành rộng rãi khắp thế giới

Giá 13MK. Ngoài Mỹ 15MK

BÔNG HỒNG VÀNG

KONSTANTIN PAUSTOVSKY

bản dịch VŨ THƯ HIÊN



VĂN NGHỆ

Giá 15MK



VĂN NGHỆ

P.O.Box 2301

Westminster

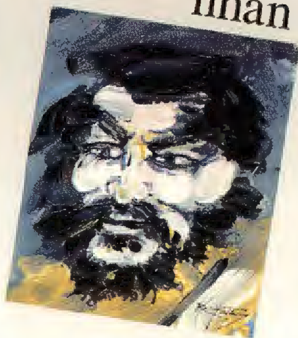
CA 92683. USA

Tel: 714-527-576

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

tập truyện

nhan sắc



VĂN NGHỆ

Giá 9MK

LÂM THANH HUYỀN

bản dịch PHẠM HUÊ

giai thoại thiền sư



VĂN NGHỆ

Giá 10MK